

Copyrighted Material

THE AUTOBIOGRAPHY OF
JAPAN'S WORLD WAR II FLYING ACE

SAMURAI!



SABURO SAKAI

with MARTIN CAIDIN and FRED SAITO

Copyrighted Material

Saburo Sakai - Những trận không chiến dữ dội nhất lịch sử Thái Bình Dương

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Table of Contents

[Saburo Sakai - Những trận không chiến dữ dội nhất lịch sử Thái Bình Dương](#)

[1. LỜI NÓI ĐẦU](#)

[Chương I](#)

[Chương II](#)

[Chương III](#)

[Chương IV](#)

[Chương V](#)

[Chương VI](#)

[Chương VII](#)

[Chương VIII](#)

[Chương IX](#)

[Chương X](#)

[Chương XI](#)

[Chương XII](#)

[Chương XIII](#)

[Chương XIV](#)

[Chương XV](#)

[Chương XVI](#)

[Chương XVII](#)

[Chương XVIII](#)

[Chương XIX](#)

[Chương XX](#)

[Chương XXI](#)

[Chương XXII](#)

NHỮNG TRẬN KHÔNG CHIẾN
DỮ DỘI NHẤT LỊCH SỬ
THÁI BÌNH DƯƠNG

Saburo Sakai

Lời nói đầu

Saburo Sakai đã trở thành một huyền thoại “sống” ở Nhật Bản trong suốt thời đệ nhị thế chiến. khắp nơi, các phi công Nhật Bản đã nói đến những chiến công không thể tưởng tượng được của Sakai với tất cả sự nể phục.

Sakai đã hưởng được một tầm tiếng khác thường mà tất cả những phi công chiến đấu hằng ôm ấp trong lòng. Giữa các phi công Nhật Bản bắn rơi trên mười phi cơ địch, Saburo Sakai là phi công duy nhất chưa bao giờ để mất một đồng đội nào, bay sát cánh với anh trong khi chiến đấu. Đó là điều đáng kinh ngạc đối với một người đã từng tham dự hơn 200 trận không chiến, và việc này đã giải thích tại sao sự ganh đua ráo riết nhiều khi xảy ra xung đột giữa những phi công khác để dành bay cho được ở vị trí kề cận bên anh.

Nhân viên bảo trì cho phi cơ anh tặng bốc anh không tiếc lời. Một chuyên viên cơ khí sẽ lấy làm hãnh diện khi được chỉ định săn sóc cho chiếc chiến đấu cơ Zero của Sakai. Theo lời những nhân viên dưới đất, trong suốt hơn 200 phi vụ chiến đấu, Sakai khéo léo đến nỗi chưa bao giờ phải thực hiện 2 lần đáp, chưa bao giờ để cho phi cơ lật nhào hoặc va chạm cho dù phải đáp xuống trong đêm, người mang đầy thương tích và phi cơ bị hư hại nặng nề.

Saburo Sakai nhận lãnh những vết thương trầm trọng trong trận không chiến ở Guadalcanal



vào tháng 8 năm 1942. Anh đã cố gắng hết sức để đưa chiếc chiến đấu cơ què quặt trở về Rabaul, với các vết thương gây tê liệt cho cánh tay trái và chân trái, với con mắt bên mặt mù hẳn và con mắt trái chỉ thấy lò mờ, với những mảnh kim loại ghim vào ngực và lưng, và với 2 viên đạn đại liên 12,7 mm chui vào nằm trong hộp sọ của anh. Hai vết thương sau cùng này là một trong những thiên anh hùng ca trên không vĩ đại nhất, một biến cố mà tôi tin rằng sẽ trở thành một huyền thoại giữa các phi công chiến đấu cơ.

Hai vết thương này đã quá đầy đủ để chấm dứt những ngày chiến đấu của bất cứ ai. Hãy hỏi bất kì một cựu phi công chiến đấu nào đã từng gặp những khó khăn kinh khiếp, xem họ có bao giờ lâm trận chỉ với một con mắt hay không? Nhất là khi viên phi công một mắt đó phải quay lại chiến đấu trong một chiến đấu cơ Zero cổ lỗ để chống lại những chiếc chiến đấu cơ Hellcat tối tân và siêu đẳng của Hoa Kỳ vừa đưa vào sử dụng.

Sau những tháng dài dằng dặt oằn oại đau đớn cả thể xác lẫn tinh thần, giữa lúc hy vọng trở lại với tình yêu đầu, tức không gian bao la kia, đã tắt hẳn. Một lần nữa Sakai lại bước vào trận chiến. Không chỉ lấy lại phong độ khéo léo của ngày trước, anh còn hạ thêm bốn chiến đấu cơ địch nữa nâng tổng số lên 64 phi cơ địch bị anh hạ.

Người đọc chắc hẳn sẽ ngạc nhiên khi biết được rằng Saburo Sakai chưa bao giờ nhận bất kì một loại huy chương hoặc tuyên dương công trạng nào do chính phủ của anh ban tặng. Những loại ban tặng này, người Nhật chưa hề biết đến. Công trạng chỉ được thừa nhận sau khi một người đã nằm xuống. Trong khi những phi công giỏi (hạ trên 10 phi cơ địch) của các quốc gia khác bao gồm cả Hoa Kỳ trên ngực họ sẽ lòe loẹt hết dãy huy chương này đến dãy huy chương khác và kèn trống rình rang mỗi khi được ban tặng. Sakai và những phi công đồng đội thực hiện các phi vụ chiến đấu không biết bao nhiêu lần mà họ vẫn chưa từng được nếm mùi sự thừa nhận công khai như vậy.

Lần đầu tiên câu chuyện của Saburo Sakai sẽ cung cấp cho người đọc một sự hiểu biết cặn kẽ về phía “đối phương”. Sakai tiêu biểu cho một lớp người Nhật mà chúng ta ít biết hoặc chưa từng biết đến. Đây là những Samurai (Võ Sĩ Đạo) lừng lẫy, những chiến sỹ thiện nghệ, bỏ cả một đời để phục vụ cho xứ sở họ. Thế giới của họ là một thế giới cách biệt hẳn với thế giới của chính dân tộc họ. Bây giờ, lần đầu tiên, các bạn sẽ có thể nghe được suy tư, cảm xúc và xúc động của những người đã từng chĩa “mũi dùi Nhật Bản” vào không trung ấy.

Trong lúc viết quyển sách này, tôi có được sự may mắn đàm luận với nhiều người bạn Hoa Kỳ trong số những người đã từng lái chiến đấu cơ tham dự mặt trận Thái Bình Dương trong thời Đệ Nhị Thế Chiến. Những người này đã nhìn các phi công chiến đấu Nhật Bản, địch thủ của họ, như là một thực thể khó hiểu. Họ không bao giờ nghĩ các phi công chiến đấu Nhật là một con người đúng nghĩa của nó, mà là một cái gì xa lạ và khác biệt đối với họ. Chẳng hạn như Sakai.

Samurai! Những kẻ đã mang trận chiến trên không ở Thái Bình Dương vào một phối cảnh mới. Các nỗ lực tuyên truyền thời chiến của Hoa Kỳ đã bóp méo hình ảnh người phi công Nhật, biến họ thành một bức hoạt kê khó chấp nhận được. Nội dung của bức hoạt kê này đã mô tả một kẻ xảy chân từ trên không trung xuống với đôi mắt kèm nhèm, và hẳn ta sẽ dĩ còn lơ lửng được là nhờ ơn trời.

Thái độ khinh thường này là một thái độ nguy hiểm. Saburo Sakai là một thiên tài bậc nhất trên không, không thua gì các phi công tài ba nào của bất kì quốc gia nào. Anh luôn luôn phải được xếp vào hàng những phi công vĩ đại nhất mọi thời đại. 64 phi cơ đã rơi trước họng súng của anh. Tiếng chuông báo tử sẽ gõ nhiều hơn nữa, nếu anh không nhận lãnh những vết thương trầm trọng.

Hành vi và lòng can đảm của các phi công Hoa Kỳ được mang ra thử thách trong suốt cuộc Đệ Nhị Thế Chiến không cần đòi hỏi sự biện giải. Chúng ta (người Mỹ) cũng có sự vĩ đại và tầm

thường của chúng ta. Tuy nhiên, rất nhiều trong số những chiến thắng trên không của chúng ta được ghi vào tài liệu cũng chỉ dựa trên giấy tờ.

Chẳng hạn như câu chuyện phi thường của Đại úy Colin P.Kelly Jr, người đọc sẽ không tìm thấy một mảy may hứng thú nào trong câu chuyện kể của Sakai về cái chết của Kelly vào ngày 10 tháng 12 năm 1941 trong quyển sách này.

Theo câu chuyện về cái chết của Kelly trước đó: ông đã tấn công và đánh chìm thiết giáp hạm Haruna, ông đã tử xung hữu đột mở lối xuyên qua một nhóm chiến đấu cơ đối phương, ông đã tự sát bằng cách bổ nhào xuống một chiến hạm địch, ông đã được truy tặng huân chương Danh Dự của Quốc Hội Hoa Kỳ. Nhưng tất cả chỉ là một câu chuyện sai lầm. Tại vì sự quan sát chiến trường không chính xác hoặc tại vì nôn nóng muốn tìm cho ra một vị “anh hùng” sau trận Trân Châu Cảng của dân chúng Hoa Kỳ ?

Vào lúc mà chiếc Haruna được báo cáo bị đánh chìm, nó đang ở phía khác của Nam Hải , đảm trách nhiệm vụ yểm trợ cho mặt trận Mã Lai Á. Không có một thiết giáp hạm nào của Nhật ở quần đảo Philippine. Chiến hạm mà Kelly đã tấn công nhưng không đánh chìm, theo Sakai và các phi công Nhật bay bao che trên chiến hạm này là một tuần dương hạm hạng nhẹ 4000 tấn. Sau khi tấn công, Kelly rời khu vực trước khi các phi cơ Nhật phát hiện và truy đuổi. Ông không cho phi cơ bổ nhào xuống nhưng vừa trốn chạy vừa thả bom từ cao độ 22.000 bộ và sau đó bị Saburo Sakai bắn rơi gần phi trường Clark ở Philippine. Kelly được truy tặng, không phải là huân chương Danh Dự của Quốc Hội Hoa Kỳ mà là huy chương Chiến Công Bội Tinh.

Để bổ túc đầy đủ thành tích và câu chuyện của Saburo Sakai, trong vòng một năm Fred Saito đã gặp Sakai mỗi cuối tuần, để khai quật quá khứ chiến đấu của một phi công đại tài Nhật Bản, hiện nay vẫn còn sống ngay sau chiến tranh, Sakai đã sắp xếp lại tập ghi chép đồ sộ về những kinh nghiệm mà anh đã trải qua. Tập ghi chép này, cộng thêm hàng ngàn câu hỏi được đặt ra bởi Saito, một thông tin viên tài ba và kinh nghiệm của Associated Press đã làm sống lại câu chuyện riêng của Sakai.

Sau đó, Saito đã tìm tòi lục lọi qua hàng ngàn trang hồ sơ của Hải Quân Hoàng Gia Nhật Bản. Ông đã đi khắp nước Nhật, phỏng vấn nhiều sỹ quan và phi công còn sống sót, để thu thập những câu chuyện do họ kể lại. Nhằm tạo ra tập tài liệu xác thực này, quân nhân mọi cấp, từ anh binh nhì thuộc nhóm chuyên viên bảo trì cho đến hàng tướng lãnh và đô đốc đều được hỏi dò. Thật ra, nhiều câu chuyện kể về các trận đánh của Sakai vẫn vấp nhiều khiếm khuyết, bởi lẽ những hồ sơ chính thức của Nhật Bản hoặc Hoa Kỳ không thể dùng làm tài liệu được.

Tài liệu có giá trị đặt biệt là nhật ký chiến đấu của cựu đại tá phi công Hải Quân Masahisa Saito. Đại tá Saito, cấp chỉ huy của Sakai ở Lae, đã ghi chép tỉ mỉ các biến cố xảy ra trong suốt thời gian ông chiến đấu tại khu vực này. Vì đây là một quyển nhật ký cá nhân nên không phải đệ trình lên Tổng Hành Dinh Hoàng Gia, Fred Saito và tôi xem nó như là một tài liệu đơn độc có giá trị nhất của cuộc không chiến trên Thái Bình Dương.

Có một khuyết điểm vào lúc đó, là các sỹ quan hầu như không báo cáo những khó khăn vấp phải trong khu vực chỉ huy tiền tuyến của họ về tổng hành dinh hậu phương. Sự kiện đặc biệt thường xảy ra trong hệ thống chỉ huy của Hải Quân Hoàng Gia. Nhật ký cá nhân của đại tá Saito đã ghi lại đầy đủ chi tiết con số phi cơ trở về hoặc không trở về từ các phi xuất được thực hiện hầu như hàng ngày ở mặt trận New Guinea. Ông cũng ghi lại nhiều cuộc chiến thắng của phi công Hoa Kỳ với sự chứng kiến trực tiếp của ông. Đại tá Saito vẫn còn sống, và những cuộc phỏng vấn kéo dài với ông đã chứng tỏ sự giá trị của quyển sách này.

Trung tá phi công hải quân Tadashi Nakajima, nhân vật xuất hiện hầu như trong suốt quyển sách này, hiện thời là một đại tá trong tân không lực Nhật Bản. Qua nhiều cuộc tiếp xúc với đại tá Nakajima, ông đã cung cấp cho chúng tôi nhiều dữ kiện cần thiết nhất. Đồng thời giúp chúng

tôi nhận được sự giúp đỡ lớn lao của trung tướng Minoru Genda, nguyên là một đại tá phi công Hải Quân và là người đã chỉ huy Sakai trong giai đoạn cuối cùng của cuộc chiến.

Chúng tôi cũng mang ơn đại tá Masatake Okumiya hiện thời là giám đốc cơ quan tình báo kiêm tham mưu trưởng hôn hợp Nhật Bản. Đại tá Okumiya, một trong những người cộng tác với tôi để viết 2 quyển “Zero” và “Chiến đấu cơ Zero”, đã tham dự nhiều trận không chiến hơn bất kì sỹ quan Nhật Bản nào khác, và vào năm cuối của cuộc chiến, ông đã chỉ huy công việc phòng không nội địa của Nhật Bản. Qua các cố gắng của ông, chúng tôi mới được xem qua những hồ sơ cần thiết trong các văn khố của Bộ Hải Quân Hoàng Gia trước kia.

Tôi thấy cũng cần phải nói qua thái độ của Sakai đối với đời sống hiện tại của anh, trong tư cách một phi công đại tài nhất của Nhật Bản còn sống sót. Sakai cảm thấy rằng sở dĩ anh còn sống sót trong cuộc bại trận và trong những trận không chiến từ năm 1943 trở về sau đó, chỉ là may mắn. Có nhiều phi công Nhật Bản đại tài khác như: Nishizawa, Ota, Takatsuka, Sasai v.v... những người đã chiến đấu cho đến khi các trận không chiến quá chênh lệch đã hạ gục họ.

Đây là những lời nói sau chiến tranh của Sakai: “Hồi ở trong Hải Quân Hoàng Gia Nhật Bản, tôi chỉ biết một đường lối duy nhất là làm sao để điều khiển một chiếc chiến đấu cơ và làm sao để tiêu diệt cho nhiều kẻ thù của xứ sở tôi. Việc này tôi đã làm gần 5 năm, ở Trung Hoa và trên Thái Bình Dương. Tôi không biết đời sống nào khác. Tôi là một chiến sỹ của không trung.

Với cuộc đầu hàng, tôi bị quăng ra khỏi Hải Quân. Mặc dù người mang đầy thương tích và thời gian phục vụ khá lâu, tôi không được lãnh một món tiền trợ cấp nào cả. Chúng tôi là những kẻ trắng tay, và tiền hưu bổng hoặc trợ cấp tàn phế chỉ được dành cho những cựu chiến binh của một quốc gia chiến thắng.

Ngay cả việc ngồi trên ghế lái phi cơ tôi cũng bị nhà cầm quyền chiếm đóng cấm đoán, không cần biết đó là loại phi cơ gì. Trong 7 năm chiếm đóng dài đằng đằng của Đồng Minh, từ năm 1945 đến 1952, tôi bị cấm nhận lãnh bất kì chức vụ công nào. Việc này không có gì khó hiểu tôi từng là một phi công chiến đấu.

Sự kết thúc của cuộc chiến Thái Bình Dương chỉ mở ra cho tôi một cuộc xung đột, còn tồi tệ hơn bất kì cuộc xung đột nào mà tôi đã từng gặp trong khi chiến đấu. Có nhiều kẻ thù mới và ghê gớm hơn, nghèo khổ, bệnh tật, bệnh hoạn và bao nỗi bức bối khác. Nhà cầm quyền chiếm đóng đã xây một hàng rào sừng sững quanh tôi. Hai năm của một kẻ lao động chân tay nhọc nhằn nhứt, tôi chui rúc trong các khu ổ chuột, với quần áo đầy chí rận và hiểm khi no lòng.

Một cú đấm chí tử: cái chết của người vợ thân yêu nhứt của tôi do bệnh hoạn gây ra. Dưới những trận mưa bom, dưới những hiểm nguy của cuộc chiến, Hatsuyo đã tồn tại. Tuy nhiên nàng không thể nào thoát khỏi tay kẻ thù mới này.

Cuối cùng, sau nhiều năm thiếu thốn, đói khổ tôi đã góp nhóp dành dụm tiền để mở ra một quán ăn nhỏ. Có công mài sắt... và ít tia sáng đã nhìn thấy trước mắt.

Tôi đi tìm ngay góa phụ của đề đốc Takijiro Onishi, mà tôi đã gặp nhiều tháng trước đây. Đề đốc Onishi đã mổ bụng tự sát ngay sau cuộc đầu hàng vào năm 1945. Ông không muốn sống trong lúc những người nhận tử lệnh của ông không bao giờ trở về. Bởi lẽ, cha đẻ của Thần Phong Kamikaze không ai khác hơn là Onishi.

Đối với tôi bà Onishi còn hơn là một góa phụ của một vị đề đốc, bà chính là người di của trung úy Sasai, một người bạn thân nhất của tôi. Sasai đã bay vào cõi chết trên không phận New Guinea giữa lúc tôi còn nằm trong một bệnh viện.

Nhiều năm nay bà Onishi tàn tạ, rách rưới, lang thang xin ăn trên đường phố. Tôi xúc động khi

nhìn thấy thân thể gầy gò của bà ghém trong manh áo tả tơi, nhưng tôi không biết cách nào để giúp đỡ.

Bây giờ, với một quán ăn nhỏ, tôi cố thuyết phục bà đến làm việc với tôi. Công ăn việc làm của chúng tôi sớm phát đạt. Tôi lại để ý tìm kiếm và mang về cơ sở thêm nhiều góa phụ khác, cũng như một số anh em của những người bạn thân đã từng bay với tôi và chết trận trước đây.

Cũng may, mọi việc đều biến chuyển. Hiện thời chiến tranh đã chấm dứt hơn 10 năm rồi. Cơ sở của chúng tôi càng ngày càng phát đạt và những người làm việc với tôi đã phục hồi nếp sống của họ.

Quả thật, những năm sau này là những năm đầy lạ lùng đối với tôi. Trong tư cách khách mời danh dự, tôi được lên thăm viếng một số hàng không mẫu hạm và các tàu chiến khác của Hoa Kỳ. Việc thay đổi bất ngờ từ những chiếc chiến đấu cơ Zero, Hellcat cổ lỗ sang các phản lực chiến đấu cơ tối tân khiến tôi kinh ngạc. Tôi đã gặp những người từng đối đầu với tôi trên không, ngồi bên nhau nói chuyện, và tìm thấy tình thân mật.

Nhiều lần tôi được mời cộng tác với tân không lực Nhật Bản, nhưng tôi đã từ chối. Tôi không muốn trở lại quân đội, tôi không muốn quá khứ sống lại trong tôi.

Nhưng bay, cũng giống như bơi lội, không dễ gì quên được. Tôi đã ở trên mặt đất hơn 10 năm. Tôi luôn luôn thấy như mình đang rờ mó lại tất cả những dụng cụ trên phi cơ tất cả những gì mà người phi công đã biết.

Không, tôi không bao giờ quên được nghề bay. Nếu Nhật Bản cần tôi, nếu quốc gia của chúng tôi bị đe dọa xâm lăng, tôi lại bay nữa. Nhưng tôi chân thành cầu nguyện rằng đó không phải là lý do để tôi trở về với bầu trời cao.”

SABURO SAKAI MARTIN CAIDIN

Đông Kinh, 1956 New York, 1956

Chương I

Trên hòn đảo chính Kyushu ở cực Nam Nhật Bản, thành phố Saga nhỏ bé nằm giữa lộ trình đưa đến hai trung tâm quan trọng, mà những năm gần đây đã trở thành quen thuộc đối với hàng triệu người Mỹ. Ở Sasebo có căn cứ Hải Quân Hoa Kỳ với hầu hết hạm đội đã tham dự vào cuộc chiến Triều Tiên, và từ các phi trường ở Ashiya, chiến đấu cơ và oanh tạc cơ Mỹ cất cánh bay ngang qua eo biển nhỏ hẹp Tsushima để tấn công quân Trung Cộng và Bắc Hàn.

Các cuộc viễn chinh xuyên eo biển Tsushima không phải mới mẻ gì đối với thành phố Saga. Tổ tiên của chúng tôi đã từng có chân trong lực lượng Nhật Bản, phát xuất từ Saga, xâm chiếm Triều Tiên vào năm 1592. Hình ảnh của cuộc xung đột mới ở Triều Tiên không phải là không có trước đây. Cuộc chiến Nhật Bản – Triều Tiên thời Trung Cổ, năm 1597, đã bị đẩy vào nước bí sau khi triều đình nhà Minh tung lực lượng Trung Hoa vào phía Triều Tiên, giống như hành động của Trung Cộng ở cuộc chiến hiện đại.

Như vậy, giòng họ của tôi có một nguồn gốc binh nghiệp, và trải qua nhiều năm, tổ tiên của tôi đã trung thành phục vụ lãnh chúa Saga cho đến kỳ Trung Ương Tập Quyền vào thế kỷ XIX, tất cả lãnh chúa đều qui về tay Thiên Hoàng.

Trong thời phong kiến, dân chúng Nhật Bản chia ra làm bốn giai cấp, giòng họ tôi được hưởng đặc quyền của giai cấp cầm quyền, đó là giai cấp Samurai. Sống cách biệt hẳn với các giai cấp khác, giới Samurai kiêu hãnh không quan tâm đến các vấn đề riêng tư, họ tận tụy với công việc điều hành chính quyền địa phương, và luôn luôn chuẩn bị các biến cố đòi hỏi lòng dũng cảm chiến đấu của họ. Vị lãnh chúa sẽ đảm bảo đời sống của các Samurai, họ không cần chú ý đến gia sản hoặc lợi lộc nào khác.

Việc phế bỏ các giai cấp vào thế kỷ XIX như một cú đấm chí tử nện vào giới Samurai đầy kiêu hãnh. Chỉ một cú đấm, tất cả những đặc quyền trước đây của họ đều bay hết, và họ bắt buộc phải chuyển sang nghề buôn bán, nghề nông. Họ không thể nào thích nghi với đời sống mới.

Có lẽ vì vậy mà hầu hết Samurai trở nên nghèo khổ, cố gắng tìm miếng ăn bằng những nghề lao động ti tiện nhứt, hoặc quần quật suốt ngày trên mảnh đất nhỏ bé của họ. Đời sống của ông nội tôi không hơn gì các bạn hữu của ông. Khi rời nghiệp võ, ông được cấp cho một nông trại nhỏ. Ở đó, ông đã quần quật sống một cách thống khổ, và ở đó vào ngày 26 tháng 8 năm 1916, tôi chào đời. Ba tôi có 4 trai, 3 gái, tôi thứ ba.

Mĩa may thay, tôi lại bước trên con đường gần gũi với con đường mà ông nội tôi đã đi qua. Khi Nhật Bản đầu hàng Đồng Minh tháng 8 năm 1945, tôi là phi công dẫn đầu các phi công hạ trên 10 phi cơ địch còn sống sót của xứ sở tôi. Tôi đã chính thức đốn ngã 64 phi cơ địch trong các trận không chiến. Tuy nhiên, với sự kết thúc của chiến tranh, tôi bị sa thải khỏi Hải Quân Hoàng Gia Nhật Bản và bị cấm nhận bất kỳ công việc nào của chính phủ. Không một xu dính túi, không nghề không nghiệp, tôi không thể tìm được một việc làm thích hợp trong một thế giới mà tất cả đều đổ nát quanh tôi. Giống như ông nội của tôi, tôi đã sống bằng sức lao động chân tay, nhọc nhằn không kể xiết. Nhiều năm phấn đấu gay go, tôi tìm cách dành dụm đủ số tiền để mở một nhà in nhỏ và lấy đó làm sinh kế...

Công việc trồng trọt nhọc nhằn trên mảnh đất nhỏ bé của gia đình oằn xuống đôi vai của má tôi, người đã bỏ cả một đời cho 7 đứa con. Khi tôi lên 7, gánh nặng trên vai má tôi oằn thêm, vì người trở thành góa phụ. Những gì mà tôi nhớ về má tôi vào thời gian đó là hình ảnh một người đàn bà cần cù làm việc, còng lưng hết giờ này sang giờ trên thửa đất dưới ánh nắng mặt trời thiêu đốt, với đứa con giá nhỏ nhất đại trên lưng.

Người đàn bà ấy, không bao giờ tôi nghe hờ môi than thở một lời. Bà là một trong những người can đảm nhất mà tôi chưa từng thấy, một mẫu người Samurai, kiêu hãnh và cứng rắn, nhưng không phải là không có một trái tim biết xúc động.

Thỉnh thoảng tôi bị bọn học sinh lớn tuổi đánh đập, tôi khóc sướt mướt trở về nhà. Những giọt nước mắt của tôi không làm má tôi động lòng, người còn nhíu mày và gay gắt nói: “Con không biết xấu hổ à! Đừng quên con là con trai của một Samurai, con không được quyền khóc.”

Lúc còn theo học trường tiểu học trong làng, tôi chăm chỉ học hành và luôn đứng đầu lớp trong suốt 6 năm. Nhưng con đường học vấn xa hơn nữa của tôi quá mù mịt. Điều quan trọng là nếu muốn học cao hơn nữa, gia đình học sinh phải đài thọ tiền bạc. Dĩ nhiên, điều này quá khả năng đối với gia đình tôi, vì chỉ lo ăn, lo mặc cũng vẫn chưa đủ. Tuy nhiên, bất ngờ người chú bà con xa của tôi ở Đông Kinh đề nghị lo liệu hết mọi khoản phí học hành của tôi. Gia đình tôi đã chấp nhận lòng tốt này không một chút đắn đo. Chú tôi là một viên chức có địa vị ở Bộ Giao Thông, và đề nghị của ông: ngoài việc nuôi ăn học còn nhận tôi làm con nuôi. Chúng tôi tiếp đón dịp may này với lòng biết ơn.

Khắp nước Nhật, lãnh địa phong kiến Saga là một trong những lãnh địa nghèo nhất. Trải qua nhiều thế hệ, giai cấp Samurai ở Saga đã sống một đời sống khắc khổ, và nổi tiếng nhờ kỷ luật bản thân nghiêm ngặt của họ. Saga là tỉnh lỵ duy nhất xem Bushido (tức tâm niệm của giới Samurai) như là một giáo lý. Một trong những câu chánh yếu của tâm niệm này: “Samurai đã sống một đời sống như vậy, hấn luôn luôn chuẩn bị để chết”. Trong những năm chiến tranh, những tâm niệm Bushido đã trở thành sách giáo khoa cho tất cả học đường Nhật Bản. Chúng đã thâm nhập vào tôi, và giúp tôi rất nhiều trong đời sống lúc còn đi học, cũng như những năm chiến đấu sau này.

Mọi thứ ở Đông Kinh đều làm tôi ngỡ ngác. Tôi chưa bao giờ biết qua một thành phố lớn nào hơn Saga, với 50.000 dân cư của nó. Sự ồn ào náo nhiệt ở thủ đô Nhật Bản khó có thể tưởng tượng nổi. Với tiếng động ầm ĩ suốt ngày, những tòa nhà vĩ đại và mọi hoạt động khác, có thể nói nơi đây là một trong những thành phố lớn nhất thế giới. Tôi cũng nhận thấy Đông Kinh vào năm 1929 là một nơi chốn ganh đua trên mọi lĩnh vực, không chỉ các học sinh đã ra trường ganh đua một cách gay go để tìm chỗ làm, nhưng ngay cả các học sinh nhỏ cũng ganh đua ráo riết để giành giật cho được một chỗ ngồi trong mấy học đường danh tiếng.

Những tưởng những gì tôi đã đạt ở thôn quê đã là giỏi giang và dư sức có được chỗ học. Tôi nghĩ rằng sự phi thường của tôi trong tư cách là một học sinh dẫn đầu lớp trong suốt cả 6 năm ở bậc tiểu học. Nhưng ở đây, tôi không bao giờ đối đầu nổi với các học sinh cặm cụi đèn sách ngày đêm, luôn luôn rình mò để đánh bại các bạn đồng lớp của mình. Các trường trung học chọn lọc ở Đông Kinh, đều tuyển chọn những học sinh xuất sắc của các trường tiểu học. Hơn nữa cứ 30 học sinh dự tuyển chỉ chọn 1 học sinh là cùng.

Đó là điều không thể nào ngờ đối với một đứa trẻ nhà quê như tôi. Không khí náo loạn và xa lạ này đã khiến tôi ngỡ ngác. Không hy vọng vô học trong các học đường danh tiếng, tôi đành ghi tên vô trường Aoyama Gakuin, do các nhà truyền giáo Hoa Kỳ thiết lập nhiều năm trước đó. Mặc dù trường này không nổi danh bằng các trường khác, nhưng nó cũng có chút ít tiếng tăm. Đời sống của tôi trong gia đình người chú rất dễ chịu. Mặc dù chú tôi nghiêm khắc, ít chú ý đến con cái, nhưng mẹ tôi và mấy đứa em bà con của tôi tỏ ra tử tế và thân mật. Trong không khí vui vẻ này, tôi lại bắt đầu những ngày của một học sinh trung học, với lòng đầy nhiệt thành và tham vọng. Tôi nhất quyết phải luôn luôn đứng đầu lớp.

Không đầy một tháng sau, giấc mộng của tôi tan biến. Hy vọng dẫn đầu lớp như trước kia của tôi đã vỡ thành từng mảnh. Việc này hiển nhiên không chỉ do lỗi mấy ông thầy trường làng của tôi mà cũng do chính tôi nữa. Tôi nhận thấy có nhiều học sinh chưa bao giờ đứng đầu lớp hồi còn ở tiểu học lại học giỏi hơn tôi khi lên bậc trung học. Điều này khó tin, nhưng là sự thật. Bởi lẽ họ biết nhiều thứ mà tôi không biết cho dù tôi cố học ngày học đêm, tôi cũng không thể nào

tiến bộ mau lẹ hơn họ được.

Kỳ thi đệ nhất lục cá nguyệt chấm dứt vào tháng bảy. Hạng trung bình trong kết quả học của tôi khiến chú tôi thất vọng nãy nẽ, và gây nhiều chán nản, tôi biết sở dĩ chú tôi đòi thọt tất cả tiền bạc ăn học cho tôi vì ông cảm thấy tôi là một đứa trẻ đầy hứa hẹn, có thể luôn luôn đứng đầu lớp. Sự bất mãn của ông không thể nào phủ nhận được. Do đó, thời gian nghỉ hè, tôi cắm đầu cắm cổ lo học. Trong khi các bạn đồng lớp vui chơi, tôi miệt mài đèn sách, quyết định lấp đầy khoảng trống học vấn của mình. Nhưng niên học bắt đầu vào tháng nhin đã chứng minh các nỗ lực của tôi là vô ích. Tôi không đạt được một tiến bộ nào.

Việc học hành gặp hết thất bại này đến thất bại khác đã làm cho tôi tuyệt vọng cùng cực. Không những các môn học của tôi chỉ đứng trung bình trong lớp, mà ngay cả những môn thể thao tôi cũng thua sút mọi người. Rõ ràng có nhiều học sinh trưởng thành nhanh nhẩu, hoạt bát hơn tôi.

Thay vì tiếp tục cố gắng để vượt qua các bạn đồng học xuất sắc trong lớp, tôi làm bạn với một số học sinh kém cỏi. Tôi cầm đầu bọn này, và sau đó tôi bắt đầu khai chiến với các học sinh lớn tuổi. Không ngày nào tôi không tìm cách đánh nhau với họ. Hầu như mỗi đêm tôi đều về nhà với mình mẩy bầm dập. Tuy nhiên, tôi đã dấu kín những cuộc phiêu lưu này một cách kín đáo. Cú đấm đầu tiên giáng xuống vào cuối niên học của tôi. Một bức thư của thầy học thông báo cho chú tôi biết tôi là một “học sinh cần phải lưu tâm”. Điều tốt nhất mà tôi có thể làm là bỏ qua những trận đấm đá không quan trọng, nhưng tôi không bỏ qua những phương cách chứng tỏ rằng tôi là một học sinh “tốt hơn” các học sinh lớn tuổi. Vì vậy, những bức thư của thầy dạy tôi tiếp tục bay về nhà nướm nượp, và cuối cùng, chú tôi được mời đến trường để nghe báo cáo trực tiếp về hành vi xấu xa của tôi.

Tôi chấm dứt niên học thứ nhì hầu như ở cuối danh sách. Như vậy, đối với chú tôi cũng đã quá nhiều rồi.

Những bài “lên lớp” của ông càng lúc càng gia tăng thịnh nộ, và bây giờ quyết định của ông là không cho tôi ở Đông Kinh nữa.

Lời nói sau cùng của chú tôi: “Saburo, chú chán rầy la cháu rồi, và chú thấy không thể làm gì khác hơn, nhưng dù sao hình như chú đã làm cho một người con đầy kiêu hãnh của giòng họ Sakai đi và con đường quấy. Cháu nên trở về Saga.” Không biết làm sao hơn. Tôi không thốt ra một lời bào chữa nào, vì những điều chú tôi nói đều đúng sự thật. Tôi nhận tất cả phần lỗi về tôi. Nhưng tôi không để lộ vẻ gì gọi là tủi hổ khi phải trở về Saga. Tôi quyết định dấu kín nỗi lo lắng, nhứt là với con gái của chú tôi, Hatsuyo, người mà tôi rất yêu mến. Tôi lên đường, như là một chuyến về thăm gia đình ở Kyushu.

Tuy nhiên, đêm đó, khi xe lửa rời nhà ga Trung Ương Đông Kinh trực chỉ 800 dặm đến Saga, tôi không thể nào cầm được nước mắt. Tôi đã làm cho gia đình tôi thất vọng, và tôi cảm thấy sợ hãi khi phải trở về nhà.

Chương II

Tôi trở về nhà như là một sự điểm nhục cho gia đình tôi cũng như cho làng nước. Gặp nhiều vấn đề rắc rối, sự nghèo đói của gia đình tôi càng lúc càng trầm trọng. Má tôi và người anh lớn cắm cúi trên thửa đất nhỏ từ bình minh cho đến hoàng hôn. Cả hai người, và ba chị gái của tôi, ăn mặc quần áo tả tơi. Má tranh, nơi tôi đã lớn lên, tiêu điều dột nát.

Mọi người trong làng đã phẫn khởi và đặt hết tin tưởng vào chuyến đi Đông Kinh của tôi, họ chờ đợi chia xẻ sự thành công của tôi. Bây giờ, mặc dù tôi làm cho họ thất vọng, nhưng không ai buông thả một lời trách cứ nào. Tuy nhiên trong đôi mắt họ có bóng dáng của sự xấu hổ, và họ thường quay mặt để tránh làm tôi bối rối. Bởi thái độ này mà tôi không dám đi lại trong làng. Tôi không thể nào chịu đựng nổi sự trách mắng lạnh lẽo của họ. Mong muốn chạy trốn khỏi nơi tủi hổ này trở thành mong muốn mãnh liệt trong tôi.

Bấy giờ tôi nhớ lại tấm yết thị to tướng ở nhà ga Saga kêu gọi thanh niên tình nguyện gia nhập vào hải quân. Đầu quân hình như là lối thoát duy nhất cho một kẻ sống trong tình trạng khổ sở. Má tôi, từng chịu đựng sự vắng mặt của tôi trong mấy năm, đã than khóc trước quyết định ra đi một lần nữa của tôi. Nhưng bà không còn cách nào khác để chọn.

Ngày 31 tháng 5 năm 1933, tôi đầu quân ở căn cứ hải quân Sasebo, và trở thành một thủy thủ 16 tuổi. Căn cứ này cách phía Đông nhà tôi 50 dặm. Tôi bắt đầu một đời sống mới của một thứ kỷ luật sắt, của một sự cứng rắn vượt xa cả những cơn ác mộng kinh hoàng nhất trong cuộc đời tôi. Và chính nhờ vào tâm niệm Bushido mà tôi đã tồn tại.

Chắc chắn rằng độc giả xứ ngoài sẽ khó tán thành thứ kỷ luật thép mà tôi phải chịu đựng trong Hải Quân. Các hạ sỹ quan không ngần ngại trong việc đánh đập tàn nhẫn tân binh mà họ thấy cần trừng phạt. Trong trường hợp tôi phạm kỷ luật hoặc lỗi lầm trong huấn luyện, đêm đến 1 hạ sỹ quan lôi đầu tôi ra khỏi giường hét lên: “Chống tay vô tường! Cúi gập xuống, tân binh Sakai! Tôi làm việc này không phải oán ghét anh, nhưng vì thương anh, muốn anh trở thành một thủy thủ giỏi! Cúi xuống!”.

Và hấn vung cây gậy thật dài đập xuống mông tôi. Đau đớn khủng khiếp, và mạnh mẽ không thể tưởng. Không có cách nào khác hơn là nghiêng rặng để khỏi bật tiếng kêu la. Nhiều khi tôi bị đánh tới 40 gậy. Thường thường tôi ngất xỉu. Tuy nhiên hình phạt không thể bỏ qua vì lý do bất tỉnh. Viên hạ sỹ quan sẽ dội một thùng nước lạnh lên thân xác mềm nhũn của tôi, dựng tôi dậy, và tiếp tục áp dụng “kỷ luật”. Một tân binh phạm lỗi, tất cả 50 tân binh khác đều bị đánh. Do đó, mỗi tân binh đều tìm hết cách ngăn chặn đồng đội phạm lỗi. Mỗi lần bị đánh, chúng tôi không thể nằm ngửa trên giường. Hơn nữa, chúng tôi không được phép buông lời than oán, ngay cả một tiếng kêu trong đau đớn của mình. Để cho một người rên rỉ khóc than vì đau đớn hoặc tủi thân, mọi người sẽ bị đá hoặc lôi cổ ra khỏi giường để lãnh hình phạt.

Lẽ dĩ nhiên sự đối xử như vậy làm cho chúng tôi oán ghét bọn hạ sỹ quan. Bọn này đa số đều 30 tuổi, và hình như không được lên cấp trong suốt cuộc đời binh nghiệp của họ. Âm ảnh quan trọng nhất của họ là tìm cách khủng bố tân binh. Chúng tôi coi hạng người này như những con thú bạo dâm hèn hạ nhất. Trong vòng 6 tháng, công việc huấn luyện khắc nghiệt đã biến chúng tôi thành bầy gia súc. Chúng tôi không bao giờ dám hó hé trước các mệnh lệnh đưa ra, không dám tỏ ý nghi ngờ cấp trên. Chúng tôi không dám làm bất cứ cái gì khác hơn là thi hành lập tức mệnh lệnh của thượng cấp. Chúng tôi vâng lời như những người máy.

Công việc huấn luyện tan thành một khối lò mờ sự tập dượt, học hỏi, và tập dượt, của những cây gậy vung lên liên hồi, của những chiếc mông êm ả luôn luôn, của thịt da bầm dập và mặt mày nhảu nhó khi ngồi xuống.

Khi hoàn tất khóa huấn luyện tân binh, tôi không còn là một chàng thanh niên hăng hái và đầy nhiệt tâm như lúc rời khỏi ngôi làng nhỏ bé đi học tại Đông Kinh nhiều năm trước đây. Đường học vấn thất bại, sự tủi hổ của gia đình và kỷ luật huấn luyện, tất cả hợp lại đè bẹp tôi, tước đoạt tự tôn tự đại của tôi bị hạ sát ván. Nhưng không bao giờ, trong suốt thời gian huấn luyện cũng như sau này, nỗi phẫn nộ sâu xa về sự tàn ác của bọn hạ sỹ quan giảm bớt trong tôi.

Ra trường tôi được chỉ định làm thủy thủ tập sự trên thiết giáp hạm Kirishima. Tôi đã nghĩ, sau thời gian huấn luyện, sự đối xử tàn nhẫn sẽ giảm bớt đi. Nhưng không, và có thể nói tôi còn bị đối xử tệ hơn trước đây. Cách tốt nhất mà tôi phải làm: vượt khỏi số kiếp của một tên thủy thủ hèn mọn này. Mỗi ngày tôi không được rảnh rang tới một tiếng đồng hồ, nhưng tôi cũng đã sử dụng thời gian này học hỏi thêm. Mục đích của tôi là xin theo học khóa huấn luyện đặc biệt của Hải Quân. Như vậy, một anh linh tình nguyện mới có thể hoàn tất về kỹ thuật và chuyên môn, đủ điều kiện để thăng chức.

Năm 1935, tôi đậu kỳ thi tuyển vô trường huấn luyện xạ thủ hải quân. Sáu tháng sau, tôi lên cấp Thủy Thủ I, và được chỉ định nhiệm vụ trên biển trở lại, lần này trên thiết giáp hạm Haruna, phụ trách một trong những pháo tháp 300 ly. Nghề nghiệp ngày càng tiến, sau nhiều tháng lên đên trên Haruna, tôi đã trở thành sỹ quan với cấp bậc Trung Sỹ.

Chương III

Lực lượng võ trang của Nhật Bản chia ra làm hai binh chủng, Lục Quân và Hải Quân. Mỗi bộ tư lệnh đều có không lực riêng trong tay. Một không lực độc lập không được nghĩ đến trước đây hoặc ngay cả trong thời Đệ Nhị Thế Chiến. Nhật Bản cũng không binh chủng Thủy Quân Lục Chiến tự trị như Hoa Kỳ hoặc các cường quốc khác, tức binh chủng được huấn luyện cho các cuộc hành quân vừa trên bộ vừa dưới nước.

Vào giữa năm 1930, tất cả các phi công hải quân được huấn luyện tại trường phi công Hải Quân ở Tsuchiura, cách đông bắc Đông Kinh 50 dặm. Mỗi khóa học có 3 lớp, một lớp dành riêng cho các thiếu úy xuất thân từ Hàn Lâm Viện Hải Quân ở Eta Jima, miền Tây Nhật Bản, một lớp dành cho các hạ sỹ quan đang phục vụ, và lớp cuối cùng dành cho các thanh niên từ 13 đến 19 tuổi muốn khởi nghiệp Hải Quân của họ trong tư cách sinh viên phi công.

Sau khi Nhật Bản khai chiến toàn diện với Hoa Kỳ, hải quân phát triển mạnh mẽ các căn cứ huấn luyện phi công, và đặt căn cứ trên việc sản xuất phi công chiến đấu. Tuy nhiên, vào năm 1937, quan niệm huấn luyện phi công ở đây không hề được đặt ra. Phi công huấn luyện gồm toàn những người được chọn lọc kỹ càng, chỉ các ứng viên xuất sắc trên toàn quốc mới hi vọng được thu nhận. Năm 1937, năm tôi theo học, chỉ có 70 người được chọn theo học lớp phi công trong tổng số 1.500 người dự thi. Khi tôi biết có tên mình trong danh sách 70 người được thu nhận, nỗi vui mừng của tôi không thể nào tả xiết. Việc này có nghĩa là tất cả những tủi hổ trên đường học vấn ở Đông Kinh của tôi được quét sạch, danh dự gia đình cũng trở lại trong tôi.

Kỹ nghỉ phép đầu tiên, tôi trở lại nhà của người chú ở Đông Kinh với tất cả sự vui vẻ. Tôi không còn là một thiếu niên cứng đầu và bực tức, đối diện với vấn đề học vấn một cách đầy sợ sệt. Tôi đã trở thành một chàng thanh niên hai mươi tuổi, đầy kiêu hãnh, bảnh bao trong bộ đồng phục phi công hải quân mới toanh, với 7 chiếc nút sáng chói, và mong muốn, mong muốn nhưt, nhận lãnh những lời khen ngợi của gia đình chú tôi.

Ánh mắt của người em họ Hatsuyo hướng về tôi đăm đăm. Cô học trò bé bỏng ngày nào đã biến mất, nhường lại cho sự chững chạc, hấp dẫn của một nữ sinh trung học 15 tuổi. Hatsuyo đã đón tiếp tôi thân mật và nồng nhiệt hơn. Tôi nói chuyện rất lâu với người chú. Ông tỏ vẻ hài lòng, tất cả niềm kiêu hãnh đã trở lại trong ông. Quá khứ thất bại của tôi không còn vương vấp chút nào.

Chuyến viếng thăm này khiến tôi không quên được trong nhiều năm. Sau bữa ăn tối, chúng tôi ngồi trong phòng khách và nghe Hatsuyo dạo dương cầm. Nàng mới bắt đầu học trong vòng 3 năm trở lại. Nhưng tôi không phải là nhà phê bình âm nhạc, vì vậy tiếng đàn của nàng đối với tôi rất tuyệt diệu. Xinh tươi, thoải mái và thân ái, tất cả đã xóa sạch những ngày huấn luyện đầy gian khổ nhọc nhằn. Tuy nhiên, cuộc viếng thăm ngắn ngủi, và tôi sớm trở lại quân trường.

Căn cứ huấn luyện Tsuchiura tọa lạc bên cạnh một cái hồ rộng lớn, và tiếp cận một sân bay có 2 phi đạo, 3000m và 2500m. Nhiều nhà chứa phi cơ khổng lồ có thể chứa hàng mấy trăm phi cơ cùng lúc, và căn cứ luôn luôn hoạt động rộn rịp.

Mỗi chương trình huấn luyện mới của Hải Quân là mỗi kinh ngạc đối với tôi. Những thứ kỷ luật mà tôi đã từng trải qua so với quân trường mới đến đây không thấm vào đâu. Kỷ luật ở căn cứ hải quân Sasebo còn dễ chịu hơn nhiều ở Tsuchiura. Ngay cả thứ kỷ luật sắt đá ở trường huấn luyện xạ thủ hải quân cũng ấu trĩ đối với trường phi công. “Ở đây, Tsuchiura, chúng tôi sẽ thắm nhuần dần dần hai đặc tính này cho các bạn”. Nếu không thắm nhuần được các bạn sẽ không bao giờ trở thành một phi công hải quân. Không để mất thì giờ nhằm chứng tỏ cho chúng tôi thấy sự hùm hổ ấy ra sao, hẳn ta bắt chợt chỉ ngay hai khóa sinh và ra lệnh cho họ vật nhau. Kể

chiến thắng sẽ được phép rời khỏi đấu trường, kẻ thua cuộc chuẩn bị đấu với một khóa sinh khác. Thua cuộc chừng nào hấn ta phải đấu nhiều chừng nấy, hấn có thể lần lượt đấu với cả 69 khóa sinh. Và nếu thua hết, ngày mai hấn lại phải tiếp tục đấu nữa. Cái ngày mai đó, hoặc là hấn chiến thắng một người hoặc là hấn ôm gói ra khỏi khóa học.

Đối với những khóa sinh nào không muốn bị đuổi ra khỏi khóa phi công, các màn đô vật sẽ trở thành những màn tranh đua dữ dội nhất của họ. Thường thường hễ khóa sinh nào bị hạ đều bất tỉnh. Nhưng bất tỉnh không phải hy vọng được miễn trừ. Một thùng những nước lạnh hoặc nhiều cách khác để làm hấn tỉnh lại, và cuộc đấu lại tiếp diễn.

Sau một tháng huấn luyện căn bản trên mặt đất, chúng tôi bắt đầu những bài học phi hành vỡ lòng. Những bài học này dạy vào buổi sáng, các môn khác dồn cho buổi chiều. Sau bữa ăn chiều, chúng tôi học thêm 2 giờ nữa.

Nhiều tháng trôi qua, con số khóa sinh sút giảm hấn. Khóa huấn luyện đòi hỏi khóa sinh phải hoàn hảo mọi mặt, và khóa sinh không thể nào tránh khỏi lỗi lầm nhẹ nhàng chút. Trong khi các phi công hải quân được xem là thành phần ưu tú nhất của binh chủng hải quân, của ngay cả các lực lượng vũ trang Nhật Bản không có chỗ nào gọi là chỗ sai lầm dành cho họ. Trước khi giai đoạn huấn luyện 10 tháng hoàn tất, 45 trong số 70 khóa sinh bị loại khỏi trường. Thẩm quyền áp dụng kỷ luật thể xác dữ dội không đáng sợ bằng thẩm quyền loại bỏ khóa sinh, với bất kì lý do nào của các huấn luyện viên.

Vào ngày mãn khóa, một trong những khóa sinh còn bị sa thải. Một nhóm tuần tiễu nhìn thấy hấn bước vô một quán rượu bị cấm ở Tsuchiura để ăn mừng “ngày thành tài” của hấn. Khi trở về trường, hấn được lệnh trình diện hội đồng kỷ luật, và biện hộ bằng cách quỳ gối trước mặt các sĩ quan cán bộ. Nhưng lời biện hộ của hấn như đàn gảy tai trâu.

Hội đồng kỷ luật tìm thấy hấn phạm 2 tội không thể tha thứ được. Tội đầu tiên, mọi phi công đều biết: một phi công chiến đấu không bao giờ, vì bất kì lý do nào, uống rượu đến say khướt trong đêm trước khi bay. Ngày hôm sau chúng tôi sẽ có một chuyến bay theo đội hình, chuyến bay này được xem như một phần thực tập tốt nghiệp mà chúng tôi đã trải qua. Tội thứ hai, thường tình hơn nhưng nghiêm trọng không kém, không một binh sỹ hải quân nào làm giảm giá trị binh chủng của mình bằng cách bước vô một nơi có đề bảng “cấm”.

Sự huấn nhục ở Tsuchiura có thể là trầm trọng nhất so với các trường khác ở Nhật Bản. Một trong những môn huấn nhục hóc búa hơn hết: leo cột sắt. Cột này rất cao, chúng tôi phải leo lên tận ngọn và chỉ được nắm lơ lửng một tay. Khóa sinh nào bám không tới 10 phút mà để rơi xuống sẽ nhận ngay một cái đá chộp nhoáng và bị bắt leo trở lên. Cuối môn huấn luyện này, khóa sinh nào muốn khỏi bị loại trừ ít ra cũng phải bám lâu đến 15 hoặc 20 phút.

Tất cả các quân nhân trong binh chủng hải quân Hoàng Gia đều biết lội. Có nhiều khóa sinh người miền núi nên không biết lội như thế nào. Phương pháp huấn luyện rất đơn giản. Các khóa sinh cột dây quanh lưng rồi quăng xuống biển, một là họ lội được hai là họ chìm lỉm. Hiện thời tôi đã 39 tuổi rồi mà vết dây siết chặt vẫn còn để dấu lại trong thân thể tôi. Tôi có thể lội 50m trong vòng 34 giây. Ở trường phi công, lội khoảng cách đó dưới 30 giây là chuyện thường.

Mỗi khóa sinh buộc phải lặn sâu xuống nước 50m và duy trì ít nhất 90 giây. Một người bình thường với tất cả nỗ lực, có thể nín thở được 40 – 50 giây, nhưng thành tích này được xem là trung bình đối với một phi công Nhật. Riêng tôi có thể nín thở 2'30 giây dưới nước.

Chúng tôi trải qua hàng nhiều trăm buổi tập lộn nhào để làm quen với cảm giác thăng bằng, giúp một phần sau này khi chúng tôi cho các chiến đấu cơ lộn nhào nhiều vòng trong bất kì cách thức nào. Có lý do đặc biệt để chúng tôi chú tâm vào các buổi tập tành này, vì một khi thấy chúng tôi lộn nhào đã thành thuộc, các huấn luyện viên ra lệnh cho chúng tôi leo lên một cái tháp cao và lộn nhào xuống mặt đất cứng. Trong lúc rơi xuống, chúng tôi phải lộn nhào 2 –

3 vòng trong không khí và đáp xuống bằng đôi chân. Đương nhiên, nhiều lỗi lầm xảy ra với những kết quả thảm khốc.

Môn lộn nhào này được xem là một phần huấn luyện thân thể quan trọng, đòi hỏi chúng tôi hoặc là phải thực hành chính xác và đầy đủ những gì mà huấn luyện viên đưa ra hoặc là bị loại khỏi khóa học.

Môn đi bằng tay cũng được xem là quan trọng. Thêm vào đó là môn cầm đầu xuống đất và giữ thăng bằng thoát đầu 5 – 10 phút, và cuối cùng khóa sinh có thể giữ thăng bằng đến 15 phút hoặc hơn nữa. Dần dần, tôi có thể giữ thăng bằng hơn 20 phút, trong thời gian này mấy bạn đồng khóa đốt thuốc cho tôi hút.

Đương nhiên, mấy trò xiếc này không chỉ có tánh cách luyện tập thân thể mà thôi, mà chúng còn giúp cho chúng tôi phát triển một cảm giác thăng bằng cả tinh thần lẫn thể xác đáng kinh ngạc, và có giá trị cứu mạng sống chúng tôi nhiều năm sau này.

Mỗi khóa sinh ở Tsuchiura đều phải có thị độ sắc bén, việc này, dĩ nhiên, là một đòi hỏi tối thiểu khi mới bước chân vô quân trường. Lúc nào chúng tôi cũng phải học nhìn, để chỉ với một cái liếc mắt chúng tôi có thể biết các mục tiêu cách bao xa. Tóm lại, chúng tôi phát triển mọi kỹ thuật giúp chúng tôi thăng thế phi công đối phương.

Một trong những môn học mà chúng tôi khoái nhất là tìm tòi các ngôi sao vào ban ngày. Các huấn luyện viên thường nhấn mạnh rằng việc nhận diện một ngôi sao giữa ban ngày còn dễ hơn một chiếc phi cơ ở khoảng cách nhiều trăm thước. Và một phi công khám phá kẻ thù trước tiên rồi chuẩn bị vị thế tấn công thuận lợi, phi công đó có thể đánh “trăm trận trăm thắng”. Sau nhiều lần thực tập, công việc “săn sao” của chúng tôi trở nên thiện nghệ. Chúng tôi có phương pháp nhìn và định vị trí một ngôi sao đặc biệt một cách chính xác và nhanh như chớp. Các phi công chiến đấu Nhật Bản đều làm được.

Riêng cá nhân tôi không thể đánh giá quá cao điều học hỏi đặc biệt này, nó có vẻ không thích hợp với những hoạt động của những chiến pháp trên không, chết hoặc sống chỉ trong nháy mắt. Tôi biết như vậy trong suốt 200 trận không chiến của tôi, ngoại trừ 2 lỗi lầm nhỏ, tôi không bao giờ để vấp vào một cuộc tấn công bất thần bởi các chiến đấu cơ địch, tôi cũng không để mất một đồng đội nào bay bên cạnh bao giờ.

Những giờ rảnh rỗi trong suốt cuộc huấn luyện ở Tsuchiura, không lúc nào chúng tôi không tìm những phương pháp có thể thu ngắn thời gian phản ứng và cải tiến những cử động chính xác của chúng tôi. Khả năng tạo những cử động chính xác không thể không có được trước những dụng cụ trong buồng lái của một chiến đấu cơ.

Chương IV

Hai mươi lăm khóa sinh của khóa 38 hạ sỹ quan, trong đó có tôi, tốt nghiệp vào cuối năm 1937. Tôi được chọn làm khóa sinh ưu tú trong năm để nhận một chiếc đồng hồ bằng bạc, tặng phẩm của Thiên Hoàng.

Nhóm hai mươi lăm người chúng tôi là số còn lại trong 70 khóa sinh nguyên thủy tuyển chọn trong số 1500 dự tranh trên toàn quốc. Chúng tôi đã trải qua một thời gian huấn luyện gặt gao và thông suốt. Tuy nhiên, trước khi chúng tôi nhận nhiệm vụ ở Trung Hoa, nơi chiến tranh phát động vào tháng 7 năm 1937, chúng tôi được huấn luyện bổ túc.

Mặc dù chúng tôi trải qua nhiều cuộc huấn luyện như vậy, nhiều người thuộc nhóm chúng tôi đã bị phi công địch bắn hạ, không kịp gặt hái một chiến thắng nào. Ngay cả tôi, với khả năng bay có hạng, tôi vẫn thấy cái chết trước mắt trong trận không chiến đầu tiên, nếu đối thủ của tôi tấn công mạnh thêm chút nữa. Quả thật, tôi đã quá vụng về trong trận không chiến đầu tiên này, không hỗ trợ nổi các phi công đồng đội. Tôi sống sót là do sự thiếu khéo léo của đối thủ.

Đối với tôi, không chiến luôn luôn là một việc làm hóc búa, một nhiệm vụ quá gay go, với sự căng thẳng không thể nào chịu đựng nổi. Ngay cả khi cuộc chiến đấu đầu tiên của tôi đã vượt qua, và ngay cả khi nhiều phi cơ địch trở thành nạn nhân của tôi, mỗi lần chấm dứt một cuộc không chiến dữ dội trên không là mình mấy tôi ướt đầm mồ hôi. Luôn luôn có “cơ hội” để vấp phải một sai lầm nhỏ nhặt, điều này có nghĩa là sẽ biến thành bó đuốc. Xuyên qua tất cả hình thức diễn tập: đảo vòng tròn, đảo thật ngắn, lộn nửa vòng, lộn nhiều vòng, xoáy hình tròn ốc, bổ chúi xuống, bay vượt lên, rơi như chiếc lá, và nhiều hình thức khác nữa, chỉ sơ hở một đường tơ kẽ tóc là đi đời ngay. Hai mươi lăm bạn đồng khóa của tôi, cuối cùng chỉ một mình tôi sống sót. Cuộc chiến trên không kéo dài và đầy gian nan, do đó những ưu thế vào những ngày đầu của chúng tôi chìm dần vào cơn ác mộng. Trong cơn ác mộng đó, chúng tôi đã vạt lộn một cách vô vọng với một dòng thủy triều đối nghịch càng lúc càng cuồng bạo.

Suốt thập niên 1930, hải quân Nhật huấn luyện trung bình 100 phi công mỗi năm. Nhưng chương trình huấn luyện khắc nghiệt đã loại bỏ gần hết, để cuối cùng trong vòng 10 năm chỉ khoảng hơn 100 phi công tốt nghiệp. Nếu hải quân được dành thêm ngân khoản huấn luyện và nếu hải quân giảm bớt thái độ cố chấp trong việc chọn lựa khóa sinh, tôi tin rằng con đường chúng tôi đi trong kỳ Đệ Nhị Thế Chiến sẽ bớt chông gai. Chắc chắn kết quả của cuộc chiến không thể cải biến, nhưng những cú đâm chết người mà đơn vị không quân của chúng tôi nhận lãnh trong hai năm cuối cùng của cuộc chiến sẽ nhẹ bớt đi phần nào. Chỉ sau khi cuộc chiến Thái Bình Dương bắt đầu, và những phi công đầy đủ kinh nghiệm hao mòn đến mức độ nguy ngập cần phải được thay thế ồ ạt, hải quân mới từ bỏ chính sách huấn luyện vô lý của mình. Nhưng lúc đó đã quá muộn rồi. Tài năng của các phi công tốt nghiệp trong những năm chiến tranh đáng nghi ngờ. Tôi biết chắc rằng 45 bạn đồng khóa với tôi đã bị loại khỏi Tsuchiura trước đây, còn tài cán gặp mấy lần những phi công đã hoàn tất huấn luyện trong thời chiến.

Sau khi tốt nghiệp, tôi được chỉ định đến nhiều không đoàn để thực tập. Thoạt đầu tôi được gửi đến căn cứ Không Quân hải quân ở Oita và Omura ở miền Bắc Kyushu. Cả hai căn cứ này là nơi đáp tạt của những phi vụ từ các phi trường ở đất liền, cũng như từ các hàng không mẫu hạm. Chứng kiến tài năng lão luyện của các phi công hàng không mẫu hạm đã khiến tôi hơi xao xuyến, nhứt là những cú bổ nhào của họ, khéo léo không thể tưởng tượng. Tôi ngờ vực khả năng của mình, ngay cả nhiều năm sau.

Đáp xuống hàng không mẫu hạm đối với tôi khó khăn vô cùng. Suốt một tháng ròng rã tập luyện, tôi mới hết gặp rắc rối, nhưng sau công cuộc tập luyện này, tôi chưa từng cất cánh hoặc hạ cánh xuống một hàng không mẫu hạm trong lúc chiến đấu bao giờ. Tất cả những phi vụ

chiến đấu của tôi đều thực hiện ở các phi trường trên đất liền.

Tiếp theo sau 3 tháng thực tập liên tục trên đất liền và hàng không mẫu hạm, tôi được lệnh chuyển đến căn cứ không quân Kaohsiung trên đảo Đài Loan, bấy giờ thuộc lãnh thổ Nhật Bản. Nhịp độ của đời sống hải quân đã đổi khác. Cuộc chiến ở Trung Hoa đến hồi ác liệt, các phòng tuyến lan rộng. Thêm phi công chiến đấu cho cuộc chiến đó, ngay cả những phi công tay mơ như chúng tôi bỗng nhiên trở thành nhu cầu thúc bách.

Từ Đài Loan, tôi được chuyển lên Kiukiang ở miền Đông Nam Trung Hoa, và vào tháng 5 năm 1938, tôi nếm mùi chiến đấu lần đầu tiên. Vị chỉ huy trưởng liên phi đoàn ở Kiukiang rất ghét sử dụng bọn phi công mới ra trường vào các phi vụ chánh yếu, ông ta cảm thấy sự thiếu kinh nghiệm của họ sẽ làm mất mặt bọn phi công kỳ cựu đang bay ở Trung Hoa. Do đó, tôi chỉ được cắt đặt thực hiện các phi vụ thấp kém: yểm trợ các cuộc hành quân của Lục Quân. Các phi vụ không có gì nguy hiểm, bộ binh đã đè bẹp tất cả những cuộc chống đối của địch quân trên mặt đất, còn chống đối trên không hầu như hoàn toàn không có. Nhiều tuần lễ trôi qua, chỉ lãnh các nhiệm vụ yểm trợ, tôi cảm thấy bức bối. Hằng hái, nhiệt tâm và kiêu hãnh trong tư cách một trung úy phi công hải quân, tôi quyết định thử tài với địch quân một phen. Vào ngày 21 tháng 5, tôi hớn hờ khi dò thấy tên tôi nằm trong danh sách 15 phi công chiến đấu được chọn thực hiện một phi vụ tuần tiễu chính thức ở Hán Khẩu vào ngày hôm sau. Chuyển đi này đây “hứa hẹn”, vì Hán Khẩu là căn cứ không quân chính của Trung Hoa Quốc Gia lúc đó.

Vào năm 1938, loại chiến đấu cơ Zero chưa được mang ra sử dụng trên các mặt trận. Chúng tôi bay loại chiến đấu cơ Mitsubishi 96, Đồng Minh đặt tên là Claude, tốc độ chậm, tầm hoạt động giới hạn, bộ phận hạ cánh cố định và buồng lái lộ thiên.

Sáng ngày 22, 15 chiến đấu cơ của chúng tôi rời khỏi Kiukiang, từng nhóm 5 chiếc trong đội hình chữ V, nhìn rất ngoạn mục. Chín mươi phút bay từ phía Đông Bắc của căn cứ chúng tôi đến Hán Khẩu giống như một phi vụ huấn luyện nhàn nhã. Không có chiếc phi cơ nào của địch xuất hiện tấn công chúng tôi, cũng không có một khẩu phòng không nào thăm hỏi chúng tôi. Dường như khó thể tin rằng có một cuộc chiến đang diễn ra ác liệt ở phía dưới.

Từ 10.000 bộ trên cao, phi trường Hán Khẩu đánh lừa chúng tôi một cách tuyệt hảo. Toàn là màu cỏ thẫm xanh chiếu lấp lánh dưới ánh mặt trời buổi sớm. Căn cứ không quân quan trọng của địch quân như một sân gôn vĩ đại được chăm sóc cẩn thận. Nhưng các chiến đấu cơ địch không phải để sử dụng một cách giản dị vào môn thể thao này. Tôi nhìn thấy 3 chấm nhỏ lướt như bay trên cỏ. Đó là 3 chiến đấu cơ địch.

Thế rồi chúng vượt lên cùng một độ cao với chúng tôi trong chớp mắt, to lớn, đen đúa và mạnh mẽ. Không một dấu hiệu cảnh báo nào, và trước sự kinh ngạc của tôi, một trong 3 chiến đấu cơ địch tách ra khỏi đội hình và đâm thẳng vô phi cơ của tôi với một tốc độ khủng khiếp. Những gì tôi sắp xếp để đối phó với cuộc không chiến đầu tiên của tôi đều biến mất. Tôi cảm thấy các thớ thịt của tôi xoắn lại, và mặc dù tình trạng hiện nay không lấy gì làm vui vẻ, tôi lại thấy toàn thân rung lên với nỗi kích thích lẫn xúc động, khi thấy phi cơ địch đã “chọn tôi” làm mục tiêu.

Tôi hành động có vẻ đần độn trong những giây phút khủng hoảng này. Tuy nhiên tôi nhấn mạnh rằng các phản ứng trí não của chúng tôi ở độ cao 10.000 bộ, sau 90 phút bay không có mặt nạ dưỡng khí, không còn chính xác bằng lúc chúng tôi ở mặt đất. Không khí loãng, dưỡng khí ít đã ảnh hưởng nhiều đến trí não. Hơn nữa, buồng lái lộ thiên, tiếng động nghe đinh tai nhức óc, cũng như những luồng gió lạnh cóng thổi tạt vô kiếng che gió, và không lúc nào bỏ lơ các cần kiểm soát được. Tôi xoay đầu nhìn mọi hướng một cách lo âu để xem còn bị đối thủ nào tấn công nữa hay không, cùng lúc tay chân tôi hoạt động trên cần điều khiển, bàn đạp bẻ lái, tốc độ, và các dụng cụ khác. Tóm lại, tôi hoàn toàn rối loạn.

Những thói quen trong thời gian huấn luyện lần lượt được áp dụng. Lời dặn của tất cả các bậc

đàn anh: “Luôn luôn đeo dính đuôi phi cơ cầm đầu trong đội hình chữ V của anh”. Tôi mò mẫm một tay cột những sợi dây đai của chiếc mặt nạ dưỡng khí (cung cấp dưỡng khí trong vòng hai giờ và chúng tôi chỉ sử dụng mặt nạ khi lâm trận hoặc bay ở độ cao trên 10.000 bộ), nâng tốc độ lên tối đa. Tất cả các thùng chứa xăng phụ của các phi cơ Nhật khác đều đã được thả ra. Tôi quên khuấy đều này. Tay tôi run run đưa ra ấn nút. Bình chứa xăng của tôi rơi xuống.

Tôi hoàn toàn bối rối. Tất cả những điều tôi làm đều vụng về, hầu như quên mất hết các qui luật không chiến căn bản. Tôi không nhìn thấy các diễn biến ở 2 bên hoặc phía sau tôi. Phi cơ địch cũng biến mất trước mắt tôi. Tôi chỉ thấy cái đuôi của chiếc phi cơ đầu nhóm. Tôi cứ đảo phi cơ tôi theo, và cuối cùng tôi bay bên cạnh phi cơ dẫn đầu. Tôi lấy lại bình tĩnh, tay chân không sờ soạng trong buồng lái một cách vụng về nữa. Hít một hơi thở thật dài, tôi liếc nhìn thật mau về bên trái. Hai chiến đấu cơ địch bóng loáng đang bay thẳng vô phi cơ của tôi. Đó là 2 chiếc E.16 do Nga Xô chế tạo, với bộ phận hạ cánh có thể rút vào thân phi cơ. Loại E.16 nhanh nhẹn hơn và bay mau hơn loại chiến đấu cơ Claude của chúng tôi nhiều.

Tôi lại ngần ngừ, tay lơ lửng trong không khí, không biết làm gì bây giờ. Thay vì đảo qua một phía hoặc vượt thẳng lên cao, tôi vẫn tiếp tục bay như trước. Nhưng bất ngờ, khi cái chết của tôi ở trước mắt, hai chiến đấu cơ địch vượt lên và bay mất. Cả đời tôi chưa hề biết đến sự may mắn nào huyền diệu hơn sự may mắn này.

Nhưng không có gì gọi là khó hiểu. Đoán trước tôi sẽ là “gà chết” trong trận không chiến đầu tiên này, người cầm đầu phi vụ chỉ định một trong những phi công kỳ cựu bay theo phía sau để bảo vệ phi cơ tôi. Khi thấy tôi lâm nguy, viên phi công này lách ra như chớp và chĩa mũi thẳng vào hai chiến đấu cơ địch, phá vỡ ngay ý định tấn công của chúng.

Tôi vẫn bay như đuôi mù, không biết ngay cả việc tôi đã xê dịch vị trí và đặt phi cơ của tôi cách 500m phía sau một trong những phi cơ địch. Tôi đang “mơ mộng”. Cuối cùng tôi bừng tỉnh và phóng về phía trước.

Chiếc phi cơ địch, trước mắt tôi, đã nằm trong tử điểm. Tôi ấn cò súng. Không một tiếng nổ nào nghe thấy. Tôi ấn cò súng liên hồi, miệng không ngớt nguyền rủa hai khẩu đại liên. Cuối cùng tôi mới nhận ra tôi quên mở khóa an toàn của máy khẩu súng trước khi chạm địch.

Viên hạ sỹ quan Nhật bay bên trái thấy tôi sờ soạng một cách vụng về trong buồng lái, hẳn không còn kiên nhẫn được nữa đã lướt về phía trước, và khai hỏa vào chiếc chiến đấu cơ địch đang tháo chạy. Đạn không trúng, chiếc E.16 đảo về phía phải chỉ cách tầm súng của tôi 200m. Lần này tôi đã sẵn sàng, tôi ấn tay vào cò súng. Những viên đạn bay ra thành hình vòng cung, nhưng hoang phí. Tôi lại để mất một cơ hội bằng vàng khác.

Nếu tôi tiến gần hơn, tôi sẽ hạ đối thủ dễ dàng. Tôi gia tăng hết tốc lực. Viên phi công địch lộn nhào nhiều vòng và rớt xoáy xuống theo hình tròn ốc, tránh thoát hết tất cả những viên đạn tôi vừa bắn ra. Sau đó, phi cơ địch cố xoay lại để nghênh chiến. Đó là một lối bay nghèo nàn đáng kinh ngạc. Hiển nhiên hẳn không có dịp may. Một trong những chiếc Claude đang quần trên cao bỗng chúi xuống. Viên phi công địch cố chạy thoát một lần nữa thay vì cố tiêu diệt tôi. Tuy nhiên, hẳn không làm được việc này. Bây giờ hẳn chỉ cách trước mặt tôi có 150m, và tôi rớt ngay một tràng đạn vô đầu máy chiếc phi cơ. Một luồng khói tủa ra ở mũi và chiếc phi cơ chúi thẳng xuống mặt đất. Cho đến khi nó biến thành mảnh vụn trong chiếc nấm khói phía dưới, tôi mới biết các khẩu đại liên của tôi không còn một viên đạn nào. Mọi phi công chiến đấu đều phải cố duy trì một số đạn cho lướt về, nhằm chống đỡ các chiến đấu cơ tuần thám của đối phương. Tôi đã bắn xả lảng.

Tôi nhìn quanh một cách đầy lo âu, và tìm tôi chùng xuống. Không còn một chiếc phi cơ nào khác quanh tôi. Tôi đã lạc bầy. Chiến thắng của tôi đáng buồn cười, nó đã được các đồng đội dâng lên đến miệng tôi trên một chiếc đĩa bằng bạc. Những hành động quờ quạng vừa qua đã

làm tôi xấu hổ, và mắt tôi dần dần bao phủ trong màn lệ. Chắc hẳn tôi đã khóc cho đến khi, đảo mắt một lần nữa, tôi nhìn thấy 14 chiếc Claude đang bay vòng tròn chầm chậm trong đội hình, kiên nhẫn chờ đợi tôi lấy lại “tinh thần” và kết hợp với họ.

Trở lại Kiukiang, tôi kiệt sức khi leo ra khỏi buồng lái. Viên chỉ huy phi vụ hùng hổ chạy lại phi cơ tôi, mặt mày đỏ gấc vì phẫn nộ: “Sakai! Mọi việc ...”. Ông ta lắp bắp: “Anh là một thằng ngu, Sakai! Anh sống được cũng lạ! Cả đời tôi chưa bao giờ thấy một lối bay vụng về và buồn cười như vậy! Anh...”. Ông ta không thể nói tiếp được nữa. Tôi cúi gầm mặt, buồn rầu và hối hận. Tôi muốn ông ta đâm đá tôi cho hả cơn tức. Nhưng viên đại úy không làm như vậy, ông quay lưng và bước đi.

Chương V

Vào thời gian này chúng tôi không thể tìm hiểu được quốc tịch các phi công lái loại chiến đấu cơ do Nga Xô chế tạo. Có nhiều lí do để tin rằng có một số “phi công chí nguyện Nga” lái phi cơ vượt biên giới để giúp đỡ Trung Hoa, nhưng chúng tôi đã thất bại trong việc nhận dạng xác phi công Nga bên cạnh các phi cơ địch bị bắn hạ.

Hải quân Nhật tin tưởng mạnh mẽ rằng một nhóm phi công “Lê Dương” đã gia nhập không lực Trung Hoa. Nhóm phi công này đủ quốc tịch, lái nhiều loại phi cơ khác nhau, vì chúng tôi đụng đầu không chỉ với phi cơ Nga mà còn phi cơ Mỹ, Anh, Đức và của vài quốc gia khác. Dĩ nhiên, thỉnh thoảng các phi công Trung Hoa Quốc Gia cũng lái những phi cơ này.

Có lần một phi cơ Hoa Kỳ chế tạo rơi gần Thượng Hải, binh sĩ của chúng tôi vội vã tiến đến nơi và mang về xác của một phi công Mỹ. Giấy tờ trong xác chết đã cho biết như vậy.

Tài nghệ nghèo nàn đáng chán nản của tôi được khỏa lấp bởi việc tôi hạ được chiến đấu cơ Nga Xô. Ngày hôm sau, tôi kẻ ngay một ngôi sao xanh trên thân chiếc Claude mà tôi đã lái, như vậy có tất cả 6 ngôi sao. Các phi công Nhật, nhứt là các phi công mới ra trường như tôi, không thực hiện các phi vụ với cùng một phi cơ, bởi lẽ không đủ số. Cứ mỗi khi đến lượt bay, chúng tôi nhảy đại lên chiếc nào có thể sử dụng được. Điều này lại hỗ trợ cho các phi công thiếu kinh nghiệm, bởi lẽ phi công địch mỗi khi thấy hàng tá ngôi sao xanh, hoặc nhiều hơn nữa kẻ trên thân phi cơ của chúng tôi, hẳn sẽ nể mặt ngay. Mỗi ngôi sao xanh là một phi cơ địch bị hạ.

Cuộc chiến ở Trung Hoa là một cuộc chiến không thể tin được. Nó không bao giờ được xem là một “cuộc chiến” giữa các lực lượng của chúng tôi. Đó chỉ là một biến cố Hoa – Nhật. Tôi phỏng đoán lúc người Mỹ tung quân vào Triều Tiên, trong khi Quốc Hội của họ không tuyên chiến chính thức, đó chỉ là một “hành động chính trị”, như chính phủ Nhật đã cảm thấy nhiều năm trước khi xảy ra cuộc xung đột hiện thời. Chúng tôi không tuyên chiến, vì vậy cuộc xung đột chỉ là một “biến cố” đối với chúng tôi.

Ngay khi tình thế cho phép, chúng tôi dựng lên một chính phủ bù nhìn dưới sự lãnh đạo của Uông Tinh Vệ, công khai chống đối với Quốc Dân Đảng của Thống chế Tưởng Giới Thạch. Tuy nhiên, viễn cảnh ngại nhất của cuộc chiến là sự xung đột ác liệt trong xứ giữa các lực lượng Tưởng và Cộng Sản Trung Hoa. Cộng Sản lợi dụng mọi cơ hội chặn đánh lực lượng Trung Hoa Quốc Gia khi bị quân chúng tôi đẩy lui.

Các lực lượng trên bộ và trên không của Nhật Bản ở Trung Hoa thường đối đầu với chiến thuật biến người. Hàng nhiều đạo quân với cả triệu binh sĩ Tàu cố gắng tràn ngập chúng tôi. Tuy cán cân quân số chênh lệch hẳn người Trung Hoa hiếm khi nắm được ưu thế, bởi vì binh sĩ của họ huấn luyện kém cỏi và trang bị nghèo nàn. Hết loạt này đến loạt khác, địch quân ủa đến các đơn vị võ trang hữu hiệu của chúng tôi, nhưng chỉ để bị đánh bật ra và rước lấy những thương vong trầm trọng. Ngay cả sự yểm trợ như thác lũ của Đồng Minh trên phương diện tiếp tế xuyên qua Miến Điện, Mông Cổ, Xiêng Khoang, vẫn không giúp được quân của họ Tưởng trên chân quân của chúng tôi. Các nguồn tiếp tế này tỏ ra hữu hiệu trong việc giúp họ Tưởng chạy vắt giò về Trùng Khánh, hơn là giúp ông ta tập trung một cuộc phản công xứng hợp nhằm chống lại chúng tôi. Đúng là một cuộc chiến chỉ có một bên đánh, và tình trạng này kéo dài cho đến khi Nhật Bản đầu hàng Đồng Minh vào tháng 8 năm 1945.

Tuy nhiên, Nhật không có ý định chinh phục, hoặc không thể chinh phục cả khối người Trung Hoa khổng lồ, và chiếm lấy lãnh thổ bao la này. Thay vào đó, lực lượng của chúng tôi chỉ chiếm lấy những thành phố then chốt tại khu vực chiến lược, cắt đứt hệ thống giao thông của địch quân và góp các sắc thuế của nhiều nông dân Trung Hoa nằm trong thẩm quyền của các lực

lượng chiếm đóng Nhật Bản mà thôi.

Nhưng bên ngoài các thành phố quan trọng có thành lũy bao quanh, tử thần luôn luôn chờ đợi các đơn vị Nhật Bản. Du kích của họ Tưởng, cũng như của Cộng Sản Trung Hoa, phục kích sẵn hết để chờ tiêu diệt các nhóm quân Nhật rơi vào vòng. Có nhiều viên chức Trung Hoa trong các thành phố chiếm đóng làm việc với chúng tôi. Tuy nhiên, bên ngoài họ ton hót và hợp tác rất chặt chẽ nhưng bên trong họ lại tiếp xúc với du kích quân hoạt động ở các vùng quê và miền núi. Nhiều khi các cuộc tiếp xúc như vậy lại được duy trì với sự chấp nhận của các vị chỉ huy Nhật Bản nhằm gây thuận lợi cho nhiều vấn đề cai trị trong các thành phố chiếm đóng.

Quả thật đây là một cuộc chiến kì lạ.

Nhiều lần thực hiện các phi vụ yểm trợ bộ binh, quang cảnh phía dưới đã làm cho tôi kinh ngạc. Tôi thấy các nông dân Trung Hoa cắm cúi làm ruộng, không để ý đến các trận đánh xáp lá cà hoặc khai hỏa vào nhau giữa quân Hoa – Nhật các đó không đầy 2 cây số. Nhiều lần tôi cũng bay xà trên đường phố của các thị trấn có tường lũy xung quanh đang bị chúng tôi bao vây và pháo kích. Những dãy tiệm buôn dọc theo đường phố vẫn hoạt động, mua bán như thường lệ, mặc dù máu của quân phòng thủ Trung Hoa vung vẩy trên mặt đường.

Tuy nhiên, nhiệm vụ ở Trung Hoa không có gì gay go, nếu không nói là đáng chán, đối với các đơn vị không quân Nhật. Hiển nhiên, ưu thế trên không nghiêng hẳn về phía chúng tôi. 16 tháng sau khi tôi đến Kiukiang lực lượng bộ binh của chúng tôi tiến sâu vô lãnh thổ địch quân, đánh chiếm Hán Khẩu dễ dàng và chúng tôi dời đến phi trường ở đây.

Lúc bấy giờ báo chí có loan tải vụ tôi hạ được chiếc chiến đấu cơ của Nga Xô. Má tôi có gửi cho tôi một bức thư với lời lẽ tràn đầy hãnh diện. Điều làm tôi thích thú nhất là bức thư của Hatsuyo Hirokawa, con gái của chú tôi, hiện thời đã 16 tuổi. Nàng viết: “Ba em vừa được bổ nhiệm vào chức Giám Đốc sở Bưu Điện ở Shikoku. Em đang theo học trường nữ sinh trung học Tokushima, và anh có thể tượng tượng từ Đông Kinh đến Shikoku đã có sự thay đổi lớn lao. Bức thư này của anh khiến em xúc động, và khiến cho các bạn của em đều thích thú. Mỗi ngày tụi em đều chú ý mũi trên báo để dò thêm tin tức của anh. Chúng em không muốn bỏ sót tin tức nào về chiến công của anh ở Trung Hoa.

Bỗng nhiên, Saburo, em muốn giới thiệu với anh cô bạn thân nhất của em ở Tokushima, tên Mikiko Niori. Mikiko đẹp nhất lớp của em, và cũng học giỏi “số dách”. Ba cô ta dạy học ở đại học Kobe. Trong số mấy cô được em cho coi qua thư của anh, Mikiko tỏ vẻ thích nhất. Nàng năn nỉ em giới thiệu anh cho nàng đó.”

Thư có gửi kèm bức hình chụp chung của Hatsuyo và một lá thư của cô gái mà tôi chưa từng gặp mặt. Cô ta đẹp, đúng như lời Hatsuyo đã nói, và những lời cô ta mô tả về thành phố và gia đình cô ta khiến tôi khoái chí.

Mấy bức thư gây phấn khởi tinh thần của tôi vô cùng. Tôi nhớ rõ cái ngày vui vẻ tột độ ấy, ngày 3 tháng 10 năm 1939, tôi vừa đọc thư vừa lau chùi máy khẩu đại liên trên chiếc chiến đấu cơ của tôi. Mọi người ở phi trường được nghỉ xả hơi. Còn gì đáng lo? Chúng tôi hầu như đã quét sạch bọn phi công quốc tế và Trung Hoa trong mỗi cuộc đụng độ.

Nhưng không khí lạnh trang thành linh bị phá vỡ. Còi báo động trên đài kiểm soát hụ vang. Ngay lúc đó, một loạt tiếng gầm thét lướt đến và mặt đất rung chuyển với những làn sóng bom đình tai nhức óc. Có ai đó thét lớn một cách không cần thiết: “Không kích”.

Không có thời giờ để chạy vô hầm trú ẩn. Tiếng bom nổ kéo thành dâu như tiếng sấm liên tục. Khói bốc cao trên phi đạo. Tôi nghe cả tiếng miểng bom lướt vèo vèo qua không khí. Nhiều phi công khác cùng với tôi chạy ra khỏi xưởng cơ khí để chui vô hầm trú ẩn. Tôi bò dưới đất để tránh miểng bom, và sau đó chúi đầu vô giữa 2 bồn chứa nước vĩ đại. Tôi cũng khá mau chân. Một kho súng gần đó nổ tung lên, bao trùm lửa khói, và mấy trái bom như những cây gậy chọc

trên mặt đất, nện vào 2 màn tai tôi, và vít tung lên hàng bụm đất vĩ đại.

Bom bỗng nhiên dứt tiếng, tôi ngốc đầu dậy để nhìn những gì xảy ra. Tai tôi tràn ngập tiếng la hét, rên rỉ. Những người nằm xung quanh tôi đều bị thương trầm trọng, và khi tôi bắt đầu bò đến phi công nằm gần nhất, tôi nghe ở bắp đùi và mông tôi đau nhói như dao cắt. Tôi đưa tay sờ và cảm thấy máu thấm ướt qua quần. Đau đớn quá đỗi, nhưng cũng may vết thương không sâu.

Đầu óc choáng váng, tôi gượng đứng dậy và chạy ngược về sân bay. Tôi vừa chạy vừa ngược nhìn lên bầu trời, tôi thấy 12 oanh tạc cơ bay trong đội hình, đảo một vòng thật rộng ở độ cao ít nhất 20.000 bộ. Đó là loại oanh tạc cơ SB hai máy do Nga Sô chế tạo, oanh tạc cơ chính của không lực Trung Hoa. Hiệu quả vượt bực của cuộc tấn công bất thần này không thể phủ nhận được. Cho đến khi bom từ phi cơ rơi xuống và nổ tung mọi người mới biết.

Đa số 200 oanh tạc cơ và chiến đấu cơ của Hải quân và Lục quân đậu san sát dọc theo phi đạo đang bốc cháy. Những bọng lửa vĩ đại tủa ra từ các bồn chứa xăng nổ tung, biến thành những cột khói trên không. Xăng từ các phi cơ chưa cháy đang thoát ra ngoài qua các lỗ hỏng do miếng bom xoi thủng. Lửa bén xăng cháy lan từ phi cơ này sang phi cơ khác. Các oanh tạc cơ nổ bùng như cây pháo và các chiến đấu cơ lóa sáng như diêm quẹt.

Tôi chạy quanh dãy phi cơ bốc cháy như điên cuồng cố tìm xem còn chiếc nào nguyên vẹn hay không. Một vài chiếc chiến đấu cơ nằm riêng rẽ thoát khỏi cuộc hủy diệt. Tôi leo lên buồng lái của một chiếc, sờ máy và cất cánh tức khắc ngay khi chạy ra phi đạo.

Các oanh tạc cơ địch tăng thêm độ cao khi chiếc chiến đấu cơ nhanh nhẹn hơn của tôi đuổi theo ráo riết. 20 phút sau khi cất cánh, hầu như tôi bắt kịp đối phương. Một mình trên không, nhưng tôi không để ý đến điều này. Tôi cũng biết rằng chiến đấu cơ của tôi trang bị yếu, sự đe dọa không đủ trầm trọng đối với 12 oanh tạc cơ địch. Phía dưới tôi là thành phố Ichang nằm cạnh bờ sông Giang Tử, vẫn còn nằm trong tay quân phòng ngự Trung Hoa. Bị bắn hạ ở đây, cho dù bị thoát chết khi rơi xuống, nhưng không thể nào thoát chết trong tay binh sỹ của họ Tưởng. Nhưng tôi phải tấn công, không thể trì hoãn.

Tôi bay sát đến từ phía sau và ở phía dưới dãy phi cơ địch đang lướt đi. Súng địch khai hỏa, nhưng không trúng tôi. Tôi tiến sát hơn nữa, và tập trung hỏa lực vào chiếc oanh tạc cơ bên trái. Khi bay lảng ra và vượt lên tôi nhìn thấy khói từ phi cơ địch tủa ra. Chiếc oanh tạc cơ rơi khỏi đội hình, bắt đầu mất hướng khi tôi đảo lại và sắp bổ nhào xuống vồ thêm một cú ân huệ. Nhưng tôi bỏ dở lợi thế. Ngay khi đẩy cần điều khiển, tôi nhớ lại Ichang nằm cách phía Tây Hán Khẩu ít nhất là 150 dặm. Nếu tôi truy đuổi chiếc oanh tạc cơ què quặt thêm nữa, tôi sẽ không đủ xăng để quay về căn cứ, và như vậy nghĩa là tôi bắt buộc đáp xuống đất địch.

Sự liều lĩnh chống lại một nhóm địch quân vượt trội khác hẳn với sự liều mạng. Tiếp tục tấn công là tự sát, hành động này không thể gọi là can đảm. Tôi quay về căn cứ. Dĩ nhiên tôi không biết chiếc oanh tạc cơ địch có về đến phi trường của nó được hay không.

Trở lại Hán Khẩu, sự hủy diệt chỉ do 12 chiếc oanh tạc cơ địch gây ra khủng khiếp không thể tưởng. Hầu hết phi cơ của chúng tôi tan tành. Vị chỉ huy trưởng căn cứ mất cánh tay trái, nhiều sỹ quan cũng như phi công và nhân viên bảo trì lớp chết lớp què quặt.

Tôi đã quên mấy vết thương của tôi, nhiệt độ của cuộc truy đuổi và sự căng thẳng của trận chiến làm cho cơn đau tạm thời biến mất. Leo xuống và rời khỏi phi cơ một vài bước, tôi ngã quỵ trên phi đạo.

Các vết thương lành lặn một cách chậm chạp. Một tuần lễ sau, trong khi vẫn còn nằm trong bệnh viện, tôi nhận được thư của Hatsuyo, với những tin tức còn tàn phá hơn cuộc oanh tạc

vừa qua.

Hatsuyo viết: “Em rất buồn khi phải viết thư này, nó chứa đựng một tin tràn ngập đau đớn cho anh. Mikiko, người bạn thân nhất của em, chết thình lình trong một tai nạn lưu thông vào ngày 3 tháng 10. Em không biết nói gì. Em rối loạn và đau đớn. Em tức giận Thượng Đế. Tại sao, tại sao một người toàn vẹn như Mikiko lại phải chết lúc mới 16 tuổi, và nàng hoàn toàn ngây thơ vô tội? Em đã tự oán ghét mình khi báo tin này cho anh, một trong những phi công đang chiến đấu. Nhưng không còn ai khác để em kể lể ngoài anh...”.

Bức thư của Hatsuyo còn kèm theo mấy giòng do má của Mikiko viết: “ Con Mikiko bất hạnh ngày ngày thường nói về anh với gia đình chúng tôi. Sau khi gửi thư cho anh, nó nộn nóng trông chờ phúc đáp. Nhưng thư của anh chỉ đến vào ngày cử hành tang lễ của nó. Ôi! nếu nó được đọc thư của anh trước thì vui vẻ biết bao! Tại sao đấng toàn năng mang nó đi sớm như vậy. Tôi không hiểu nổi. Tôi đã kêu gào nhiều ngày. Tôi muốn anh biết rằng bức thư của anh đã được đặt trong áo quan của con gái tôi, và bức thư sẽ theo nó về trời. Xin anh nhận nơi đây lòng biết ơn sâu xa của chồng tôi, và của chính tôi về những giòng chữ mà anh đã viết cho con tôi. Hiện tại, chúng tôi cầu nguyện linh hồn của Mikiko sẽ che chở anh trên không trung, trước lần tên mũi đạn của quân thù.”

Đầu óc tôi trống rỗng. Tôi choáng váng và hụt hẫng. Nhiều giờ, sau khi nằm trên giường, tôi viết một bức thư dài cho má của Mikiko để chia buồn với bà. Trong thư tôi gửi kèm một số tiền để góp vào việc xây mộ cho nàng, hành động này theo đúng với tập tục của tổ tiên chúng tôi.

Trải qua nhiều ngày, lòng nhớ quê hương của tôi nổi lên mạnh mẽ, tôi mong muốn gặp lại gia đình, má tôi và các anh chị tôi.

Niềm mong ước này chờ đợi không mấy lâu. Hai ngày sau tôi nhận được lệnh chuyển, chỉ thị tôi trình diện Liên Phi Đoàn Omura, căn cứ không quân gần nhà tôi nhất. Viên đại úy phòng nhân viên, mặt mày lạnh lùng, cảnh cáo tôi: “vì lí do an ninh, khi về Nhật anh không được kể với ai về thảm họa vừa xảy ra. Anh hiểu chứ?”

“Dạ, thưa đại úy vì lý do an ninh, tôi sẽ không kể lại với ai về thảm họa vừa xảy ra.” Tôi đáp rồi chào và bước ra sân bay leo lên một vận tải cơ. Nó sẽ mang tôi về quê nhà.

Chương VI

Với tâm trạng đen tối, tôi trở về căn cứ Omura. Cuộc không tập tàn phá phi trường Hán Khẩu, mất một số bạn thân, cái chết của Mikiko, và các vết thương của tôi, tất cả khiến tôi nhũn chí. Hơn nữa, mặc dù căn cứ gần sát bên nhà tôi, tôi không được phép về thăm gia đình cho đến khi các vết thương của tôi hoàn toàn lành lặn.

Trước tiên tôi đến gặp vị chỉ huy trưởng căn cứ Omura với tất cả sự e dè. Khi tôi được chỉ định về phục vụ tại căn cứ này vào năm trước đây, thái độ khinh bỉ và không thiện cảm của ông đối với tất cả các phi công mới ra trường thật đáng buồn. Thái độ này làm tôi lo âu. Nhưng tôi đã kinh ngạc khi vị chỉ huy trưởng mỉm cười rạng rỡ lúc tôi đứng nghiêm trước bàn giấy của ông. Ông nhìn tôi trong giây lát, ngắm nhìn bộ quân phục, mặt mày, và đôi mắt của tôi đang nhìn thẳng về phía trước. Dần dần tôi hiểu thái độ hiện thời của ông. Tin tức về việc tôi đơn độc chống lại 12 oanh tạc cơ địch, mặc dù kết quả không rõ đã bay trước bước chân tôi trở về Nhật Bản của tôi. Thái độ khinh thường trước đây của ông đã chuyển hướng, vị chỉ huy trưởng báo cho tôi biết, tôi có thể nghỉ ngơi thoải mái ở Omura và trong thời gian này tôi sẽ khỏi phải thi hành một công tác nào cả. Việc này đáng kinh ngạc, những tay lính mới chưa từng được đối xử như vậy bao giờ.

Ở nhà ăn, tôi biết được các phi vụ ở Trung Hoa của tôi, với việc hạ được 1 chiến đấu cơ và tấn công 12 oanh tạc cơ địch, được thêm mắm dặm muối rất nhiều, khiến tôi trở thành một vị anh hùng nho nhỏ đối với các phi công thực tập ở căn cứ. Những người này bao quanh lấy tôi, nôn nóng nghe câu chuyện không chiến trên lục địa Trung Hoa.

Suốt một tuần lễ, tôi ăn ngủ thoải thích và nhìn bọn phi công thực tập, thực hiện các phi vụ huấn luyện của họ. Sau đó, tôi nhận được lá thư của cô gái tôi chưa từng quen biết tên là Fujiko Niori. Nàng viết: “Tôi là chị của Mikiko, và tôi muốn nhân cơ hội này để chân thành cảm ơn bức thư của anh đã gửi cho má tôi, cùng những lời lẽ tử tế và lưu tâm mà anh đã dành cho em gái của tôi. Bức thư của anh là một tia nắng ấm chiếu rọi vào nỗi tuyệt vọng đang trùm lấp gia đình tôi sau cái chết của Mikiko. Tất cả chúng tôi đều than vãn rằng Mikiko đã rời bỏ chúng tôi trong lúc nó đang hạnh phúc nhất, tôi không hổ thẹn để nói với anh như vậy. Tôi phải thú nhận, trước khi được thư của anh, tôi luôn mang cảm tưởng rằng tất cả các phi công chiến đấu chỉ thích đánh nhau, họ thiếu nhiệt tình và sự xúc động. Dĩ nhiên, bức thư của anh đã làm tôi thay đổi ý kiến. Tôi thành thật ước muốn được kết bạn với anh, nếu anh cho phép nhứt là nhân danh em gái của tôi. Nỗi vui mừng của tôi sẽ trọn vẹn nếu anh phúc đáp bức thư này.”

Trong phong bì kèm theo một tấm hình của Fujiko. Cô gái 18 tuổi này còn đẹp hơn cô em nàng.

Tôi lập tức viết thư trả lời. Nói cho nàng biết tôi chỉ bị thương nhẹ ở Trung Hoa và hiện thời đã trở về Nhật để chữa trị cho lành hẳn. Tôi nói với nàng theo lời các bác sỹ cho biết, tôi sẽ sớm được bay trở lại và, ngay khi bình phục, tôi hy vọng sẽ gặp mặt nàng.

Bức thư thứ nhì Fujiko kể cho tôi nghe dài dòng về đời sống của nàng và những việc xảy ra hàng ngày trong thành phố Tokushima trên đảo Shikoku. Tháng kế đó, không bao nhiêu công việc ở căn cứ Omura, tôi bỏ nhiều thì giờ viết thư cho Fujiko và đọc đi đọc lại những bức thư nàng đã gửi cho tôi.

Vào tháng 11 năm 1939, tôi nhận được 24 giờ phép đầu tiên trong năm. Với các vết thương đã hoàn toàn bình phục, tôi nôn nóng trở về nhà. Từ căn cứ về nhà tôi không quá 1 giờ xe lửa. Mùa gặt đã qua rồi, đồng ruộng quanh hui khi mùa đông đến, nhưng quang cảnh này không làm tôi chú ý mấy. So với quang cảnh lục địa Trung Hoa đầy buồn chán, tỉnh nhà của tôi không khác nào một vườn hoa và khi xe lửa hướng về ngôi làng, tôi ngắm nhìn dãy núi Kyushu vươn

cao trên bầu trời, với màu xanh thắm của những cánh rừng dày bịt, những dòng suối sáng lóng lánh dưới ánh nắng ban trưa.

Khi bước xuống con đường dẫn vô ngôi nhà nhỏ bé, cũ kỹ, tôi không còn tin vào đôi mắt của mình nữa. Một đám đông đang tụ họp trong sân, trên đường cùng cất tiếng chào mừng tôi. Tôi ngạc nhiên khi thấy má tôi cùng đi với xã trưởng và nhiều viên chức khác trong làng bước ra đón tôi.

Vị xã trưởng cất cao giọng: “Mừng anh trở về, Saburo, vị anh hùng của ngôi làng nghèo khó của chúng ta.” Tôi bẽn lèn, tôi chưa bao giờ mơ tưởng sự việc như vậy có thể xảy ra. Tôi ấp úng mãi mới nói cho vị xã trưởng biết tôi không có gì gọi là anh hùng cả, tôi chỉ là một hạ sỹ quan bắn rơi được 1 chiến đấu cơ duy nhất của địch.

Ông ta ngắt lời: “Tánh khiêm nhường rất tốt, nhưng tất cả chúng tôi đều biết anh đoạt được cái đồng hồ bằng bạc của Thiên Hoàng ở trường phi công hải quân, và điều này có nghĩa là anh được chọn làm phi công nhiều hứa hẹn nhất của đất nước chúng ta.”

Tôi lặng yên. Những hình ảnh của 5 năm về trước chiếu rọi lại trong trí tôi, lúc tôi bước xuống cùng con đường này, với tâm trạng của một kẻ gây tử nhục cho gia đình làng xã, với những bạn bè hồi còn để chồm quay mặt ngượng ngùng. Nếu những người này biết tôi đã vụng về, hầu như chết sững trong buồng lái phi cơ khi đụng trận lần đầu tiên ra sao, hoặc nếu họ biết hành vi của tôi khiến cho vị đại úy phần nộ đến nỗi không thốt nên lời như thế nào! Và hiện thời... tất cả những thứ này! Thật là quá mức!

Sau đó, một con heo to lớn được quay ngay trong sân. Hàng đồng thức ăn, rượu sakê và rượu nếp. Tôi vẫn còn đứng ngơ ngác trước quang cảnh đón tiếp không ngờ này cho đến khi má tôi gọi lại bên cạnh khẽ nói: “Tất cả mọi người đều tốt với con. Các thức ăn này được họ góp lại để mừng ngày trở về của con! Đừng nhăn mày nhíu mặt bừa. Hãy vui lên.”

Mọi người đều muốn nghe đủ chuyện ở Trung Hoa, và thường ngắt lời tôi để hỏi rõ nhiều chi tiết liên quan đến trận không chiến chống lại chiến đấu cơ địch, và việc tôi đã tấn công nhóm oanh tạc cơ địch ra sao. Ai ai cũng tỏ vẻ kính nể. Đôi mắt má tôi sáng long lanh, trong niềm hãnh diện. Ba anh chị tôi, mặc quần áo mới, ngời mỉm cười, mặt mày rạng rỡ!

Khi thực khách ra về, tôi sớm tìm hiểu và biết gia đình tôi vẫn nghèo khổ, như lúc tôi bước chân vô hải quân. Má tôi trấn an tôi, cho biết cả làng giúp đỡ gia đình tôi rất nhiều và không tử tế bằng những người lân cận.

Trong thời gian ở Trung Hoa, tôi đã gởi hơn nửa phần tiền lương về nhà, vì tiền bạc bên ấy không tiêu dùng nhiều. Tôi không bao giờ uống rượu và, quả thật tôi không giao du với bất cứ cô gái nào.

“Saburo,” má tôi tiếp, “cả nhà cảm ơn con đã gởi đều đặn hết số lương của con về. Nhưng hiện thời má không muốn con gởi nữa. Con phải để dành mà tiêu dung đã đến lúc con phải nghĩ đến con, và bắt đầu dành dụm để một ngày nào đó còn lập gia đình.”

Tôi phản đối mạnh mẽ. Tôi có dành dụm chút ít tiền, nhưng không hề dự định gì vào những năm sắp tới. Nhưng bỗng nhiên tôi nhớ đến Fujiko. Tôi hiểu rõ, nếu tôi vẫn ở trong làng này thay vì gia nhập hải quân và trở thành một phi công, gia thế của nàng sẽ không cho phép nàng giao du với tôi.

Trở về Omura, vị chỉ huy trưởng trả lại nghiệp bay cho tôi, và tôi bắt đầu thực hiện một loạt phi vụ tập luyện để lấy lại phong độ. Đầu tuần lễ thứ hai của tháng giêng năm 1940, tôi nhìn thấy tên tôi trên bảng thông cáo. Theo đó, tôi được chọn với nhiều phi công khác để bay biểu diễn

trên thành phố kỹ nghệ rộng lớn Osaka vào ngày 11 tháng 1 năm 1940, ngày quốc khánh của chúng tôi.

Tôi vội vã gửi thư cho Fujiko, báo cho nàng biết chuyến đi của tôi. Trong thư phúc đáp, nàng hỏi tôi sẽ ở đâu tại Osaka, vì “ba má và tôi muốn gặp anh tại Osaka vào ngày này.” Cả gia đình này đều có mặt! Quả thật đó là một danh dự đối với tôi. Muốn đi, gia đình nàng phải mất trọn một ngày từ Tokushima xuyên qua biển Nhật Bản để đến Osaka.

Phi vụ biểu diễn không có gì khó khăn. Quá trưa hôm đó, sau khi phi vụ hoàn tất, chúng tôi vô ngụ trong một khách sạn ở Osaka.

Khi tôi đang cạo râu và thay đổi bộ quân phục mới, một trong những hạ sỹ quan chạy ủa vô phòng hả hống rống lên:

- Phi công Sakai ! Mau lên! Vị hôn thê của anh đang chờ gặp anh dưới lầu!
Mọi người cười ồ. Tôi đỏ mặt và vội vã đi ra ngoài .

Fujiko đang bối rối. Tôi ngừng lại trên thang lầu và nhìn nàng. Trong chiếc Kimono xinh xắn, Fujiko cùng với cha mẹ đứng chờ tôi ngoài hành lang. Tôi khom mình chào họ.

Đêm đó tôi được gia đình Fujiko mời ăn cơm tại một trong những nhà hàng danh tiếng nhất ở Osaka. Tôi chưa bao giờ đặt chân vô một nhà hàng như vậy trước đây.

Song thân của Fujiko thật phi thường đối với tôi. Cả hai đã làm mọi cách để gây cho tôi sự thoải mái. Nhưng tôi không tránh khỏi ké né, vì hiển nhiên tôi nghĩ mình đang bị xâm xoi, ngắm nghĩa như một chành rể tương lai của họ. Điều làm tôi rụt rè hơn nữa khi tôi biết được gia đình Niori là một trong những gia đình tiếng tăm nhất ở Nhật Bản, xuất thân từ một giòng họ Samurai xuất sắc trong xứ, và thân phụ của Fujiko hiện thời là giáo sư đại học, một địa vị đầy danh vọng thời ấy. Trong bữa ăn, tôi đã từ chối ly sakê do ông Niori tự tay rót cho tôi. Ông cười và thúc giục tôi uống mãi, cuối cùng tôi phải nói cho ông biết tôi không uống rượu, vì tôi là một phi công chiến đấu. Câu đáp của tôi rõ ràng đã làm cho cả gia đình hài lòng.

Đêm hết quá mau và những lời từ giã được trao đổi tuy nhiên lời cầu hôn của tôi chưa thốt ra.

Trở về Omura, tôi vui đầu trong công việc huấn luyện bổ túc từ sáng sớm cho đến tối mịt. Mùa xuân lướt qua rồi mùa hạ đến và đi. Tôi vẫn ở Omura, vẫn miệt mài với chương trình huấn luyện. Những gì làm cho tinh thần tôi phấn khởi chính là những bức thư của Fujiko đến đều đặn. Những bức thư dâng đầy niềm hi vọng và mộng mơ trong tôi ấy.

Nhưng tôi trở nên nôn nao. Nhiều bức thư tôi nhận được từ mấy người bạn phi công vẫn còn bay ở Trung Hoa kể lại những chiến công mà họ đã gặt hái được từ tuần này qua tuần khác. Hầu hết mấy người bạn này đều đã hạ trên 10 phi cơ địch, gây thất điên bát đảo cho kẻ thù trên không phận Trung Hoa. Tin lành sau cùng đã đến, tôi được lệnh thuyên chuyển đến căn cứ không quân Kaohsiung ở Đài Loan. Từ Trung Hoa trở về nước đúng 1 năm, và bây giờ tôi lại được gắn gũ với cuộc chiến. Hiện thời Kaohsiung trở thành căn cứ không quân hải ngoại chính yếu của Nhật Bản, và sự thuyên chuyển này có nghĩa là tôi sẽ lâm trận ngay sau đó.

Trước khi lên đường tôi đi mua ngay một vật mà tôi đã ao ước suốt năm nay. Đó là chiếc máy chụp hình hiệu Leica, thấu kính 2.0 Sonar, lúc đó được xem là máy chụp hình tốt nhất thế giới. Giá chiếc máy này hơn 3 tháng lương, và tôi đã vét hết số tiền dành dụm. Các chiến đấu cơ của chúng tôi không được trang bị loại máy chụp hình tự động như của người Mỹ, và chiếc máy Leica thích hợp để chụp không ảnh từ phòng lái.

Ở Kaohsiung, tôi đã gặp phải một sự sững sốt tột cùng. Trên sân bay, tôi nhìn thấy nhiều chiến

đấu cơ loại mới, xa lạ, khác hẳn loại 96 Claude. Đây là loại chiến đấu cơ Zero Mitsubishi vừa chế tạo, trơn bóng và tối tân. Zero đã gây cho tôi sự thích thú chưa từng thấy. Phòng lái của loại phi cơ này có nắp che, động cơ cực mạnh và bộ phận hạ cánh có thể rút được vào thân. Thay vì chỉ có 2 khẩu đại liên hạng nhẹ như loại 96 Claude, loại chiến đấu cơ Zero được trang bị đến 2 khẩu đại liên và 2 đại bác 20 mm.

Chiến đấu cơ Zero được chúng tôi mang ra thử thách lần đầu tiên trong cuộc xâm chiếm Đông Dương thuộc Pháp, trong nhiệm vụ bao che cho các đơn vị lục quân đánh chiếm những vị trí then chốt trên mặt đất. Điều này có nghĩa là Zero phải bay không ngừng nghỉ suốt 800 dặm từ Kaohsiung đến đảo Hải Nam. Đó là một khoảng cách không thể nuốt trôi đối với các loại chiến đấu cơ trước đây, nhứt là không trình phần nhiều nằm trên mặt đại dương. So với Claude tầm ngắn, Zero như một kỳ quan đối với chúng tôi.

Tuy nhiên, khi tiến vô Đông Dương, chúng tôi không gặp một sự chống đối nào, ngoại trừ một vài cuộc đụng độ nhỏ ở biên giới, gây ra bởi một số đơn vị Pháp không kịp thông báo. Cuộc xâm chiếm xúc tiến một cách "hoà dịu" sau thoả hiệp với nhà cầm quyền địa phương Pháp, tránh được sự lan rộng của chiến tranh.

Tôi vẫn chưa nếm mùi chiến đấu với loại chiến đấu cơ Zero cho đến khi tôi được bổ nhiệm trở lại Liên Phi Đoàn Trung Hoa, tôi nhận thấy phi công địch mất hẳn tinh thần chiến đấu. Sự hùng hổ trong trận không chiến đầu tiên của tôi không còn nhìn thấy ở đối phương nữa. Các phi công địch tìm mọi cách để tránh né chúng tôi, và họ chỉ chấp nhận đụng độ khi nào chiếm được ưu thế, lao từ trên mây xuống đánh úp chúng tôi. Thái độ co đầu rút cổ này bắt buộc chúng tôi càng lúc càng tiến sâu vô nội địa, dồn họ vào thế phải chấp nhận đánh nhau.

Tôi được chỉ định một nhiệm vụ như vậy vào ngày 11 tháng 8 năm 1941, với mục đích ép buộc đối phương lâm trận. Đó là một phi vụ 800 dặm không ngừng nghỉ từ Ichang đến Chengtu. Khu vực này quen thuộc, ở trên Ichang, bấy giờ nằm trong tay địch quân, mà tôi đã từng đối đầu với 12 oanh tạc cơ Nga Xô trước đây.

Trong phi vụ xâm nhập này, chúng tôi có thêm nhiệm vụ hộ tống 7 oanh tạc cơ loại Mitsubishi I hai máy, người Mỹ gọi là Betty. Quá nửa đêm, các oanh tạc cơ cất cánh từ Hán Khẩu và được chúng tôi đưa đến Ichang. Sau đó, chúng tôi tiếp tục hướng đến phi trường Wenkiang. Chúng tôi ở trên mục tiêu trước bình minh và bay quần chầm chậm chờ ngày lên hẳn. Chúng tôi nhìn chiếc Zero dẫn đầu, nghiêng cánh và chúi xuống. Đó là ám hiệu khai hoả. Từng chiếc một, chúng tôi túa xuống phi trường, nơi tôi nhìn thấy nhiều chiến đấu cơ Nga Xô chạy trên phi đạo, chuẩn bị cất cánh. Nhân viên địch dưới đất chạy túa mọi nơi, hướng đến hầm trú ẩn.

Tôi sà thật thấp, lướt đến phía sau một chiến đấu cơ E.16 của địch vừa cất đầu lên khỏi mặt đất. Đó là một mục tiêu ngon ăn, và chỉ một viên đại bác tầm ngắn đã biến chiếc phi cơ thành cây đuốc. Tôi xẹt ngang qua phi đạo đảo sang phải thật ngặt và vượt thẳng lên để quành lại kiếm ăn nữa. Súng phòng không địch vây tôi mọi mặt, nhưng tốc lực của chiến đấu cơ Zero mau không thể tưởng, khiến xạ thủ địch bó tay.

Nhiều chiến đấu cơ khác Zero khác bổ nhào xuống, cày nát mặt phi đạo. Một số chiến đấu cơ Nga phát hoả hoặc vỡ tan. Tôi lại đâm đầu xuống để chụp một chiếc phi cơ khác trong tầm mắt. Một viên đạn đại bác thứ ba, và một trái cầu lửa hình nắm nổ lên.

Không còn gì để xạ kích nữa. Cuộc tấn công của chúng tôi đã dọn sạch phi cơ địch trên phi trường, không một chiếc nào ngóc đầu lên nổi. Đa số bốc cháy hoặc nổ tung. Trở lên 7000 bộ, chúng tôi nhận thấy nhiều nhà chứa phi cơ và các cơ sở khác bao trùm trong lửa đó. Đó là một nhiệm vụ trơn tru từ đầu đến cuối. Chúng tôi thất vọng vì thiếu màn đánh nhau trên không, nên tiếp tục đảo vòng, hy vọng các cột khói sẽ lôi cuốn phi cơ địch.

Thình lình 3 chiến đấu cơ Zero tách khỏi đội hình và chúi xuống đất. Xa xa phía dưới, tôi nhìn thấy một phi cơ hai cánh sơn màu sáng chói sáng bay sà sát mặt đất. Trong nháy mắt, 3 chiến đấu cơ Nhật nhảy xổ vào phi cơ địch, tung ra hàng loạt đạn đại liên và đại bác nhưng không có kết quả, vì viên phi công địch lộn nhào tránh né tài tình. Cả 3 chiến đấu cơ đều bay vượt qua chiếc phi cơ 2 cánh.

Bây giờ đến lượt tôi. Tôi chúi xuống và kế hoạch phi cơ địch nằm trom tầm súng, tôi bóp cò. Chiếc phi cơ đảo thật ngật về phía trái và thoát khỏi. Một chiếc Zero khác nhập cuộc, và cả 5 chúng tôi hòa nhau đuổi bắt chiếc phi cơ quý quái. Tài tránh né của viên phi công địch quả đáng bực thầy. Chiếc phi cơ hai cánh như hồn ma bóng quế. Nó lộn nhào, rơi xuống theo hình tròn ốc, vượt lên cao và xoay ngang xoay dọc tài tình đến nỗi khi thoát nhìn thấy khó thể thực hiện được. Chúng tôi không thể nào nhắm chiếc phi cơ một cách chính xác.

Sau đó, bất ngờ chúng tôi bay đến gần đỉnh của một ngọn đồi thấp phía Tây Chengtu. Viên phi công địch thay vì tránh né, đã bay vượt lên ngọn đồi, và khi vượt lên hắn xoay một vòng chậm chạp. Đó là một lỗi lầm chết người mà không một phi công nào dám để mắc phải. Bụng hắn loé sáng trước mắt tôi, và những viên đạn đại bác của tôi đã xé rách, xuyên thấu tận buồng lái. Đang lúc chiếc phi cơ hai cánh rơi xuống như một chiếc chong chóng một chiến đấu cơ Zero khác bồi thêm một loạt đạn vô ích vào một xác chết. Nó chạm vô sườn đồi và nổ tung.

Tôi ghi hai điểm, và đây là điểm đầu tiên với một chiếc Zero.

Đó là phi vụ chiến đấu cuối cùng của chúng tôi ở mặt trận Trung Hoa. Không lâu sau đó chúng tôi rời tầm hoạt động lên Yungcheung, một thị trấn nhỏ ở mãi tận dòng sông Hoàng Hà. Suốt nhiều tuần lễ, các phi vụ tuần thám của chúng tôi thất bại trong việc khám phá ra phi cơ địch.

Đầu tháng chín, tất cả các phi công hải quân trở về Hán Khẩu, nơi mà chúng tôi bởi sự xuất hiện của phó đô đốc Eikichi Katagiri, tư lệnh không lực hải quân ở Trung Hoa. Vị đô đốc nói cho biết tất cả chúng tôi được chuyển về Đài Loan, ở đó chúng tôi sẽ lãnh một sứ mạng quan trọng nhứt. Phó đô đốc không tiết lộ nhưng tất cả chúng tôi đều biết rõ Nhật Bản sắp khai chiến với các cường quốc Tây phương.

Giữa tháng chín, chúng tôi quay về Đài Loan. Sau đó, toàn thể 150 phi công chiến đấu cơ và con số tương đương phi công oanh tạc cơ di chuyển từ căn cứ không quân Kaohsiung (trên đảo Đài Loan) đến căn cứ Tainan để gia nhập và tân hạm đội Tainan.

Cuộc chiến Thái Bình Dương đang trên đà bùng nổ.

Chương VII

Vào ngày 2 tháng 12 năm 1941, phó đô đốc Fushizo Tsukahara, tư lệnh hạm đội II, lần đầu tiên gửi các phi công thám thính đến quần đảo Philippine. Ngày 4 và 5, các phi cơ này trở lại một lần nữa để chụp hình 2 phi trường Clark và Iba và những nơi đồn trú quan trọng khác của địch quân gần Manila, từ trên độ cao 20.000 bộ. Các không ảnh đã cho chúng tôi nhìn thấy rõ ràng tại phi trường Clark có 32 oanh tạc cơ B.17, 3 phi cơ hạng trung, và 71 phi cơ nhỏ. Theo xét đoán của hải quân, địch quân có khoảng 300 chiến đấu cơ đủ loại ở Lữ Tống. Sau này chúng tôi khám phá ra con số phi cơ của địch quân ở Philippine nhiều gấp hai lần con số vừa nói.

Không phải chỉ phi cơ của chúng tôi độc quyền thực hiện các phi vụ thám thính mà thôi. Nhiều phi cơ thám thính loại Catalina PBY của Hoa Kỳ cũng thỉnh thoảng được nhìn thấy trên không phận Đài Loan. Loại thủy phi cơ hai máy này xuất hiện vào những ngày mây sà thấp, bay chậm ở độ cao 1500 bộ, nhợt nhạt chụp hình các nơi đồn trú và phi cơ đậu trên mặt đất của chúng tôi.

Các phi công Mỹ đã gây kinh ngạc cho chúng tôi. Với những chiếc phi cơ chậm chạp và cũ kỹ, coi rất dễ ăn, vậy mà chúng tôi không tóm được một chiếc PBY nào cả. Mỗi lần có báo động, hàng chục phi công, chúng tôi nhảy xổ lên không, nhưng mấy chiếc PBY Catalina chui vô trong mây dày đặc và biến mất tiêu. Với những không ảnh được chụp ở một độ thấp như vậy, phải nói rằng người Mỹ có trong tay mọi thứ mà họ muốn biết về các đơn vị không quân của chúng tôi.

Khi chúng tôi đến Tainan để gia nhập vào tân hạm đội, chúng tôi trải qua một giai đoạn huấn luyện mới không ngừng nghỉ. Từ bình minh cho đến tối mù, 7 ngày một tuần, bất chấp mọi thời tiết, chúng tôi tham dự vào các chuyến bay huấn luyện để cải tiến các phi vụ hộ tống, các phi vụ với đội hình đông đảo, các phi vụ đột kích v.v...

Kế hoạch tấn công Philippine nguyên thủy của chúng tôi đòi hỏi phải sử dụng 3 hàng không mẫu hạm nhỏ để mang chiến đấu cơ Zero đến gần các hòn đảo của địch. Đó là 3 hàng không mẫu hạm Ryujo, 11.700 tấn, Zuiho 13.950 tấn, một tàu tiếp tế cho tiềm định được cải biến, Taiho 20.000 tấn một tàu buôn cải biến. Về mặt lý thuyết, 3 hàng không mẫu hạm này có khả năng chở đến 90 chiến đấu cơ, nhưng khả năng thực sự chỉ khoảng 50 phi cơ, và con số này còn phải giảm xuống vào những ngày giông gió. Phó đô đốc Tsukahara nhận thấy ba chiếc tàu này hầu như không đáp ứng các dự định của ông.

Tuy nhiên, nếu chiến đấu cơ Zero có thể bay thẳng từ Đài Loan đến Philippine và trở về không ngừng nghỉ, bấy giờ chúng tôi sẽ không cần đến các hàng không mẫu hạm. Nhưng các vị phụ tá của Tsukahara không tin một chiến đấu cơ một máy có thể thực hiện nổi nhiệm vụ có tầm xa như vậy. Phi trường Clark cách căn cứ chúng tôi 450 dặm, và phi trường Nichols, một mục tiêu quan trọng khác gần Manila, cách 500 dặm. Điều đó có nghĩa là chúng tôi phải bay suốt từ 1000 đến 1200 dặm. Từ trước đến nay chưa có chiến đấu cơ nào thực hiện được những phi vụ chiến đấu như vậy bao giờ. Những cuộc thảo luận ồn ào xảy ra giữa bộ tham mưu không quân xem chiến đấu cơ Zero có khả năng thi hành nhiệm vụ này hay không. Chỉ có một đường lối duy nhất để xác định vấn đề này.

Từ đó trở về sau, chúng tôi bay ngày lẫn đêm để đo lường tầm hoạt động của chiến đấu cơ Zero. Nếu thực hiện các phi vụ đơn độc, loại chiến đấu cơ Zero có thể duy trì trên không tối đa 6 đến 7 giờ. Chúng tôi kéo dài thời gian này ra từ 10 đến 12 giờ, và thực hiện trong đội hình đông đảo. Riêng tôi đã lập được thành tích trong việc hạ thấp mức tiêu thụ xăng xuống không quá 17 galong (khoảng 68 lít) một giờ, trung bình, các phi công chúng tôi chúng tôi giảm mức tiêu thụ xăng từ 35 galong (khoảng 140 lít) xuống còn 18 galong (khoảng 72 lít). Thông thường, một chiếc Zero mang theo được 182 galong xăng.

Để duy trì xăng, ở cao độ 12.000 bộ chúng tôi chỉ bay với tốc lực khoảng 200 cây số giờ. Tốc lực đầy đủ bình thường của một chiếc Zero khoảng 500 cây số, và dưới tình trạng khẩn cấp ngắn ngủi có thể lên đến tối đa khoảng 650 cây số. Nhiều phương pháp tiết kiệm nhiên liệu có tính cách kỹ thuật khác cũng được thực hiện.

Các phương pháp mới này đã mở rộng tầm hoạt động của chiến đấu cơ Zero một cách đáng chú ý. Các vị chỉ huy đã báo cáo những tin tức đầy phấn khởi lên Phó Đô Đốc Tsukahara, và dẫn đến việc xoá bỏ 3 hàng không mẫu hạm nhỏ trong kế hoạch tấn công Philippine của ông. Hai chiếc được đưa về Nhật Bản và một chiếc di chuyển đến yểm trợ cho các cuộc hành quân của chúng tôi ở Palau. Do đó, không hạm đội II trở thành một không hạm đội không có một tàu chiến nào cả.

Chúng tôi tò mò tìm hiểu sự chống đối mà chúng tôi sẽ gặp từ người phía người Mỹ. Chúng tôi hiểu biết rất ít về các loại phi cơ và tài ba của phi công Hoa Kỳ. Chúng tôi chỉ phỏng đoán sẽ đối đầu với những phi công địch có nhiều khả năng hơn những phi công mà chúng tôi đã đối đầu ở Trung Hoa.

Không ai tỏ vẻ nghi ngờ về sự khôn ngoan trong việc phát động chiến tranh của Nhật Bản. Chúng tôi, tất cả hạ sỹ quan chúng tôi, đã được huấn luyện để chỉ biết nhắm mắt tuân lệnh. Khi được lệnh bay và đánh, chúng tôi cứ cắm cúi thi hành.

Lúc hai giờ sáng ngày 8 tháng 12 năm 1941, một liên lạc viên chạy vô chỗ trú ngụ của chúng tôi ở Tainan, đánh thức nhóm phi công chúng tôi dậy. Đã đến rồi, ngày N, đó là ngày khai chiến theo như chúng tôi biết. Các phi công ngồi dậy lẳng lẽ mặc quần áo và từng tốp nhỏ bước ra ngoài. Đêm trong lành, không trăng, với những vì sao chiếu lấp lánh khắp chân trời. Yên tĩnh của đêm bị phá vỡ bởi tiếng giày trận của chúng tôi khua vang trên nền đá, và tiếng nói thì thào của các phi công lúc bước ra phi đạo. Đại úy Masahisa Saito, chỉ huy trưởng của chúng tôi, cho biết chúng tôi sẽ cất cánh lúc 4 giờ, và ông thuyết trình về những chi tiết liên quan đến phi vụ tấn công vào các phi trường Mỹ ở Philippine. Sau đó chúng tôi chờ đợi. Binh sỹ chạy việc mang điểm tâm đến tận chỗ chúng tôi ngồi, bên cạnh phi cơ nằm sẵn trên phi đạo.

Khoảng 3 giờ sáng, sương mù bắt đầu sà thấp xuống phi trường, một hiện tượng hiếm thấy trong khu vực bán nhiệt đới. Vào lúc 4 giờ, sương mù trở nên dày đặc. Không thể nào nhìn thấy hơn năm thước. Chiếc loa trên đài kiểm soát vang tiếng: “Cất cánh được hoãn vô hạn định.” Nỗi bồn chồn của chúng tôi càng lúc càng gia tăng khi màn đêm loãng dần. Chúng tôi luôn luôn nhìn đồng hồ, chờ rửa sương mù thậm tệ. Ba tiếng đồng hồ trôi qua trong tình trạng này, và sương mù đã không tan mà còn dày đặc hơn.

Bỗng nhiên loa phóng thanh lại lên tiếng: “Chú ý đây là một công bố quan trọng!” Các phi công chăm chú lắng nghe. “Vào lúc 6 giờ sáng nay, một lực lượng đặc nhiệm Nhật Bản đã thành công khi tung ra cuộc tấn công hủy diệt bất thần các lực lượng Mỹ trên quần đảo Hạ Uy Di (Hawaii).”

Tiếng hò reo dữ dội nổi lên trong màn đêm. Các phi công nhảy múa và vỗ lưng nhau. Nhưng nỗi vui mừng không được trọn vẹn. Đa số bọn phi công chúng tôi đều chờ thề khi bị đóng đinh trên mặt đất trong khi những phi công Nhật Bản khác đang nghiền nát kẻ thù.

Cuộc tấn công vừa được công bố làm cho chúng tôi suy nghĩ nhiều. Người Mỹ hiện thời đã đề cao cảnh giác, khó thể tin rằng họ không gom góp hết sức mạnh để chờ đợi chúng tôi ở Philippine. Căng thẳng gia tăng khi buổi sáng ló dạng. Sương mù đã phá các kế hoạch của chúng tôi, nó sẽ cho phép người Mỹ tung phi cơ họ từ Lữ Tống về để vồ số phi cơ hiện còn nằm trên mặt đất của chúng tôi ngay khi sương mù vừa tan. Chúng tôi chuẩn bị chống trả. Các xạ thủ đại liên ghìm súng, và mọi người vểnh tai nghe tiếng oanh tạc cơ địch bay đến.

Lạ lùng thay, cuộc tấn công không xảy ra! Lúc 9 giờ sáng, sương mù bắt đầu tan, và âm thanh

phần khởi từ chiếc loa phóng thanh báo cho chúng tôi biết sẽ cất cánh trong vòng 1 giờ nữa. Tất cả những phi công chiến đấu cơ và oanh tạc cơ đều leo lên phi cơ của mình mà không đợi nhận lệnh thêm.

Đúng 10 giờ, đèn báo hiệu lấp loáng xuyên qua màn sương mù mỏng manh. Hết chiếc oanh tạc cơ này đến chiếc oanh tạc cơ khác lần lượt cất cánh. Một, hai, ba, rồi sáu chiếc đã ở trên không trung. Chiếc thứ bảy đang chạy trên phi đạo và khi cách điểm khởi khoảng 500 thước bỗng nhiên bộ phận hạ cánh bên phải sụm xuống. Với một tiếng rít kéo dài khủng khiếp, chiếc phi cơ trườn bụng bên phải trên mặt sân bay, lửa bao phủ toàn thân. Trong ánh lửa chập chờn, chúng tôi nhìn thấy phi hành đoàn nhảy ra, chạy cuống cuồng khỏi chiếc phi cơ. Kế đó, một tiếng nổ dữ dội phát ra rung rinh cả phi trường. Bom chất trên phi cơ nổ tung. Không một người nào trong phi hành đoàn sống sót.

Những mảnh vụn được dọn dẹp hồi hả. Không đầy 15 phút, oanh tạc cơ kế đó được lệnh chuẩn bị cất cánh. Đến 10 giờ 45 phút, tất cả phi cơ đều ở trên không 53 oanh tạc cơ và 45 chiến đấu cơ Zero.

Chiến đấu cơ chia làm 2 nhóm, một nhóm hộ tống các oanh tạc cơ, một nhóm bay phía trước để nghênh chiến. Tôi chắc chắn, sau khi cuộc tấn công trì hoãn quá lâu, kẻ thù đang chờ đợi chúng tôi với tất cả sức mạnh của họ. Tôi bay trong đợt thứ năm và đội hình chúng tôi nâng cao lên 19.000 bộ.

Ngay khi vượt qua mũi Cực Nam của đảo Đài Loan, tôi nhìn thấy 9 oanh tạc cơ bay thẳng về phía hòn đảo. Hiển nhiên, chúng đang trên đường tấn công phi trường của chúng tôi. Chín phi công, trong đó có tôi, trước khi cất cánh đã được chỉ thị chống trả bất kì phi cơ nào của địch quân phát hiện trên không trình đến Lữ Tống, trong khi các phi công khác cứ tiếp tục bay như kế hoạch đã định.

Chúng tôi tách khỏi đội hình chính và bổ nhào xuống các oanh tạc cơ địch. Trong hai giây, tôi đã nằm trong vị trí khai hỏa, và tiến sát vào nhằm tĩa chiếc oanh tạc cơ dẫn đầu. Sắp sửa ấn cò súng, tôi nhận ra đây là các oanh tạc cơ của Lục Quân Nhật Bản ! Tôi lắc cánh để báo hiệu cho các chiến đấu cơ khác. Tôi chửi thề. Không một vị nào ở bộ Tư lệnh Lục Quân trong khu vực thềm để ý đến việc phối hợp với các phi vụ của hải quân. Bọn ngu đần ngời trong mấy chiếc oanh tạc cơ này đang thực hiện một phi vụ huấn luyện thường lệ.

Chúng tôi kết hợp vào đội hình lúc bay qua quần đảo Batan, nằm giữa đường Đài Loan và Lữ Tống. Quần đảo này do quân nhảy dù Nhật vừa chiếm đóng, nhằm để đón nhận một phi cơ nào đó của chúng tôi bắt buộc phải đáp xuống trên đường từ Philippine trở về. Và rồi quần đảo Philippine hiện ra trong tầm mắt, một màu xanh xậm nổi bật giữa màu xanh lơ của đại dương. Bờ biển trải dài phía dưới chúng tôi, ngoạn mục và hiền hoà. Không một chiếc phi cơ địch nào xuất hiện trên bầu trời. Bấy giờ chúng tôi bỏ Hải Nam lại sau lưng, và vào lúc 1 giờ 35, chúng tôi trực chỉ phi trường Clark.

Quang cảnh trước mắt không thể nào tin nổi. Thay vì đụng đầu với một bầy chiến đấu cơ đông như ruồi, bu lấy chúng tôi, chúng tôi nhìn xuống và thấy khoảng 60 oanh tạc cơ và chiến đấu cơ địch đang nằm xếp hàng ngay dọc theo phi đạo như một đàn vịt. Chúng tôi khó có thể hiểu được thái độ của đối phương. Trân Châu Cảng vừa bị tấn công cách đây năm giờ, chắc chắn họ đã nhận được tin tức và lẽ ra họ phải đề phòng một cuộc tấn công khác nhằm vào phi trường này.

Chúng tôi vẫn không tin rằng người Mỹ không tung chiến đấu cơ lên để chờ đón chúng tôi. Cuối cùng, sau nhiều lần đảo quanh phi trường, tôi phát hiện 5 chiến đấu cơ địch đang bay trên cao độ khoảng 15.000 bộ phía trên chúng tôi khoảng 7.000 bộ. Tức khắc, chúng tôi nhả thùng xăng phụ và chuẩn bị hoả lực.

Tuy nhiên, phi công địch từ chối tấn công và vẫn giữ độ cao như cũ. Thật lạ lùng. 5 chiến đấu cơ

Mỹ bay vòng quanh trên cao độ 15.000 bộ trong lúc chúng tôi bay vòng quanh phía dưới. Chúng tôi vẫn chưa được lệnh tấn công vì phải chờ các oanh tạc cơ của chúng tôi đến.

Lúc 1 giờ 45, từ phía Bắc, 27 oanh tạc cơ cùng các chiến đấu cơ Zero hộ tống lướt thẳng đến mục tiêu đội bom. Cuộc oanh tạc hoàn hảo. Dây bom rời khỏi bụng phi cơ, trải lên mục tiêu thật chính xác, sự chính xác mà tôi chưa từng thấy trong suốt cuộc chiến. Cả căn cứ không quân địch như bật tung với những tiếng nổ. Mảnh của phi cơ, nhà chứa phi cơ và các cơ sở khác bay tứ phía. Những cột lửa và khói vĩ đại cuồn cuộn bốc lên.

Nhiệm vụ hoàn tất, các oanh tạc cơ đảo cánh và bắt đầu bay trở về. Chúng tôi bay theo để hộ tống khoảng mười phút rồi quay lại phi trường Clark đang bao trùm trong khói lửa. Chúng tôi bay vòng ở độ cao 13.000 bộ, vẫn không gặp sự chống đối nào, và nhận được lệnh xạ kích.

Với hai đồng đội ở hai bên, tôi chúí thẳng xuống mặt đất, mục tiêu được chọn là hai oanh tạc cơ B.17 còn nguyên vẹn trên sân bay. Tất cả 3 chiến đấu cơ cùng khai hoả vào hai chiếc phi cơ khổng lồ, sà sát mặt đất và lướt thẳng lên.

Năm chiến đấu cơ địch nhảy xổ vào chúng tôi. Đó là loại P.40 mà tôi chưa từng đụng độ bao giờ. Tôi cho phi cơ rớt theo hình tròn ốc rồi vượt lên thành linh, thoát khỏi tay kẻ thù. 5 phi cơ địch phân tán tức khắc. 4 chiếc chui vào các cột khói đen bốc lên từ mặt đất và biến mất.

Chiếc thứ năm rơi theo hình tròn ốc về phía trái, một lỗi lầm. Nếu bay theo đồng bọn, nó đã có thể thoát thân an toàn. Lập tức, tôi vung ngang và lướt thẳng lên chiếc P.40 từ phía dưới. Phi cơ địch lấy thăng bằng và bắt đầu vượt lên cao, bụng nó phơi bày trước mắt tôi, cách 200 thước. Một loạt đạn đại liên và đại bác xuyên qua buồng lái, thổi bay mái che của chiếc phi cơ. Nó lảo đảo trong không khí, rồi rơi xuống và đâm đầu xuống đất.

Đó là nạn nhân thứ ba của tôi và cũng là phi cơ Hoa Kỳ đầu tiên bị bắn rơi ở Philippine.

Sau đó, tôi không đụng đầu một đối thủ nào nữa, nhưng tôi nhìn thấy những đồng đội khác đang quần thảo với một nhóm phi cơ địch. Gần nửa đêm hôm đó, chúng tôi trở lại Tainan với báo cáo: 9 phi cơ địch bị bắn rơi, 35 chiếc bị hủy diệt trên mặt đất. Súng cao xạ của phi trường Clark hạ một chiếc Zero và 4 chiếc khác rơi trên đường về căn cứ, nhưng không một chiếc nào bị hạ trong không chiến.

Chương VIII

Ngày thứ hai của cuộc chiến, ngày 9 tháng 12 năm 1941, chúng tôi phải đương đầu với những trận đánh tồi tệ nhất, những trận mưa bão. Chúng đã gây thiệt hại trầm trọng cho các đơn vị không quân của chúng tôi.

Ngày thứ ba của cuộc chiến, một ngày tôi không bao giờ quên. Đó là ngày tôi bắn rơi oanh tạc cơ B.17 đầu tiên, và cũng là pháo đài bay đầu tiên của Mỹ mất trong khi chiến đấu. Sau chiến tranh, tôi biết được viên phi công của chiếc oanh tạc cơ này là đại úy Colin P. Kelly Jr, một vị anh hùng không quân Hoa Kỳ.

Vào ngày hôm đó, chúng tôi bay bao che cho một đoàn công voa Nhật chuyển quân đổ bộ lên Vigan, bao gồm một tuần dương hạm hạng nhẹ 4.000 tấn và 6 khu trục hạm hộ tống 4 chuyển vận hạm (Sau này chúng tôi được biết người Mỹ lại sai lầm khi cho rằng đoàn công voa này bao gồm thiết giáp hạm Haruna 29.000 tấn, 6 tuần dương hạm, 10 khu trục hạm và 15 đến 20 chuyển vận hạm).

Trong khi bay bao che ở cao độ 18.000 bộ, tôi nhận thấy có 3 tia nước bắn lên gần đoàn công voa. Thật ra đây là 3 cột nước do 3 trái bom gây ra, nhưng vì bay quá cao nên chúng tôi không nhìn thấy rõ. (Không chiếc tàu nào bị trúng bom, nhưng theo người Mỹ thì chiếc thiết giáp hạm “tưởng tượng” bị trúng bom trực tiếp, và chìm lỉm, chỉ còn thấy khói và dầu trên mặt nước)

Mặc dù được các chiến đấu cơ chúng tôi bao che kỹ lưỡng như vậy, đối phương vẫn tấn công được. Điều này khiến tất cả chúng tôi đều bức tức. Ngay cả bóng dáng oanh tạc cơ địch, chúng tôi vẫn không nhìn thấy. Một vài giây sau khi nhìn ngang liếc dọc, tôi thấy một chiếc B.17 lẻ loi, bay cách 6.000 bộ phía trên chúng tôi, trực chỉ về hướng Nam. Tôi báo động cho các phi công bạn biết và đảo mắt tìm kiếm phi cơ khác của địch, vì chúng tôi chưa từng nghe nói một oanh tạc cơ lâm trận mà không có chiến đấu cơ hộ tống bao giờ. Nhưng không ngờ việc này thật sự xảy ra. Chiếc B.17 này đã thực hiện phi vụ tấn công đơn độc. Chắc chắn viên phi công có thừa can đảm.

Chiến đấu cơ dẫn đầu của chúng tôi báo hiệu truy đuổi, chỉ để lại ba chiếc phía sau bao che cho đoàn tàu chuyển vận. Chớp mắt, chúng tôi đuổi kịp chiếc B.17 và còn cách phi trường Clark khoảng 50 dặm, chúng tôi dàn đội hình khai hoả. Ngay lúc đó, 3 chiếc Zero khác đột nhiên xuất hiện và lướt ngang đường bay của chiếc B.17. Đây là 3 chiến đấu cơ của phi đoàn Kaohsiung tham dự cuộc tấn công phi trường Nichols vào sáng sớm này. Cả 3 cùng khai hoả, nhưng chiếc oanh tạc cơ vẫn lướt đi an toàn.

Bảy chiến đấu cơ chúng tôi nhập với 3 chiến đấu cơ ở phi đoàn Kaohsiung. Mười chiến đấu cơ khó có thể tạo ra một cuộc tấn công nhịp nhàng vào một oanh tạc cơ. Để tránh né hoặc bắn lầm lẫn nhau, thay vì tấn công một lượt, chúng tôi bay thành hàng dọc chiếc này khai hoả rồi vung ra ngoài để nhường cho chiếc kế tiếp. Chúng tôi sửng sốt, vì không một viên đạn đại liên hoặc đại bác nào trúng chiếc oanh tạc cơ.

Đây là lần đầu tiên chúng tôi chạm mặt với một chiếc B.17, và kích thích bất thường cũng như tốc độ mau lẹ lạ lùng của nó làm cho chúng tôi ước lượng tầm súng sai lầm. May mắn, xạ thủ địch cũng tệ không thua chúng tôi.

Sau đó, tôi nhận thấy chúng tôi đang ở trên phi trường Clark. Chắc chắn viên phi công B.17 đã gọi chiến đấu cơ Mỹ giúp đỡ. Chúng tôi phải ra tay nhanh chóng. Tôi quyết định đánh cận tập từ phía sau. Tôi lướt đến trong khi các họng súng của chiếc oanh tạc cơ rục lửa nhưng không trúng tôi. Tôi lướt thêm nữa và khai hoả. Những mảnh kim khí bay tung ra từ cánh phải của chiếc B.17. Tôi lảng ra và chiếc Zero từ phía sau tôi xông tới, rót thêm một loạt đạn vô đối thủ.

Tuy nhiên khi chiếc Zero khác nổi đuôi theo, phi cơ địch chúi mũi cố đáp xuống phi trường Clark với đôi cánh đã lệch hẳn. Tôi chúi theo sau chiếc pháo đài bay què quặt, giữ khoảng cách nhiều trăm thước, và chụp hình với chiếc máy ảnh Leica. Lúc cách mặt đất khoảng 7.000 bộ, 3 người nhảy dù ra khỏi phi cơ, và chiếc B.17 biến mất vào một đám mây.

Sau đó, chúng tôi nghe người Mỹ loan tin các phi công chiến đấu cơ chúng tôi đã bắn hạ mấy người nhảy dù ra khỏi máy bay của họ. Tin này chỉ có tính cách tuyên truyền. Tôi là phi công duy nhất bay gần chiếc oanh tạc cơ lúc đó và tôi không hề bắn ra một viên đạn nào cả. Vật duy nhất mà tôi bấm là chiếc máy chụp hình Leica của tôi.

Không một phi công Nhật nào khác nhìn thấy chiếc B.17 rơi, vì vậy “chiến công” bị phủ nhận vào thời gian đó.

Xế trưa hôm đó, trở về Đài Loan, chúng tôi nhận thấy cánh của 2 chiến đấu cơ Zero đầy vết đạn đại liên do các xạ thủ chiếc B.17 gây ra. Và mười ba năm sau này, tôi có dịp gặp đại tá không quân Hoa Kỳ Frank Kurtz ở Đông Kinh, ông ta đã nói với tôi:

“Ngày Colin bị bắn rơi, tôi đang ở trên đài kiểm soát của phi trường Clark. Tôi nhìn thấy phi cơ của ông ta bay đến và anh đang bay bên phải, phía trên, trong lúc ông ta cố đáp xuống. Ba chiếc dù rơi xuyên qua mây mù, tôi thấy hình như ở cao độ 2.500 bộ. Rồi năm cây dù nữa bung ra. Colin, dĩ nhiên, không rời khỏi phi cơ.”

Chúng tôi tiếp tục các phi xuất thường lệ từ Đài Loan đến Philippine trong mười ngày kế tiếp và sau đó nhận lệnh chuyển đến căn cứ không quân Jolo ở quần đảo Sulu, nằm giữa Mindano và Borneo, cách phi trường Tainan 1.200 dặm đường bay. Ngày 30 tháng 12, tôi cất cánh vào lúc 9 giờ sáng với 26 chiến đấu cơ Zero khác, bay không ngưng nghỉ đến nhiệm sở mới. Nơi đây mạng lệnh đang chờ sẵn chúng tôi, và chúng tôi thực hiện một phi vụ 270 dặm xa hơn về phía Nam đến Tarakan, nằm cuối bờ biển phía Đông Borneo. Phi vụ không xảy ra điều gì quan trọng, chúng tôi không gặp một phi cơ địch nào.

Phản công của đối phương đối với các đơn vị chúng tôi được tung ra lần đầu tiên vào tháng Giêng. Gần nửa đêm, một oanh tạc cơ B.17 đơn độc bất ngờ oanh tạc Tarakan. Một dây bom rơi xuống những doanh trại của công binh kiến tạo tại đây, sát hại hơn 100 người cùng gây bị thương cho nhiều người khác, và nhiều toà nhà sụp đổ.

Không một chiếc Zero nào có thể cất cánh kịp thời, bởi vì phi trường Tarakan là một trong những phi trường xấu nhất của quần đảo Đông Indies. Ngay cả những hoạt động ban ngày, chúng tôi phải cất cánh và đáp xuống trên phi đạo ngập bùn. Trong thời gian chúng tôi đến đây, hai chiếc Zero đã bị thiệt hại do phi đạo gây ra.

Bị oanh tạc chỉ huy trưởng căn cứ phần nộ, ra lệnh cho tôi và trung sỹ Kuniyoshi Tanaka cất cánh để bay tuần tiễu trên phi trường. Tanaka từng bắn hạ 12 phi cơ địch ở Trung Hoa, và 8 chiếc khác trong cuộc chiến Thái Bình Dương.

Bay đêm rất nguy hiểm và khó khăn, vì trong thời gian đó chiến đấu cơ Zero chưa được trang bị dụng cụ bay đêm, cả tôi lẫn Tanaka không biết phải làm gì nếu bị oanh tạc cơ địch tấn công trước. May cho chúng tôi, và cho căn cứ, chúng tôi không bị phá rầy trở lại.

Vào ngày 21 tháng 1, một trong những đoàn công voa của chúng tôi rời hải cảng Tarakan mang quân đổ bộ đến Balikpapan ở Borneo. Bộ Chỉ Huy Tối Cao ra lệnh cho nhóm chúng tôi cung cấp không yếm, nhưng chúng tôi chỉ có thể thực hiện một cuộc tuần thám trên đoàn công voa mà thôi.

Thay vì được cung cấp một số lượng chiến đấu cơ to tát theo nhu cầu sử dụng của chúng tôi,

vào những tháng đầu năm 1942, chúng tôi chỉ có trong tay không hơn 70 chiến đấu cơ Zero cho toàn thể khu vực Đông Indies rộng lớn. Và các chiến đấu cơ lại còn bảo trì, sửa chữa sau 150 giờ bay do đó chỉ còn trung bình 30 chiến đấu cơ khả dụng.

Giữa tháng Giêng, oanh tạc cơ B.17 bắt đầu được đưa đến căn cứ Malang của đối phương ở Java, và tung ra các cuộc tấn công sơ khởi nhằm vào lực lượng trên bộ của chúng tôi ở Philippine và Đông Indies. Loại phi cơ này làm bộ binh điêu đứng, nhưng vì con số ít ỏi nên không thể ngăn nổi các cuộc hành quân của chúng tôi.

Vào mùa xuân năm 1942, những oanh tạc cơ B.17 mới với các pháo tháp phía sau đuôi, xuất hiện trên chiến trường. Chúng tôi sớm tìm ra yếu điểm của loại phi cơ này để tấn công.

Chiều ngày 24 tháng giêng, Tanaka trở về phi trường với hai đồng đội sau một cuộc tuần thám ở Balikpapan. Cả ba phi công đều kiệt sức, tuy không ai bị thương. Tanaka báo cáo đã đụng độ với 8 pháo đài bay B.17 vào buổi sáng và cuộc tấn công của hắn không có kết quả. Tanaka cho biết có nhìn thấy đạn đại liên và đại bác của hắn trúng vào thân phi cơ địch rõ ràng, nhưng chiếc oanh tạc cơ không rơi. Hắn có vẻ chán nản: “Mấy chiếc oanh tạc cơ khốn nạn này thật khó ăn khi chúng bay trong đội hình phòng vệ.”

Tanaka tiếp tục kể việc hắn đã tấn công khiến cho các oanh tạc cơ địch thả bom không chính xác xuống đoàn công voa phía dưới ra sao. Chỉ có một chiếc tàu dầu khổng lồ trúng bom và, khi hắn rời Balikpapan để quay về, lửa vẫn còn bốc cháy dữ dội.

Ngày hôm sau, tôi lại thực hiện cuộc tuần thám ở Balikpapan với một phi cơ khác do trung sỹ Sadao Uehara lái. Cả 2 chiếc Zero của chúng tôi là tất cả những gì còn lại mà căn cứ có thể tung ra giúp đoàn công voa, các chiến đấu cơ khác đều được cất đặt vào nhiệm vụ riêng. Biết được Tanaka chạm địch ở cao độ 20.000 bộ, chúng tôi bay cao hơn hắn 2.000 bộ, về phía dưới, chiếc tàu dầu trúng bom ngày hôm trước vẫn còn bốc cháy như một cây đuốc.

Khoảng 10 giờ, nhiều chấm đen nhỏ xuất hiện trên nền trời, tiến đến Java. Các chấm đen lớn mau dần cho đến khi hai nhóm phi cơ, mỗi nhóm 4 chiếc hiện ra rõ ràng. Các pháo đài bay, bay sát cánh nhau, giống như Tanaka đã mô tả ngày hôm qua. Nhóm phi cơ sau bay cao hơn nhóm dẫn đầu, và khi chúng tôi lướt đến, nhóm thứ hai bao sát vào nhau hơn, lập thành một “cái hộp phòng vệ”.

Tám chiếc B.17 bay ngang phía dưới tôi nửa dặm. Tôi lộn lại, với Uehara theo sát bên một cánh, và chúí xuống tấn công. Địch quân vẫn còn nằm ngoài tầm súng của tôi, nhưng tôi cũng quất một quả đại bác khi lướt qua. Tôi nhìn thấy những trái bom từ bụng oanh tạc cơ rơi xuống đoàn công voa phía dưới. Tôi lộn nhào nhiều vòng, lướt thẳng lên, và nhìn thấy những cột nước tung cao. Không trái bom nào trúng mục tiêu. Bầu trời trong sáng. Tôi quày phi cơ lại, cách 500 thước phía trên nhóm oanh tạc cơ bay phía sau, và chúí xuống hết tốc lực trong khi mọi loại súng đều khai hỏa. Vô hiệu. Quanh tôi hầu như không nơi nào là không có bóng dáng phi cơ địch. Tôi chúí xuống trót lọt và bắt đầu vượt lên để chúí xuống tấn công nữa.

Chúí xuống, lộn nhiều vòng, tập trung hỏa lực vào một oanh tạc cơ. Lần này tôi đã túm được đối thủ. Tôi thấy những viên đạn bùng nổ, những đốm đỏ và đen tủa dọc theo thân phi cơ. Chắc chắn nó sẽ rớt ngay lập tức. Nhưng không có gì xảy ra. Không có lửa, không có khói... chiếc B.17 vẫn tiếp tục bay trong đội hình.

Tôi đảo vòng vượt lên và lộn lại tấn công hiệp thứ ba. Lần này tôi nhắm vào chiếc oanh tạc cơ trúng đạn của tôi trước đó. Tôi nhìn thấy những viên đạn bùng nổ và những mảnh kim khí tủa ra từ cánh và thân phi cơ địch. Tôi lướt ngang qua, bung ra một vòng thật rộng, quày trở lại và vượt lên cao.

Chiếc B.17 vẫn còn trong đội hình. Không lửa, không khói. Mỗi lần tôi chúí xuống tấn công, mọi khẩu súng của địch thủ đều khai hỏa dữ dội, nhưng cũng may đội hình chặt chẽ đã giới hạn hỏa lực rất nhiều. Chiếc Zero của tôi nguyên vẹn. Tôi lại tấn công thêm hai lần nữa với sự hỗ trợ của Uehara, và mỗi lần chúng tôi đều nhìn thấy đạn đại liên và đại bác nện vào thân phi cơ địch, nhưng không thấm tháp gì hết.

Chúng tôi vừa hoàn tất đợt tấn công thứ sáu, tám oanh tạc cơ tẽ ra làm hai, một đảo qua trái, một đảo qua phải. Tôi gia tăng hết tốc lực đuổi theo nhóm có chiếc B.17 bị hư hại và rơi hẳn lại phía sau ba chiếc kia. Với tốc lực tối đa, tôi lướt đến trong khoảng 50 thước, và bóp mạnh cò súng xuống. Bao nhiêu đạn đại bác và đại liên cuối cùng tôi đều rót hết vào đối thủ què quặt. Một bùm khói đen bốc lên, chiếc oanh tạc cơ chúí mũi xuống và biến mất trong đám mây phía dưới.

Trở về Tarakan, tôi báo cáo chi tiết phi vụ cho thượng cấp của tôi là Trung úy Singo. Các phi công khác bu quanh để nghe tôi kể lại quang cảnh của trận đụng độ và tất cả đều cho rằng tôi trở về được là một phép lạ, sau khi phải đối đầu với hỏa lực tập trung của 8 pháo đài bay. Nhân viên dưới mặt đất chỉ tìm thấy ba lỗ đạn gần đầu cánh chiếc chiến đấu cơ của tôi. Hai ngày sau, một phi cơ thám thính Nhật báo cáo có một chiếc B.17 đã vỡ tan khi cố đáp xuống một hòn đảo nhỏ nằm giữa Balikpapan và Surabaya.

Chương IX

Nhiều năm sau chiến tranh, tôi có đọc quyển “Lịch sử những cuộc hành quân của hải quân trong thời Đệ Nhị Thế Chiến” của đề đốc Samuel Eliot Morison. Morison chứng tỏ là một sử gia có tài và việc làm của ông đã cung cấp một sử liệu đồ sộ. Tuy nhiên, đáng tiếc là có một đoạn lịch sử đặc biệt liên quan đến cuộc chiến trong sách này ít dựa vào căn bản của sự thật. Tôi muốn nói đến mặt trận quần đảo Đông Indies thuộc Hòa Lan, mặt trận đã mang đến chiến thắng cho chúng tôi, như là việc đánh chiếm pháo đài quan trọng Java. Theo quan điểm của Đề đốc Morison, sự chiến thắng của chúng tôi ở mặt trận này là “do núp lén và sức mạnh, hơn là do sự khéo léo”. Một điều đáng lưu ý trong cuộc chiến bại của các hạm đội Đồng Minh và Hòa Lan vào tháng hai năm 1942, là không chỉ một Morison mà còn nhiều sử gia tầm tiếng của Hoa Kỳ đều bỏ qua, không đề cập tới các chi tiết của trận không chiến lớn nhất mặt trận Thái Bình Dương trong tài liệu của họ.

Qua vai trò một hạ sỹ quan phi công, dù đã tham dự trực tiếp vào trận đánh đó, cái nhìn của tôi dĩ nhiên sẽ có nhiều giới hạn hơn cái nhìn của những sử gia “ôm đồm” cả một cuộc chiến rộng lớn trong tay. Tuy nhiên, sự góp phần cá nhân của tôi về mặt trận tháng hai này có thể giúp soi sáng sự tìm hiểu những chi tiết liên quan đến cuộc chiến Thái Bình Dương.

Mặt trận Java kết thúc hẳn vào ngày 26 tháng hai với sự chiến bại của các lực lượng trên biển của Đồng Minh trong khu vực. Yếu tố quan trọng gây ra cuộc chiến bại này là các chiến hạm của Đồng Minh thiếu sự bao che về mặt trên không, vì trước đó, vào ngày 15 tháng hai, các đơn vị không quân của họ đều bị tiêu diệt trong một cuộc không chiến dữ dội và lớn nhất ở Surabaya, với tổng số gần 80 chiến đấu cơ của cả hai phía tham dự. Nhưng không có bài tường thuật nào của người Mỹ về cuộc chiến, mà tôi đã từng đọc qua, đề cập đến trận không chiến này.

Vào ngày 4 tháng hai năm 1942, tôi bay đến phi trường Balikpapan với nhiều phi công Zero khác. Ngày hôm đó, tôi thực hiện các phi vụ tuần tiễu trong khu vực. Nhiệm vụ khó khăn, vì hoạt động không quân địch đã gia tăng mạnh mẽ.

Tuần lễ kế đó, các phi cơ thám thính của chúng tôi báo cáo rằng địch quân đã tập trung trong khu vực Surabaya một số lượng chiến đấu cơ từ 50 đến 60 chiếc, loại Curtiss P.36 Mohawk, Curtiss P.40 Tomahawk và Brewster F.2A Buffalo, nhằm chống lại cuộc đổ bộ Java của chúng tôi.

Bộ Tư Lệnh Tối Cao Nhật ra lệnh cho tất cả các chiến đấu cơ khả dụng, đóng tại các căn cứ trên đất liền nằm trong khu vực mặt trận, tập trung về Balikpapan vừa mới chiếm giữ. Vào buổi sáng ngày 19 tháng hai năm 1942, 23 chiến đấu cơ Zero thuộc các đơn vị không quân ở Kaohsiung và Tainan đều cất cánh và qui tụ về Surabaya.

Đây là cơ hội đầu tiên, theo chúng tôi đoán biết, chúng tôi sẽ được đối đầu với các loại chiến đấu cơ mạnh mẽ của địch quân. Khi bay vô không phận Surabaya vào lúc 11 giờ 30, ở cao độ 16.000 bộ, chúng tôi đụng đầu với khoảng 50 chiến đấu cơ Đồng Minh, đang bay ở cao độ 10.000 bộ và xoay vòng trên thành phố, ngược chiều kim đồng hồ, theo đội hình hàng dọc. Như vậy, lực lượng đối phương nhiều hơn gấp đôi chúng tôi.

Chúng tôi thả bình xăng phụ và vượt xuống, ngang hàng với các địch thủ. Các chiến đấu cơ Đồng Minh phá vỡ đội hình vòng tròn và gia tăng hết tốc lực hướng về phía chúng tôi. Họ sẵn sàng và nôn nóng đánh nhau, khác xa các chiến đấu cơ Hoa Kỳ mà chúng tôi đã đối đầu ở phi trường Clark vào ngày 8 tháng 12 năm 1941.

Không đầy một phút, hai bên đã dàn xong các đội hình qui củ và bước vào một trận đấu ác liệt.

Tôi nhìn thấy một chiếc P.36 đang gầm thét xông đến, rồi nhích cánh lộn thật mau về phía bên trái chờ phản ứng của đối thủ. Ngu đại thay, đối thủ vẫn duy trì hướng bay cũ. Tôi lập tức xoay sang phải thật ngặt, lấy thẳng bằng, và lướt thẳng vào đuôi của chiếc P.36 với tên phi công đang sững sốt.

Liếc nhìn lại phía sau thấy trống không, tôi thâu ngắn khoảng cách giữa tôi với viên phi công địch. Hấn lộn về bên trái, nhưng với một cái nhích nhẹ ở cần kiểm soát, tôi theo sát đuôi hắn. Còn cách 50 thước, tôi thối vừa đạn đại liên vừa đạn đại bác ra. Tức khắc, cánh phải của đối thủ long ra, bay trong không khí, rồi tới cánh bên trái cũng bị xé đứt. Xoay như chong chóng, chiếc P.36 chúi xuống vỡ tan dưới mặt đất cùng với viên phi công.

Tôi đảo một vòng thật rộng để vượt lên, và trở về đội hình chính. Có ít nhất 6 phi cơ đang rơi xuống như những bó đuốc. Bóng màu ô liu của một chiếc P.36 đang xoay tít hướng về phía tôi. Tôi quay lại để chặn đầu, nhưng một chiếc Zero khác vượt thẳng từ dưới lên, chụp chiếc P.36 bằng một tràng đại bác, rồi lách ra như chớp trong khi chiếc phi cơ Hòa Lan nổ tung.

Phía bên trái một chiếc P.40 theo sát đuôi một chiếc Zero đang tháo chạy. Tôi cấp tốc xoay lại nhằm chặn đứng chiến đấu cơ địch. Nhưng hành động của tôi thừa thãi, chiếc Zero đã quất ngược mũi lên, lộn nhào về phía sau, ở trên chiếc P.40 một chút, rồi đạn đại liên và đại bác nện cùng lúc. Chiếc P.40 biến thành cây đuốc.

Cách đó không xa, một chiếc P.40 khác loé sáng, kéo một vệt lửa dài gấp 3 lần thân phi cơ, và một chiếc P.36 lao đảo như một chiếc lá trên không, viên phi công đã gục chết trên tay lái.

Phía dưới tôi một phi cơ dẫn đường không vũ trang của chúng tôi đang bị 3 chiến đấu cơ của Hoà Lan rượt đuổi. Viên phi công Nhật đang cố gắng lẩn trốn.

Một lần nữa, tôi lại lướt đến quá chậm. Một chiếc Zero hùng hổ bổ nhào xuống và đạn đại bác của nó phá tung bồn chứa xăng của chiếc chiến đấu cơ Hòa Lan bay đầu tiên. Rồi vừa vượt lên chiếc Zero vừa “đấm” vô bụng chiếc P.36 thứ nhì, phi cơ địch đứt hẳn một bên cánh ngay khi chiếc thứ ba lộn vòng trở lại để chặn đầu chiếc Zero. Quá muộn buồng lái của chiếc P.36 này cũng ăn đạn và vỡ tan tức khắc.

Chiếc Zero lướt dọc theo phi cơ của tôi, viên phi công đưa tay vẫy và cười rạng rỡ rồi bay đi hộ tống chiếc phi cơ quan sát ra khỏi khu vực.

Một chiếc P.36 tháo chạy, lướt ngang phía trên tôi. Tôi gia tăng tốc lực cấp tốc, vượt thẳng lên và ấn cò đại bác. Quá sớm. Áp lực của vòng xoay để lấy lại thẳng bằng của đối thủ đã làm lệch đường nhắm của tôi. Chiếc P.36 lộn nhào nhiều vòng về phía trái và chúi thẳng xuống đất. Tôi cắt thẳng vào đường xuống của phi cơ địch và ấn cò súng. Một vệt khói màu đen kéo lê thật dài. Tôi bồi thêm hai viên đại bác nữa, và lảng ra ngoài khi cuộn lửa đỏ bao trùm cả thân chiếc chiến đấu cơ Hòa Lan này.

Một chiếc Zero với hai sọc xanh kẻ trên thân phi cơ lướt ngang qua cách 200 thước trước mặt tôi. Không dấu hiệu nào báo trước, chiếc Zero nổ tung, lửa lòe sáng. Trung úy Masao Asai, phi đội trưởng của chúng tôi thiệt mạng. Lúc đó tôi không hiểu lý do gây ra sự nổ tung này.

Trở lên cao độ 8.000 bộ, tôi nhận thấy khoảng 20 chiến đấu cơ đang lượn vòng quanh trong đội hình. Một vài chiến đấu cơ Hòa Lan tồn tại chỉ còn là mấy chấm đen ở xa. Trận đánh đã kết thúc, sáu phút sau khi phát khởi.

Thật kỳ lạ, với bầu trời không còn một chiếc phi cơ địch nào, các pháo khẩu phòng không của Hoà Lan vẫn im tiếng khi chúng tôi lượn vòng trên thành phố của họ, chờ đợi xem còn chiếc chiến đấu cơ Zero nào truy đuổi địch trở về hay không.

Trong khi những chiến đấu cơ khác lượn vòng, tôi bay về phía trước, trên eo biển ngăn đôi Surabaya và đảo Madura... Nơi đây có một phi trường được nguy trang cẩn thận. Tôi bay thật chậm, ghi toạ độ phi trường trên bản đồ, nằm ở mũi phía Tây Madura. Chưa ai báo cáo về phi trường bí mật này, tin tức của tôi chắc chắn sẽ được cơ quan tình báo đón nhận một cách hài lòng.

Khi bắt đầu bay lên cao để quày lại kết hợp với những chiến đấu cơ khác, tôi nhìn thấy một chiếc P.36 bay phía dưới sà thấp trên thành phố. Mục tiêu ngon lành. Viên phi công địch bay nhớn nhợ, không biết tôi đang đến gần.

Sự nôn nóng của tôi làm mất cơ hội chiến thắng nhanh chóng. Cách tầm súng quá xa tôi đã vội vã bóp cò. Bị động, viên phi công Hòa Lan lập tức chúí mũi xuống, gia tăng hết tốc lực để tháo chạy. Chửi thề cho sự ngu dốt của mình, tôi cũng gia tăng tốc lực rượt theo.

Khả năng bay của chiến đấu cơ P.36 kém hơn loại chiến đấu cơ Zero của chúng tôi. Zero mau lẹ hơn, nắm ưu thế về võ trang, và nhanh nhẹn khi nhào lộn hoặc vượt lên, nhưng lại rất yếu khi chúí xuống với tốc độ cao. Hơn nữa, tôi khai hoả quá sớm, cho phép chiếc P.36 kéo dài khoảng cách giữa hai phi cơ đến 200 thước. Tôi không thể tiến gần thêm được.

Nếu ở một độ cao hơn nữa, chiếc P.36 chạy thoát dễ dàng bằng cách cứ bay chúí xuống. Nhưng lúc ấy mặt đất phía dưới đang dâng cao, bắt buộc viên phi công phải vượt lên. Bây giờ tôi có thể sử dụng ưu thế của chiếc Zero.

Viên phi công Hòa Lan bay sà sát mặt đất theo hình chữ chi rất ngặt. Tôi cắt thẳng vào mỗi nét của chữ chi (giống như chữ Z), thân hẹp khoảng cách lại. Hẳn bay càng lúc càng thấp hơn, lách vào khoảng trống của cây cối và nhà cửa, vừa trốn chạy vừa hy vọng tôi bỏ cuộc vì thiếu nhiên liệu. Tôi hiểu điều này. Đánh ván cuối cùng, tôi gia tăng tốc lực khẩn cấp ngay khi căn cứ không Malang hiện ra trước tầm mắt. Cách 50 thước, tôi nhắm vào buồng lái của chiếc P.36 và ấn cò súng. Đại bác hết đạn nhưng hai tràng đại liên đã xé nát viên phi công. Chiếc chiến đấu cơ nhào xuống và vỡ tan trong một ruộng lúa.

Tôi là phi công cuối cùng trở về kết hợp với những chiến đấu cơ khác đang bay quàn trên cao độ 13.000 bộ cách phía Bắc Madura 20 dặm.

Chúng tôi mất trung úy Asai và 2 phi công khác. Trở về Balikpapan, theo báo cáo của các phi công khác, có tất cả 40 chiến đấu cơ địch bị bắn hạ. Tôi luôn luôn trừ đi 30% báo cáo của bất kì nhóm phi công nào, một trận không chiến dữ dội, như trận không chiến vừa rồi chẳng hạn. Bởi lẽ, trong cảnh hỗn đấu, hai hoặc ba phi công có thể cùng xạ kích một chiếc phi cơ địch, và mỗi người đều cho rằng mình bắn hạ một chiếc. Tuy nhiên, lần này con số có vẻ ít sai sự thật, vì kể từ ngày đó chúng tôi hầu như không còn đụng độ với số lượng đông đảo các chiến đấu cơ Hòa Lan nữa. Đồng thời, phi trường bí mật ở Madura bị oanh tạc, tiêu diệt hầu hết số phi cơ P.40, Buffalo và Hurricane còn lại trên mặt đất của địch quân.

Đêm nào chúng tôi cũng đều nghe đài phát thanh của địch quân cho biết 5 hay 6 chiến đấu cơ bị bắn hạ trong ngày. Điều này sai sự thật, vì nhóm chúng tôi là nhóm duy nhất bay loại phi cơ Zero trong khu vực, và con số thiệt hại lớn nhất của chúng tôi chỉ xảy ra vào hai ngày 19 và 20 tháng hai, với 6 phi cơ và phi công bị bắn hạ.

Và ngày 25, tám chiến đấu cơ Zero được lệnh rời khỏi Balikpapan bay đến “dọn dẹp” căn cứ không quân Malang nơi mà cơ quan tình báo tin rằng có nhiều oanh tạc cơ của Đồng Minh. Trên đường đến Malang, chúng tôi đụng đầu với một chiếc thủy phi cơ của Hòa Lan, và tôi đã tách khỏi đội hình để nhận nó xuống đại dương.

Sau khi bay quần trên phi trường khoảng 6 phút, chúng tôi nhào xuống làm thịt ba chiếc B.17 đang đậu trên mặt đất. Hỏa lực phòng không của địch dữ dội, xoi thủng nhiều chiến đấu cơ của chúng tôi, nhưng không lôi được chiếc nào xuống đất.

Nạn nhân kế, cũng là nạn nhân chính thức thứ mười ba của tôi, xuất hiện vào ngày cuối của tháng hai.

Tôi tham dự vào một phi vụ gồm 12 chiến đấu cơ hộ tống 12 oanh tạc cơ từ Malang đến tấn công cuộc di tản bắt buộc của Đồng Minh ra khỏi đảo Tjilatjap. Chiến hạm của địch quân rời khỏi hải cảng trước khi chúng tôi đến. Các chiến đấu cơ chúng tôi quần chầm chậm trong khi các oanh tạc cơ phóng hỏa tiễn vào những cơ sở của địch quân trên hải cảng. Cuộc không kích suôn sẻ và, sau khi hộ tống các oanh tạc cơ đến biển Java, chúng tôi quay lại Malang để lục lợi phi cơ địch.

May mắn đến với chúng tôi hôm nay. Bốn chiến đấu cơ, thuộc loại mà tôi chưa từng đụng độ, bay quần trên không, gần một đám mây dày đặc, ở cao độ 25.000 bộ. Khi tiến đến gần, tôi nhận ra đó là loại chiến đấu cơ Buffalo của Hòa Lan. Tôi không bao giờ hiểu nỗi sự thiếu đề cao cảnh giác của mấy viên phi công Hòa Lan này, cho dù trước đó họ đã biết có sự hiện diện của chúng tôi.

Chúng tôi tiến sát, và một chiếc Zero đốt ngay một chiếc Buffalo với một quả đại bác. Tôi xông đến chiến đấu cơ thứ nhì, lúc nó đang xoay thân. Đúng là nó muốn nghinh chiến. Tôi cắt thẳng vòng xoay của chiếc phi cơ, mũi hơi chệch để bay lạng ra, cách địch thủ 200 thước, và bóp cò súng liên tục. Nhiều viên đại bác trúng đầu máy chiếc Buffalo và khói bốc ra cuồn cuộn trôi ngược về sau. Hình như viên phi công cũng bị trúng đạn, vì chiếc phi cơ lộn nhào chầm chậm nhiều vòng cho đến khi biến mất trong mây. Nó khó có thể tồn tại trước cơn nóng dữ dội trong những đám mây đó.

Nhiều tháng sau, chúng tôi chuyển hết căn cứ này đến căn cứ khác rồi trở về Philippine, và thực hiện các phi vụ yểm trợ cho Lục Quân lúc các hệ thống phòng thủ ở đảo Corregidor bị chọc thủng. Sau đó, đơn vị chúng tôi được chuyển đến đảo Bali ở Nam Dương (Indonesia) để chuẩn bị cho cuộc hành quân quan trọng kế tiếp về phía Nam.

Tôi không bao giờ hiểu nổi những phức trình của người Mỹ về các trận không chiến vào khoảng thời gian này. Đáng kinh ngạc hơn hết là một phức trình của đại tá Jack D.Dale. Theo đó, phi đoàn chiến đấu cơ P.40 của ông đã hạ 71 phi cơ Nhật và ông chỉ thiệt mất 9 chiếc trong suốt 45 ngày chiến đấu ở Java. Đây là một con số không thể tưởng tượng nổi, khi mà mất mát của chúng tôi vào giai đoạn này không hơn 10 chiếc Zero.

Đại tá Dale còn mô tả cả đội hình mà ông đã sử dụng để chiến đấu, khiến cho chúng tôi nhìn 16 chiến đấu cơ của ông thành 48 chiếc. Đó là đội hình chữ S phân tán. Trong tất cả những trận đụng độ giữa tôi với các chiến đấu cơ P.40 của Hoa Kỳ, tôi chưa bao giờ thấy đội hình nào như đại tá Dale mô tả.

Đại tá Dale cũng đã phức trình: “Một đêm tôi chúng tôi có nghe đài phát thanh Đông Kinh loan báo: nhiều trăm chiến đấu cơ P.40 được tung ra tấn công đều khắp. Đó là những chiến đấu cơ Curtiss loại mới, võ trang đến 6 đại bác.” Katsutaro Kamiya, phụ trách phần phát thanh Anh Ngữ của đài Đông Kinh, nói với tôi rằng không bao giờ có loại tin tức như vậy được loan đi, bởi lẽ giản dị là đài chỉ loan đi những tin tức chiến thắng của Nhật mà thôi.

Các phức trình của đại tá Dale cũng ít dựa vào sự thật như phức trình “đánh chìm” thiết giáp hạm Haruna của đại úy Kelly.

Chương X

Đầu tháng ba năm 1942, 150 phi công của phi đoàn chiến đấu cơ Tainan, trú đóng rải rác trong một khu vực rộng lớn ở Philippine và Nam Dương, được tập trung về Bali, thuộc quần đảo Đông Indies. Việc chiếm giữ toàn thể xứ Nam Dương hình như không còn xa nữa. Một đại đội bộ binh Nhật Bản là lực lượng quân sự trấn đóng cả hòn đảo Bali. Cuộc tấn công này được xem là sai lầm vì lực lượng chúng tôi nhận thấy người bản xứ tỏ ra thân hữu đối với người Nhật.

Bali giống như một thiên đường. Khí hậu tuyệt diệu, cảnh sắc địa phương tươi đẹp. Tôi chưa từng thấy một nơi nào như vậy ở Thái Bình Dương.

Thời gian nhàn rỗi của chúng tôi bỗng nhiên căng thẳng vì xảy ra cuộc xung đột giữa Lục quân và Hải quân. Nguyên do vào một buổi chiều, một chiếc B.17 xuất hiện và các xạ thủ phòng không trên đảo tài ba đến nỗi cuối cùng để cho chiếc phi cơ bay mất. Một phi công nóng tánh hét vang: “Đ.M, mấy thằng chó đẻ này bắn cái gì vậy?” Sự giận dữ này là do lúc ấy tất cả các phi công chúng tôi đều xem loại pháo đài bay là những con mồi ngon lành nhất.

Tuần lễ trôi qua, sự căng thẳng giữa phi công hải quân và quân phòng thủ gia tăng mạnh mẽ. Chúng tôi không có phi vụ chiến đấu nào trong giai đoạn này, do đó chúng tôi dễ sanh ra bực bội. Tình trạng này bùng vỡ vào một đêm khi trung sỹ Honda đánh nhau với hai binh sỹ bộ binh. Tôi can Honda, nhưng vô ích. Thêm nhiều binh sỹ khác ủa vào, Honda bất chấp. Vừa lúc ấy viên Trung úy bộ binh can thiệp, đuổi lính của ông ta về doanh trại. Không nói một lời nào với chúng tôi, nhưng tôi nghe ông ta chửi rủa: “Đồ ngu, các anh ở đây là để đánh với địch quân, không phải người cùng quê hương xứ sở. Những phi công này, mỗi người đều là một “Samurai”, họ không thích làm gì khác hơn là chiến đấu.”

Sáng hôm sau viên trung úy bước vô căn phòng của chúng tôi. Trái với dự đoán của chúng tôi, ông ta mỉm cười nói: “Thưa quý vị, tôi hân hạnh báo tin cho quý vị biết quân phòng ngự ở Banchung (Java) đã tóm được một chiếc B.17 còn nguyên vẹn, có thể bay được.”

Chúng tôi ò lên vui vẻ: Một chiếc B.17 có thể bay được. Viên trung úy khoát tay: “Không may, Đông Kinh đã ra lệnh gửi chiếc oanh tạc cơ này về Nhật lập tức. Tin tức này tôi chỉ nhận được ngay khi chiếc B.17 cất cánh bay về quê nhà vào sáng nay.”

Tiếng càu nhàu thất vọng nổi lên khi mọi người nghe tin cuối cùng này. Viên trung úy vội vã nói: “Tuy nhiên tôi bảo đảm với quý vị là tôi sẽ cung cấp cho quý vị tin tức càng nhiều càng tốt về chiếc phi cơ bị bắt giữ này.”

Một tuần lễ trôi qua, chúng tôi vẫn ở trên mặt đất. Ngay cả không khí yên bình ở Bali cũng đè nặng lên chúng tôi. Nếu ở hoàn cảnh khác, có lẽ chúng tôi sẽ vui hưởng sự nhàn rỗi này. Nhưng chúng tôi đến đây để chiến đấu. Nhiều năm nay chúng tôi đâu làm gì khác hơn là học hỏi để chiến đấu như thế nào, tất cả những gì chúng tôi muốn là được trả về không trung.

Thế rồi một buổi sáng, một phi công chạy ủa vô chỗ ở của chúng tôi với tin giựt gân. Thật là choáng váng! Đó là tin đồn, hình như chúng tôi sẽ được gửi về Nhật Bản. Mọi người bắt đầu tính sổ thời gian ở hải ngoại của mình.

Tôi cảm thấy, cũng như tất cả những người khác, một khi về quê hương thế nào tôi cũng sẽ được nghỉ phép. Tôi rời Nhật Bản tháng 5 năm 1938, và ngoài một năm năm điều trị các vết thương, tính ra tôi đã ở được nước ngoài được 35 tháng. Khi nghĩ sẽ được gặp lại gia đình nỗi nhớ nhà trong tôi bỗng nhiên thống thiết. Tôi dành hết thì giờ vào mỗi buổi chiều để đọc thơ của má tôi và Fujiko. Họ viết dài dòng về buổi lễ tưng bưng ở quê hương khi Tân Gia Ba rơi vào tay Nhật, và những buổi lễ chào mừng chiến thắng liên tục khác của chúng tôi. Cả nước Nhật

phần khích với những cuộc chinh phục vũ bão của các lực lượng Nhật Bản, nhút là về mặt trận trên không. Tôi mơ ước được gặp lại Fujiko, một cô gái đẹp nhút trong đời tôi. Với mơ tưởng, và nghĩ rằng có thể nàng sẽ trở thành vợ của tôi, tôi cảm thấy tràn ngập hạnh phúc.

Tin đồn biến thành sự thật. Vào ngày 12 tháng 3, thiếu tá phi công hải quân Tadashi Nakajima từ Nhật đến, và cho biết ông sẽ thay thế đại úy Eijo Shingo trong chức vụ chỉ huy trưởng phi đoàn. “Đại úy Shingo được hoán chuyển cùng với một số phi công.” Nakajima nói, “bây giờ tôi sẽ đọc danh sách những phi công được lệnh trở về Nhật.”

Mọi người im phăng phắc khi ông bắt đầu đọc. Người đầu tiên không phải là tôi, như tôi đã hy vọng. Người thứ hai, thứ ba cũng không. Tôi mất hết tin tưởng khi vị thiếu tá đọc qua hơn 70 tên. Tên tôi không có. Xúc động. Tôi không biết tại sao tên tôi lại bị loại ra khỏi danh sách, trong khi tôi ở nước ngoài lâu hơn mọi người khác.

Sau đó, tôi bước đến vị chỉ huy trưởng và hỏi: “Thưa thiếu tá, tôi biết tên tôi không nằm trong số những phi công về quê hương. Xin phép thiếu tá, thiếu tá có thể cho tôi biết lý do tại sao không? Tôi không tin rằng tôi...”

Thiếu tá Nakajima khoát tay chặn lời tôi mỉm cười: “Không, anh không về xứ với những người khác. Tôi cần anh đi với tôi, Sakai. Chúng ta sẽ đến một căn cứ không quân mới, nơi tốt nhất để đương đầu với đối phương. Đó là Rabaul, ở New Britain. Từ lâu tôi đã để ý, anh là một phi công tài ba nhút của phi đoàn này, và anh sẽ bay chung với tôi. Hãy để cho mấy người khác đi bảo vệ quê hương.”

Câu chuyện kết thúc. Dưới hệ thống chỉ huy của hải quân, tôi không dám hó hé nhiều hơn với vị chỉ huy trưởng. Tôi trở về doanh trại, buồn bã, tuyệt vọng. Nhưng nhiều tháng sau này tôi mới biết nhờ sự ưu ái mà thiếu tá Nakajima dành cho tôi, tôi mới còn sống sót. Tất cả những phi công về xứ đều được chuyển đến lực lượng Đặc Nhiệm Midway sau đó. Lực lượng này đã bị đối phương đánh tan vào ngày 5 tháng 6 năm 1942. Hầu hết những người rời khỏi Bali đều thiệt mạng.

Nhiều tuần lễ kế tiếp, tôi sống trong tình trạng tinh thần tồi tệ chưa từng thấy. Tôi cảm thấy đau yếu, chán nản, và tuyệt vọng.

Nhiệm sở kế đó của chúng tôi, Rabaul, cách phía Đông Bali 2.500 dặm. Khoảng cách quá xa đối với sức bay của loại chiến đấu cơ Zero. Thay vì di chuyển nhóm phi công chúng tôi bằng vận tải cơ hoặc thủy phi cơ, hay là bằng chiến hạm có tốc lực mau, chúng tôi đã khùng khiếp khi nhận thấy bị lừa như bày súc vật xuống một chiếc tàu buôn nhỏ bé, cũ kỹ và suy nhược. Hơn 80 đứa chúng tôi được nhét vô chiếc tàu hôi hám, chạy khắp khiển trên mặt nước với tốc độ 12 hải lý một giờ này.

“Lực lượng” bảo vệ chúng tôi chỉ đơn độc một chiếc tàu săn tiềm thủy đỉnh nhỏ bé 1.000 tấn.

Chưa bao giờ tôi cảm thấy phơ lửng trước kẻ thù bằng lúc tôi ngồi trên chiếc tàu đáng sợ đó. Chúng tôi không thể hiểu nổi ý nghĩ của giới chỉ huy cao cấp trong việc này như thế nào. Chỉ cần một trái thủy lôi phóng đi từ một chiếc tiềm thủy đỉnh núp lén hoặc 1 trái bom 500 cân Anh thả xuống từ một chiếc oanh tạc cơ, chiếc tàu mỏng manh này sẽ tan thành hàng ngàn mảnh. Một việc không thể tin, nhưng mà có vẻ thật, rằng các vị chỉ huy của chúng tôi muốn thí mạng phân nửa phi công chiến đấu của cuộc chiến, đặc biệt là những phi công kinh nghiệm nhút, bằng một cuộc hải hành khùng khiếp như thế. Bất mãn và rầu rĩ, tôi đâm ra xuống tinh thần và nhuốm bệnh. Tôi nằm mẹp trên giường nhỏ dưới tàu hầu hết chuyến đi hai tuần lễ từ Bali đến Rabaul.

Cuộc hải hành đầy gian nan vất vả. Trời oi bức không thể chịu đựng nổi. Suốt cả tuần không ai

khô ráo. Mồ hôi đổ ra như tắm. Mọi phi công đều lâm bệnh. Sau khi vượt qua đảo Timor, do lực lượng của chúng tôi chiếm đóng, chiếc tàu hộ tống quay trở về. Bấy giờ bệnh của tôi trở nên trầm trọng. Nhiều khi tôi cảm thấy đang hấp hối.

Nhưng ngay cả sự khốn khổ tồi tệ nhất, cũng có phần thưởng của nó. Ở bên cạnh tôi suốt chuyến đi là một trung úy trẻ tuổi, vừa được bổ nhiệm chỉ huy phân đội của tôi. Trung úy Junichi Sasai là một trong những người nổi bật nhất mà tôi đã gặp từ trước tới nay. Xuất thân từ Hàn Lâm Viện Hải Quân Nhật Bản, giữa ông ta và hạ sỹ quan hiển nhiên là có một sự ngăn cách. Theo hệ thống quân giai nghiêm ngặt của hải quân, ngay cả khi chúng tôi hấp hối đi nữa, ông ta cũng không cần phải bước vô hãm tàu hôi hám này. Tuy nhiên Sasai lại khác hẳn. Ông không chú ý đến "lề luật bất thành văn" của hải quân, theo đó, sỹ quan không được thân mật với thuộc cấp. Trong lúc mê sảng tôi la hét, mình mẩy ướt đầm mồ hôi, hãm tàu chật hẹp xông lên mùi hôi hám khó chịu, Sasai vẫn ngồi bên cạnh giường, tận tâm chăm sóc tôi. Sự ưu ái của ông đã khiến bệnh tôi dần dần bình phục.

Cuối cùng, chiếc tàu lướt vô hải cảng Rabaul, hải cảng chính của quần đảo New Britain. Tôi nặng nhọc lê thân xuống cầu thang, bước lên bến tàu. Tôi không tin những gì đã nhìn thấy. Nếu Bali là một thiên đường, Rabaul là một địa ngục thật sự. Chúng tôi có một phi đạo nhỏ hẹp và lấm bụi để sử dụng. Đó là một phi đạo tồi tệ nhất mà tôi chưa từng thấy ở bất cứ nơi nào. Ngay phía sau phi đạo khốn khổ này là một ngọn núi lửa đầy đe dọa, vươn cao 700 bộ trên bầu trời. Cứ một vài phút mặt đất rung chuyển, và núi lửa gầm lên hồi lâu rồi phun khói dày đặc, lẫn lộn chất phún thạch. Xa hơn nữa là một dãy núi màu xanh mét, trần trụi bóng cây.

Ngay khi xuống tàu, nhóm phi công di chuyển ngay đến sân bay. Trên con đường lấm bụi, chân chúng tôi ngập sâu trong đá bọt và tro than do núi lửa gây ra. Sân bay hoang phế. Bụi và tro dâng cao trong không khí. Những tiếng càu nhàu đầy thất vọng khi các phi công nhận thấy nhiều chiến đấu cơ Claude, bộ phận hạ cánh cố định và buồng lái lộ thiên cổ lỗ nằm giữa bãi đậu. Tất cả những thứ đó quá nhiều đối với tôi. Tôi phát đau trở lại và ngã quỵ xuống. Trung úy Sasai đưa tôi vô một bệnh xá chưa hoàn tất, nằm trên một ngọn đồi, cạnh sân bay.

Sáng hôm sau, tiếng còi báo động không tập lôi tôi ra khỏi giấc ngủ thêm thiếp. Qua cửa sổ tôi nhìn thấy 12 chiếc Maurader, oanh tạc cơ hai máy, sà thấp trên hải cảng thả nhiều trái bom ngay xuống chiếc Komaki Maru, chiếc tàu chở chúng tôi từ Bali đến đây. Thủy thủ đoàn chạy tán loạn lên bến tàu và nhảy xuống nước. Trong một vài phút chiếc tàu bốc cháy và chìm dần. Các oanh tạc cơ mang dấu hiệu của Úc Đại Lợi, bấy giờ quay sang tấn công sân bay và các phi cơ đậu trên đó.

Các oanh tạc cơ Maurader quay lại ba ngày liên tiếp, xạ kích tất cả những gì di động trên mặt đất. Các cuộc tấn công là những liều thuốc tốt nhất đối với tôi. Tôi xin bác sỹ cho tôi xuất viện ngay lập tức. Tôi muốn đặt đôi tay ngứa ngáy của tôi lên cần kiểm soát của một chiếc Zero trở lại. Vị bác sỹ cười: "Ở đây thêm vài bữa nữa, Sakai. Anh xuất viện để làm gì bây giờ? Không có một chiếc phi cơ nào cho anh bay đâu. Khi nào phi cơ đến tôi sẽ cho anh xuất viện."

Bốn ngày sau, gần bình phục hẳn, tôi rời bệnh viện. Với 19 phi công khác, tôi leo lên một chiếc thủy phi cơ 4 máy vừa bay đến vào buổi sáng hôm đó. Chúng tôi sẽ sớm được bay trở lại vì chiếc thủy phi cơ này cất cánh từ hàng không mẫu hạm Kasuga, chiếc tàu có nhiệm vụ chở 25 chiến đấu cơ Zero mới cho phi đoàn của chúng tôi. Nhưng các cuộc không thám và oanh tạc liên tục của đối phương đã ngăn trở Kasuga chạy vô Rabaul. Chiếc tàu phải đậu ở gần đảo Buka, cách xa đây 200 dặm, và cho thủy phi cơ chở chúng tôi đến đó nhận phi cơ.

Hai giờ sau chúng tôi trở về Rabaul, cười đùa như bọn học trò với 25 chiến đấu cơ mới, tất cả đều được võ trang và sẵn sàng lâm trận. Tuy nhiên, một phi cơ thám thính của địch quân đã nhìn thấy các chiến đấu cơ mới của chúng tôi, và nó biến mất trước khi chúng tôi cất cánh. Rabaul trở nên yên tĩnh, ngoại trừ những cơn mưa phún thạch không lúc nào giảm bớt của

ngọn núi lửa.

Nhiều tuần lễ kể đó, các chiến đấu cơ và oanh tạc cơ Nhật không ngớt được đưa đến Rabaul. Chúng tôi gom góp năng lực mới cho cuộc tấn công đang xúc tiến, nhằm chống lại Úc Đại Lợi và hải cảng Moresby ở New Guinea. Các kế hoạch của Nhật Bản, như chúng tôi được nói cho biết, là đánh chiếm toàn khắp New Guinea.

Đầu tháng tư, 30 phi công trong nhóm chúng tôi được thuyền chuyển đến một căn cứ không quân mới ở Lae, nằm trên bờ biển phía Đông New Guinea. Đại tá Masahisa Saito hướng dẫn chúng tôi đến căn cứ mới này.

Vào ngày 8 tháng 4, với 8 phi công khác, tôi bay đến Lae. Khi bay quần trên phi trường, tôi không nhìn thấy đâu là nhà chứa phi cơ, cơ xưởng bảo trì, đài kiểm soát. Tất cả chỉ là một phi đạo nhỏ bé, dơ bẩn, và giống như sân đáp trên một chiếc hàng không mẫu hạm. Ba mặt của phi đạo bao quanh bởi dãy núi chón chở của bán đảo Papuan. Mặt thứ tư, tức mặt tôi đang tiến đến, là đại dương bao la.

Hai mươi mốt phi công khác đã đến đây trước, đứng chờ chúng tôi ở cuối phi đạo. Phi đạo dài 3.000 bộ, chạy từ góc phải của sườn núi xuống tận mé biển. Ngay cạnh bãi biển là một nhà chứa phi cơ nhỏ, đầy lỗ đạn và mảnh bom. Ba vận tải cơ của Úc Đại Lợi nằm bừa bãi trong nhà chứa, và dụng cụ bị phá hủy rải rác khắp nơi. Đây là vết tích do phi cơ chúng tôi gây ra trong cuộc đổ bộ một tháng trước đây.

Phi trường Lae được người Úc thiết lập để không vận đồ tiếp tế và quặng vàng lấy được ở mỏ Kokoda, nằm tận bên trong dãy núi Owen Stanley.

Hải cảng ở đây cũng hoang tàn không thua sân bay. Một chiếc tàu buôn 500 tấn của Úc nằm trong bùn, gần cầu tàu, chỉ có cột buồm ló lên khỏi mặt nước. Tôi nhận thấy phi trường Lae tồi tệ hơn phi trường Rabaul hoặc ngay cả những phi trường tiền phương ở Trung Hoa.

Trung sỹ Honda, phi công bên cánh của tôi ở mặt trận Java, đã kể lại các hoạt động của những ngày trước khi chúng tôi đến. Vào ngày 5 tháng 4, 4 chiếc Zero cất cánh từ Lae, hộ tống 7 oanh tạc cơ tấn công hải cảng Moresby và bắn rơi 2 chiến đấu cơ địch. Đổi lại, một chiếc Zero bị mất. Vào ngày kế đó, cùng một số Zero đó cất cánh, nhưng lần này bắn rơi đến 5 phi cơ địch. Ngày hôm sau, 7 tháng 4, hai chiếc Zero nghinh chiến 3 oanh tạc cơ địch trên không phận Salamaua và rượt theo bắn rơi hai chiếc. Các xạ thủ địch hạ một chiếc Zero của chúng tôi.

Chiều hôm đó, chúng tôi tập họp trong Bộ Chỉ Huy phi trường để nghe thuyết trình. Tôi sử dụng mấy tiếng "Bộ chỉ huy" có vẻ hơi lớn lối để chỉ một căn nhà không có vách tường. Vách, màn che và mấy cánh cửa đều bằng chiếu. Căn phòng chỉ vừa đủ để nhét 30 phi công, chính giữa là chiếc bàn to lớn, đơn sơ, làm bằng cây thông. Một vài cây đèn cầy và một cây đèn dầu soi sáng căn phòng.

Sau khi nghe đại tá Saito thuyết trình, chúng tôi đi về chỗ ở. Trên đường đi, trung sỹ Yonekawa, cũng như Honda, anh ta là phi công bên cánh của tôi ở mặt trận Java, chỉ cho tôi những cơ sở của căn cứ.

Hai trăm thủy thủ đảm trách các vị trí phòng không tọa lạc phía bên kia phi đạo. Đó là lực lượng trú phòng cho cả nơi này, cộng thêm 200 nhân viên bảo trì và 30 phi công. Trong suốt thời gian chúng tôi ở đây, và cho đến khi Lae bị Đồng Minh chiếm đóng vào năm 1943, không một dự tính nào nhằm cải thiện tiện nghi của chúng tôi, và cũng không có lực lượng tăng viện nào khác được đưa đến. Chỗ ở của chúng tôi và sỹ quan không khác gì nhau. Chỉ huy trưởng căn cứ, chỉ huy phó và một phụ tá ở chung trong một căn nhà nhỏ nối liền với doanh trại sỹ quan.

Trong khi căn cứ Rabaul mượn một số dân địa phương tạp dịch, căn cứ Lae không có vấn đề này. Làng gần nhất cách đây hai dặm. Không thể bắt dân làng phơi lưng dưới họng súng của phi cơ địch đến tấn công hầu như vào mọi ngày.

Đó là căn cứ Lae. Thức ăn tồi tệ, công việc hàng ngày nặng nhọc, và không có gì thay đổi. Chúng tôi không có hợp tác xã quân đội, không có bất cứ một tiện nghi tối thiểu nào khác. Đàn bà? Ở Lae, mọi người đều hỏi: “Đàn bà là cái gì?”

Tuy nhiên, tinh thần của chúng tôi rất cao. Chắc chắn chúng tôi thiếu tiện nghi và vật chất, ngay cả một số tiện nghi thiết yếu nhất, trong đời sống hàng ngày, nhưng chúng tôi không lấy đó làm phàn nàn. Chúng tôi không có một đòi hỏi riêng tư nào ngoài đòi hỏi được chiến đấu. Phi công ở Lae không giống như phi công ở những căn cứ khác. Mỗi chúng tôi đều là thành phần chọn lọc của không lực hải quân. Các sỹ quan của chúng tôi cũng được chọn trong số những người “chỉ thích ấn tay vào cò súng” trên một chiếc Zero.

Vào ngày 11 tháng 4, tôi chiến đấu trở lại. Sau gần hai tháng bắt buộc nằm lì trên mặt đất, được chiến đấu trở lại làm tôi phấn khởi. Ngày hôm trước, 10 tháng 4, tôi không được sắp xếp thực hiện phi vụ, và phải ở lại mặt đất trong khi những phi công khác vui hưởng một ngày chiến đấu. Sáu chiến đấu cơ Zero hộ tống bảy oanh tạc cơ đến Moresby, bắn rơi hai oanh tạc cơ địch đang cố cất cánh để rời phi trường ở đó. Cùng ngày, ba chiếc Zero khác cũng trực chỉ Salamaua và bắn rơi một oanh tạc cơ địch, cùng gây hư hại cho nhiều chiếc khác.

Phi vụ của tôi vào ngày 11 là một phi vụ thông thường. Cùng với 8 chiến đấu cơ khác mới vừa đến Lae, chúng tôi cất cánh và bay thành nhóm theo đội hình chữ V hướng về Moresby. Sau đó, dãy núi Owen Stanley sừng sững trước mặt chúng tôi, cao hơn mặt biển 15.000 bộ. Mặc dù dãy núi cao chón chở như vậy, trên đỉnh không có một đám mây nào vướng vất, và dốc thẳng đứng giống như những bức tường vĩ đại mọc đầy cây cối.

Trên cao độ 16.500 bộ, chúng tôi vượt ngang qua đỉnh núi và lập tức bước vào một thế giới mới: thế giới của địch quân. Bốn mươi phút sau khi cất cánh căn cứ Moresby nằm phía dưới chúng tôi. Tôi có thể nhìn thấy nhiều phi cơ đủ loại trên mặt đất. Súng phòng không im tiếng dĩ nhiên chúng tôi bay quá tầm hỏa lực của đối phương. Chúng tôi có thể đạt được kết quả nếu tấn công ngay vào các phi cơ đậu trên mặt đất. Nhưng theo chỉ thị, đây chỉ là một phi vụ thám thính thông thường, ngoại trừ không chiến chúng tôi không được phép tấn công.

Chúng tôi lướt qua Moresby và vòng ra biển San Hô sau đó quay lại lối cũ một lần nữa, lướt ngang qua căn cứ địch. Chúng tôi ngạc nhiên khi nhận thấy hình như các xạ thủ và phi công địch không hay biết có sự hiện diện của chúng tôi, nên họ không đưa ra một sự kháng cự nào.

Chúng tôi lướt qua phi trường. Lần này mặt trời đến từ phía sau chúng tôi. Lúc bay thật chậm, chúng tôi phát hiện bốn chiến đấu cơ P.39, loại Airacobra mà tôi gặp lần đầu tiên. Bốn phi cơ này hầu như bay cách ngay phía trước chúng tôi 3 dặm, nhưng chúng tôi không hiểu có bị phát hiện hay chưa. Tôi quăng bình xăng phụ và gia tăng tốc lực, với hai đồng đội bay sát cánh bên phải. Tôi lướt dọc theo phi cơ cầm đầu nhóm và báo hiệu cho trung úy Sasai biết sự phát hiện địch của tôi, và yêu cầu bao che cho chúng tôi tấn công. Ông nắm tay đưa về phía trước. “Tiến ! chúng tôi sẽ bao che cho anh.”

Tuy nhiên chưa thấy động tĩnh của mấy chiếc Airacobra. May mắn cho chúng tôi, lúc ấy mặt trời chiếu thẳng vô phi cơ địch nên các phi công Mỹ không nhìn thấy chúng tôi bay đến. Phi cơ địch chia làm hai cặp, bay trước và bay sau, cách khoảng 300 thước.

Tôi để Honda bay phía sau và trên tôi, trong khi Yonekawa ít kinh nghiệm hơn bay ngay phía dưới tôi. Bây giờ, chúng tôi chỉ còn cách phi cơ địch 500 thước, chếch về bên trái một chút. Chúng tôi sẵn sàng đánh trong vài giây nữa. Nếu phi công địch vẫn bị mặt trời làm cho mù loà,

chúng tôi có thể hạ gục họ trước khi họ kịp nhận ra chúng tôi.

Thay vì tiến sát lại chúm xuống để tấn công, chúng tôi hạ thấp và xoay trở lại thật ngặt.

Hai chiến đấu cơ địch bay sau chót bây giờ ở ngay trên đầu tôi, vẫn không biết có sự hiện diện của chúng tôi. Tôi nâng khoảng cách gần lại, rồi còn chừng 50 thước, tôi nghiêng thân và bấm cò đại bác, qui tất cả hoả lực vào thân phi cơ địch. Những mảnh kim khí vỡ ra và bay tủa trên không, một dòng khói và lửa kéo thành vệt dài về phía sau.

Tôi quay các họng súng về phía chiếc P.39 thứ hai. Một lần nữa, những viên đạn soi thủng thân phi cơ, nổ bên trong và xé chiếc phi cơ thành từng mảnh.

Tôi lướt ra ngoài và xoay ngay lại, chuẩn bị khai hỏa trực tiếp vào hai chiến đấu cơ dẫn đầu. Nhưng trận đánh đã kết thúc! Cả hai chiếc P.39 lao đảo chúm xuống mặt đất, kéo dài hai vệt lửa và khói dày đặc. Hai chiếc Zero theo tôi đã mau tay hơn tôi tưởng. Tôi nhìn thấy chiến đấu cơ của Hiro Yoshi Nishizawa đang lấy đà vượt lên. Chiếc thứ hai hạ đối thủ với chỉ một viên đại bác, do Toshio Ota lái, vừa lấy lại thăng bằng sau khi lướt thẳng lên để trở lại đội hình như cũ.

Không ngờ trận đánh chấm dứt chỉ trong vòng năm giây, với bốn chiến đấu cơ trở thành bốn mảnh vụn trên mặt đất phía dưới kia. Điều đáng ghi nhận là cả hai phi công đồng đội vừa ghi điểm của tôi: Nishizawa, 23 tuổi và Ota chỉ mới 20 tuổi. Như đã nói trước đây, các phi công ở Lae đều là thành phần chọn lọc. Để lựa chọn, tài năng phi hành của họ phải vượt bực. Đa số chúng tôi đều là phi công kỳ cựu. Nishizawa và Ota chỉ là những người chân ướt chân ráo, cần phải học hỏi thêm nhiều, tuy nhiên họ sớm trở thành những phi công hàng đầu của phi đoàn Lae, hạ trên mười phi cơ địch. Chúng tôi thường bay chung với nhau, và được các phi công khác gọi là “ Bộ ba quét sạch ”.

Chương XI

Đồng Minh rút người và vật liệu vào pháo đài của họ ở hải cảng Moresby không ngừng nghỉ, và Bộ Tư Lệnh Tối Cao Nhật thúc giục chúng tôi đánh mạnh hơn, đánh nhiều hơn vào các phi trường, các chỗ trú quân, và các cơ sở trên hải cảng càng lúc càng mọc lên như nấm của địch quân.

Vào ngày 17 tháng 4, tôi thực hiện một phi vụ hộ tống đầu tiên của tôi trên đất địch. Mười ba chiến đấu cơ Zero, thay vì sáu hoặc bảy chiếc như trước đây, bao che cho các oanh tạc cơ.

Với bảy chiến đấu cơ được cất đặt bay sát cánh các oanh tạc cơ ở cao độ 16.000 bộ, và với nhóm sáu chiến đấu cơ của tôi bay thấp hơn 1.500 bộ, chúng tôi vượt qua dãy núi Owen Stanley. Moresby hiện ra trong tầm mắt. Thành linh bảy chiến đấu cơ bay chung nhóm các oanh tạc cơ phía trên tủa ra, lập thành màn lưới bao che, xoay tròn phía trên các oanh tạc cơ. Nhiều chiến đấu cơ P.40 của địch chúi xuống từ một độ cao hơn để tấn công các oanh tạc cơ của chúng tôi. Tuy nhiên, chúng bị phát hiện quá sớm, và vòng xoay của bảy chiến đấu cơ Zero nứt ra, đánh bật cú đâm của địch quân đang giáng xuống. Bảy oanh tạc cơ trở về vị trí cũ.

Ngay lập tức, súng cao xạ từ mặt đất bắn lên, sáu chiến đấu cơ chúng tôi lập tức phân tán và lộn nhào thật mau để tránh né một vòng rào hoả lực cao xạ thứ hai nổ phía trên, nhưng cách xa chúng tôi.

Ngay khi chúng tôi trở lại đội hình, các oanh tạc cơ và chiến đấu cơ hộ tống gia tăng tốc lực tối đa để vượt lên cao nữa. Nếu các oanh tạc cơ vẫn duy trì đường bay cũ loạt cao xạ thứ ba sẽ bắn trúng.

Các oanh tạc cơ của chúng tôi vượt qua phi trường Moresby và đang đảo chậm chậm để thả bom. Bây giờ mặt trời chiếu từ phía sau chúng tôi, và các chiến đấu cơ địch lại đang lướt đến. Tôi đảo lại, chĩa thẳng vào mũi dùi tấn công của đối phương. Năm chiến đấu cơ khác thuộc nhóm của tôi cũng đeo dính một bên. Nhưng chúng tôi không có cơ hội để khai hoả, các chiến đấu cơ địch lạng ra và phân tán. Chúng tôi quay trở lại vị trí hộ tống, nhưng chỉ có hai chiếc Zero theo tôi. Chiếc của Miyazaki và hai chiếc khác đã chúi xuống phía dưới các oanh tạc cơ.

Tôi không có thời giờ để lo lắng cho ba chiếc phi cơ đó. Cao xạ địch đang cố gắng điều chỉnh tầm bắn, và một loạt đạn đã nổ cách phía dưới các oanh tạc cơ đang dội bom 1.500 bộ. Tuy nhiên, tất cả đều đã vượt qua, bụng đã trống rỗng, các oanh tạc cơ gia tăng tốc lực, giữa những tiếng nổ rền vang liên tục của súng cao xạ, và đảo về phía trái. Miyazaki đang bay cách phía dưới các oanh tạc cơ 1.500 bộ. Không có vô tuyến, tôi không thể nào gọi hắn trở lại vị trí, và chúng tôi không dám rời các oanh tạc cơ.

Chúng tôi bỏ Moresby và súng phòng không địch lại phía sau. Tôi thở ra nhẹ nhõm. Quá sớm! Khoảng một dặm phía trên chúng tôi, một chiến đấu cơ P.40 chúi xuống với tốc lực khủng khiếp. Nó xuống nhanh đến nỗi tôi không kịp nháy mắt. Giống như một tia chớp soi thẳng vào các oanh tạc cơ, cách tôi sáu trăm thước.

Và tôi không hiểu làm cách nào mà chiếc P.40 này lọt qua khỏi khoảng trống chỉ một vài thước giữa hai oanh tạc cơ thứ ba và thứ tư. Chuyện khó thể tin nổi, nhưng mà nó đã xảy ra. Với những họng súng rực lửa, sau khi lọt qua nhóm oanh tạc cơ xong, chiếc P.40 rút tất cả vào chiếc phi cơ của Miyazaki. Tức khắc, chiếc Zero biến thành ngọn đuốc. Và vẫn với tốc lực khủng khiếp, chiếc P.40 biến mất phía dưới chúng tôi. Phi cơ của Miyazaki rơi xuống chậm chậm, rồi lửa loé sáng và một tiếng nổ xé nát ra. Chúng tôi không nhìn thấy một mảnh kim khí nào rơi xuống. Mọi việc xảy ra trong vòng ba bốn giây. Chúng tôi vẫn tiếp tục bay. Đến Buna, các chiến đấu cơ

chúng tôi tách ra, chấm dứt vai trò hộ tống và quay về Lae.

Cái chết của Miyazaki là một bài học đau đớn cho tất cả chúng tôi. Trong những ngày đầu của cuộc chiến tôi vẫn khẳng định cho rằng sự khéo léo cá nhân của các phi công Nhật là ưu thế có tính cách quyết định trước phi công đối phương. Công cuộc huấn luyện của chúng tôi, dĩ nhiên là trước chiến tranh, tỉ mỉ hơn bất kì quốc gia nào khác. Đối với chúng tôi, bay có nghĩa là mọi thứ, chúng tôi không tiếc bất kì nỗ lực nào nhằm học hỏi thấu đáo mọi phương diện về không chiến. Tuy nhiên, qua nhiều cuộc không chiến của Đệ Nhị Thế Chiến, khéo léo cá nhân chưa đủ bảo đảm sự tồn tại mãi mãi, ngoại trừ các cuộc không chiến tay đôi. Thất bại to tát nhứt trong các cuộc không chiến của chúng tôi là do chúng tôi thiếu tinh thần đồng đội. Một tinh thần mà người Mỹ đã phát triển không ngừng trong suốt cuộc chiến.

Sau cái chết của Miyazaki, bảy oanh tạc cơ B.26 tấn công Lae. May mắn thay, chúng tôi được báo trước và 9 chiến đấu cơ Zero được tung lên không, đón các oanh tạc cơ địch chỉ ở cao độ 1.500 bộ. Trận quần thảo giữa phi công chúng tôi với bảy chiếc Maurader kéo dài một tiếng đồng hồ đầy gian nan vất vả. Cuối cùng chỉ một oanh tạc cơ địch bị bắn rơi và một chiếc bỏ chạy với thương tích. Đó là trận không chiến vụng về nhứt, chưa từng thấy trong đời tôi. Chín chiếc Zero thiếu tổ chức. Thay vì liền tay tấn công một hoặc hai phi cơ địch, và sử dụng hoả lực của số đông để cắt bảy chiếc B.26 ra từng phần, các phi công của chúng tôi áp hết vào để đánh. Không có chiếc phi cơ nào của chúng tôi đụng chạm hoặc bắn hạ lẫn nhau cũng là một điều đáng lấy làm lạ.

Khi đáp xuống, cơn giận của tôi bùng nổ. Tôi nhảy ra khỏi phòng lái, hấp tấp bước đến các phi công đã tụ họp trên mặt đất. Tôi chửi sự ngu ngốc của họ, vạch ra từng điểm sai lầm của mọi người và nhấn mạnh rằng chỉ có phép lạ mới khiến họ sống sót được. Từ đó trở về sau, mỗi đêm chúng tôi đều hội họp để chỉnh đốn lại tinh thần đồng đội của chúng tôi.

Vào ngày 23 tháng tư, Nishizawa, Ota và tôi thực hiện một phi vụ thám thính Kairuku, một căn cứ mới của đối phương ở phía Bắc Moresby. Mặc dù chỉ được lệnh thám thính, chúng tôi cũng đã bắn cháy nhiều vận tải cơ địch trên phi đạo.

Báo cáo của chúng tôi đưa đến một cuộc tấn công với 15 phi cơ vào ngày hôm sau. Chúng tôi sà xuống sáu chiếc oanh tạc cơ B.26, 15 chiến đấu cơ P.40 và 1 chiếc P.39. Con số hủy diệt chính xác của chúng tôi là hai oanh tạc cơ và sáu chiếc P.40. Sau trận không chiến đơn phương, chúng tôi thẳng đường đến Moresby, bắn phá và đốt cháy một chiến hạm đang buông neo.

Ngày hôm sau, chúng tôi trở lại Moresby. Mặc dù thiệt hại nặng nề vào ngày hôm trước, địch quân vẫn đề kháng dữ dội. Bảy chiến đấu cơ P.40 thách thức 15 chiến đấu cơ của chúng tôi. Trước khi cuộc không chiến dữ dội thực sự kết thúc, sáu chiến đấu cơ địch đã chúi về phía đông trong lửa đỏ. Chúng tôi bảo toàn lực lượng, và sau khi bầu trời được dọn sạch, chúng tôi bắt đầu xạ kích Moresby và Kairuku, đốt cháy 5 chiếc B.26 và 2 chiếc P.40.

Hiển nhiên cố gắng của tôi trong việc cải thiện tinh thần đồng đội khi chiến đấu cơ đã đạt được hiệu quả. Tuy nhiên, tôi phải chịu thiệt thòi, vì sau hai trận đánh liên tiếp, các phi công khác đều ghi nhiều điểm trong khi tôi trở về với hai bàn tay trắng. Và trận không chiến kế tiếp vào ngày 26 cũng vậy, tôi không hạ được một phi cơ nào, mặc dù có ba trong số bảy chiếc P.40 bị bắn rơi.

Ngày 29 tháng tư là sinh nhật của Thiên Hoàng Hirohito. Vị chỉ huy trưởng của chúng tôi tổ chức một buổi lễ khiêm tốn để mừng ngày đặt biệt này. Mấy anh lính biết nấu nướng đều tiếp tay làm bếp và tận dụng tất cả đồ tiếp tế để chuẩn bị một bữa ăn sáng ngon nhứt. Vài ngày trước đó, Đồng Minh không hề đưa ra bất kì nỗ lực nào nhằm tấn công Lae. Sự yên tĩnh này, cộng thêm với cảm giác thoải mái của chúng tôi ở hiện tại, chúng tôi lơ là với nhiệm vụ.

Khi chúng tôi chấm dứt bữa ăn sáng vào lúc 7 giờ sáng, tiếng thét của binh canh gác vang lên: “Phi cơ địch!” Lập tức, một âm thanh hỗn loạn bùng vỡ, phá tan sự yên tĩnh của buổi sáng. Thùng, trống, mõ và tù và nổi lên inh ỏi, hệ thống báo hiệu không kích của chúng tôi.

Chúng tôi chạy ra phi đạo quá muộn. Những trái bom đã rơi xuống và đang nổ. Chúng tôi ngược mắt lên nhìn thấy mấy ông bạn cũ của chúng tôi, những chiếc oanh tạc cơ B.17. Ba chiếc tất cả, bay ở độ cao 20.000 bộ. Chỉ một vài trái bom được thả xuống, nhưng sự chính xác tôi chưa từng mục kích bao giờ. Năm chiến đấu cơ Zero nằm trên sân bay đang bao trùm trong lửa đỏ. Bốn chiếc khác hư hại nặng nề do mảnh bom gây ra. Riêng sáu chiếc ứng chiến chỉ còn năm chiếc bay được.

Ota và một phi công khác là hai người đầu tiên chạy ra phi cơ. Trong hai giây, họ cho phi cơ hoạt động và chạy ra phi đạo. Thành phần còn lại của chúng tôi bây giờ mới băng ra phi cơ, nhưng có cất cánh cũng đã trễ. Ba oanh tạc cơ B.17 và hai chiến đấu cơ Zero đã biến mất khỏi tầm mắt chúng tôi. Thời gian trôi qua chậm chạp, chúng tôi chửi rủa mấy chiếc oanh tạc cơ không tiếc lời và nôn nóng chờ đợi Ota trở về. Một giờ sau, một chiếc Zero đáp xuống. Đó là Endo. Hắn giải thích: “Chúng tôi đánh ngay khi vượt lên. Tôi quần thảo dữ dội với một chiếc oanh tạc cơ. Ota vờ một chiếc và vẫn còn khai hoả khi tôi hết đạn. Do đó, tôi phải trở về.”

Một giờ nữa trôi qua, Ota vẫn chưa thấy về. Chúng tôi lo âu. Ota, bạn của tất cả chúng tôi, hiện thời đơn độc quần thảo với ít nhất hai chiếc oanh tạc cơ có vũ trang mạnh mẽ. Endo trở nên bồn chồn, và cầu nhàu về việc phải rời bỏ Ota vì hết đạn.

Mười lăm phút nữa trôi qua, thế rồi đại úy Saito thò đầu vô bộ chỉ huy và vui vẻ nói lớn: “Ê! Hẳn an toàn! Ota vừa gọi từ Salamaua. Hắn hạ được một pháo đài bay. Hắn phải đáp xuống để lấy xăng và sẽ trở về ngay.”

Tin tức phấn khởi! Nhưng công việc vẫn chưa xong. Sáu phi công, bao gồm Nishizawa và tôi, được chọn để trở lại Moresby “mừng ngày sinh nhật của Thiên Hoàng”. Chúng tôi cảm thấy phi vụ với 16 chiếc Zero có lẽ tốt hơn, nhưng hiện thời chỉ có 6 chiếc của chúng tôi còn trong tình trạng chiến đấu. Chắc chắn đối phương đã đoán được một trận phục thù cuộc oanh tạc vừa qua của chúng tôi. Để tránh chui đầu vô hoả lực phòng không đang chờ đợi chúng tôi vượt qua đỉnh núi Owen Stanley ở cao độ 16.000 bộ. Và rồi thay vì tiếp tục hướng đến Moresby ở cao độ này, chúng tôi chúi xuống thật thấp, bay theo đội hình tam giác căng rộng. Sau đó chúng tôi vượt lên thật cao rồi chúi thẳng xuống căn cứ không quân địch. Không một ai đoán nổi chúng tôi tấn công theo lối mới này.

Hàng chục nhân viên bảo trì địch đang quây quần bên những chiếc oanh tạc cơ và chiến đấu cơ, hình như đều sẵn sàng cất cánh. Chúng giống như những con vịt nằm phơi lưng. Chúng tôi quét đại liên và đại bác xuống sân bay. Tôi có thể nhìn thấy nhiều người ngược nhìn lên với dáng vẻ đầy kinh ngạc, như không tin nổi vào đôi mắt của họ.

Nhát chối đầu tiên có hiệu quả. Không một họng súng nào kịp khai hoả. Ở cuối đường bay, với các pháo đội phòng không vẫn im lặng trong sự sững sốt, chúng tôi quay lại thật gấp và tức khắc bổ nhào xuống làm ăn nữa. Quang cảnh dưới mắt thật tuyệt diệu. Ba chiến đấu cơ và một oanh tạc cơ đang bốc cháy dữ dội. Lần này chúng tôi quét trên một dãy phi cơ khác, xếp thành một hàng dài gọn ghẽ ngay ngắn. Bốn oanh tạc cơ và chiến đấu cơ trúng đạn, tuy nhiên không cháy. Người trên sân bay bây giờ chạy hỗn loạn, và có hơn một chục xác nằm bất động vì lãnh đạn của chúng tôi. Chúng tôi “làm ăn” ba lần tất cả và sau đó đông tuốt. Khi đã bay xa rồi, chúng tôi mới nghe khẩu cao xạ đầu tiên lên tiếng.

Nhưng vào lúc 5 giờ 30 sáng hôm sau, đối phương trả lễ chúng tôi bằng một cuộc viếng thăm của ba chiếc Maurader, đến mau và thấp, không cao hơn 600 bộ. Mặt đất như vỡ tung khi ba oanh tạc cơ B.26 trút bom xuống ngay phi đạo. Lúc khói đã tan, chúng tôi nhìn thấy năm trong

số các chiến đấu cơ ứng chiến của chúng tôi lướt lên không trung. Tuy nhiên, khi năm chiến đấu cơ này vừa cất cánh được, các oanh tạc cơ đã quay lại và trút bom một lần nữa. Tiếng nổ vang dội trước khi các chiến đấu cơ có thể tiến sát đến các oanh tạc cơ. Nhưng đối phương đã kịp thời kiếu từ, biến mất vào ánh bình minh đang lên. Chuyển kiếm ăn khá khảm: một chiếc Zero bốc cháy và một chiếc khác vỡ tan. Bốn chiến đấu cơ và một oanh tạc cơ khác lổ chỗ dấu đạn và miếng bom.

Trong nhiều ngày kế tiếp, nhịp độ của trận chiến trên không gia tăng dữ dội. Mười hai chiến đấu cơ P.39 thực hiện một cuộc viếng thăm Lae thật đẹp mắt, với chín oanh tạc cơ của chúng tôi hư hại nặng nề. Chúng tôi nhảy lên vờ khi đối thủ rút lui, và kéo 2 chiếc P.39 xuống đất mà không thiệt mất một chiếc Zero nào. Nhưng một lần nữa cả tôi lẫn Nishizawa đều đáp xuống với hai tay không.

Nỗi rầu rĩ của tôi được khuây khoả vào ngày hôm sau, khi chín phi công chúng tôi trở lại Moresby. Chín chiếc P.39 chờ sẵn chúng tôi trên không phận phi trường địch. Một mình tôi hạ cả ba chiếc trong vòng 15 giây. Sáu chiếc khác bỏ chạy mau đến nỗi các chiến đấu cơ khác của chúng tôi không sao chụp kịp.

Trở về phi trường Lae, các chuyên viên cơ khí của tôi đã kinh ngạc khi nhận thấy tôi chỉ bắn có 610 viên đạn trong trận không chiến ngày hôm đó. Trung bình mỗi phi cơ địch nhận hơn hai trăm viên.

Ngày hôm sau, 2 tháng 5, chúng tôi quay trở lại Moresby nữa, với một lực lượng gồm tám chiếc Zero. Lần này, mười ba chiến đấu cơ P.39 và P.40 bay chậm chậm ở cao độ 18.000 bộ chờ đón chúng tôi. Nishizawa phát hiện địch đầu tiên và khai hoả. Trước khi phi cơ địch nhìn thấy chúng tôi và lộn nhào để tránh né, bảy chiếc đã rơi xuống như cây đuốc. Trong ngày này, chúng tôi “bỏ túi” đến tám chiếc P.39 và P.40. Riêng tôi được hai chiếc và Nishizawa được ba chiếc.

Vào ngày 7 tháng 5, sau nhiều ngày ngơi nghỉ, bốn chiến đấu cơ được lệnh thực hiện phi vụ thám thính ở Moresby. Mỗi người chúng tôi đều la lớn một cách vui vẻ khi nhận ra đồng đội của mình trong phi vụ này. Cả bốn chúng tôi đều là các phi công chiến đấu cơ điểm thắng của phi đoàn. Tôi đã hạ được 22 phi cơ địch, Nishizawa 13, Ota 11 và Takatsuka 9. Tôi hy vọng hôm nay làm ăn lớn. Khi chúng tôi lượn vòng trên không phận Moresby, Nishizawa lắc cánh báo hiệu và chỉ mười chiến đấu cơ địch trong đội hình hàng dọc, từ ngoài biển hướng đến chúng tôi, cao hơn nhóm phi cơ chúng tôi khoảng 2.000 bộ. Nishizawa và Ota lập thành mũi dùi, với Takatsuka và tôi bay ngay phía sau, thấp hơn chút ít. Bốn chiếc P.40 tách rời khỏi đội hình và bỏ nhào xuống.

Tức khắc, bốn chiến đấu cơ Zero hướng mũi lên gần như thẳng đứng thay vì lộn nhào để né tránh và phân tán như phi công địch hy vọng. Chiếc P.40 đầu tiên vội vã vượt lên trong một vòng xoay tròn ốc, cố thoát khỏi cái bẫy do chính nó giăng ra. Bụng phi cơ địch lấp loáng trước mắt tôi. Nhanh như chớp, tôi thả ngay một loạt đạn đại bác. Cánh chiếc P.40 đứt lìa. Tôi lấy lại thăng bằng và nhìn thấy mỗi chiếc Zero đánh bật một chiếc P.40 ra. Tất cả đều biến thành cây đuốc. Sáu chiến đấu cơ địch còn lại đang ở trên chúng tôi. Chúng tôi phân tán qua phải và trái, vượt lên trong những vòng xoay hình tròn ốc, và lấy thăng bằng theo hình vòng cung, đồng thời các khẩu đại bác đều hoạt động. Thân ba chiếc P.40 tan rã hoặc bốc cháy. Ba chiếc còn lại chúi mũi xuống và chạy luôn.

Vào ngày 8 và 9 tháng Năm. Tôi tiêu diệt thêm hai chiến đấu cơ địch nữa, một chiếc P.39 và một chiếc P.40. qua những nhát chổi kế tiếp trên không phận Moresby. Vào ngày 10, tôi lại bắn rơi một chiếc P.39 với thành tích tiêu thụ đạn ít nhất, chỉ bốn quả đại bác, trong một phi vụ trên biển San Hô với Honda và Yonekawa.

Chương XII

Trong thời gian từ ngày 1 đến ngày 12 tháng Năm, phi đoàn Lae của chúng tôi không thiệt mất một chiếc Zero nào trong những lần đụng độ với địch quân. Nhờ biết người biết ta, và nhờ vào đội hình chiến thuật hữu hiệu nhất, chúng tôi đã tìm được lợi thế và thâm hoạch một loạt chiến thắng đơn phương.

Vào ngày 13 tháng năm, phi cơ của tôi bị hư hỏng máy móc nên bắt buộc phải ở lại. Việc này đã cho tôi dịp may nhận được mấy lá thư vào buổi sáng, do tiềm thủy đình mang đến mỗi tháng một lần. Má tôi viết rằng các anh tôi đã nhập ngũ. Một người tình nguyện vô trường phi công hải quân nhưng không được, vì gặp phải những đòi hỏi quá nghiệt ngã. Thay vào đó, anh tôi đầu quân vào căn cứ hải quân Sasebo. Người anh khác của tôi xin vô Lục quân và đã lên đường sang Trung Hoa, nhưng không bao giờ trở về nhà. Sau Trung Hoa, anh tôi được chuyển sang Miến Điện và thiệt mạng trong lúc thi hành nhiệm vụ.

Nhưng dĩ nhiên, bức thư mà tôi chờ đợi nôn nóng hơn hết là bức thư của Fujiko. Nàng viết nhiều về sự đổi thay to tát ở quê hương, và tôi đã ngạc nhiên với cái tin hiện nàng đang làm việc trong một cơ sở (biến cải thành cơ xưởng quân cụ) của người chú. Nàng viết:

“Hiện tại, không ai được ăn không ngồi rồi cả. Thủ tướng đã tuyên bố như vậy. Ông ta nói rằng ngay cả phụ nữ nếu họ ở nhà mà không đóng góp vào nỗ lực chiến tranh họ sẽ bị gọi nhập ngũ và gửi vô bất kì cơ xưởng quân cụ nào xét thấy cần đến sự phục vụ của họ. Do đó, để giữ em gần với gia đình, chú em đã mượn em làm việc cho ông.”

Cô em bà con Hatsuyo của tôi có những tin tức còn đáng lo âu hơn nữa. Nàng viết rằng thân phụ của nàng đã được chuyển từ Shikoku về Đông Kinh. Trở về thành phố này được vài ngày, nàng đã chứng kiến tận mắt các oanh tạc cơ B.25 của Hoa Kỳ dội bom. Đó là ngày 18 tháng tư.

“Em biết rằng anh đang đứng trước đầu sóng gió,” Hatsuyo viết, “và những thành quả mà anh đạt được trong việc chống quân thù khiến cho tất cả chúng em, những người sống ở quê hương, cảm thấy vô cùng yên lòng. Nhưng Đông Kinh và nhiều thành phố khác bị oanh tạc đã làm thay đổi thái độ của dân chúng hướng về cuộc chiến. Bây giờ mọi việc đều đã đổi khác, những trái bom đã rơi xuống đây, trên quê hương chúng ta. Bây giờ hình như những cô gái khác, tất cả đều phải cố gắng làm việc nhiều hơn để yểm trợ cho anh và những phi công khác, những người cách xa Nhật Bản ngàn trùng.”

Hatsuyo vẫn đi học, nhưng trọn buổi chiều và vài giờ vào buổi tối, nàng phải làm việc trong các cơ xưởng sản xuất quân trang, với các cô gái khác. Hai anh tôi đi lính, Fujiko và Hatsuyo làm việc trong các cơ xưởng... tất cả đều lạ lùng như vậy.

Hatsuyo không mô tả chi tiết cuộc oanh tạc của đối phương, tuy nhiên cùng ngày đó chúng tôi đã nhận được tin tức. Đương nhiên chính phủ đã phủ nhận những thiệt hại nặng nề. Nhưng tất cả các phi công ở Lae đều biết mức độ tàn phá của oanh tạc cơ địch. Họ đủ sức nghiền nát quê hương chúng tôi, cho dù có thể bị trả đũa sau đó. Lúc tôi đang còn đọc thơ, chuẩn úy Wataru Handa bước vô yêu cầu tôi cho mượn Honda, phi công bên cánh của tôi để thực hiện một phi vụ ở hải cảng Moresby. Chuẩn úy Handa mới đến Lae, mặc dù chưa chiến đấu ở Thái Bình Dương, nhưng là một trong những phi công nổi tiếng của Nhật Bản ở chiến trường Trung Hoa, với 15 phi cơ địch bị hạ. Sau khi trở về từ Hoa Lục, hẳn trở thành huấn luyện viên phi hành ở trường phi công Tsuchiura. Tôi không hề có một thắc mắc nào trong việc để cho Honda bay với hẳn.

Tuy nhiên, Honda từ chối. Anh ta đáp ứng: “Tôi không đi thì tốt hơn, Saburo. Từ trước đến nay tôi chỉ bay chung với anh, và bây giờ tôi không muốn thay đổi.”

Tôi chận ngay: “Ồ! Anh đừng có nói điên!. Handa là một phi công tài giỏi hơn tôi nhiều, và cũng bay lâu hơn tôi, anh cứ đi!”

Trưa hôm đó, Honda cất cánh với năm chiến đấu cơ Zero khác cho một phi vụ quan sát trên không Moresby.

Sự miễn cưỡng của Honda khiến tôi lo lắng và tôi đã tháo mồ hôi hột trong lúc chờ đợi anh ta trở về. Hai giờ sau, năm chiếc Zero đáp xuống: phi cơ dẫn đầu của chuẩn úy Handa và bốn người khác. Phi cơ của Honda không thấy!

Tôi chạy ủa ra phi đạo và leo lên cánh chiếc Zero của Handa ngay trước khi cánh quạt ngừng quay. “Honda đâu?” Tôi hỏi lớn, “Anh ta đâu? Việc gì đã xảy ra cho anh ta?”

Handa nhìn tôi mặt mày khổ nải. “Anh ta đâu?” tôi hét. “Việc gì xảy ra?”.

Handa leo ra khỏi phòng lái. Đứng trên mặt đất, hấn nắm lấy tay tôi, khom mình xuống, và cố gắng lắm mới nói được. Tiếng nói của hấn run run. “Tôi ... tôi rất ân hận Saburo. Honda, anh ta... anh ta đã thiệt mạng. Việc này lỗi tại tôi.”

Tôi ngơ ngẩn! Tôi không tin được! Honda không thể chết ! Anh ta là một phi công bên cánh tài ba hơn bất kì một phi công nào mà tôi đã từng bay chung.

Chuẩn úy Handa vừa đi vừa nhìn xuống mặt đất, rồi bước vô Bộ chỉ huy. Tôi đi theo hấn không thốt được lời nào.

“Chúng tôi ở trên phi trường Moresby” vừa đi Handa vừa nói, giọng nhỏ. “ chúng tôi bắt đầu lượn vòng ở cao độ 7.000 bộ. Không thấy phi cơ địch nào trên bầu trời, và tôi nhìn những phi cơ đậu trên mặt đất.”

“Đó là lỗi của tôi, tất cả đều là lỗi của tôi. Chiến đấu cơ xuất hiện mà tôi không thấy. Đó là những chiếc P.39. Tôi không biết bao nhiêu. Chúng chúí xuống mau đến nỗi tôi không kịp trở tay. Chúng tôi chỉ biết sự hiện diện của phi cơ địch khi súng đã nổ. Tôi lộn ngay một vòng, phi công bên cánh khác của tôi cũng làm như tôi. Khi tôi đảo quành lại, tôi thấy phi cơ của Honda bao trùm trong lửa đỏ. Hấn bị hoả lực chéo của mấy chiếc P.39”

Tôi đứng lại nhìn hấn trờng trờng. Handa bước đi luôn. Hấn sẽ không bao giờ phục hồi sau cú đâm vừa nhận lãnh. Mặc dù hấn là một “Ace” ở Trung Hoa hiện thời hiển nhiên hấn đã mất hấn sự nhạy bén trên không trung. Hấn chưa từng đối đầu với chiến đấu cơ Hoa Kỳ bao giờ. Dù sao đi nữa, Handa cũng cảm thấy hổ thẹn khi hấn để cho phi công bay bên cánh bị thiệt mạng. Những ngày ở Lae hấn xanh xao vàng vọt. Cuối cùng, hấn mắc bệnh lao và được gởi về xứ. Nhiều năm sau, tôi nhận được một bức thư của bà vợ Handa. Bà ta viết: “Nhà tôi qua đời ngày hôm qua sau chứng bệnh dai dẳng. Tôi viết thư này thể theo lời yêu cầu của nhà tôi, nói lên lời tạ tội thay cho anh ấy. Nhà tôi không bao giờ hồi phục phong độ sau sự mất mát ở Lae. Lời cuối cùng nhà tôi thốt lên khi chết: “Suốt đời tôi, tôi đã chiến đấu dũng cảm, nhưng không thể nào quên được khi tôi để mất người của Sakai.”

Khi chết, Honda chỉ mới 20 tuổi. Anh ta là một con người dũng mãnh trên mặt đất cũng như trên không trung. Vào những ngày nghỉ, tôi đi lang thang quanh căn cứ. Tôi không lưu tâm đến đòi hỏi phải phục thù cho phi công thiệt mạng đầu tiên của phi đoàn, do những người còn lại đề nghị. Nhưng đến ngày 17 tôi thay đổi ý kiến. Đối với tôi, thành công lớn nhất trong khi chiến đấu của tôi là không bao giờ để mất người bay bên cánh. Tôi đã làm trái ý muốn của Honda, để hấn bay với người khác, và hấn đã chết. Ngày hôm sau, 14 tháng 5, tôi nhận hạ sỹ Hatori thay

thế cho Honda.

Vào ngày 15 tháng năm, mưa đổ như thác lũ, có nghĩa là một ngày nghỉ của tất cả các phi công. Nhưng trước bình minh ngày 16, nhiều oanh tạc cơ B.25 bay sà thấp trên ngọn cây lúót đến đào nát phi đạo và thổi bay nhiều cơ xưởng bảo trì.

Bước sang ngày thứ hai chúng tôi vẫn chôn chân trên mặt đất, bỏ cả một ngày để chỉ làm công việc dọn dẹp và lắp hố bom trên phi đạo. Sau đó, chúng tôi vô ngồi trong doanh trại, nhiều phi công ngủ gà ngủ gật, một số khác thảo luận về nhịp độ tấn công gia tăng của địch quân.

Ngày trôi qua chậm chạp, và đêm đó Nishizawa, Ota và tôi đi đến phòng truyền tin để nghe giờ nhạc do đài phát thanh Úc Đại Lợi phát ra hàng đêm.

Nishizawa thành linh lên tiếng: “Hãy nghe điệu nhạc này. Nó có phải là “Điệu Vũ của Tử Thần” không?”

Chúng tôi gật đầu. Nishizawa bỗng nhiên lộ vẻ phấn khởi. “Điệu nhạc này làm tôi nảy ra một ý kiến. Các bạn biết phi vụ không kích Moresby vào ngày mai? Tại sao chúng ta không biểu diễn “Điệu Vũ của Tử Thần” của chúng ta để đối phương xem chơi?”

Ota hỏi: “Anh nói cái quái gì vậy? Tôi thấy anh giống như thằng khùng!”

Nishizawa cãi: “Tôi nói thật. Sau khi không kích xong, trên đường bay về hãy quay lại Moresby, chỉ ba chúng ta thôi, để biểu diễn một màn nhào lộn ngay trên phi trường của đối phương để chọc giận họ chơi.”

“Có lẽ thú vị đó,” Ota nói, “nhưng còn chỉ huy trưởng? Ông để chúng tôi đi suôn sẽ không?”

Nishizawa cười: “Khi đề nghị trò chơi này tôi phải biết cách chớ.”

Chúng tôi trở lại doanh trại, và cả ba to nhỏ bàn tán kế hoạch hành động ngày mai. Dù cho chỉ có ba chúng tôi xuất hiện trên không phận Moresby nhưng chúng tôi không sợ. Cả ba chúng tôi đã bắn rơi tổng cộng gần 70 phi cơ địch rồi: tôi 27 chiếc, Nishizawa 20 chiếc và Ota 18 chiếc.

Ngày hôm sau, chúng tôi quét Moresby với sức mạnh tối đa: 18 chiến đấu cơ Zero, với thiếu tá Tadashi Nakajima, chỉ huy trưởng phi đoàn, đích thân hướng dẫn. Nishizawa và tôi bay hai bên cánh của ông.

Cuộc không kích là một thất bại. Trên phi trường địch không có bóng một phi cơ nào. Nhưng câu chuyện trên trời cao thì khác. Nhiều chiến đấu cơ địch, trong đội hình ba chiếc, ủa đến tấn công chúng tôi. Chúng tôi xoay lại và đánh dàn mặt với nhóm đầu tiên. Cuộc hỗn đấu xảy ra, sáu chiếc P.39 trong đó có hai chiếc là nạn nhân của tôi rút cháy như cây đuốc. Nhiều chiến đấu cơ Zero tách rời khỏi trận không chiến chúi xuống bắn phá phi trường. Hai chiếc bị đạn phòng không, què quặt và đâm vô sườn núi Owen Stanley trên đường trở về.

Ngay sau trận không chiến, chúng tôi trở lại đội hình, và trên đường về tôi ra dấu cho thiếu tá Nakajima biết tôi phải truy đuổi một phi cơ địch. Ông vẫy tay, và tôi bỏ nhào ngay xuống với hai phi công bên cánh: Ota và Nishizawa.

Một vài phút tôi trở lại Moresby, bay vòng trên phi trường ở độ cao 12.000 bộ. Súng phòng không im tiếng và không có chiến đấu cơ nào xuất hiện. Cả ba chúng tôi bay trong đội hình chỉ cách nhau vài bộ. Chúng tôi lộn nhào bao vòng. Nhìn quanh để tìm kiếm phi cơ địch lần cuối cùng, tôi chúi mũi xuống để lấy tốc độ với Nishizawa và Ota đeo dính hai bên. Tôi kéo ngược cần điều khiển theo hình vòng cung và lộn ngược lại phía sau. Hai chiếc Zero kia cũng làm y như tôi, rồi lấy thẳng bằng và vừa lặn tròn vừa bay vòng quanh.

Hơn hai lần, chúng tôi vượt lên, bay vòng quanh, chúm xuống và lại lộn ngược trở lên bằng cách lặn tròn. Không một khẩu cao xạ nào bắn lên từ mặt đất, và bầu trời không có bóng dáng bất kì chiến đấu cơ nào của địch.

Sau khi biểu diễn lần thứ ba, Nishizawa khoái chí và muốn biểu diễn lại một lần nữa. Tôi xoay sang trái, thấy Ota cười và gật đầu đồng ý. Tôi không thể từ chối. Chúng tôi chúm xuống chỉ cách phi trường địch 6.000 bộ và lặn tròn ba vòng trên không trung rồi đảo quanh thật nhịp nhàng. Vẫn không có tiếng súng nào bắn lên.

Chúng tôi trở về Lae hai mươi phút sau khi các chiến đấu cơ khác đã đáp xuống. Chúng tôi im thinh thít. Ngay sau đó chúng tôi ngồi chụm đầu lại bàn tán, cười đùa thỏa thích. Tuy nhiên, sự bí mật của chúng tôi sớm bị khám phá. Quá chín giờ đêm đó, một liên lạc viên chạy vô phòng ngủ cho biết đại úy Sasai muốn được “diện kiến” chúng tôi tức khắc. Chúng tôi nhìn nhau lo lắng. Hành vi của chúng tôi có thể nhận lãnh hình phạt nặng nề.

Ngay sau khi chúng tôi bước vô văn phòng, đại úy Sasai nói lớn: “Hãy coi đây, các anh là bọn hoang đàng!”. Mặt ông ta đỏ gay và phất qua phất lại một lá thư bằng tiếng Anh, trước mắt chúng tôi. “Các anh có biết tôi được cái này ở đâu không?” ông hét lớn, “không biết? Để tôi nói cho nghe, mấy tên ngu ngốc này. Bức thư này vừa được một chiếc phi cơ địch thả xuống sân bay cách đây vài phút!”

Thư viết:

“Gởi chỉ huy trưởng phi đoàn Lae: chúng tôi sẽ nhớ mãi ba tên phi công đã thăm viếng chúng tôi ngày hôm nay. Tất cả chúng tôi đều khoái mấy cú lộn nhào của họ trên phi trường của chúng tôi. Đó là một màn trình diễn rất tốt. Chúng tôi sẽ lấy làm hân hạnh nếu ba tên phi công này trở lại thăm viếng chúng tôi một lần nữa, mỗi tên nên quấn một khăn quàng màu xanh quanh cổ. Chúng tôi rất buồn đã không đón tiếp họ chu đáo, nhưng hy vọng lần sau họ sẽ được tất cả chúng tôi tiếp đón nồng nhiệt hơn.”

Cả ba chúng tôi cố giữ lắm mới khỏi cười ồ. Bức thư được ký bởi một nhóm phi công chiến đấu cơ. Sau đó đại úy Sasai bắt chúng tôi đứng như trời trồng để phạt hành vi ngu ngốc của chúng tôi. Đặc biệt, chúng tôi được lệnh không bao giờ thực hiện màn trình diễn nào thêm nữa trên các phi trường địch. Đó là một sự đối đãi tốt của thượng cấp, và chúng tôi hả dạ với “Điều vũ của tử thần” ở Moresby của chúng tôi.

Tuy nhiên, đêm hôm đó không ai trong bọn chúng tôi biết rằng ngày hôm sau chúng tôi sẽ được xem một “Điều vũ của tử thần” thực sự diễn ra, chưa từng thấy trong các vở kịch từng diễn trên không. Bảy chiến đấu cơ thuộc không đoàn của chúng tôi hộ tống tám oanh tạc cơ không tập Moresby. Chúng tôi chưa tiến đến phi trường địch thì đã bị 18 chiến đấu cơ địch nhào xuống từ mọi hướng. Đây là một trận đánh phòng vệ mà tôi chưa gặp bao giờ. Chúng tôi bị áp lực đến nỗi khó xoay trở trong việc bảo vệ cho 8 oanh tạc cơ. Mặc dù tôi đã đẩy bật nhiều chiến đấu cơ địch ra khỏi các oanh tạc cơ, nhưng không thể bắn rơi một chiếc nào. Ba chiến đấu cơ địch bị đồng bạn tôi bắn hạ. Trong khi đó, các oanh tạc cơ thả bom không mấy chính xác rồi bay lạng ra để quay về.

Tôi nhìn thấy một chiếc P.39 lướt thẳng đến nhóm oanh tạc cơ với một tốc độ khủng khiếp, nhưng tôi đành bó tay. Chiếc P.39 nhả một loạt đạn vào chiếc oanh tạc cơ bay cuối cùng, rồi lộn nhào và chúm xuống, vượt hẳn tầm súng của chúng tôi. Chiếc oanh tạc cơ tuôn một vệt lửa, sau đó bốc cháy dữ dội, chúm mũi xuống thật mau. Nó mất độ cao nhanh chóng và hình như mất hẳn sự kiểm soát.

Thình lình, vẫn bốc cháy dữ dội, mũi chiếc oanh tạc cơ khẽ ngược và bắt đầu vượt lên cao. Tôi

ngạc nhiên khi nhìn thấy chiếc phi cơ bắt đầu lặn tròn, cách “biểu diễn” này khó thực hiện được đối với một chiếc Betty. Nó vẫn tiếp tục lướt lên và vẫn lặn tròn cho đến khi biến thành một trái cầu lửa.

Lửa rớt từng bọng. Ngay cả khi chiếc phi cơ sắp sửa chúi mũi xuống thì một tiếng nổ dữ dội làm rung rinh cả phi cơ của tôi, chiếc oanh tạc cơ biến thành những mảnh vụn rơi lả tả.

Trong ba tháng năm, sáu và bảy, hầu như các trận không chiến xảy ra liên miên. Cho đến sau chiến tranh, tôi mới biết không đoàn Lae của chúng tôi đã đạt được nhiều thành quả nhất so với những hoạt động của các đơn vị không quân chiến đấu Nhật Bản khác.

Vào ngày 23 tháng năm, bảy chiến đấu cơ Zero chặn đánh năm oanh tạc cơ B.25 trên không phận Lae và chôn một chiếc xuống biển, cách phía Nam Salamua 30 dặm. Ngày hôm sau, sáu oanh tạc cơ địch quay trở lại Lae. Không may cho các oanh tạc cơ này, mạng lưới báo động từ xa của Lae phát hiện ra chúng, và 11 chiến đấu cơ Zero cất cánh đốt cháy và bắn rơi 5 chiếc, đồng thời gây què quặt cho chiếc thứ sáu. Tôi bay cả hai phi vụ nghinh chiến này và trong hồ sơ của Bộ Tư Lệnh Tối Cao Hoàng Gia đã ghi vô điểm thắng của tôi thêm ba oanh tạc cơ vào hai ngày này.

Nhiệm vụ của các cuộc tấn công gia tăng vào những ngày cuối tháng năm. Lần đầu tiên, vào ngày 25 tháng năm bốn oanh tạc cơ B.17 bay tới tấn công Lae với 20 chiến đấu cơ hộ tống. 16 chiến đấu cơ Zero nhào xuống chặn đầu lực lượng này trên đỉnh dãy núi Owen Stangley. Năm chiến đấu cơ địch bị hạ, nhưng các pháo đài bay thoát thân an toàn. Ba ngày sau, năm oanh tạc cơ B.26 trở lại Lae. Tôi ghi một điểm nữa. Và vào ngày 9 tháng sáu, tôi gởi thêm hai chiếc B.26 xuống đại dương.

Ngày giờ hình như không còn phân chia rõ rệt nữa. Đời sống trở thành một chuỗi bất tuyệt của những cuộc càn quét trên không, của những phi vụ hộ tống oanh tạc cơ đến Moresby, của những cuộc chạy đua cất cánh để tiếp đón kịp thời các đối thủ đến viếng thăm. Đồng Minh hình như có một nguồn tiếp tế phi cơ vô tận. Tuần nào họ cũng chịu đựng sự thiệt hại nặng nề, tuy vậy phi cơ của họ vẫn đến đều đều.

Chương XIII

Trước đó, vào ngày 20 tháng năm, chúng tôi đối đầu với đối phương trong một trận không chiến cao nhất lịch sử khi chỉ huy trưởng không đoàn hướng dẫn 15 chiến đấu cơ từ Lae bay đến Moresby ở cao độ 30.000 bộ trong suốt một tiếng rưỡi đồng hồ. Chúng tôi duy trì cao độ này để lấy yếu tố bất ngờ, và chúng tôi cũng đã bất ngờ khi đụng đầu với một đội hình địch quân cũng bay cùng một cao độ như chúng tôi.

Tôi đã hồ nghi khả năng chiến đấu của phi cơ Zero ở cao độ này. Riêng tôi có thể đạt đến cao độ 37.720 bộ với chiến đấu cơ Zero, nhưng phải mang mặt nạ dưỡng khí và một chiếc áo ấm. Ở cao độ đó, cần điều khiển của phi cơ rất nặng nề và không thể nhích độ cao lên một tấc nào được nữa. Bởi vậy chiến đấu với một chiếc Zero ở độ cao 30.000 hình như không được khôn ngoan lắm.

Có mười chiến đấu cơ địch, loại P.39 kiểu mới. Tôi dẫn đầu cuộc tấn công và xáp chiến tức khắc. Mười bốn chiến đấu cơ Zero khác đối đầu với nhóm phi cơ còn lại.

Cần kiểm soát nặng nề và chậm chạp trong không khí loãng, hình như mọi cử động của tôi đều trì trệ. Lòng ngực của tôi như muốn rạn nứt và mặt nạ dưỡng khí tuột ra khỏi cằm tôi.

Dường như khi một người đã tập trung tất cả sức mạnh vào một hành động quyết định, ngay cả khi ngộp thở vì thiếu dưỡng khí cũng không thể nào ngăn nổi hành động của hắn. Giữa lúc tôi như bất tỉnh, tôi cảm thấy tay tôi vẫn nắm chặt cần điều khiển và giữ cho phi cơ chúi xuống trong vòng xoay hình tròn ốc. Khi đầu óc tôi đã tỉnh táo và nhìn thấy trở lại, phi cơ đã xuống ở cao độ 20.000 bộ. Tôi vừa xoay mình tức khắc, vì cảm giác phi cơ địch bám sát theo, vừa chuẩn bị hoả lực. Nhưng phi công địch cũng gặp rắc rối. Có lẽ hắn xoay theo tôi quá ngặt hoặc có thể hắn cũng mất dưỡng khí như tôi, cho nên cũng cùng cao độ 20.000 bộ, nhưng phi cơ của hắn xoay theo hình tròn ốc chậm chạp. Không bỏ lỡ dịp may, tôi xông tới ngay khi chiếc phi cơ có vẻ lấy lại thăng bằng, cánh hơi ngược lên với các họng súng rục lửa hướng về phía tôi. Tôi lạng ra nhanh như chớp, bấy giờ chiếc P.39 đang ở trên và phía bên phải tôi, và tôi ấn cò đại bác. Một viên đạn cắt đứt phi cơ địch ra làm hai. Ngoài tôi chỉ có Ota bắn hạ được một chiếc P.39 khác vào ngày hôm đó.

Ngày hôm sau, đầu tiên tôi hạ được một chiến đấu cơ địch mà không cần bắn một phát súng nào, trong một trận không chiến căng thẳng cao độ. Khác hơn lần trước, lần này ngày 26 tháng năm, chúng tôi đụng nhau ở một cao độ thật thấp, chỉ sát trên ngọn cây. Một nhóm 16 chiến đấu cơ Zero chạm trán một đội hình đối phương kì lạ. Bốn oanh tạc cơ B.17 bay trong đội hình hàng dọc khoảng 20 chiến đấu cơ P.39 chia thành từng nhóm nhỏ hai hoặc ba chiến đấu cơ bao xung quanh các pháo đài bay này. Chúng tôi ở phía dưới đối phương và tấn công bằng cách vượt thẳng đứng lên mà họ không hay biết. Tôi đốt ngay một chiếc P.39, và bầu trời như nổ tung trong một trận hỗn chiến giữa phi cơ và phi cơ.

Hầu hết chiến đấu cơ địch đều thối lui và lạng xa các chiến đấu cơ của chúng tôi. Tôi bám sát đuôi của một chiếc P.39 đang chúi xuống khu rừng. Viên phi công tỏ ra sợ hãi, hắn bay có vẻ như quét trên ngọn cây và giống như cắt cỏ khi hắn xoay thân, vượt lên, chúi xuống với tôi đeo dính sau đuôi. Mỗi lần hắn vượt lên, xoay ngang hoặc lăn tròn, tôi cắt thẳng vào thân phi cơ của hắn. Tôi chụp ngay một viên đạn khi chiếc Airacobra lạng ra bằng cách lăn tròn về phía trái. Viên phi công chúi xuống ngay và nhắm về phía một thung lũng đầy cây cối, xung quanh toàn là dốc đá cao chón chở.

Trước khi tôi nhận biết sự nguy hiểm, tôi đã lọt vô một hẻm núi, đeo dính một bên đuôi của chiếc P.39. Không có thời giờ để tập trung hoả lực, tất cả những gì mà tôi có thể làm là tránh né

các mỗm đá, khít khao trong đường tơ kẻ tóc. Hiểm nguy khiến tôi quên hẳn mục đích chính của tôi. Mồ hôi đổ ra như tắm. Tiếng động cơ máy bay hình như vang vang như sấm động bên tai tôi.

Bỗng nhiên phía trước, một gộp đá treo lơ lửng án mất lối đi của chúng tôi. Lập tức viên phi công địch dựng đứng phi cơ để vượt lên, nhưng quá muộn. Cánh chạm vào đá, chiếc phi cơ lộn nhào, và một tiếng nổ khủng khiếp vang lên phía dưới hố sâu.

Tôi kéo sát cần điều khiển về phía sau với tất cả sức mạnh của đôi tay và giữa thật chặt. Chiếc Zero quất ngược đầu lên thật dữ dội, và chỉ trong vòng một cái nháy mắt nhưng dài dằng dặt, chiếc phi cơ lướt lên khỏi gộp đá, có thể nói là chỉ trong gang tấc.

Tôi mất một vài phút mới lấy lại bình tĩnh, và đưa tay vuốt mồ hôi đổ xuống như tắm trên mặt. Gia tăng tốc lực và vượt lên cao từ từ. Đó là chiến thắng thứ 37 của tôi, mặc dù tôi không đích thân tiêu diệt chiếc phi cơ này, nhưng trận không chiến vừa qua là một trong những trận không chiến tốn sức nhất trong đời tôi. Sau đó, tôi được biết Nishizawa và Ota cũng lâm vào tình trạng chiến đấu không khác gì tôi. Họ rượt đuổi hai chiếc P.39 xuống một triền núi và hầu như lâm hiểm trong lúc vượt lên khi hai đối thủ phía trước của họ vỡ tan. Đêm đó, doanh trại của chúng tôi ồn ào nổi vui qua những biến cố trong ngày.

Suốt tuần lễ cuối cùng của tháng năm, không đoàn Lae tung hết sức mạnh càn quét khu vực Moresby, và trong vòng ba ngày của cuộc không chiến dữ dội, chúng tôi đã thu đạt được những thành quả không thể tưởng tượng được. Qua chiều hướng này, Moresby được xét đoán đã đến lúc nhận lãnh một cú đấm dứt khoát. Vào ngày 1 tháng Sáu, 18 oanh tạc cơ cất cánh từ Rabaul, hộ tống bởi 30 chiến đấu cơ Zero của Lae và 11 chiếc khác của Rabaul, cố gắng san bằng pháo đài huyết mạch của địch quân lần cuối. Chúng tôi đã tin tưởng một cách chắc chắn rằng Đồng Minh không thể đưa ra một sự chống đối mạnh mẽ sau các trận đánh liên tục. Chúng tôi đã sai lầm. Hai mươi chiến đấu cơ địch đã gầm thét xông vào lực lượng to lớn của Nhật Bản. Một lần nữa, một trận đánh "xáp lá cà" giữa chiến đấu cơ và chiến đấu cơ xảy ra. Bảy phi cơ địch rớt trong lửa đỏ, một chiếc do súng của tôi gây ra. Nhưng đối phương đã đạt mục đích: phân tán lực lượng oanh tạc cơ của chúng tôi và bẽ gãy sự chính xác của cuộc không tập.

Trên đường trở về Lae, một oanh tạc cơ của chúng tôi rớt khỏi đội hình, bay lạng quạng trong không khí. Tôi và năm chiến đấu cơ khác phải bay tụt lại để bao che. Chiếc oanh tạc cơ lê thân chậm chạp. Những lỗ đạn đại bác lỗ chỗ trên cánh và thân phi cơ, coi không khác nào một cái rây. Chiếc phi cơ vẫn còn bay được, đó là một phép lạ.

Phi công trưởng và phụ nằm dài trên ghế trong những vũng máu. Tôi không thể nhìn thấy bốn người khác thuộc phi hành đoàn. Chỉ có chuyên viên cơ khí vật lộn với cần điều khiển, cố giữ cho phi cơ thăng bằng. Hiển nhiên hẳn không bị thương, còn những người khác có thể đã chết hoặc bị thương nặng.

Bằng mọi cách, chuyên viên cơ khí đã đưa được chiếc phi cơ lão đảo như người say rượu về tới phi trường Lae. Hẳn đã làm được một công việc đáng nể phục. Rõ ràng hẳn bay với kiến thức học lóm. Việc này đã đành là khó khăn đối với những người chưa được huấn luyện lái phi cơ, nhưng còn khó khăn hơn nữa khi lái một chiếc phi cơ bị hư hại trầm trọng. Lúc ấy chiếc oanh tạc cơ đã tiến vào không phận Lae và anh chuyên viên cơ khí không còn biết phải làm gì thêm nữa. Hẳn có thể giữ cho phi cơ bay, nhưng đáp xuống là cả một vấn đề.

Chiếc phi cơ què quặt đảo chầm chậm trên phi trường hết vòng này đến vòng khác, và anh chuyên viên cơ khí ngắm nghía phi đạo nhỏ hẹp phía dưới. Không có cách nào khác để giúp đỡ con người bần chòn này. Chúng tôi bay sát hơn và cố chỉ cách cho hẳn đáp xuống, nhưng mọi khi hẳn rời tay khỏi cần điều khiển, chiếc phi cơ chao đi chao lại một cách nguy hiểm. Dần dần hẳn giảm được tốc độ và bắt đầu hạ thấp xuống. Chiếc phi cơ bay vòng ra ngoài biển, và hạ xuống quá mau khi xoay lại để hướng đến phi đạo. Tôi nín thở. Chiếc phi cơ xốc dữ dội và bắt

đầu rơi xuống tuồn tuột. Nó sẽ tan tành trong nháy mắt.

Một phép lạ xảy ra! Viên phi công gượng ngồi dậy, gương mặt trắng bệch lổm đổm máu. Hắn tựa một cách nặng nhọc vào vai của anh chuyên viên cơ khí. Chỉ một giây sinh tử, hắn ấn nút bộ phận đáp bật ra, phi cơ lấy lại tốc lực và bánh xe chạm trên mặt phi đạo. Trong nháy mắt, nó va vào hai chiến đấu cơ đang đậu vỡ tan, rồi bật nhào nửa vòng và đứt làm hai đoạn.

Chúng tôi đáp lập tức sau đó, cán trên các mảnh vụn nhưng lạ lùng là không có chiếc phi cơ nào bốc cháy. Viên phi công của chiếc oanh tạc cơ chỉ gượng đứng dậy được một phút rồi ngã ra bất tỉnh. Phi công phụ tử thương. Chuyên viên cơ khí bị thương trầm trọng ở giò, phải khiêng ra khỏi phi cơ. Tất cả nhân viên khác thuộc phi hành đoàn đều mang thương tích nặng. Nhất chối chiến đấu cơ vẫn tiếp tục quét, và suốt hai ngày kế tiếp chúng tôi bắn rơi thêm ba chiến đấu cơ địch. Nhưng không một người nào ở Lae biết được các chiến thắng liên tục của chúng tôi trái ngược một trời một vực với cuộc chiến bại đầy bi thảm của một lực lượng đặc nhiệm Nhật Bản to lớn ở Midway vào ngày 5 tháng sáu. Đông Kinh tuyên bố lực lượng đặc nhiệm của chúng tôi đạt được chiến thắng quan trọng. Bộ Tư Lệnh Hoàng Gia đã giảm thiểu sự mất mát của chúng tôi xuống một mức độ vô nghĩa. Tuy nhiên, lần đầu tiên chúng tôi hồ nghi sự chính xác của các tin tức. Lý do dễ hiểu là chúng tôi biết Midway bị địch quân đổ bộ và chiếm đóng. Nếu hạm đội của chúng tôi rút lui mà không đẩy bật được cuộc chiếm đóng đó, không cần nhìn thấy cũng biết những gì đã xảy ra.

Sau này chúng tôi được biết bốn trong số các hàng không mẫu hạm mạnh nhất và lớn nhất của chúng tôi, cùng với 200 phi cơ và hầu hết phi công cũng như hàng mấy ngàn thủy thủ, đã bị chôn vùi xuống đáy biển.

Từ ngày 5 đến 15 tháng năm, một sự yên tĩnh kì dị được nhìn thấy trên mặt trận New Guinea. Sự yên tĩnh này chỉ bị phá vỡ bởi một cuộc không kích duy nhất ở Lae vào ngày 9. Điểm thắng của tôi ghi thêm hai oanh tạc cơ B.26.

Vào ngày 16 tháng năm, cuộc chiến trên không bùng nổ dữ dội trở lại. Đó là một ngày chiến đấu cơ của chúng tôi làm chủ chiến trường, khi 21 chiến đấu cơ Zero vờ ba nhóm phi cơ lơ đãng của địch quân.

Chúng tôi đụng với nhóm 12 chiến đấu cơ đầu tiên của địch bằng cách bổ nhào xuống một lượt, phá tan đội ngũ của địch quân. Tôi bắn rơi một chiếc, và năm phi công khác mỗi người ghi một điểm. Sáu chiến đấu cơ địch còn lại chúi xuống và chạy thoát.

Trở lên cao độ cũ, chúng tôi nhào ra khỏi ánh mặt trời đậm thẳm vô nhóm 12 chiến đấu cơ thứ hai. Với cách đánh bất thần được lập lại này, chúng tôi hạ thêm ba chiến đấu cơ địch. Tôi lại ghi một điểm.

Đợt phi cơ thứ ba, gồm khoảng 10 chiếc lướt đến ngay khi chúng tôi dọn dẹp xong nhóm thứ hai. Chúng tôi chia ra làm hai nhóm, một nhóm 11 chiếc Zero vượt lên cao để đánh xuống, một nhóm gồm 10 chiếc vẫn giữ độ cao như cũ. Các đội hình toả rộng trên khắp bầu trời Moresby. Phi cơ địch là loại P.39 mới, bay mau lẹ hơn loại cũ nhiều. Tôi nháy vô một đối thủ, và hắn đã làm cho tôi ngạc nhiên qua lối vung thật lẹ ra khỏi hướng bay mỗi lần tôi khai hỏa. Chúng tôi rượt đuổi nhau vòng quanh. Viên phi công của chiếc Airacobra này vừa chạy vừa xoay tít, lộn nhào, vượt lên, chúi xuống, xoắn vòng, rớt theo hình tròn ốc, và nhiều cách khác. Tài nghệ của hắn tuyệt luân. Với một chiếc phi cơ tốt hơn, đáng lẽ hắn đã lấy mạng tôi từ lâu, nhưng tôi không để hắn hờ tay. Tôi cứ đeo dính cách phía sau đuôi hắn không đầy mười tám thước. Cuối cùng tôi lặn về phía trái một vòng, tung ra hai viên đại bác tầm ngắn, và chiếc P.39 biến thành cây đuốc.

Đó là chiến thắng thứ ba trong ngày. Chiến thắng thứ tư hầu như tiếp ngay sau đó và dễ dàng một cách đáng buồn cười. Một chiếc P.39 xẹt đến trước mặt tôi và chỉ lo chú ý đến một chiếc Zero khác đang truy đuổi ráo riết phía sau. Chờ cho chiếc phi cơ đến đúng tầm súng, tôi rớt

ngày 200 viên đại liên vô mũ. Nó lộn nhào như chóp để tránh né. Tôi bồi thêm loạt đạn đại liên thứ hai vô bụng. Nó vẫn chưa chịu rút. Một loạt đại liên thứ ba chụp trúng buồng lái của chiếc phi cơ đang còn lộn nhào. Kiếng che gió vỡ tan, và tôi thấy viên phi công gục về phía trước. Chiếc P.39 xoay tít rồi chúi xuống mau, và nổ tan trong khu rừng phía dưới.

Hạ bốn chiến đấu cơ địch trong một ngày. Đó là thành tích của riêng tôi, đóng góp vào thành tích chiến thắng vĩ đại nhất chỉ trong vòng một ngày hoạt động của phi đoàn Lae, với tổng số 19 chiến đấu cơ địch bị tiêu diệt thực sự.

Chiến thắng như vậy vẫn chưa đủ. 10 oanh tạc cơ B.26 lại mò đến căn cứ của chúng tôi. Phi cơ đã chọn giờ xấu, vì 19 chiến đấu cơ Zero đã rời khỏi mặt đất trước khi chúng đến. Chúng tôi không hạ được chiếc nào, nhưng gây hư hại hầu hết và phá hỏng kế hoạch oanh tạc của địch quân. Trên đường truy đuổi, chúng tôi đụng đầu với 10 chiến đấu cơ P.39. Hiển nhiên 10 phi cơ này đáp lại lời kêu cứu của các oanh tạc cơ. Chúng tôi đốt một chiếc.

Căn cứ Lae từng bừng với chiến thắng đêm đó. Tất cả các phi công được phát thuốc hút thả giàn. Chuyên viên cơ khí bu quanh chúng tôi để chia xẻ niềm vui. Chúng tôi còn được tin sẽ có 5 ngày phép ở Rabaul. Tin này khiến tôi khoan khoái hơn hết. Không những tôi quá mệt mỏi sau những ngày chiến đấu liên miên, nhưng các chuyên viên cơ khí muốn có thời giờ để sửa chữa chiếc chiến đấu cơ của tôi. Họ gọi tôi ra để chỉ cho coi nhiều lỗ đạn trên cánh và trên thân phi cơ, và tôi đã thót ruột khi nhìn thấy những lỗ đạn chạm thành một hàng phía sau phòng lái, cách đầu tôi không đầy hai phân.

Hồi năm 1942, không có một phi công chiến đấu nào của Nhật bận áo giáp, và phi cơ cũng không được chế tạo với những chỗ bọc sắt để chống đạn như phi cơ của Hoa Kỳ. Nếu đối phương sớm khám phá điều này, chỉ cần một viên đại liên 50 bắn vô thùng chứa xăng, một chiếc Zero sẽ biến thành ngọn đuốc lập tức. Tuy biết như vậy, trong thời gian này không có một phi công nào của chúng tôi mang dù khi bay. Vấn đề này người Tây Phương đã diễn dịch sai lầm khi cho rằng cấp lãnh đạo Nhật Bản đã coi rẻ mạng sống của chúng tôi, rằng tất cả các phi công Nhật bị vất chanh bỏ vỏ và bị coi như những món đồ vật hơn là con người. Diễn dịch quá nhiều tưởng tượng. Tất cả các phi công chúng tôi đều được phát một cây dù khi bay và không mang dù là quyết định riêng của chúng tôi, không có bộ chỉ huy cao cấp nào ra lệnh như vậy. Thực ra, chúng tôi được giới chỉ huy cao cấp thúc giục, tuy nhiên không ra lệnh phải mang dù khi chiến đấu, và tại một số phi trường, vị chỉ huy trường căn cứ bắt buộc các phi công phải mang dù. Gặp trường hợp sau này, phi công đem theo dù nhưng chỉ để trong phi cơ hoặc dùng làm nệm lót để ngồi.

Mục đích duy nhất khiến chúng tôi không mang dù là nhằm tránh vướng víu tay chân. Và lại đa số các trận không chiến của chúng tôi đều xảy ra trên đất địch, nếu có nhảy dù xuống đất an toàn thì cũng sẽ bị bắt giữ. Trong các điều luật của quân đội Nhật Bản, hoặc trong các điều tâm niệm của giới Samurai, không có dòng nào ghi hai chữ "Tù binh" hết. "Không tù binh". Một kẻ ra đi hoặc là chết hoặc là trở về. Không có phi công chiến đấu nào gọi là can đảm mà lại để cho địch quân bắt giữ bao giờ. Việc này hoàn toàn không được nghĩ đến. Tuy nhiên, quả thật là khó chịu vô cùng khi nhìn thấy một hàng lỗ đạn chỉ cách đầu tôi có mấy phân.

Đêm đó tôi được Bộ Tư Lệnh Hải Quân Hoàng Gia xác nhận con số bốn nạn nhân trong ngày của tôi. Đây không phải là trường hợp duy nhất của Hải Quân Hoàng Gia. Tôi biết có nhiều phi công hải quân khác đã lập được thành tích này hoặc nhiều hơn nữa. Tính đến hiện tại, tổng số phi cơ bị tôi hạ là 43 chiếc.

Nishizawa trở thành phi công đại tài nhất của Nhật Bản với tổng số 103 phi cơ địch bị bắn rơi, và thành tích tốt cùng của anh lập được vào ngày 5 tháng tám ở Guadalcanal khi anh hạ một lúc sáu chiến đấu cơ của hải quân Hoa Kỳ, trung sỹ phi công hải quân Nhật Kenji Okabe hạ một lúc bốn chiếc F4F Wildcat, TBF Avenger và SBD Dauntless qua một loạt trận không chiến trong

ngày ở Rabaul. Okabe đã đáp xuống ba lần để lấy nhiên liệu và đạn dược trong suốt cuộc chiến đấu của ngày đó, lập được thành tích vô song này cho hải quân.

Tuy nhiên, hầu như tất cả những phi công đạt được chiến công trên đều bị thiệt mạng không lâu sau đó trong lúc chiến đấu. Có hai trường hợp ngoại lệ, đó là trường hợp của chính tôi và Nishizawa. Nhưng mỉa mai thay, Nishizawa lại bị thiệt mạng vào tháng chín năm 1944 trên không phận Cebu ở Philippine, mà không bắn được phát súng tự vệ nào. Nhiều chiến đấu cơ Hellcat đã tóm được anh trong một vận tải cơ DC3 không hộ tống và vỡ trang. Chiếc vận tải cơ bị bắn cháy và chấm dứt cuộc đời của viên phi công vĩ đại nhất của Nhật Bản một cách tầm tó.

Đêm đó tôi được lệnh trình diện Chỉ Huy Trưởng căn cứ, một việc hiếm xảy ra. Trong phòng của đại tá Saito, tôi còn nhận thấy có mặt đại úy Sasai và chỉ huy trưởng không đoàn, trung tá Nakajima. Cả hai vị sỹ quan chỉ huy đều có vẻ buồn bã.

Đại tá Saito nói: “Tôi muốn báo cho anh biết tin này và tôi làm như vậy là bởi yêu cầu của trung tá Nakajima. Đây là một việc không mấy gì vui vẻ đối với tôi. Hồi đầu tháng này, tôi có yêu cầu Tổng Hành Dinh Đông Kinh ân thưởng cho đại úy Sasai về tài ba lãnh đạo phi đội của ông trong chiến đấu. Đồng thời tôi cũng yêu cầu Đông Kinh công khai thừa nhận các thành quả phi thường mà Sakai đã đạt được trên mặt trận. Những thành quả này, theo chúng tôi biết, đã khiến anh trở thành phi công hàng đầu của toàn thể phi công hải quân Hoàng Gia. Tuy nhiên, những lời yêu cầu này đã bị bác bỏ. Đông Kinh nhận thấy không thích hợp trong việc phá bỏ tiền lệ. Lịch sử chúng ta chưa bao giờ có một vị anh hùng nào còn sống bao giờ,” Saito gằn giọng “và hiển nhiên Đông Kinh không muốn có sự thay đổi nào trong thời gian này. Họ đã từ chối,” ông nói thêm với giọng buồn bã “ngay cả ân thưởng một huy chương hoặc thăng cấp cho các anh cũng không”.

Ông kết luận:

“Tôi không muốn tiết lộ các chi tiết này cho các anh, e rằng các anh sẽ bàn tán này nọ về hành động của Bộ Tư Lệnh Tối Cao. Nhưng có điều quan trọng không kém đối với tôi là tôi muốn cả hai anh biết rằng tôi, trong tư cách sỹ quan chỉ huy các anh, tôi hoàn toàn công nhận lòng nhiệt thành và sự cố gắng không lúc nào ngưng nghỉ của các anh.”

Trung tá Nakajima lên tiếng: “Truyền thống của hải quân phải hoặc trái không biết là chỉ ân thưởng huân chương hoặc thăng cấp tại mặt trận cho người đã chết. Dĩ nhiên truyền thống này thật là bất lợi cho các anh trong thời gian này. Tôi cảm thấy cần phải nói cho các anh biết rằng đại tá Saito cũng đã yêu cầu thăng một cấp cho đại úy Sasai, và thăng cấp thiếu úy cho Sakai.”

Sasai đáp rằng: “Tôi không biết cách nào để bày tỏ lòng biết ơn của tôi đối với sự ưu ái của hai vị chỉ huy. Tuy nhiên, tôi cần phải nói thêm rằng cả tôi lẫn Sakai không ai bất mãn trước sự quyết định của Đông Kinh. Tôi không thấy có lý do nào để chúng tôi bất mãn. Theo ý kiến của tôi, và tôi chắc Sakai cũng vậy, những thành quả và những chiến thắng trên không của chúng tôi không phải là một mình chúng tôi có thể đạt được. Nếu không có những phi công bên cánh đã bao che cho chúng tôi, nếu không có sự tận tâm của các nhân viên dưới mặt đất, chúng tôi sẽ không thể làm gì được cả. Tôi hài lòng về việc làm có tính cách đồng đội của chúng tôi, và tôi không cảm thấy sự ân thưởng hoặc thăng cấp cá nhân là cần thiết, mặc dù những gì mà hai vị chỉ huy đã làm khiến cho chúng tôi rất lấy làm vinh dự”. Sasai đã nói lên tất cả những gì tôi muốn nói, và tôi chỉ biết gật đầu đồng ý.

Chính sách không tuyên dương công trạng cá nhân của hải quân vẫn được giữ triệt để cho đến cuối cuộc chiến. Tuy nhiên, vào tháng ba năm 1945 có một sự phá lệ đặt biệt trong chính sách này khi đô đốc Soemu Toyoda, Tư Lệnh Hạm Đội Hỗ Trợ, thốt lên lời khen ngợi các chiến công phi thường của trung sỹ Shoichi Sugita và tôi, bấy giờ là một thiếu úy. Nhưng lúc ấy sự khen ngợi này đã trở thành vô nghĩa. Những phi công vĩ đại của hải quân chúng tôi, Nishizawa, Ota,

Sasai và nhiều người khác, đã không còn nữa.

Chương XIV

Trong suốt tháng sáu, chúng tôi chạm trán với một số lượng chiến đấu cơ và oanh tạc cơ đối phương đông đảo chưa từng thấy. Chúng tôi được nói rằng đối phương đang gây dựng lại một sức mạnh không quân quan trọng trong khu vực, và rằng từ đây trở về sau chúng tôi phải dốc toàn lực cho những nhát chổi chiến đấu cơ của chúng tôi. Điều này có nghĩa là chúng tôi phải tận dụng tất cả chiến đấu cơ Zero hiện có trong tay. Đối phương đã thiết lập thêm nhiều phi trường bên ngoài các cánh rừng trên khắp khu vực Moresby.

Các cuộc oanh tạc của chúng tôi cũng gia tăng đều đặn về số lượng, và các chiến đấu cơ địch đối đầu với chúng tôi cũng có vẻ quyết tâm hơn. Vào ngày 17 tháng 6, 12 chiến đấu cơ Zero hộ tống 18 oanh tạc cơ Betty, bay đến đội bom hải cảng Moresby, đã đánh bật bảy chiến đấu cơ nghinh chiến của địch quân. Cuộc oanh tạc này đã gây cho khu vực bến tàu hư hại nặng và đánh chìm một chiếc tàu chở hàng 8.000 tấn đang buồm neo trong cảng. Ngày hôm sau, 9 oanh tạc cơ và 9 chiến đấu cơ Zero khác không tập Kido, nằm gần vịnh Rescar, một căn cứ mới của địch quân ở phía Bắc Moresby. 10 chiến đấu cơ địch đụng độ với 18 phi cơ Nhật, chúng tôi hạ hai chiếc mà không bị tổn thất nào.

Vào ngày 24 tháng sáu, tôi trở về Lae sau khi nghỉ phép ở Rabaul, và cất cánh sáng hôm sau, nằm trong một lực lượng gồm 21 chiến đấu cơ tấn công Moresby. Tôi hạ được một trong số 11 chiến đấu cơ địch nghinh chiến.

Sáng kế đó, Rabaul gởi 17 oanh tạc cơ trở lại Moresby với 11 chiến đấu cơ hộ tống. 12 chiến đấu cơ địch nghinh chiến và chúng tôi hạ hai chiếc.

Đó là cuộc tấn công cuối cùng của tháng sáu. Ngày hôm sau, mưa trút ồ ạt xuống khu vực New Guinea. Mưa không chỉ trời chân chúng tôi mà còn trời chân cả Đồng Minh. Mây che kín bầu trời hầu như suốt mỗi buổi trưa, và ban đêm cuồng phong quét trên khu vực thật dữ dội. Chúng tôi yên lòng nhắm mắt tới sáng.

Tháng bảy thời tiết bỗng thay đổi bất ngờ. Ngày thì mưa gió nhưng ban đêm bầu trời lại sáng. Oanh tạc cơ địch bay đến hầu như mỗi đêm và trút bom xuống không ngừng nghỉ. Chúng tôi bó tay. Ngay cho dù phi đạo đủ rộng, thích hợp cho các hoạt động đêm, khả năng dạ chiến của chiến đấu cơ Zero thật đáng nghi ngờ. Do đó, chúng tôi vẫn ở trên mặt đất, chui vô hầm trú ẩn và chửi rủa bọn Mỹ.

Bình minh ngày 2 tháng bảy, chúng tôi đối đầu với một cuộc oanh tạc qui mô. Tiếng còi báo động vang lên, đánh thức giấc ngủ về sáng của chúng tôi. Chúng tôi mặc đồ bay và chạy ủa ra phi đạo. Nhưng không ai chạy tới phi cơ được vì tiếng động cơ máy bay địch đã gầm thét trên đầu. Các phi công hối hả chạy vô hầm trú ẩn gần nhất.

Chúng tôi có thể nhìn thấy các oanh tạc cơ địch nổi bật trên nền trời đầy sao. Đó là loại Mitchell và Maurader bay không cao hơn 600 bộ.

Sau khi thả hết bom, các oanh tạc cơ sà thấp trên ngọn cây bắn phá phi đạo và tất cả các cơ sở nằm trong tầm mắt. Đạn địch rải trên phi đạo giống như mưa đá.

Chỗ tôi nấp không an toàn, tôi bỏ chạy vào các vị trí đặt súng. Tôi đẩy một xạ thủ ra khỏi súng và nói với hắn để tôi thay thế cho. Hắn đeo dính khẩu súng, và từ chối bỏ vị trí. Tôi không để mất thì giờ, tôi đạp hắn ra khỏi chỗ ngồi. Hắn đứng dậy chửi rủa om sòm, nhưng một phi công khác đã chạy vô phía sau tôi nắm cổ xô hắn ra ngoài và lượm các băng đạn lên.

Đợt xạ kích thứ hai của 6 chiếc Maurader đang lướt đến, tôi lên cò súng và ghìm súng chờ đợi. Một chiếc Maurader bay ngang trên đầu, tôi lia một tràng đạn từ mũi đến lấu, nhưng không trúng. Chiếc oanh tạc cơ quành lại chúi ngay xuống vị trí đặt súng, xạ thủ trước mũi của nó đáp trả hoả lực của tôi.

Đây là kinh nghiệm đầu tiên của tôi trên mặt đất với một chiếc phi cơ tiến thẳng đến trước mặt. Hình ảnh những trái bom xoáy xuống và nổ bùng trên vị trí đặt súng khiến tôi kinh hoàng. Tôi vụt bỏ chạy như giông như gió đến hầm trú ẩn xây bằng bao cát phía sau tôi. Một vài giây ngồi trong đó, tôi cảm thấy như một tên hèn nhát ngù ngờ và vô lý. Chiếc oanh tạc cơ gầm thét trên đầu, lướt qua nhưng không thả bom. Tôi tự rửa thềm và quay lại khẩu súng mà tôi vừa bỏ chạy. Dần dần tôi lấy lại bình tĩnh và quyết không làm thỏ đế nữa.

Mấy chiếc oanh tạc cơ quay lại, tiếng vang như sấm động, cách mặt đất chỉ 150 bộ, với những họng súng rục lửa. Tôi rút lên một tràng đạn nhắm chiếc phi cơ bay sau. Một giòng khói túa ra, nhưng chiếc phi cơ này vẫn bay như thường và rồi biến mất vào chân trời.

Ngày lên hần, sau một giờ dội bom và bắn phá các oanh tạc cơ địch ra đi an toàn. Không một chiếc nào bị hạ cho dù các khẩu cao xạ của chúng tôi bắn gần hết đạn. Bọn phi công chúng tôi mất tinh thần đến nỗi loạt bom cuối cùng vừa dứt mà không ai dám chạy ra phi cơ cất cánh truy đuổi, như chúng tôi thường làm trước đây.

Hầu hết cơ sở của căn cứ đều bốc cháy. Phi đạo đầy dẫy mảnh vụn, phi cơ không thể cất cánh được dù có cố gắng cách mấy đi nữa. Một việc khó thể tin, nhưng có thật 20 chiến đấu cơ đậu bên cạnh phi đạo hầu như an toàn, chỉ bị đạn và mảnh bom khoét lỗ. Chúng tôi tập trung vô bộ chỉ huy để nhận lệnh, trong lúc 200 binh sỹ dọn dẹp phi đạo.

Thình lình nhiều liên lạc viên chạy vô Bộ Chỉ Huy cho biết một cuộc tấn công nữa sắp xảy ra. "Hơn 100 phi cơ địch đang bay tới căn cứ!" Một trăm phi cơ ! Một con số khó thể tin nổi! Chúng tôi chưa từng nghe nói đến một cuộc tấn công nào dữ dội như vậy. Các sỹ quan tham mưu có vẻ xao xuyến và ra lệnh cho mọi phi cơ cất cánh tức khắc. Chúng tôi chạy túa ra các chiến đấu cơ, rồ máy chạy ra phi đạo lúc ấy vừa mới dọn dẹp xong, rồi nằm trong vị thế sẵn sàng cất cánh. Sau đó, chúng tôi được báo cáo: "Một trăm chiến đấu cơ địch biến thành một trăm con ****.". Mọi người đều cười ồ.

Chúng tôi ăn trưa quanh Bộ Chỉ Huy, vẫn trong tư thế sẵn sàng cất cánh. Lúc chúng tôi còn đang nhai, các liên lạc viên chạy vô cho biết Salamaua báo cáo có 6 oanh tạc cơ B.17 trên đường hướng đến căn cứ chúng tôi. Không ai phí một giây nào. Chúng tôi bỏ ăn, chạy như bay ra phi cơ. Đảo Salamaua chỉ cách Lae mấy phút bay. Các phi công khác đã cho phi cơ chạy ra phi đạo trong khi tôi vẫn nguyên rửa và loay hoay bên chiếc Zero bất động của tôi. Cố gắng cách mấy động cơ cũng không chạy. Tôi leo xuống phi cơ, vì các chiến đấu cơ khác đã ở trên không rồi.

Tôi chạy băng ngang qua phi đạo hướng đến các hầm trú ẩn. Trung tá Nakajima đưa tay vẫy gọi tôi rồi rít và tiếng rít của một trái bom, giống như một lưỡi dao khổng lồ lướt xuống. Tôi bổ chúi vô hầm, càn trên lưng nhiều người nằm sẵn trong đó.

Tức khắc, thế giới như nổ tung. Tôi cảm thấy một áp lực mạnh mẽ đến từ mọi phía đè nặng trên thân thể tôi, một áp lực khủng khiếp, rồi tất cả biến thành màu đen. Tôi không thấy, không nghe gì nữa, như tôi đã rời xa hẳn thế giới quanh tôi. Tôi cố cử động chân tay nhưng vô ích, tôi đã đông cứng. Có thể nhiều giây hoặc nhiều phút, tôi nghe tiếng gọi văng vẳng của trung tá Nakajima. Tôi cố để la. Tôi nghĩ rằng tôi la lớn lắm, nhưng lạ thay tôi không nghe tiếng của chính tôi. Mũi miệng tôi cứng đờ. Có một cái gì đè nặng trên ngực tôi.

Tiếng nói của trung tá Nakajima lại văng vẳng: "Hần bị chôn vùi ! Tìm kiếm đi! Đào lên mau!."

Bị chôn ? Dĩ nhiên! Tôi nằm dưới đá và cát. Tôi cố gắng mở mắt. Tối đen. Cơ sở hải ulla đến. Tiếng nói của trung tá Nakajima lần này lớn hơn: “Gặp cái gì đào cái này. Mau lên! Dùng cây cũng được! Cả tay và móng tay cũng dùng luôn, nếu các anh không tìm được vật gì để đào! Mau lên!”.

Rồi những âm thanh lao xao vang lên, tiếng xẻng đảo trong cát. Tôi chờ, cố gắng không cựa quậy. Cuối cùng một bàn tay phẩy phẩy trên mặt tôi, rồi cát trên mũi tôi vệt ra. Ánh sáng mặt trời bỗng nhiên tràn ngập.

Không phải một mình tôi mà ít ra cũng hàng chục người nữa bị chôn vùi lúc trái bom nổ. Nhưng không một ai bị thương. Bộ Chỉ Huy tan nát. Hầu hết số phi cơ còn đậu trên phi đạo trở thành những mảnh vụn, thùng chứa xăng của nhiều chiếc đang bốc cháy. Gần một giờ sau, các chiến đấu cơ đã cất cánh trở về căn cứ. Bọn phi công tu nghiệp. Sáu pháo đài bay đều bay thoát. Chúng tôi phải bỏ ra hai ngày để sửa sang căn cứ sau cuộc tấn ngày 2 tháng bảy. Và ngày 4, chúng tôi sẵn sàng mở trận phục thù trên phi trường Moresby. 21 chiến đấu cơ Zero gặp một ủy ban chào đón bao gồm 20 chiến đấu cơ địch trên không phận Moresby. Chúng tôi ra tay trong lúc chủ nhân vẫn còn chúi xuống. Chín chiến đấu cơ địch chính thức bị hạ, và còn thêm ba chiếc nữa.

Trên đường trở về, còn cách Lae nhiều dặm tôi đã nghe mùi khói phẫn phất trong gió. Khi nhìn thấy căn cứ chúng tôi mới biết khói đó bốc lên từ các cơ sở nằm cạnh phi đạo đang bốc cháy. Những cột lửa dăng cao, tỏa khói đen trên khắp khu rừng và bãi biển. Trong lúc chúng tôi vắng mặt, nhiều oanh tạc cơ địch bay đến oanh tạc những kho chứa dầu.

Khi chúng tôi còn đang lượn vòng để đáp xuống, bảy chiếc Maurader gầm thét trên cánh rừng phía dưới. Khi chúng tôi phát hiện, các oanh tạc cơ đã đến phi trường và những trái bom được thả xuống làm tung đất cát lên không. Lúc chúng tôi chúi xuống để truy đuổi địch, nhiều chiến đấu cơ Zero khác đã rời khỏi phi đạo, và chúng tôi bắt đầu một cuộc rượt đuổi 7 oanh tạc cơ địch như điên cuồng. Nhiều lần chúng tôi suýt đụng nhau trên không, chỉ tránh khỏi trong vòng gang tấc.

Một chiếc Zero khác vừa cất cánh từ Lae bay bứt ra khỏi nhóm chính, vượt qua mặt các oanh tạc cơ địch và vung trở trong một vòng xoay 180 độ rồi đâm thẳng vào chiếc oanh tạc cơ dẫn đầu, có vẻ như muốn tự sát. Viên phi công không bắn một phát súng nào, chiếc phi cơ lướt đến như một cái bóng, với một tốc độ gần 600 dặm một giờ, rồi lách phía dưới chong chóng bên phải của chiếc Maurader, bay dọc theo thân và hơi nghiêng cánh một chút. Chiếc cánh như lưỡi dao cạo của chiến đấu cơ Zero tiện đứt lia bánh lái của chiếc Maurader.

Chiếc Zero vẫn tiếp tục bay thẳng và lướt lên cao, có vẻ như không bị tổn hại, nhưng sau đó chiếc phi cơ bắt đầu một loạt lộn nhào chậm chậm, dần dần mất cao độ và chúi xuống biến hết tốc lực. Vài giây sau đó, chiếc B.26 mất bánh lái xiềng vẹo và lộn nhào liên hồi, phơi bụng lên trên và chúi xuống nước với một tiếng nổ đình tai nhức óc. Lập tức, sáu chiến đấu cơ xông tới rót đạn đại bác và đại liên như mưa vào thân cánh các oanh tạc cơ còn lại, chôn ngay một chiếc nữa xuống biển. Năm oanh tạc cơ khác chạy thoát.

Chúng tôi lại đánh Moresby vào ngày 6 tháng bảy, với 15 chiến đấu cơ hộ tống 21 oanh tạc cơ. Chúng tôi dứt điểm 3 chiến đấu cơ địch nữa.

Từ ngày 7 đến ngày 10 tháng bảy, tới phiên đối phương đánh chúng tôi. Ba đêm liên tiếp, chúng tôi cơ rút như lũ chuột trong các hầm trú ẩn. Lae trở thành một cơn ác mộng của tiếng bom rền hàng loạt từ đầu sân bay đến cuối sân bay, những bưng khói và lửa, của những căn nhà đổ vỡ, của hàng ngàn mảnh bom bay tua tủa. Chắc chắn, đối phương dự định nghiền nát Lae ra như cám. Tuy nhiên họ không bao giờ đạt được mục đích này, chúng tôi vẫn còn chiến đấu cơ khả dụng để bay.

Ngày 11 tháng bảy, chúng tôi vét hết lực lượng oanh tạc cơ để đánh Moresby một lần nữa. Mười hai chiến đấu cơ Zero hộ tống 21 oanh tạc cơ cất cánh từ Rabaul. Trên đường đi, đại úy Sasai phát hiện sáu chiếc B.17 trực chỉ đến phi trường của chúng tôi. Ông tách ra khỏi nhóm hộ tống cùng với năm chiến đấu cơ khác, trong đó có tôi, Nishizawa và Ota. Chúng tôi gây hư hại cho ba oanh tạc cơ, nhưng không hạ được chiếc nào. Trái lại, một chiếc Zero bị bắn cháy và các chiến đấu cơ khác kể cả tôi lãnh nhiều vết đạn.

Với chỉ sáu chiến đấu cơ hộ tống, đội hình của các oanh tạc cơ của chúng tôi bị chiến đấu cơ địch phá rối lúc đến mục tiêu, vì vậy bom thả không chính xác, gây thiệt hại cho địch không bao nhiêu.

Việc này khiến cho Sasai bị khiển trách nặng nề. Thật sự ông ta đã vi phạm qui luật căn bản của chiến đấu cơ hộ tống: không bao giờ rời bỏ sự bao che các oanh tạc cơ.

Chúng tôi bước qua giai đoạn mới của cuộc hành quân chiến đấu cơ vào ngày 21 tháng bảy, khi một sư đoàn bộ binh Nhật đổ bộ Buna, cách phía Nam Lae 110 dặm. Bộ binh lập tức mở đường xuyên qua rừng già dày bịt trên đảo để tiến đến hải cảng Moresby. Nhìn trên bản đồ, cuộc điều binh không mấy gì khó khăn. Buna giống như một hòn đá được quăng ra từ Moresby để nối liền eo biển giữa nó và bán đảo Papuan.

Nhưng tình trạng các hòn đảo rừng rậm trên bản đồ hoàn toàn khác biệt với tình trạng nghiệt ngã phía dưới những tàn cây kín như bưng. Bộ Tư Lệnh Tối Cao Nhật đã sai lầm khủng khiếp và chết người. Trước khi cuộc hành quân này chấm dứt, Nhật Bản phải chịu đựng một trong những tai họa bi đát và nhục nhã nhất.

Rặng núi Owen Stangley có lẽ còn cao hơn rặng núi đáng sợ Alps. Nếu chỉ mô tả rừng rậm dày bịt trên sườn núi không thôi thì e quá dễ dãi. Dưới đời sống của cây cối còn nhiều sự tàn bạo không thể tưởng tượng nổi. Nếu không có những ao đầm, những bãi lầy dưới chân thì cũng phải là những tảng đá bén như dao cạo, những cái dốc thẳng đứng. Đó là không nói đến các loại sên vắt, khí hậu nóng bức đến ghê tởm, và những chứng bệnh chết người không thể tìm ra nguyên nhân.

Vượt qua băng tuyết trên rặng Alps có lẽ còn dễ dàng hơn hơn vượt qua rừng rậm của dãy núi Owen Stangley. Đơn vị nào lọt ngay vào một bãi lầy thì kể như tiêu luôn. Khí hậu vừa nóng bức vừa ẩm thấp khiến cho các xây sát hoặc vết thương lở loét thêm. Mọi lỗ chân lông nước tươm ra cho đến khô cạn. Đồ trang bị hư hại, quần áo rách tả tơi, đôi chân bị cắt nát bởi đá, gai góc và lá cây sắc nhọn như dao.

Trong nhiều tháng ròng rã, lực lượng bộ binh của chúng tôi đã xung đột với một kẻ thù tồi tệ nhất mà họ chưa từng đối diện bao giờ. Một kẻ thù không có súng ống, không đặt mìn bẫy, nhưng đã lần lượt nuốt trọn hàng ngàn binh sỹ Nhật. Nhiều đơn vị cũng lập được chiến công siêu phàm, tìm đường lặn mò đến gần mục tiêu chỉ định, pháo đài Moresby, trong vòng một dặm. Nhưng các đơn vị này đều bị tiêu diệt, đa số chết đói vì loay hoay trong rừng rậm không tìm được lối thoát.

Cuộc tấn công trên bộ là một cựa quậy tuyệt vọng. Trước kia Bộ Tư Lệnh Tối Cao Nhật đã sắp xếp một cuộc tấn công Moresby qui mô, cả hai mặt đường biển và đường bộ. Nhưng kế hoạch này đã bị bãi bỏ vào ngày 7 tháng năm, khi hai hàng không mẫu hạm Nhật đụng độ với hai hàng không mẫu hạm của địch trên biển San Hô. Đây là trận hải chiến đầu tiên mà tàu cả hai phía không bắn một phát súng nào. Mỗi lực lượng chỉ sử dụng phi cơ oanh tạc lẫn nhau. Chúng tôi thắng trận này, nhưng địch quân đạt được mục đích của họ: cuộc tấn công thủy bộ như dự tính đã bị bãi bỏ.

Với cuộc đổ bộ của bộ binh ở Buna, Tổng Hành Dinh Rabaul ra lệnh cho chúng tôi đình chỉ các cuộc tấn công Moresby, và tất cả các phi cơ quay sang không yểm cho cuộc đổ bộ. Cuộc đổ bộ Buna, mà sự thất bại đã nhìn thấy ngay khi nó được phát động, chỉ là một phần trong một cuộc hành quân rộng lớn hơn. Sự thất bại này không chỉ do rừng rậm gây ra, nhưng còn do sự thiếu hiểu biết về các vấn đề tiếp vận của giới lãnh đạo chúng tôi. Sự yếu kém này, phối hợp với những chuyển động vượt trội của đối phương, một thảm họa đã cầm chắc trong tay.

Cùng lúc với cuộc đổ bộ ở Buna, một đơn vị xung kích đã nhảy lên mũi cực Đông của đảo New Guinea. Làm việc ngày đêm, đơn vị này thiết lập được một phi trường mới bên ngoài rừng rậm ở Rabi, với ý định đổ tiếp liệu cho binh sỹ di chuyển từ đầu cầu Buna xuyên qua New Guinea. Thật lạ lùng, địch quân không dội bom lúc công việc thiết lập phi trường này còn dở dang, nhưng họ ghi nhận đầy đủ bằng không ảnh do phi cơ thám thính chụp. Tuy nhiên, khi binh sỹ của chúng tôi vừa hoàn tất nhiệm vụ, lực lượng địch đánh úp bất ngờ, và vét trồn đơn vị phòng giữ của chúng tôi. Đó là một cú đánh đẹp mắt, Nhật Bản thiết lập phi trường để cho phi cơ của Hoa Kỳ và Úc Đại Lợi sử dụng.

Nhưng đối phương không hài lòng với phi trường của Nhật có vẻ đơn sơ này. Công binh của họ thiết lập những phi đạo mới trong khu rừng với một tốc độ di chuyển đáng kinh ngạc. Oanh tạc cơ hạng trung và chiến đấu cơ của họ di chuyển trên các phi đạo mới này, ngay khi công việc còn đang dở dang. Và các cuộc không tập càng lúc càng gia tăng khối lượng phi cơ và bom. Không đêm nào mà không có những chiếc Mitchell và Marauder xuất hiện. Trong ngày, phi đoàn Lae phải cất đặt thế nào để luôn luôn có 6 đến 9 chiến đấu cơ hoạt động trên không phận Buna đồng thời phải duy trì một lực lượng để bảo vệ phi trường. Nhiệm vụ bao che ở Buna quá sức chúng tôi, nhưng chúng tôi vẫn tìm cách ngăn chặn các cuộc không kích qui mô của đối phương nhằm tiêu diệt các đầu cầu đã được thiết lập.

Ngày 22 tháng bảy, trong một phi vụ bao che gồm sáu chiến đấu cơ Zero, tôi bắn hạ thêm hai phi cơ địch, nâng tổng số nạn nhân của tôi lên 49.

Một vài tuần kể đó, chúng tôi vẫn giữ nhiệm vụ bao che khu vực bãi biển Buna, nhưng vào hạ tuần tháng bảy chúng tôi phải đương đầu với một giai đoạn mới và xa lạ của cuộc chiến. Lệnh đưa xuống từ Bộ Tư Lệnh Tối Cao. Đại tá Saito chỉ thị mọi phi công phải mang dù trong khi chiến đấu. Tôi có một cảm giác kỳ lạ với cây dù phía sau lưng và những sợi dây buộc quanh thân. Tôi chưa bao giờ bay với tình trạng như vậy trước đây.

Một lệnh khác đã làm chúng tôi ngỡ ngàng không khác gì lệnh mang dù. Đại tá Saito ban xuống, từ nay trở về sau không có chiến đấu cơ nào được vượt qua rặng núi Owen Stangley, và lệnh này không giải thích lý do.

Chỉ có một dịp duy nhất, vào ngày 26 tháng bảy, đã khiến tôi thấy lại hải cảng Moresby. Chúng tôi nghinh chiến 5 oanh tạc cơ Maurader trên không phận Buna, tôi bắn hạ hai chiếc rồi cùng với Sasai và Endo truy đuổi những chiếc còn lại. Chúng tôi vượt qua bên kia rặng núi, trái với lệnh được đưa ra. Đó là lần cuối cùng chúng tôi bay trên căn cứ của địch quân. Tình thế chúng tôi thay đổi nhanh chóng. Vào cuối tuần lễ đầu tiên của tháng tám, chúng tôi bắt đầu đối diện với những tình trạng mà chúng tôi chưa bao giờ biết đến trước đây. Người Mỹ đã phát động một cuộc đổ bộ qui mô lên đảo Guadalcanal.

Ngày 29 tháng bảy, đại úy Joji Yamashita trở về Lae, sau một phi vụ tuần thám ở Buna, với một tin tức gây xôn xao cả căn cứ. Lần đầu tiên các phi cơ của ông bị phi cơ của hải quân Hoa Kỳ tấn công. Đại úy Yamashita đã báo cáo với đại tá Saito và trung tá Nakajima rằng chín chiến đấu cơ Zero của ông đã chạm trán với một lực lượng hỗn hợp bao gồm các loại chiến đấu cơ Grumman F4F Wildcat và oanh tạc cơ SBD Dauntless của Hoa Kỳ, được hướng dẫn đến Buna bởi các chiến đấu cơ P39. Theo xét đoán của ông lực lượng này phát xuất từ Rabi. Đây là lần đầu tiên các phi cơ của hải quân Hoa Kỳ xuất hiện trong khu vực chiến đấu của chúng tôi.

Tin tức về một hàng không mẫu hạm của Hoa Kỳ đã di chuyển vô hải phận New Guinea là một điều dữ, và các sỹ quan tham mưu của chúng tôi có vẻ xao xuyến. Nếu người Mỹ đưa được hàng không mẫu hạm vô hải phận này để phóng ra các cuộc tấn công vào Lae, Buna và Rabaul thì chiến thắng của họ ở Midway kể như có thật và đồng thời phủ nhận những mất mát quan trọng của họ trong trận đánh ở biển San Hô. Trước đó, Đông Kinh đã công bố rằng hạm đội của chúng tôi đã tiêu diệt hết hàng không mẫu hạm địch trong các cuộc đụng độ ở biển San Hô và Midway, nếu sự thật đúng như vậy, tại sao lại có một hàng không mẫu hạm trong vùng lân cận của chúng tôi? Chúng tôi bắt đầu nghi ngờ những công bố chiến thắng mà Đông Kinh luôn luôn lập đi lập lại.

Tuy nhiên, đa số phi công chiến đấu ở Lae đã ghi nhận tin tức với một thái độ khác biệt hoàn toàn. Đêm đó, chúng tôi đã đặt nhiều câu hỏi với các phi công của đại úy Yamashita. Có bao nhiêu phi cơ của hải quân Mỹ? Loại chiến đấu cơ Wildcat có tốt hơn loại chiến đấu cơ P39 và P40 không? Các phi công hải quân Mỹ tài giỏi bậc nào?

Những câu giải đáp của họ đã làm chúng tôi phấn khởi. Phi đội của Yamashita đã hạ 3 oanh tạc cơ Dauntless, 5 chiến đấu cơ Wildcat và 1 chiếc P39 mà không mất một chiếc Zero nào. Do đó những gì có thể xảy ra ở Midway, ở biển San Hô hoặc bất cứ nơi nào khác không còn quan trọng đối với chúng tôi nữa. Chúng tôi chỉ cần biết trong bốn tháng liên tiếp vừa qua chúng tôi luôn luôn chiến thắng, và các phi cơ của hải quân Hoa Kỳ xuất hiện chẳng qua là giúp cơ hội cho chúng tôi chiến thắng nữa.

Ba ngày liền các phi cơ mới của địch không thấy xuất hiện ở Buna. Vào ngày 30, chín oanh tạc cơ B.17 tấn công khu vực đầu cầu đổ bộ, và cuộc tấn công xem như đã đạt hiệu quả. Chín chiến đấu cơ của chúng tôi chỉ bắn rơi được 1 oanh tạc cơ địch. Tôi đã gạt hái được chiến thắng này khi tôi đụng đầu với chiếc oanh tạc cơ trên mũi Nelson vớt tất cả hoả lực tập trung vào mũi của nó. Chắc chắn viên phi công chính và phụ đều thiệt mạng, vì chiếc phi cơ khổng lồ đâm chúi xuống biển. Đó là một trong những trận đánh khó khăn nhất của tôi, vì tôi trở về Lae với nhiều vết thương ở cánh tay phải do đạn địch gây ra. Tôi chỉ thoát chết chỉ trong đường tơ kẽ tóc, và các chuyên viên cơ khí phải làm việc suốt đêm để vá lại hàng chục lỗ đạn ở thân và cánh chiếc phi cơ của tôi.

Vào ngày 2 tháng tám, hình ảnh của những chiếc phi cơ mới của hải quân Hoa Kỳ biến mất trong đầu óc của tôi. Khi ngày sắp hết, lúc bay quần trên Buna ở cao độ 12.000 bộ, chúng tôi phát hiện 5 chấm nhỏ li ti nổi bật trong mây, cách đầu cầu đổ bộ nhiều dặm. Hình như là những chiếc pháo đài bay và ở cùng một cao độ với chúng tôi. Tôi bay dọc theo phi cơ của Sasai và chỉ những oanh tạc cơ đang đến. Ông gạt đầu và chúng tôi cùng báo hiệu cho các phi công khác. Chúng tôi vẫn giữ đội hình, bay vòng quanh chầm chậm cho đến khi tiếng máy của năm oanh tạc cơ nghe thấy rõ ràng. Ông giơ tay lên, lắc cánh phi cơ ra lệnh phá vỡ đội hình chữ V của chúng tôi và tấn công trực diện theo hàng dọc. Các bình xăng phụ của chúng tôi được quăng ra.

Chín chiến đấu cơ Zero chống với năm oanh tạc cơ B.17 và hầu hết chín chúng tôi đều là những phi công hàng đầu của Nhật Bản về số điểm chiến thắng. Sasai cầm đầu cuộc tấn công. Ota bay cách 500 thước phía sau ông, tiếp theo là Endo. Tôi ở vị trí thứ tư, cũng cách 500 thước, với hai phi công bên cánh là Yonekawa và Hatori ở phía sau tôi, tức ở vị trí thứ năm và sáu. Nishizawa ở vị trí thứ bảy, kế đó là Takatsuka và cuối cùng là trung sỹ Yashio Sueyoshi. Chín chiến đấu cơ trải dài ra 400 thước và trên đó là những phi công tài giỏi nhất Nhật Bản.

Các pháo đài bay khép chặt đội hình khi chúng tôi áp sát. Phi cơ Sasai hạ xuống phí dưới chiếc oanh tạc cơ dẫn đầu rồi vượt lên và từ từ lặn tròn để nhắm “dưới cằm” của phi cơ địch. Giây thứ hai sau khi ông khai hoả và vượt lên, vừa vượt vừa bắn. Từ các oanh tạc cơ, những dòng khói ria ra, nhưng đó là khói của các khẩu đại liên 50. Đội hình của địch vẫn không thay đổi.

Thế rồi Ota lướt đến hàng động giống như Sasai. Tôi nhìn thấy những tia đạn từ phi cơ của hắn trúng vào chiếc oanh tạc cơ dẫn đầu, và hắn lướt thẳng lên. Một tiếng nổ dữ dội rung chuyển mọi phi cơ xung quanh và bầu trời như bao phủ trong làn khói. Chiếc oanh tạc cơ không còn nhìn thấy nữa. Nó biến mất, tan ra thành muôn ngàn mảnh vụn do bom chất đầy trong phi cơ phát nổ. Đó là một đòn sát thủ ngoạn mục nhất trên không mà tôi được nhìn thấy từ trước đến nay. Tôi vui mừng khi nhìn thấy phi cơ của Ota vọt lên khỏi màn khói.

Lúc đó Endo cũng nhập cuộc, nhưng vô hiệu vì bị hỏa lực chéo dữ dội của các oanh tạc cơ ngăn chặn. Bây giờ tới phiên tôi. Tôi kéo cần điều khiển nhẹ nhàng về phía sau, chiếc pháo đài bay thứ ba lướt tới phía tôi chậm chạp. Gần hơn nữa và gần hơn nữa, tôi ấn cò súng. Không có tiếng nổ. Đồ ngu. Tôi quên mở khoá an toàn, một sai lầm mà ngay cả những phi công mới biết bay chập choạng cũng không để mắc phải. Tôi lộn nhào thật dữ dội để tránh chiếc B.17 đang lướt đến chỉ còn cách tôi có 20 thước.

Tôi bị hỏa lực chéo của các xạ thủ địch. Chiếc Zero lảo đảo khi những viên đạn chọc vô thân, và tôi cảm thấy bị sốc khi nghe tiếng đạn xoi vô chất kim khí. Hiện thời tôi bối rối hẳn, và chiếc phi cơ phơi bụng lên trên. Tôi gạt cần điều khiển thật mạnh sang trái, chiếc Zero lộn nhào thật dữ dội. Tôi lướt qua, nhưng không phải là không bị hư hại. Tôi chửi thề sự ngu dốt của mình, nhưng có chửi thì cũng đã quá muộn. Tôi hạ xuống phía dưới đội hình của đối phương, và vọt cấp tốc về phía các oanh tạc cơ để đánh nữa.

Nishizawa đang quất một cú đẹp mắt, hắn vừa xoay tròn chậm chạp vừa vượt lên, lẩn tròn một vòng như chớp khi khoảng cách giữa hắn và phi cơ địch thu hẹp lại, rồi rút một loạt đại bác vô thùng xăng bên cánh của đối phương. Tức khắc, lửa tủa ra, lan thật mau, và trong một vài giây chiếc pháo đài bay biến thành một cuộn lửa khổng lồ. Lửa hực hỏ theo chiều gió dọc theo thân chiếc phi cơ trôi tuồn tuột, rồi mũi cắm xuống đất. Lúc ấy Sasai đã quay trở lại chụp hỏa lực lên chiếc oanh tạc cơ từ mũi đến đuôi ở khoảng cách chỉ khoảng 150 thước. Thân chiếc phi cơ lẩn đạn lộn nhào về phải, mất kiểm soát. Tôi thấy lửa thò ra từ trong thân chiếc phi cơ, lan tới phòng lái và tháp súng thứ hai. Lửa dữ dội hơn trong vòng hai phút và một tiếng nổ đĩnh tai nhức óc vang lên, đánh dấu sự hủy diệt của chiếc B.17 thứ ba.

Tôi vượt lên theo hình thắt nút dây, căng mắt dõi theo hai chiếc oanh tạc cơ cơ còn lại, chúng đang rẽ về hai hướng khác nhau. Một chiếc đang hướng đến một mỏm núi chơn chơ, một chiếc quay ra biển. Tôi đang theo hướng chiếc đang bay ra biển gần nhất. Chiếc B.17 chao đảo liên hồi khi tôi cố chụp lên buồng lái và bên cánh của nó bằng những loạt đạn tầm dài. Có điều lạ là chiếc phi cơ không chịu buông sức nặng trong mình ra. Nó vẫn trốn chạy với những trái bom mang theo. Tôi cúi xuống để lấy đà rồi lại vượt lên từ phía dưới chiếc oanh tạc cơ và khép khoảng cách vào phía cánh trái của nó. Chiếc B.17 lớn hơn, lớn hơn nữa trong mắt tôi. Tôi vồ ngược lên, và đưa mắt nhìn những viên đạn chọc thủng cánh trái của nó. Thế giới như đổ sụp. Một màn ánh sáng gay gắt hừng hực tràn ngập bầu trời khiến tôi thấy tối tăm mặt mũi. Có một bàn tay không lồ tóm lấy chiếc Zero và lắc qua lắc lại thật dữ tợn. Tại tôi điếc câm và tôi nghe mùi máu ứa ra từ trong mũi ra. Pháo đài bay thứ tư đã ra đi vĩnh viễn. Mỗi chiếc đều bị hủy diệt với chính những trái bom mang bên trong. Hiện thời chỉ còn lại một chiếc đang chạy về phía dãy núi. Tám chiến đấu cơ Zero ủa theo, giương nanh múa vuốt như lũ chó săn bu quanh một con heo rừng. Tuy nhiên mấy chiếc Zero khó bắt kịp chiếc B.17, vì lẽ nó đã thả hết bom và gia tăng tốc lực. Hướng bay của nó cắt ngang qua mũi của tôi, tôi nhận thấy đó là một dịp may để ngăn chặn trước khi nó tiến sâu vô đất liền.

Ngay khi gia tăng hết tốc lực lướt về phía trước, tôi phát hiện ba chiếc Airacobra ào xuống từ phía Đông và tiến sát vào tám chiến đấu cơ Zero đang truy địch. Ba chiếc P39 bắt đầu vượt lên, định chụp mấy chiếc Zero lơ đãng. Tôi xoay một vòng thật rộng, cũng với ý định chụp trước ba chiếc P39 “lơ đãng” này.

Ngay khi chiếc P39 đầu tiên vừa đặt chiếc Zero bay cuối vào vòng ngắm thì tôi chúi xuống thật nhẹ nhàng. Chắc viên phi công địch sẽ không bao giờ biết được những gì đã xảy ra, ngay lập tức một loạt đạn đại bác và đại liên của tôi đã nghiền nát thân phi cơ địch ra từng mảnh, một cái cánh bay ngang qua thân chiếc Zero của tôi. Tiếng súng tôi đã báo động cho tám chiến đấu cơ Zero và lập tức hai chiếc Zero xoay thân và chúi xuống theo hình tròn ốc và rớt ngay xuống hai chiếc P.39 kia, diễn tiến chỉ trong vòng một giây. Tôi ghi nhận đó là hai viên phi công vô địch Nishizawa và Ota. Mỗi người chỉ thổi một quả đại bác, và hai chiếc Airacobra biến thành cây đuốc rớt xuống.

Nhưng nhiệm vụ trên không vẫn chưa chấm dứt chiếc oanh tạc cơ còn sống sót đã bỏ đất liền để quay ra biển. Tốc lực của nó có vẻ sút giảm, và với máy móc đã hư hỏng, việc chiếc oanh tạc cơ này bị chúng tôi kéo xuống đất chỉ là vấn đề của thời gian.

Trở về Lae, khi chúng tôi cho các chuyên viên cơ khí biết đã tiêu diệt được 5 pháo đài bay, họ nhảy nhót vui mừng. Năm pháo đài bay và ba Airacobra, một ngày làm ăn khá khấm.

Chương XV

Ngày 3 tháng tám, Rabaul gọi về hầu hết những phi công được chỉ định đến Lae trước đây. Việc chuyển chuyên này khiến chúng tôi hân hoan, vì nó hứa hẹn thoát khỏi các phi vụ tuần tiểu Buan và thoát khỏi cảnh bị oanh tạc hàng đêm. Chúng tôi không mang theo vật gì cả, vì tin rằng sớm sẽ trở về. Chúng tôi sai lầm, bốn ngày đầu tiên ở Rabaul, chúng tôi phải thực hiện những phi vụ càn quét ở Rabi. Mạng lưới chiến đấu cơ đã được đối phương thiết lập nhanh chóng trên hòn đảo này, có thể so sánh với căn cứ Moresby.

Ngày 8 tháng tám, sau khi nhận lệnh tuần thám của Bộ Chỉ Huy, chúng tôi bước ngang qua phi đạo để tiến đến các chiến đấu cơ của chúng tôi. Lúc hầu hết 18 phi công đều ngồi trong phòng lái, nhiều liên lạc viên chạy ra la lớn rằng phi vụ bị bãi bỏ. Chúng tôi lập tức trở lại trình diện Bộ Chỉ Huy. Nơi đây đang lên cơn sốt. Liên lạc viên và nhân viên đưa tin chạy tới chạy lui. Các sỹ quan lướt qua chúng tôi với vẻ mặt đầy khẩn trương. Trung tá Nakajima, cầm đầu phi vụ hôm nay, bước ra khỏi văn phòng của Đô Đốc, nói lớn với chúng tôi với vẻ tức tởm: “Phi vụ bị bãi bỏ. Chúng ta sẽ đi nơi khác.” Ông chỉ một nhân viên đưa tin: “Anh, lấy cho tôi một bản đồ coi, mau lên!”

Ông trải bản đồ trên một cái bàn rộng và bắt đầu vạch một đường thẳng với một chiếc Compa. Ông cúi gầm trên bản đồ, không mấy may lưu ý đến bọn phi công chúng tôi. Tôi hỏi đại úy Sasai xem ông có biết việc gì xảy ra không. Sasai hỏi Nakajima và chỉ nhận mấy câu cầu nhàu, rồi vị chỉ huy trưởng không đoàn ba chân bốn cẳng vô văn phòng của Đô Đốc. Vài phút sau ông trở ra, và ra dấu cho các phi công tụ họp quanh ông. Những tiếng nói của ông không khác nào một trái bom: “Vào lúc 5 giờ 20 phút sáng nay, một lực lượng địch vô cùng mạnh mẽ bắt đầu đổ bộ lên Lunga, ở cuối bãi phía Nam của đảo Guadalcanal. Theo các báo cáo sơ khởi của chúng ta, người Mỹ đã ném lên hòn đảo này một khối lượng người và trang bị khủng khiếp. Cùng lúc, họ cũng mở ra các cuộc tấn công ở Tulagi, trên đảo Florida. Tất cả thủy phi cơ của chúng ta tiêu không còn một chiếc. Khi vị tư lệnh thảo xong kế hoạch, chúng ta sẽ cất cánh lập tức hướng đến Guadalcanal để tấn công các lực lượng địch trên bãi biển.”

Liên lạc viên phát bản đồ cho mỗi phi công. Chúng tôi xem xét và nghiên cứu hòn đảo còn xa lạ đó đối với chúng tôi, nhưng bỗng nhiên trở thành quan trọng này. Nhiều người bàn tán: “Ở đâu lại hiện ra hòn đảo trời đánh này?”. Một phi công nổi nóng la lên: “Ai đã từng nghe đến tên của một nơi chó chết như vậy chưa?”

Chúng tôi tính khoảng cách từ Rabaul đến Guadalcanal. Không tin nổi. Xa đến 560 dặm. Chúng tôi sẽ phải bay đi tấn công các đầu cầu đổ bộ của địch quân và trở về với khoảng cách đó. Khoảng cách chưa từng nghe nói đến. Điều này nghĩa là đường bay khứ hồi dài hơn 1.100 dặm, đó là không kể trường hợp gặp bão hoặc đụng độ giữa đường.

Như vậy cũng đủ để mọi suy luận ngưng lại. Chúng tôi lặng yên để nghe vị chỉ huy trưởng đưa ra lệnh mới. Vừa lúc ấy một liên lạc viên chạy ủa vô văn phòng Đô đốc với những báo cáo mới đưa về từ mặt trận. Chúng tôi nghe một binh sỹ đưa tin nói với Nakajima rằng tất cả liên lạc với Tulagi đều bị cắt đứt, và quân phòng ngự ở đó đã hy sinh đến người cuối cùng.

Nghe tin, mặt Sasai tái đi. Tôi phải hỏi năm lần bảy lượt xem có phải ông ta đau ốm hay không. Cuối cùng nhìn đăm đăm về phía trước, ông nói thì thầm: “Anh rể tôi chiến đấu ở Tulagi.” Nếu Tulagi bị địch quân chiếm đóng, anh rể của ông ta, thiếu tá Yoshiro Tashiro không thể nào sống sót được. Ông ta sẽ chiến đấu đến hơi thở cuối cùng. (Cái chết của ông ta được xác nhận sau đó).

Nakajima ban lệnh: “Các anh sắp thực hiện một phi vụ chiến đấu dài nhất trong lịch sử,” ông

thông báo cho chúng tôi. “Đừng dựa vào dịp may vu vơ nào ở hiện tại. Hãy hành động đúng theo lệnh đã đưa ra và quan trọng nhất, đừng bay một cách liều mạng và phí phạm xăng nhớt của các anh. Phi công nào hết xăng trên đường từ Guadalcanal trở về, kẻ đó phải đáp xuống đảo Buka. Lực lượng Nhật trên đảo này đã được chỉ thị phải theo dõi các phi cơ của chúng ta.

“Hiện tại, để bay đến Guadalcanal và trở về Buka có nghĩa là chúng ta sẽ thực hiện một không trình khứ hồi dài bằng không trình từ Tainan đến phi trường Clark ở Philippine trước đây. Tôi chắc chắn chúng ta có thể bay suốt khoảng cách mới này mà không gặp rắc rối. Nhưng biết đâu chuyện bất ngờ, do đó tôi lặp lại lời cảnh báo: “Đừng phí phạm nhiên liệu.”

(Tại Đông Kinh sau chiến tranh, trung tá Nakajima có nói với tôi rằng Đô Đốc muốn ông đưa hết chiến đấu cơ khả dụng ở Rabaul đến Guadalcanal vào ngày 7 tháng tám. Nakajima phản đối, ông cho rằng chỉ nên mang theo mười hai phi công tài ba nhất bên cánh cửa ông mà thôi. Bởi lẽ ông phỏng đoán phải mất ít nhất phân nửa số người của ông trong nhiệm vụ quá xa như vậy. Hai người thảo luận dằng co cho đến khi đạt được sự đồng ý với con số 18 chiến đấu cơ.)

Ngay khi nhận lệnh các phi công chia ra làm từng tổ ba người. Tôi nói với Yonekawa và Hatori, hai phi công bên cánh cửa tôi: “Các bạn sẽ gặp bọn phi công hải quân Hoa Kỳ lần đầu tiên trong ngày hôm nay. Bọn họ sẽ nắm hẳn ưu thế do khoảng cách mà chúng ta phải bay. Hai bạn phải luôn luôn cẩn trọng trong mọi chuyển động của mình. Tốt hơn hết là các bạn đừng bao giờ rời xa khỏi tôi. Những gì xảy ra, những diễn biến xung quanh chúng ta không thành vấn đề, cứ bám chặt lấy phi cơ của tôi được chừng nào hay chừng nấy. Hãy nhớ, đừng có bay xa ra.”

Chúng tôi chạy ra phi cơ và chờ phi đạo trống trải. Hai mươi bảy oanh tạc cơ Betty cất cánh trước chúng tôi. Trung tá Nakajima đứng trên phòng lái của ông vẫy tay. Lúc 8 giờ 30 sáng, tất cả chiến đấu cơ đều ở trên không. Nhân viên bảo trì và các phi công ở lại xếp hàng hai bên phi đạo vẫy nón chào và chúc chúng tôi may mắn. Thời tiết đẹp, nhất là ở Rabaul. Ngay cả núi lửa cũng im tiếng. Nó ngưng phun phun thạch từ tháng bảy, và chỉ còn nhả ra một dòng khói mỏng lẽ ngọn về phía Tây.

Chúng tôi giữ các vị trí hộ tống phía sau nhóm oanh tạc cơ. Tôi đã ngạc nhiên khi biết được mấy chiếc Betty này mang bom thay vì thủy lôi, vũ khí thông thường để tấn công tàu chiến. Điều này khiến tôi lo lắng. Tôi biết rõ vấn đề tấn công các mục tiêu di chuyển trên mặt biển từ cao độ. Hồi ở Buna, mặc dù các oanh tạc cơ B.17 địch có tiếng là oanh tạc chính xác, nhưng chúng đã phá hầu hết số lượng bom thả xuống các tàu chiến của chúng tôi.

Chúng tôi gia tăng cao độ lên 13.000 bộ rồi bay về phía đông đến đảo Buka. Đây là hòn đảo xinh đẹp đặc biệt, cách Rabaul khoảng 60 dặm. Màu xanh tươi sáng, và giống như hình móng ngựa, hòn đảo san hô này có cái tên ghi trên bản đồ là Đảo Xanh. Tôi không bao giờ nghĩ rằng quang cảnh đầy màu sắc và hấp dẫn phía dưới sẽ cứu mạng tôi sau này.

Trên không phận Buka, các đội hình của chúng tôi xoay hướng về nam, dọc theo bờ biển phía Tây Bougainville. Mặt trời chiếu xuyên qua mây. Sự oi bức khiến tôi khát nước, và đây cũng là hiện tượng mà chúng tôi thỉnh thoảng cảm thấy khi tiến vô đất địch. Tôi lấy một chai soda trong hộp thức ăn và, không suy nghĩ, tôi mở nút. Tôi quên khuấy độ cao. Ngay khi nút chai vừa bật, nước soda vọt lên dữ dội, áp lực thoát ra trong không khí hiếm hoi. Trong nhiều giây, nước soda bao phủ hết mọi thứ trước mắt tôi. Chất đường trong nước khô lại trên kính đeo mắt khiến tôi không nhìn thấy gì cả. Tôi chửi thề cho sự ngu đần của mình. Mất hết 40 phút tôi mới lau sạch hết mọi thứ. Chưa bao giờ tôi cảm thấy buồn cười hơn. Lúc tôi có thể nhìn mọi hướng, chúng tôi đang lướt trên đảo Vella Lavella, nằm giữa đường Rabaul và Guadalcanal.

Bay ngang New Georgia, chúng tôi gia tăng độ cao và lướt qua Russell ở 20.000 bộ. Cách năm mươi dặm trước mặt chúng tôi, Guadalcanal hiện ra mờ mờ trên mặt nước. Ngay cả ở khoảng cách xa này, chúng tôi cũng nhìn thấy ánh lửa màu vàng rực nổ bật trên nền trời xanh trên hòn

đảo đang tranh chấp. Hiển nhiên các trận đụng độ đã xảy ra giữa những chiến đấu cơ đến từ các căn cứ khác hơn Rabaul và phi cơ bao che của địch quân. Tôi nhìn xuống bờ biển phía Bắc Guadalcanal. Trong eo biển nằm giữa Guadalcanal và Florida, hàng mấy trăm vệt màu trắng chạy ngang dọc trên mặt nước, tàu chiến của địch quân. Tôi chưa bao giờ nhìn thấy nhiều chiến hạm và chuyển vận hạm một lần như thế này.

Đây là lần đầu tiên tôi chứng kiến một cuộc hành quân thủy không hỗn hợp của Hoa Kỳ. Một cuộc hành quân không thể nào tin nổi. Có ít nhất 70 chiến hạm tiến vào các bãi biển, hàng chục khu trục hạm chạy quanh quần bên ngoài, và nhiều chiến hạm ẩn hiện dưới chân trời, khoảng cách quá xa khó có thể phân biệt hoặc đếm được.

Lúc ấy các oanh tạc cơ chậm chậm vung rộng để thả bom. Ngay phía trên các phi cơ này là những đám mây nhỏ treo lơ lửng ở cao độ 13.000 bộ. Phía bên phải và ở trên mặt trời sáng chói loà, xoá nhoà mọi thứ trước mắt. Tôi cảm thấy bất an, vì chúng tôi không thể nào nhìn thấy được chiến đấu cơ nhào xuống từ góc đó. Điều lo sợ của tôi đã sớm thành sự thật. Không một dấu hiệu nào báo trước, sáu chiến đấu cơ địch thình lình nhô ra khỏi ánh sáng loé mắt. Chỉ cần liếc qua, tôi nhận ngay những phi cơ này to lớn hơn mọi loại chiến đấu cơ Mỹ mà chúng tôi thường đụng độ. Tất cả đều sơn màu ô liu, chỉ phía dưới cánh là sơn màu trắng. Đó là loại chiến đấu cơ Wildcat, Grumman F4F lần đầu tiên tôi nhìn thấy.

Mấy chiếc Wildcat, không biết có sự hiện diện của các chiến đấu cơ Zero, chúi xuống tấn công các oanh tạc cơ. Nhiều chiến đấu cơ của chúng tôi xông tới, và một số khai hoả ngoài tầm hy vọng xua đuổi phi cơ địch. Sáu chiếc Wildcat cùng lộn nhào và chúi xuống biến mất. Phía trên mặt nước cạnh đảo Savo, các oanh tạc cơ bắt đầu thả bom xuống nhóm chuyển vận to lớn của địch quân. Tôi nhìn theo hướng bom rớt. Những cuộn nước dâng cao khỏi mặt biển, nhưng chiến hạm địch vẫn lướt tới, không hề rối loạn.

Hiển nhiên, cố gắng thả bom cho trúng các chiến hạm đang chạy từ độ cao bốn dặm, là một việc làm ngu dại. Tôi không thể nào hiểu được tại sao không sử dụng loại thủy lôi đã từng chứng tỏ sự hữu hiệu trong quá khứ.

(Ngày hôm sau các oanh tạc cơ quay lại, lần này mang theo thủy lôi để tấn công ở cao độ thấp. Nhưng bấy giờ thì đã trễ rồi. Nhiều chiến đấu cơ địch bu quanh các oanh tạc cơ đông như kiến, và nhiều chiếc bị nhận đầu xuống biển trước khi tiến đến được mục tiêu.)

Sau khi trút hết bom, các oanh tạc cơ lạng qua trái và gia tăng tốc lực để trở về Rabaul. Chúng tôi hộ tống qua khỏi Russell, bên ngoài tầm hoạt động của chiến đấu cơ địch, và quay lại Guadalcanal. Lúc ấy khoảng 1 giờ 30 chiều. Chúng tôi lướt qua Lunga, tất cả 18 chiến đấu cơ Zero đều chuẩn bị lâm trận. Một lần nữa, trong ánh mặt trời mù loà, mấy chiếc Wildcat nhào xuống nhóm phi cơ của chúng tôi. Tôi là phi công duy nhất phát hiện cuộc tấn công và lập tức, tôi chĩa mũi chiếc phi cơ của tôi thẳng đứng lên với những chiếc khác tiếp theo sau. Mấy chiếc Wildcat lại phân tán vào chúi xuống nhiều hướng khác nhau. Chiến thuật lẩn tránh của đối phương không có vẻ rối loạn, vì lối lẩn tránh này chỉ là để lẩn tránh mà thôi. Hiển nhiên phi công Mỹ không có ý định quyết chiến hôm nay.

Tôi quay lại để kiểm soát các phi cơ bên cánh của tôi. Nhưng, nhìn khắp nơi, tôi vẫn không thấy Yonekawa và Hatori ở đâu. Phi cơ của Sasai, với hai sọc xanh kẻ dọc theo thân, trở lại đội hình với nhiều chiến đấu cơ khác bay thành hàng phía sau ông. Nhưng vẫn không có hai phi cơ bên cánh của tôi.

Cuối cùng, tôi nhìn thấy họ bay khoảng 1.500 bộ phía dưới tôi. Tôi há hốc miệng. Một chiếc Wildcat đơn độc truy đuổi ba chiến đấu cơ Zero đang cố gắng lẩn trốn.

Tôi lắc cánh để báo hiệu cho Sasai và chúi xuống. Chiếc Wildcat đang bám sát, rớt đạn vô cánh

và đuôi của một chiếc Zero. Trong lúc khẩn cấp, tôi bắn vội một viên đại bác. Lập tức chiếc Wildcat lạng ra bằng cách lộn nhào một vòng về phía phải, quanh thật ngặt rồi vượt thẳng lên phi cơ của tôi. Chưa bao giờ tôi được nhìn thấy một chiếc phi cơ địch nào bay mau lẹ và đẹp mắt như vậy. Mỗi giây các họng súng của nó mỗi chĩa vô sát bụng của tôi hơn. Tôi lặn thật nhanh để tránh né. Chiếc Zero rùng mình khi tôi hạ tốc độ xuống. Vô trật viên phi công địch lộn ngược trở lại. Tôi tăng tốc độ, lộn nhào về bên trái. Ba lần lộn nhào, tôi cho chiếc Zero xoay tít để rớt xuống tạo một vòng xoay hình tròn ốc. Chúng tôi vẫn giữ hai chiếc phi cơ xoay theo hình tròn ốc. Tim tôi đập liên hồi và đầu tôi như có sức mạnh ngàn cân đè lên. Mắt tôi nổ đom đóm. Tôi cắn chặt răng chịu đựng. Nếu kẻ nào bỏ cuộc đầu tiên, lạng ra một hướng để giải tỏa áp lực, kẻ ấy sẽ đi đời.

Trên vòng xoay thứ năm, chiếc Wildcat hơi lơ lơi ra. Tôi sẵn sàng, nhưng đối thủ chú ý mũi xuống, gia tăng tốc lực và, một lần nữa, viên phi công địch nắm vững cần lái. Đáng nể!

Tuy nhiên, hắn đã tạo ra sai lầm ngay phút kế đó. Thay vì tiếp tục vung trở lại vòng xoay thứ sáu, hắn nhấn thêm tốc lực, phá vỡ một góc vòng xoay và lộn nhào theo hình thắt nút dây. Tôi chĩa mũi ngay phía sau, cắt ngang đường bay của hắn. Và tôi cứ cắt như vậy nhiều lần, khiến cho hình thắt nút dây của hắn càng lúc càng thắt hẹp lại. Khi hai phi cơ còn cách nhau 50 thước, chiếc Wildcat bỏ lối bay cũ để vượt thẳng lên. Tôi kinh ngạc khi nhìn thấy lối tránh né này. Ở khoảng cách hiện thời, tôi không cần sử dụng đại bác 20 ly. Tôi rớt 200 viên đạn đại liên vô phòng lái, nhìn thấy đạn soi thủng lớp kim khí mỏng và phá tan kiếng chắn gió của chiếc Wildcat.

Tôi không thể tin nổi vào đôi mắt của mình. Chiếc Wildcat vẫn tiếp tục bay như không có việc gì xảy ra. Nếu phòng lái bị lãnh đạn như vậy, một chiếc Zero sẽ bốc cháy lập tức. Tôi không sao hiểu nổi. Tôi gia tăng tốc lực, tiếp tục áp sát đối thủ, vừa đúng lúc chiến đấu cơ địch mất tốc lực. Trong một thoáng, tôi đã ở phía trước chiếc Wildcat mười thước. Tôi đưa lưng, chuẩn bị lãnh đạn của đối phương.

Không một viên đạn nào bay đến! Các khẩu súng của chiếc Wildcat vẫn im lặng. Tôi hạ tốc độ cho đến khi hai phi cơ bay song song. Tôi mở cửa buồng lái để nhìn. Tôi có thể nhìn thấy viên phi công địch rõ ràng. Một người khổng lồ với gương mặt bầu bĩnh, mặt quân phục ka ki nhạt, có vẻ đứng tuổi.

Chúng tôi bay song song nhiều giây trong đội hình kỳ quái của chúng tôi. Đôi mắt chúng tôi gặp nhau qua khoảng không gian nhỏ hẹp giữa hai chiếc phi cơ. Chiếc Wildcat như một đồng sắt vụn. Nhiều lỗ đạn soi thủng ở thân và cánh từ bên này suốt qua bên kia. Bánh lái chiếc phi cơ te tua, những miếng kim khí chĩa ra giống như một bộ xương. Tôi có thể hiểu tại sao viên phi công không khai hỏa: máu đã ướm đôi vai và chảy thành nhiều vệt xuống ngực hắn. Vậy mà phi cơ của hắn vẫn còn bay, không thể tin nổi.

Nhưng tôi không thể hạ sát một người bất động, mang đầy thương tích, trong một chiếc phi cơ chỉ còn là một đồng sắt vụn. Tôi giơ nắm tay trái lên lắc lắc la lớn, biểu hắn hãy đánh nhau thay vì bay giống như một con bò cạp đất, mặc dù tôi biết chuyện đó khó thể xảy ra. Viên phi công Mỹ nhìn tôi có vẻ hoảng sợ, hắn giơ tay phải lên vẩy vẩy một cách yếu ớt.

Tôi chưa bao giờ có cảm giác kì dị như thế này. Tôi đã giết nhiều người Mỹ trên không, nhưng đây là lần đầu tiên, trước một đối thủ kiệt lực mang đầy thương tích, tôi lại ngần ngại. Tôi không biết có nên dứt điểm hắn hay không. Nhưng ý nghĩ của tôi rõ ràng là ngủ ngờ. Bị thương hay không, hắn cũng là kẻ thù, một kẻ thù vừa hạ ba đồng bạn của tôi vài phút trước đây. Tuy nhiên, thật sự tôi muốn hạ chiếc phi cơ hơn là hạ viên phi công.

Tôi lùi lại và lướt đến sau đuôi chiếc Wildcat. Viên phi công cố thu hết năng lực cuối cùng để đưa chiếc phi cơ của hắn lướt lên. Tôi nhắm đầu máy và ấn cò đại bác. Một tiếng nổ bùng với

lửa và khói tủa ra. Chiếc phi cơ lộn nhào và viên phi công nhảy dù ra ngoài. Phía dưới tôi, gần đúng trên bãi biển Guadalcanal, chiếc dù bung ra. Cuối cùng, tôi thấy viên phi công đáp xuống bãi biển.

Ba chiến đấu cơ Zero khác đã trở về kết hợp bên cánh của tôi. Chúng tôi vượt lên và quay trở lại hòn đảo để kiểm tra phi cơ địch nữa. Đạn cao xạ bắt đầu nổ quanh chúng tôi. Chỉ vài giờ sau khi đổ bộ, các giàn cao xạ hạng nặng của địch quân đã được thiết lập trên bãi biển. Tôi biết rằng những lực lượng Nhật phải mất ít nhất ba ngày sau khi đổ bộ mới thiết lập được các vị trí phòng không. Tốc độ di chuyển chiến cụ lên bờ của người Mỹ nhanh chóng đến mức kinh ngạc.

Tôi trở lại cao độ 7.000 bộ với ba chiến đấu cơ phía sau. Chúng tôi bay xuyên qua những đám mây, lần đầu tiên trong suốt mấy năm chiến đấu, tôi bị một phi cơ địch vồ mà không hay biết. Tôi nghe một tiếng phụp thật mạnh và một lỗ hổng nửa phân xuất hiện trên kính chắn gió bên trái của tôi. Lỗ hổng chỉ cách tôi vài phân.

Tôi vẫn không nhìn thấy chiếc phi cơ nào khác trên không. Có lẽ viên đạn từ mặt đất bắn lên. Sau đó, tôi mới nhìn thấy loáng thoáng một chiếc oanh tạc cơ địch, không phải một chiến đấu cơ, đang lủi vô mây. Sự liều lĩnh của viên phi công địch đáng sợ. Với một chiếc oanh tạc cơ chậm chạp, hẳn dám giỡn mặt với ba chiến đấu cơ Zero của chúng tôi.

Chớp mắt, tôi đã ở phía sau đuôi hắn. Chiếc Dauntless nhô lên hụp xuống nhiều lần rồi thành linh chui vô một đám mây. Đâu thể để mất con mồi dễ dàng như vậy, tôi đeo dính hắn. Khoảng một vài giây, tôi chỉ thấy một màu trắng xoá khi chúng tôi lướt xuyên qua một đám mây dày đặc. Kế đó, chúng tôi bay ra khoảng trống, tôi tiến sát như chớp và khai hỏa. Tên xạ thủ phía sau đuôi chiếc oanh tạc cơ ngã chúi trên khẩu súng của hắn. Một loạt đại bác nữa rót vô đầu máy. Chiếc Dauntless lộn về phía trái mấy vòng, rồi chúi xuống dữ dội. Yonekawa thấy viên phi công nhảy dù ra. Đó là sát thủ thứ sáu mươi của tôi.

Trở lên 13.000 bộ, tôi tìm kiếm những phi cơ khác của chúng tôi nhưng không thấy. Một vài phút sau, bay trên bờ biển Guadalcanal, tôi phát hiện một nhóm phi cơ bay cách phía trước mặt nhiều dặm. Tôi báo hiệu cho hai phi cơ bên cánh và lướt đến. Không lâu, tôi đếm rõ tám phi cơ địch tất cả, bay làm hai nhóm. Tôi ra dấu đánh nhóm bên phải nhường nhóm bên trái cho ba chiếc Zero theo sau tôi. Đối thủ bay trong một đội hình rất chặt chẽ, hình như là chiến đấu cơ Wildcat. Tôi có thể lướt từ dưới lên đánh tập hậu, và có thể hạ hai chiếc trong loạt khai hoả đầu tiên. Tôi tiến sát được chừng nào hay chừng nấy. Khoảng cách còn 200 thước, rồi 100 – 70 – 60 thước.

Tôi đã lọt vô bẫy! Phi cơ địch không phải chiến đấu cơ mà là oanh tạc cơ. Loại Avenger trang bị thủy lôi, loại oanh tạc cơ mà tôi chưa từng thấy trước đây. Từ phía sau, Avenger trong giống như chiến đấu cơ Wildcat, nhưng khi lại gần mới thấy kích thước đồ sộ của nó với hai tháp súng trên lưng và dưới bụng đều trang bị đại liên 50.

Hèn chi chúng bay theo một đội hình chặt chẽ như vậy. Mấy chiếc Avenger đang đợi tôi, và bây giờ tôi bị chụp ở cả hai bên phải và trái với 16 khẩu đại liên một lúc. Tôi gia tăng tốc lực khẩn cấp. Tôi không thể giảm tốc lực để quay lưng. Nếu tôi bỏ chạy hoặc lộn nhào tôi sẽ lãnh đạn vô chiếc bụng phơi trần tức khắc. Chỉ còn một cách để chọn, cứ lướt đến và khai hoả tất cả vũ khí trong tay. Tôi ấn nút hoả lực, hầu như cùng một lúc với tất cả súng của địch quân. Tiếng đại bác và đại liên lẫn át mọi tiếng động khác. Khi hai oanh tạc cơ bốc cháy, đối phương chỉ cách trước mặt tôi hai mươi thước. Đó là tất cả những gì mà tôi nhìn thấy. Một tiếng nổ dữ dội như chà nát thân thể tôi. Tôi cảm thấy hai lỗ tai như bị muôn ngàn lưỡi dao đâm thủng. Thế giới bùng lên trong lửa đỏ và đôi mắt tôi như mù hẳn.

(Ba phi công bay theo tôi về báo cáo với chỉ huy trưởng không đoàn rằng họ đã nhìn thấy hai chiếc Avenger rớt xuống cùng với chiếc phi cơ của tôi. Họ còn cho biết thêm, hai phi cơ địch kéo

hai vệt lửa và khói thật dài. Đó là nạn nhân chính thức thứ 61 và 62 của tôi. Nhưng một báo cáo chính thức của người Mỹ phủ nhận sự mất mát các oanh tạc cơ Avenger cất cánh từ ba hàng không mẫu hạm hoạt động ở phía Tây Nam Guadalcanal. Có lẽ hai phi cơ đã trở về tàu được. Khi chiếc Zero của tôi chúi xuống, với tôi hôn mê bất tỉnh trong buồng lái, cả ba chiếc Zero cùng chúi với tôi. Họ đã bỏ dở cuộc săn tìm khi tôi biến mất trong một đám mây sà thấp.)

Trong nhiều giây trôi qua tôi mới hồi tỉnh. Một luồng gió lạnh và mát mẻ quất vào tôi, xuyên qua tấm kính chắn gió đã vỡ nát. Nhưng tôi vẫn còn mất cảm giác. Mọi vật đều mờ mờ ảo ảo. Đầu tôi ngã hẳn về phía sau, ngoẻo trên tựa đầu. Tôi cố nhìn, nhưng mọi vật chập chờn nhảy múa trước mắt tôi. Phòng lái hình như đã mở ra, kiếng bề nát hết, gió ru tôi vào cơn mê nửa tỉnh. Tôi không cảm thấy gì khác hơn là một sự chìm đắm êm ả dịu dàng. Tôi muốn ngủ. Tôi cố gắng và biết rằng tôi đã bị bắn trúng, rằng tôi đang hấp hối, nhưng tôi không hề cảm thấy sợ hãi. Nếu chết là như thế này, không đau đớn, thì có gì đáng lo.

Tôi đang ở trong một thế giới đầy mộng mị. Một sự ngầy ngất tràn đầy trong trí não tôi. Ảo ảnh bơi lội phía trước tôi. Với sự ngạc nhiên, tôi nhìn thấy khuôn mặt má tôi rõ rệt. Bà kêu lên: “Xấu hổ chưa! Xấu hổ chưa! Thức dậy đi, Saburo, thức dậy đi! Con làm như đàn bà con gái không bằng. Con đâu phải là một tên hèn nhát! Thức dậy đi!”.

Dần dần tôi cảm biết những gì đang xảy ra. Chiếc Zero lao về phía đông giống như một hòn đá. Tôi cố mở mắt ra và nhìn quanh, thấy màu sáng chói, hực hỡ của lửa. Tôi nghĩ rằng chiếc phi cơ đang bốc cháy. Nhưng tôi không nghe một mùi khói. Tôi vẫn choáng váng.

Tôi nháy mắt nhiều lần. Sao lại như vậy? Mọi vật đều màu đỏ hết ! Tôi đưa tay sờ soạng. Cần lái! Tôi nắm lấy nó. Vẫn không thấy gì hết. Tôi kéo cần lái lại phía sau. Nhẹ nhàng. Chiếc phi cơ bắt đầu gượng lại từ sức chúi xuống, lấy lại thăng bằng và vượt lên. Áp lực của gió giảm bớt, không còn quất mạnh vô mặt tôi nữa. Một ý nghĩ đầy kinh hãi bao trùm lấy tôi. Tôi có thể bị mù! Tôi không bao giờ có cơ hội trở về Rabaul!

Tôi hành động theo linh tính. Tôi đưa tay trái về phía trước để nắm lấy cần gia tăng tốc độ. Tay tôi bất động. Tôi cố co mấy ngón tay lại. Không có một cảm giác nào cả. Đúng là nó đã liệt hẳn. Tôi nhấc hai chân lên bần đạp bề lái. Chỉ có chân mặt của tôi còn chuyển động, và chiếc Zero lạng qua một bên khi bàn đạp bị ấn xuống. Chân trái của tôi tê liệt. Tôi nghiêng rằng cố gắng cử động lại một lần nữa. Vô ích.

Cả thân bên trái của tôi hình như đã bị tê liệt. Trong nhiều phút tôi cố cử động chân và tay trái, nhưng không thể nào cử động được. Tôi không nghe đau đớn. Thật khó hiểu.

Đội má tôi ướt đầm. Tôi đang khóc. Hai hàng lệ chảy xuống. Khối nặng trĩu trong lòng mắt tôi bắt đầu trôi đi. Nước mắt đã lau sạch máu đọng trong mắt tôi.

Tai vẫn còn điếc câm, nhưng mắt có thể nhìn thấy chỉ một chút ít, nhưng màu đỏ đã tan loãng dần. Ánh sáng mặt trời chiếu rọi trong phòng lái cho phép tôi nhìn thấy mờ mờ những dụng cụ bằng kim khí. Dần dần tôi nhìn thấy những dụng cụ hình tròn, nhưng không thể nhìn thấy chi tiết. Tôi xoay đầu và nhìn ra ngoài buồng lái. Những khối màu đen vĩ đại lướt qua dưới cánh phi cơ với tốc độ kinh khiếp.

Những khối màu đen chắc chắn là chiến hạm địch. Điều này có nghĩa là tôi chỉ cách mặt nước khoảng 300 bộ. Thế rồi tai tôi vang lên những âm thanh. Thoạt đầu là tiếng máy phi cơ kể đến đó là tiếng súng. Các chiến hạm đang khai hỏa vào tôi. Chiếc Zero đang đưa trong những làn sóng chớp loé của đạn cao xạ bùng nổ. Lạ lùng thay, tôi không hề đưa ra một phản ứng nào cả. Tôi bất động, không tìm cách né tránh. Tiếng súng rơi lại phía sau. Tôi không còn nhìn thấy những khối màu đen trên mặt nước nữa. Tôi đã vượt qua khỏi tầm súng. Nhiều phút trôi qua, tôi vẫn ngồi bất động trong phòng lái với muôn ngàn ý nghĩ lẫn lộn. Tôi lại muốn thiếp ngủ.

Trong cơn ngầy ngật, tôi cũng biết rằng tôi không thể nào bay trở về Rabaul, và ngay cả Buka gần hơn Rabaul 300 dặm. Một thoáng ý nghĩ đâm thẳng xuống biển với hết tốc lực đã lôi cuốn tôi, như là một cách giải quyết nỗi tuyệt vọng trong tôi.

Trở nên ngu muội. Tôi cố mở mắt ra. Tôi nguyên rủa mình: Chết như vậy không phải! Nếu phải chết, tôi nghĩ, tôi phải chết cho ra hồn. Tôi đâu phải là một tay mơ chưa từng biết chiến đấu là gì? Tư tưởng của tôi chợt ẩn chợt hiện, nhưng tôi biết rằng bao lâu mà tôi kiểm soát chiếc phi cơ, bao lâu mà tôi còn có thể bay, tôi sẽ làm mọi cách để lôi theo một hai kẻ thù trước khi chết.

Chiến đấu cơ địch ở đâu? Tôi chửi rủa và la hét: Đến đây? Tôi đây! Đến đánh với tôi!

Trải qua nhiều phút, tôi thịnh nộ như một tên điên trong phòng lái. Dần dần tôi bình tĩnh trở lại và ý thức hành động đáng buồn cười của mình... Tôi bắt đầu nghĩ đến những may mắn vô song đã khiến tôi sống sót cho đến bây giờ. Tôi đã gặp nhiều hiểm nguy trước đây, nhưng chưa lần nào hiểm nguy hơn lần này. Những viên đạn chỉ cách đầu tôi mấy phân, và gây cho tôi nhiều vết sướt, nhưng không trầm trọng mấy. Tôi có may mắn, tại sao tôi quăng nó đi? Và bỗng nhiên tôi muốn sống, tôi muốn trở về Rabaul.

Việc có ý thức đầu tiên của tôi là xem xét các thương tích. Tay trái tôi vẫn tê liệt, tôi đưa tay mặt lên sờ đầu một cách e dè như sợ những gì sẽ tìm thấy. Mấy ngón tay trên nón phi công, cảm thấy nhộp nháp. Tôi biết đó là máu. Rồi tôi gặp một lỗ thủng trên nón, tôi thọc nhẹ một ngón tay vô. Để coi bao lâu? Có vật cứng cứng chạm vô ngón tay tôi. Tôi sợ hãi để chấp nhận sự thật. Ngón tay tôi lọt hẳn vô bên trong chiếc nón. Vật cứng đó không gì khác hơn là xương sọ của tôi do đạn phá ra. Có lẽ là nó bể. Ý nghĩ này làm tôi lạnh người. Viên đạn có thể chui vô trong óc, nhưng chắc chắn không sâu. Tôi nhớ lại những gì đã từng học hỏi về thương tích trong lúc chiến đấu. Tôi không cảm thấy đau đớn, nhưng có lẽ vết thương đã làm tê liệt phần thân thể bên trái của tôi. Những ý nghĩ này đến chầm chậm. Có bao giờ bạn ngồi trong phòng lái chiếc phi cơ hư hại, nửa phần đuôi mù, nửa phần tê liệt, thọt mấy ngón tay qua lỗ thủng trên đầu của bạn và tìm hiểu sự việc xảy ra chưa? Tôi ý thức những gì đã xảy ra, tôi cảm thấy chất máu nhộp nháp và lỗ thủng trên đầu của tôi, nhưng sự nghiêm trọng thật sự của vết thương không bao giờ xâm nhập vào tư tưởng của tôi lúc ấy. Tôi biết tôi bị thương, chỉ có vậy thôi.

Tôi lại di chuyển mấy ngón tay trên mặt tôi. Nó sưng phù lên, nhiều vết sướt, và cũng có máu.

Chiếc Zero tiếp tục bay đều. Đầu óc tôi dần dần sáng suốt thêm. Cử động của tôi chính xác hơn. Tôi hít một hơi thở thật mạnh. Không có mùi dầu, như vậy là cả máy lẫn thùng xăng không bị trúng đạn. Sự ý thức này là nỗi vui mừng lớn nhất trong đời chiến đấu của tôi. Với thùng xăng còn nguyên vẹn và máy móc không hư hại, chiếc phi cơ có thể lướt hết khoảng không trình còn lại. Gió luồng vô chỗ thủng trên sọ vẫn còn rĩ máu. Tôi có thể bất tỉnh trở lại vì mất máu.

Bỗng nhiên nỗi đau đớn bao trùm lấy tôi. Mắt phải của tôi. Nó bắt đầu mờ dần khi cơn đau gia tăng kịch liệt. Tôi đưa tay dụi mắt. Cơn đau đến lúc không chịu đựng nổi. Tôi lại dụi mắt. Tôi mù rồi!

Tất cả phi công Nhật đều mang theo trong túi bốn mảnh băng vải hình tam giác. Tôi lôi ra một mảnh và phun nước miếng lên đó. Miệng tôi khô khốc và cảm thấy khát nước kinh khủng.

Tôi đưa mảnh băng lên miệng để nhai cho đến khi một góc của nó trở thành ẩm ướt. Chồm về phía trước để tránh gió, tôi lau mắt với góc băng ướt. Có hiệu quả, tôi nhìn thấy chút ít.

Một vài giây sau, khi tôi ngồi ngay ngắn trở lại, đầu tôi đau dữ dội, như có một chiếc búa gõ lên sọ. Tôi đập ngay mảnh băng vô lỗ hủng trên đầu, nhưng khi tôi vừa lấy tay ra, gió thổi mảnh băng bay mất ra ngoài cửa kính bể.

Thất vọng tột cùng! Làm cách nào tôi có thể cột mảnh băng quanh đầu? Tôi phải cầm máu lại. Tay trái tôi tê liệt, tôi chỉ có thể xử dụng tay mặt để giữ mảnh băng, nhưng tay này phải giữ cần điều khiển và các dụng cụ khác.

Tôi kéo mảnh băng thứ hai để đắp, nó lại bay mất khi tôi vừa lấy tay ra. Mảnh thứ ba và bốn cũng vậy. Tôi có thể làm gì đây? Tôi hầu như rối loạn. Cơn đau gia tăng dữ dội hơn.

Tôi còn một chiếc khăn quàng bằng lụa quấn quanh cổ. Tôi tháo ra và đè một chéo dưới cằm để gió khỏi cuốn đi. Sau đó tôi rút con dao bỏ túi dùng răng kéo lưỡi dao ra. Tôi cắn chặt một chéo của khăn quàng và cắt một đoạn, nhưng bị gió cuốn bay mất lập tức. Tôi không biết làm sao. Tuyệt vọng. Tôi cố gắng tìm giải pháp. Chỉ còn một đoạn khăn quàng.

Tôi khom người về phía trước để tránh gió, và bắt đầu nhét đoạn khăn vô bên trong chiếc nón phi công ngay chỗ vết thương. Thành công, tôi ngồi thẳng dậy và đưa chiếc phi cơ vượt lên. Cơn đau dịu xuống nhanh chóng. Máu ngưng chảy. Nhưng cơn buồn ngủ lại ủa đến, tôi xô đuổi cách mấy cũng không được. Hơn một lần tôi chớp mắt, cảm gục xuống ngực. Tôi lắc lắc đầu, hy vọng cơn đau sẽ làm tôi tỉnh táo. Chiếc phi cơ đâm đầu xuống mấy lần. Cơn buồn ngủ vẫn không xua đuổi được khiến tôi nổi giận. Tôi đưa tay tát vào má thật mạnh nhiều lần. Tôi không thể tiếp tục lối này mãi được. Tôi sớm cảm chất máu mẩn mẩn. Má tôi sưng phù thêm, không khác nào ngâm một trái banh trong miệng. Nhưng không có cách nào khác hơn, tôi tiếp tục tát vào má nữa. Có lẽ thức ăn sẽ thắng cơn buồn ngủ. Tôi lôi hộp thức ăn ra và nhét bánh mỳ đầy miệng. Tôi lại cảm thấy buồn ngủ hơn bao giờ hết. Tôi nhét thêm thức ăn vô miệng nữa, nhai thật kỹ trước khi nuốt.

Lát sau, tôi nôn mửa dữ dội. Chiếc phi cơ mất kiểm soát khi tôi vắn vẹo thân thể trong cơn nôn mửa. Thức ăn tung toé đầy trên chân tôi và trên tấm bưng dụng cụ. Ngay cả sự khổ sở mới này vẫn không xua đuổi nổi cơn buồn ngủ của tôi. Tôi lại tát má liên hồi cho đến khi không còn cảm giác nào nữa. Trong lúc tuyệt vọng, tôi đưa tay đập lên đầu, nhưng cũng vô ích. Tôi muốn ngủ! Ô! Hãy cứ ngủ, quên mọi chuyện.

Chiếc phi cơ chao qua chao lại, bay xiên xẹo. Tôi cố giữ cần lái một mực, không biết rằng nhiều khi tay tôi rớt xuống bên trái hoặc bên phải khiến cho phi cơ xoay vòng dữ dội. Tôi sẵn sàng bỏ cuộc. Tôi biết không thể giữ mãi tình trạng này mãi mãi. Nhưng tôi nguyện với lòng sẽ không chết như một tên hèn nhát, bằng cách chúi xuống biển hoặc ít ra tôi cũng chết như một Samurai. Cái chết của tôi sẽ mang theo nhiều kẻ thù.

Một chiến hạm. Tôi cần một chiến hạm địch. Thoát ra khỏi cơn tuyệt vọng tràn ngập, tôi quay chiếc Zero hướng về Guadalcanal. Nhiều phút sau đó tôi tỉnh táo. Không còn buồn ngủ nữa. Không còn đau đớn nữa. Tôi có thể hiểu biết hành động của mình. Tại sao lại chết bây giờ, nếu tôi có thể bay đến Buka hoặc ngay cả Rabaul? Tôi lại quay hướng chiếc Zero và bay về phía bắc. Một vài phút sau đó tôi lại muốn thiếp ngủ. Trí óc tôi u mê. Thế giới quanh tôi mù mịt. Tôi lại quay phi cơ, hướng về Guadalcanal. Quay đi quay lại năm lần như vậy. Tôi bắt đầu la khan nhiều lần. "Hãy tỉnh". Dần dần cơn buồn ngủ biết mất. Tôi nhắm hướng Rabaul. Nhưng hiển nhiên cứ bay về phía bắc thì không thể bảo đảm bao giờ tôi về tới căn cứ nhà. Tôi không định nổi vị trí. Tôi chỉ biết nhắm hướng Rabaul một cách tổng quát. Tôi biết tôi ở phía bắc Guadalcanal, nhưng không biết khoảng cách bao xa. Tôi nhìn xuống biển, nhưng không tìm ra một hòn đảo nào trong chuỗi đảo trải dài đến Rabaul. Chỉ chân mặt của tôi còn đạp lái được, như vậy chiếc phi cơ có thể xoay về phía đông của quần đảo Salomon.

Tôi rút tấm hải đồ dưới ghế ngồi. Nó vấy đầy máu. Tôi nhìn hồi lâu, chà tấm hải đồ lên quần để tẩy mấy vết máu, nhưng vô ích. Tôi cố định vị trí bằng cách nhìn mặt trời nhưng vô ích, cả ba mươi phút trôi qua vẫn không có một hòn đảo nào xuất hiện. Có cái gì không ổn? Tôi hiện ở đâu? Bầu trời trong sáng hoàn toàn, và đại dương trải dài vô tận.

Một hòn đảo! Cuối cùng, một hòn đảo, ngay trước mắt tôi. Nó ở mãi phía chân trời, nổi lơ mơ trên mặt nước. Phấn khởi, tôi cười khan. Bây giờ, mọi việc yên rồi, tôi có thể định vị trí và chắc chắn tôi đang hướng về Rabaul. Tôi bay và tiếp tục bay, bồn chồn dõi mắt tìm kiếm bờ biển.

Hòn đảo biến mất. Nó đâu rồi? Tôi không nằm mơ chứ? “Hòn đảo” đã trôi qua bên phải tôi, đó là một đám mây sà thấp.

Tôi cố gắng xem lại la bàn. Tôi không thể nào đọc được những con số. Tôi cúi mọp về phía trước, mũi hầu như chạm vô mặt kính la bàn. Cuối cùng tôi đọc được. Tôi đang bay ở hướng 330 độ. Gần hai tiếng đồng hồ tôi không nhìn thấy hòn đảo nào cũng phải. Chiếc Zero đang tiến ra trung tâm Thái Bình Dương.

Soát lại hải đồ, tôi biết vị trí của tôi cách phía đông bắc quần đảo Solomon 60 dặm. Chỉ phỏng đoán, nhưng đó là điều tốt nhất mà tôi có thể làm. Tôi xoay chiếc phi cơ về phía trái 90 độ và hướng đến một nơi mà tôi hy vọng là hòn đảo New Ireland, nằm phía Đông Bắc New Britain và Rabaul.

Những lượn sóng buồn ngủ lại phủ chụp lấy tôi. Nhiều lần làm tôi hoảng hốt giữ thăng bằng khi chiếc phi cơ đảo cánh hoặc lộn ngược. Tôi bay chập choạng. Xuyên qua bầu trời, lâu lâu cúi về phía trước xem la bàn, điều chỉnh hướng bay cho đến khi tôi chắc chắn phi cơ đang tiến đến New Ireland.

Nhưng bỗng nhiên cơn đau trên đầu gia tăng khiến tôi không còn buồn ngủ nữa. Rồi thành linh tôi tỉnh táo hẳn. Không một dấu hiệu báo trước, chiếc phi cơ tắt máy. Tôi biết bình xăng chính đã cạn.

Tôi còn một bình xăng phụ, nhưng phải mất một thời gian ngắn để chuyển qua. Tôi nhanh chóng và chính xác khi mở nút chuyển tiếp xăng. Thông thường, công việc này tôi xử dụng tay trái và không có gì khó khăn. Nhưng hiện thời tay trái tôi đã liệt hẳn. Tôi phải xử dụng tay mặt, nhưng với qua phía bên kia phòng lái không tới.

Chiếc Zero rớt xuống biển chậm chậm và êm ái. Tôi cố gắng hết sức cuối cùng mở được.

Xăng không chảy qua ống, vì ống quá lâu nên đã thoát hết không khí. Tôi vội vã xử dụng bơm tay, dự trù cho trường hợp bất ngờ. Hiệu quả tức khắc. Với một tiếng rồ nhẹ, máy chạy trở lại và chiếc Zero lướt về phía trước. Không phí một giây nào, tôi trở lên cao độ 1.500 thước.

Phi cơ bay chậm chậm. Tôi chỉ còn trong tay không đầy hai giờ để tiến đến hòn đảo do Nhật Bản chiếm đóng. Không đầy hai giờ, tôi sống hoặc chết.

Một giờ trôi qua. Trước mắt tôi chỉ là biển cả bao la và bầu trời xanh thẳm. Thành linh tôi thấy một vật gì nổi trên mặt nước. Một hòn đảo! Lần này không lầm nữa, không phải là một đám mây trước mắt tôi. Nhứt định là một hòn đảo. Hòn đảo Xanh, hòn đảo san hô có hình chiếc móng ngựa mà tôi đã để ý trên đường bay đến Guadalcanal. Tôi soát lại bản đồ. Hy vọng tràn trề trong tôi... Tôi chỉ cách Rabaul 60 dặm.

Sáu chục dặm. Thông thường chỉ là một cái nhảy ngắn. Nhưng tình trạng hiện thời đầy bất thường. Tôi chưa từng lâm vào tình trạng tồi tệ hơn. Tôi chỉ còn đủ nhiên liệu để bay trong vòng 40 phút. Chiếc Zero lại bị hư hại trầm trọng, ảnh hưởng rất nhiều đến tốc lực. Tôi bị thương nặng, tê liệt một phần thân thể, mắt bên mặt mù hẳn và mắt trái nhìn thấy không rõ lắm. Tôi đã kiệt sức, và tôi phải tận dụng hết năng lực để giữ chiếc phi cơ thăng bằng.

Một hòn đảo khác, ngay trước mắt tôi. Đây là đảo New Ireland, và phía xa xa là rặng núi cao 2.400 bộ. Vượt qua phía bên kia rặng núi đó, tôi có thể về tới Rabaul.

Tôi đã đấu mặt với với hàng loạt chướng ngại vật phía trước khi có thể tiến vô căn cứ nhà. Những đám mây dày đặc tụ quanh các đỉnh núi, và một cơn mưa bão thật dữ dội trút xuống. Đường như khó có thể vượt qua nổi. Kiệt quệ cả tinh thần lẫn thể xác, nửa đui nửa sáng, và trong một chiến đấu cơ hư hại trầm trọng, làm sao tôi có thể vượt qua một cơn mưa bão, nguy hiểm tột cùng ngay cả dưới những tình trạng bình thường ?

Tôi không thể bay vòng. Kim đồng hồ chỉ mức xăng của tôi càng lúc càng hạ thấp. Tôi chỉ còn vài mươi phút trên không. Tôi bậm môi và quay về hướng nam. Chiếc phi cơ bay chậm chậm xuống eo biển George nằm giữa Rabaul và New Ireland. Hai vệt trắng xoá lướt trên mặt nước phía dưới cánh tôi. Tôi thấy hai chiến hạm Nhật, có vẻ là hai tuần dương hạm hạng nặng, đang xả hết tốc lực chạy về hướng nam, tức hướng Guadalcanal.

Tôi hầu như ứa nước mắt khi nhìn thấy hai chiến hạm. Tôi muốn chú phi cơ xuống biển, một trong hai tuần dương hạm có thể cứu tôi. Hy vọng tràn ngập trong tôi. Rabaul lúc ấy hình như cách xa hàng triệu cây số. Tôi quần mấy lần trên hai chiến hạm, sẵn sàng đáp xuống mặt nước.

Tôi không thể thực hiện ý định của mình. Hai tuần dương hạm đang trên đường đến Guadalcanal để chiến đấu. Nếu chúng ngừng lại để vớt tôi lên, việc này không chắc lắm, nhiệm vụ thúc bách của chúng sẽ trì trệ. Không thể nào đáp được.

(Nhiều tuần lễ sau này tôi mới biết được đó là hai tuần dương hạm Aoba và Kinugasa, mỗi chiếc 9.000 tấn đang hướng đến Guadalcanal với tốc lực hơn 33 hải lý một giờ. Cùng với nhiều chiến hạm khác, Aoba và Kinugasa tấn công đoàn công voa của Đồng Minh ở Luga, đánh chìm bốn tuần dương hạm cùng gây hư hại cho một tuần dương hạm và hai khu trục hạm khác của địch quân).

Một lần nữa, tôi quay về hướng Rabaul. Đồng hồ chỉ mức độ xăng cho thấy chỉ còn hai mươi phút bay nữa mà thôi. Tuy nhiên nếu không tiến về Rabaul được, tôi có thể đáp trên bãi biển. Thế rồi hòn núi lửa quen thuộc hiện ra ở chân trời. Đã đến nơi rồi, Rabaul đã nằm trong tầm mắt.

Tôi phải đáp xuống. Việc này thật khó khăn vô cùng, với một nửa thân thể hoàn toàn tê liệt của tôi. Tôi cố đảo quanh phi trường, không quyết định, không biết làm gì. Tôi không biết rằng tôi đã bị báo cáo mất tích, tôi cũng không biết rằng tất cả các phi cơ khác đã đáp xuống hai giờ trước đó, ngoại trừ hai chiếc bị hạ ở Guadalcanal. Sau này đại úy Sasai nói với tôi ông không tin hai mắt của mình khi nhận ra chiếc Zero của tôi xuyên qua ống dòm. Ông la tên tôi thật lớn, và tất cả các phi công khác túa ra khắp nơi trên phi đạo. Tất cả những gì tôi nhìn thấy được là phi đạo nhỏ hẹp phía dưới.

Tôi quyết định đáp xuống mặt nước cạnh bờ biển. Chiếc Zero xuống chậm chậm. Tám trăm bộ, bảy, bốn rồi một trăm bộ, tôi chỉ còn cách mặt nước năm mươi bộ. Tôi lại thay đổi ý kiến. Hình ảnh chiếc phi cơ vỡ tan trong biển và chiếc đầu bị thương của tôi đập về phía trước, là hình ảnh đáng sợ đối với tôi. Tôi cảm thấy khó có thể sống sót được.

Tôi vượt lên và quay lại phi đạo ở cao độ 1.500 bộ. Lần này hoặc là tôi đáp xuống hoặc là không bao giờ nữa. Chiếc Zero hạ chậm chậm khi tôi đẩy cần điều khiển về phía trước. Tôi hạ bánh xe. Tốc lực chiếc phi cơ giảm xuống. Tôi nhìn những dãy chiến đấu cơ xếp dài hai bên phi đạo đang xô chạy về phía tôi. Tôi phải tránh đụng chạm các phi cơ đó. Tôi vượt trở lên, vì nhận thấy tôi đã xuống lệch quá xa về phía trái.

Sau khi quần lần thứ tư trên phi trường, tôi cố đáp xuống một lần nữa. Dù cho xăng còn rất ít trong bình, chiếc phi cơ vẫn có thể nổ nếu nó đụng chạm. Hàng dừa trồng ở đầu phi trường lơ mờ trước mắt tôi. Tôi lướt phía trên và cố điều chỉnh độ cao của tôi bằng những ngọn dừa này.

Bây giờ ... tôi đã ở trên phi đạo. Có một cái xóc thật mạnh khi bánh xe của chiếc phi cơ chạm mặt đất. Tôi kéo ngược cần điều khiển và ghì chặt với tất cả sức mạnh để giữ cho chiếc phi cơ khỏi chạy xiên vẹo. Chiếc Zero lăn bánh và ngừng lại gần Bộ Chỉ Huy. Tôi cố mỉm cười, một làn sóng thâm đen phủ chụp lên tôi.

Tôi cảm thấy như bị rớt và chìm xuống đáy của một cái hố sâu vô tận. Mọi vật hình như đều xoay tít dữ dội. Tôi nghe những tiếng hét gọi tên tôi vang lên xa xa. "Sakai! Sakai" Tôi rủa thầm. Tại sao họ không giữ im lặng? Tôi muốn thiếp ngủ.

Màu đen biến mất. Tôi mở mắt ra nhìn thấy nhiều khuôn mặt bao quanh tôi. Tôi đang nằm mơ, hay tôi đã thật sự trở về Rabaul? Tôi không biết. Mọi thứ đều không thật. Tất cả đều là mộng mị. Tôi chắc vậy. Những gì tôi thấy không thể là sự thật. Mọi thứ đều tan thành những lượn sóng màu đen thẫm và những tiếng la lớn.

Tôi cố gượng dậy. Tôi bám vào cạnh cửa buồng lái phi cơ và đứng lên. Đó là "Rabaul". Cuối cùng, không phải là mộng mị. Thế rồi tôi ngã quy xuống hẳn.

Những cánh tay mạnh mẽ nhấc bổng tôi ra khỏi phi cơ.

Chương XVI

Tôi hồi tỉnh, ngược nhìn bầu trời. Thân thể tôi hình như đông đũa. Tôi xoay lại, nhận ra Sasai và Nakajima. Hai sỹ quan đã leo lên cánh phi cơ và đang khiêng tôi xuống.

Tiếng nói lớn của Nishizawa vang lên trong những tiếng thì thầm của đám đông tụ họp. “Kêu một chiếc xe, mau lên!” hấn nạt nộ mấy tên chạy việc. “Mau lên! Đến phòng hành quân, gọi điện cho y sỹ trưởng. Mau lên, mấy thằng chó đẻ này!”.

Tôi chưa thể vô bệnh viện ngay được. Tôi phải phúc trình với đại tá Saito trước khi làm bất cứ cái gì khác. Chúng tôi phải luôn luôn trình diện Bộ Chỉ Huy sau công tác. Những chi tiết báo cáo hoạt động trong ngày xoay chuyển trong đầu óc của tôi.

Tôi giơ tay mặt lên, ra dấu cho Sasai và Nakajima đặt tôi xuống. Tôi thì thào: “Tôi phải báo cáo. Để tôi đi đến Bộ Chỉ Huy.” Nakajima nạt tôi: “Cần mẹ gì, việc đó thủng thẳng cũng được. Chúng tôi sẽ nói là đưa anh vô bệnh viện.”

Tôi khăng khăng và la lớn rằng tôi phải viết báo cáo. Nishizawa bước đến, và với Ota một bên, cả hai dìu tôi vô Bộ Chỉ Huy. Nishizawa càu nhàu luôn miệng.

Tôi nhớ lại, tôi đã đứng một cách khó khăn trước mặt đại tá Saito, với đôi mắt của ông đang nhìn tôi bán tín bán nghi. Tôi suy nghĩ để nói, nhưng mọi vật bắt đầu nhuộm màu đen trở lại. Bỗng nhiên tôi muốn đi ngủ. Phải ngủ! Tôi đang làm gì ở đây? Rồi tất cả chỉ là một màu đen thẫm.

Nishizawa và Ota lôi tôi ra xe (họ kể lại sau đó) đang đậu ở bên ngoài Bộ Chỉ Huy. Nishizawa nhảy lên xe lái như giông như gió đến bệnh viện. Sasai và Ota ngồi vịn tôi ở băng sau.

Vị y sỹ trưởng đang chờ tôi trong phòng cấp cứu. Ông cắt bộ quần phục đã te tua của tôi ra và bắt đầu may ngay các vết thương của tôi. Qua giấc ngủ, tôi cảm thấy đau đớn từng chập mỗi khi vết dao cắt vào da đầu của tôi. (Ông đã cắt hai viên đạn đại liên 50 để đưa cho tôi coi sau đó). Tôi cảm giác có một con dao sắc bén nạo trên xương sọ của tôi.

Tôi tỉnh hẳn hầu như ngay khi cuộc giải phẫu vừa xong. Tôi nhìn lên khi viên bác sỹ cúi xuống. Đôi mắt của tôi! Tôi nhớ lại đôi mắt của tôi. Thành linh những nỗi sợ hãi phủ chụp lấy tôi. “Mắt của tôi!” Tôi la lớn, “Mắt của tôi ra sao, bác sỹ?”

“Anh bị thương trầm trọng”, ông ta đáp. “Ở đây tôi không thể nào chữa trị được.” Ông nhìn ngay tôi và tiếp. “Phải gửi anh về Nhật Bản để một chuyên viên nhãn khoa chữa trị cho anh.”

Một cảm giác bi thương tràn ngập hồn tôi. Tôi lo sợ con mắt phải của tôi. Phía này tôi không thể nhìn thấy gì cả. Ý nghĩ đui mù làm tôi khủng khiếp. Đờm một phi công chiến đấu kể như tàn đời rồi. Tôi phải bay; tôi phải bay chiến đấu cơ trở lại!

Bốn ngày trôi qua trì trệ trong bệnh viện với những lần vải băng quấn khắp thân thể tôi. Bác sỹ lấy ra bốn mảnh kim khí ghim trong thịt cũng như nhiều miếng sắt trên đôi má của tôi. Đến ngày thứ tư tôi cảm thấy chân và tay trái cử động được chút ít. Vết thương ở cánh tay mặt và ở đầu thối rữa, do khí hậu quá ẩm thấp của miền nhiệt đới, và mắt phải tôi vẫn còn mù.

Trong lúc đó, những nhát chổi chiến đấu cơ và các cuộc không tập của oanh tạc cơ ở Guadalcanal không ngưng nghỉ. Mỗi ngày tôi đều nghe tiếng gầm thét của phi cơ cất cánh và hạ cánh xuống phi đạo.

Rabaul có nhiều khách viếng thăm mỗi ngày, những chiếc pháo đài bay. Chúng đến tấn công hai phi trường ở đây từ trên cao độ. Mỗi lần oanh tạc cơ địch xuất hiện, tôi và các bệnh nhân khác đều được mang xuống hầm trú ẩn.

Mỗi đêm Sasai và Nakajima đều đến thăm tôi. Họ đồng ý rằng tôi nên trở về Nhật. Theo họ, chỉ có khí hậu điều hoà ở quê hương và một chuyên viên nhãn khoa tài ba mới có thể chữa lành mắt của tôi. Tôi từ chối trở về xứ. Tôi nhấn mạnh rằng bệnh tình của tôi có thể chữa trị ngay ở Rabaul, và tôi có thể bay trở lại trong vòng một vài tuần.

Khó thể giải thích sự ngần ngại của tôi rời khỏi địa ngục Rabaul. Tôi chỉ ý thức rằng ở hiện tại, tôi như bị bao vây bởi viễn ảnh đầy bi thảm: cuộc đời của tôi chấm dứt. Cũng vẫn còn vấn đề thể diện. Tôi cảm thấy bao lâu tôi còn ở Rabaul tôi vẫn còn giữ thể diện. Ngay nếu tôi không bay lại được, tôi cũng có thể giúp đỡ những phi công mới vô nghề. Tôi có thể khuyên họ tránh những sai lầm có thể đưa đến cái chết của họ. Tất cả những lý do đó trộn lẫn thành một. Chuyến trở về Nhật Bản của tôi có nghĩa là tôi sẽ nhận lãnh sự phán xét cuối cùng bởi một chuyên viên nhãn khoa, và tôi sợ phát điên lên khi được nghe sự thật.

Vấn đề này kết thúc vào sáng ngày 11 tháng tám, khi đại tá Saito, chỉ huy trưởng căn cứ Lae, bước đến cạnh giường tôi. Sự tử tế mà ông ta dành cho tôi đã hết mức, và nó cũng bằng với sự cứng rắn của ông ta.

“Tôi thông cảm với anh, Sakai”, ông nói, “nhưng tôi đã dẫn đo suy xét. Anh sẽ được gửi về Nhật, và vô bệnh viện hải quân Yokosuka. Đây là lệnh của tôi. anh sẽ đáp vận tải cơ đi vào ngày mai. Vị bác sỹ ở đây đã cho tôi biết bệnh tình của anh chỉ hy vọng vào các bác sỹ ở Yokosuka mà thôi.”

Ông mỉm cười với tôi. “Chuyến trở về quê hương của anh sẽ khiến cho chúng tôi yên lòng nhiều hơn anh nữa. Tất cả chúng tôi đều biết anh sẽ được săn sóc thuốc men cẩn thận ở Nhật.” Ông ta đứng dậy nhìn tôi trong giây lát rồi nghiêng mình xuống, đặt tay lên vai tôi. “Đối với tất cả chúng tôi anh đã làm được một việc phi thường, Saburo,” ông dịu dàng nói. “Tất cả những ai đã từng biết anh, từng được bay chung và chiến đấu với anh, đều hãnh diện. Khi các vết thương của anh lành lặn, hãy trở lại đây với chúng tôi.” Thế rồi ông bước ra ngoài.

Đêm đó Sasai đến thăm tôi. Ông có vẻ mệt mỏi sau phi vụ trong ngày ở Guadalcanal. Tôi cho ông biết tôi được lệnh về xứ ngày mai. Giây lát sau, tất cả bạn thân của tôi đều tụ họp trong phòng, bày ra một buổi tiệc chia tay nho nhỏ. Không ai ca hát, không ai nói chuyện ồn ào hoặc đùa giỡn. Chúng tôi chuyện trò to nhỏ, hầu hết nói về Nhật Bản.

Nhưng người Mỹ có những ý kiến khác hơn đối với buổi tụ họp nho nhỏ của chúng tôi. Sự yên tĩnh của một đôi giờ chấm dứt với những bước chân dồn dập chạy vô các hầm trú ẩn. Tôi được một số phi công khiêng ra khỏi bệnh viện. Tôi nghiêng rắng xấu hổ và đấng cay với sự bất lực của mình. Đây chính là những người mà tôi từng cầm đầu trong khi chiến đấu, và bây giờ họ khiêng tôi đi, giống như một đứa trẻ mù loà, què quặt! Tôi muốn la hét và giựt hết những lần băng quấn quanh thân thể tôi. Nhưng tất cả những gì mà tôi có thể làm là nằm bất động với đôi mắt nhắm nghiền.

Sáng sớm hôm sau, tôi lê thân chậm chậm ra cầu tàu, một chiếc ca nô chờ đợi để đưa tôi ra một chiếc thủy phi cơ bỏ neo trên mặt nước.

Sasai siết chặt tay tôi. “Tôi sẽ nhớ anh, Saburo. Anh không bao giờ biết được lòng tôi đối với anh.”

Hai giòng lệ chảy dài xuống đôi má tôi, tôi không thể nào cầm được. Tôi xúc động và chỉ có thể

nắm chặt lấy tay Sasai.

Sasai rút tay lại, tháo vội dây nịt đang đeo và trao nó cho tôi. Tôi nhìn “Con Cọp Gầm” khắc sảo trên cái khoá. “Saburo, sợi dây nịt này của ba tôi tặng. Một sợi cho tôi, một sợi cho anh rể tôi. Anh rể tôi đã chết. Tôi không mấy tin vào sự linh ứng của con cọp bằng bạc này, nhưng tôi muốn anh giữ và mang nó. Tôi hy vọng nó sẽ giúp anh trở lại đây với chúng tôi.”

Tôi từ chối, nhưng vô ích. Sasai bỏ sợi dây nịt vô túi của tôi, rồi nắm lấy tay tôi. “Tôi sẽ gặp anh trở lại, Saburo. Đừng nói lời từ biệt! chúng ta sẽ sớm gặp lại nhau, tôi hy vọng.”

Ông dìu tôi xuống ca nô. Một phút sau nó lướt sóng hướng đến chiếc thủy phi cơ đang chờ đợi. Nishizawa, Ota, Yonekawa, Hatori, Nakajima và tất cả bạn bè khác của tôi vẫy tay trên cầu tàu. Họ la lớn dặn tôi sớm trở lại để bay với họ.

Giây lát sau, hình ảnh họ mờ mờ. Tôi chỉ có thể nhìn thấy một vài thước với con mắt trái. Tôi đứng thật thẳng trên ca nô, giơ tay mặt lên, lúc bóng hình của mọi người biến mất. Thế rồi tôi la thật lớn, giống như một đứa trẻ.

Trong chiếc thủy phi cơ có một vài hành khách khác. Một binh sỹ phục dịch được cắt đặt để săn sóc tôi trong chuyến đi, và nhiều thông tin viên chiến tranh. Chúng tôi ngừng lại ở Truk và Saipan để tái tiếp nhận nhiên liệu.

Tôi rời xa mảnh đất quê hương đã lâu. Tình trạng hiện thời của nước Nhật như thế nào, tôi không mấy may lưu tâm đến. Nhưng, tôi đã xúc động khi đặt chân lên Yokohama, một xúc động bất ngờ. Chiều ngày thứ bảy, chúng tôi đáp xuống hải phận Yokohama. Không muốn trình diện bệnh viện vào đêm đó, tôi đi bộ vô thành phố để đón xe tắc – xi đến nhà chú tôi ở phía Tây Tokyo.

Dân chúng ở đây tuyệt đối không để ý đến những gì thực sự xảy ra trong cuộc chiến. Tôi như từ cung trăng rớt xuống giữa đám đông rộn rịt, giữa ánh đèn sáng trưng. Tôi không thể nào tin được những âm thanh lọt vô tai tôi, âm thanh của muôn ngàn tiếng cười, tiếng nói vô tư lự. Có phải thật họ không biết những gì xảy ra ở Tây Nam Thái Bình Dương không ?

Trên khắp đường phố, mỗi bản tin tức của đài phát thanh đều vang vang “Bước tiến của chiến hạm”, loan đi chi tiết các chiến thắng lừng lẫy của những trận hải chiến xảy ra quanh quần đảo Salomon. Tôi không nghe gì khác hơn là danh sách những tàu chiến Mỹ bị tiêu diệt, hàng nhiều trăm phi cơ bị bắn rơi.

Những đám người mặc quần áo mùa hè màu sắc sỡ dừng lại bên ngoài mấy cửa tiệm, hoặc đứng ở các góc phố để lắng nghe đài phát thanh huyền hoàng. Mỗi lần xướng ngôn viên đề cập đến một cuộc chiến bại quan trọng của địch quân, tiếng reo hò nổi lên vang dội khắp đường phố.

Quốc gia đã say sưa trên những chiến thắng lừa dối. Khó thể tin rằng có một cuộc chiến tranh hủy diệt đang diễn tiến. Trong các cửa tiệm, tôi thấy có một số hàng hoá được phân chia theo khẩu phần, nhưng các nhu yếu phẩm có thể nói là phong phú.

Tôi muốn rời xa thành phố này tức khắc. Mọi thứ ở Lae và Rabaul hình như không thật. Có thể nào hai thế giới cách biệt này hiện hữu cùng một lúc không ? Máu lửa, chết chóc và nỗi hoan hỉ dành cho những chiến thắng tưởng tượng chỉ cách nhau mấy giờ bay ngắn ngủi ?

Tôi kêu một chiếc taxi và cho địa chỉ của chú tôi. Xe chạy ngang qua Yokohama và vô thành phố Đông Kinh. Vài phút sau, một cảnh sát viên chặn xe lại và cúi nhìn xuyên quan kiếng. Bộ quân phục của tôi lổ chỗ vết máu và vết thương vẫn còn quần băng. Hấn hỏi:

“Anh làm sao vậy?”

“Tôi vừa ở mặt trận về,” tôi đáp một cách chua chát.

Hắn kêu lên: “Anh bị thương ở mặt trận! Mặt trận nào? Sao lại bị thương?”

“Tôi là một phi công,” Tôi hăng giọng. “Ở Guadalcanal. Tôi bị đạn trong lúc chiến đấu.”

“Guadalcanal!” Đôi mắt của viên cảnh sát trẻ bừng sáng. “Hôm nay tôi có nghe một số tin ở đó”. Tôi biết rằng chỉ ngày hôm qua đây, chúng ta đã nghiền nát hết bọn Mỹ. Đài phát thanh cho biết hải quân của chúng ta đánh chìm 5 tuần dương hạm, 10 quân vận hạm và mười khu trục hạm. Chắc chắn cảnh đó ngoạn mục lắm!”

Bao nhiêu đó quá lắm rồi!. “Tôi rất tiếc, thưa trung sỹ,” tôi nói mau. “Tôi phải đi gấp.” Tôi thét tên tài xế. “Chạy đi! Tức khắc!”.

Nhiều năm rồi, tôi lại mới bước vô nhà của chú tôi. Ngôi nhà vẫn không có gì thay đổi. Tôi đứng bên lề đường nhiều phút, nhìn ngôi nhà, ánh đèn và nghe những âm thanh quen thuộc. Một cảm giác yên bình kỳ lạ bao trùm lấy tôi. Quá khứ thức dậy trong tôi, và tôi đã mở cánh cửa giống như tôi đã mở lúc còn nhỏ. Tôi cũng xử dụng những tiếng nói tôi thường la lên khi bước vô nhà, “Cháu đây! Cháu về nhà rồi đây!”

“Ai đó?” tiếng hỏi có vẻ giật mình giọng lên từ nhà bếp. Tôi mỉm cười. Tiếng hỏi của thím tôi.

“Cháu đây!” Tôi đáp.

Yên lặng giây lát. “Cháu đây ! Saburo!”. Tôi nói lớn một cách vui vẻ.

Tiếng hỏi đầy sự ngỡ ngàng của chú tôi vang dội khắp nhà:

“Cái gì đó?” Rồi cả nhà chạy ùa ra hành lang.

Họ nhìn tôi trừng trừng cả một phút. Chú thím tôi, hai người em họ Hatsuyo và Michio của tôi, không ai thốt nên lời, đứng im sững, miệng mở tròn trong nỗi kinh ngạc. Tôi bình thản nhìn những người trước mặt khi đôi mắt của họ di chuyển xuống bộ quân phục và những lần vãi băng hoen máu của tôi.

Chú tôi thì thào: “Có phải cháu thật không, Saburo? Đây là Saburo, đây không phải là một hồn ma?” Ông chồm về phía trước, như sợ tôi tan biến.

“Không! Không phải là hồn ma”. Tôi đáp “Cháu thật đây mà. Cháu về nhà đây!”.

Thật giống như chết đi sống lại. Những trận đánh, chết chóc, thương tích, ấn tay vào cò súng, lộn nhào liên hồi để tránh né chiến đấu cơ địch truy đuổi, chui rút vô những hầm trú ẩn ngập bùn... Tất cả không còn nữa, tất cả đã trở thành không thật, xa lắm rồi. Một thế giới âm u, giống như hồn ma mà chú tôi đã tưởng, không còn treo lơ lửng trên tôi nữa. Để tôi được ngồi trong căn nhà này một lần nữa, để lại nói chuyện với chú thím tôi, để lại nhìn Hatsuyo và Michio, để thoải mái. Để biết nơi đây không còn những trái bom đêm nay, không còn âm thanh gầm thét của oanh tạc cơ Maurader và Mitchell, không còn những tiếng nổ, những mảnh kim khí, những viên đạn chọc thủng vô tận phòng ngủ... Tôi cứ lắc lắc đầu trong nỗi hạnh phúc đầy kinh ngạc. Hầu như đã ba năm rồi, tôi mới trải qua một đêm với gia đình này. Đó là đêm đầu tiên trong nhiều năm, tôi mới được ngủ một giấc đều đặn. Ngay cả mấy vết thương cũng không quấy rầy tôi.

Sáng hôm sau tôi đáp xe lửa đến Yokosuka. Đời sống hàng ngày của dân chúng trong thành phố này hình như còn rộn rịp hơn cả thành phố Yokohama vào ban đêm. Những người qua đường, nhứt là thiếu phụ và thiếu nữ, liếc mắt nhìn tôi, khẽ nhẵn mặt và nhìn đi nơi khác. Tôi là một tên dơ bẩn, bê bết máu mủ, và phải, đó là sự thật, tôi là một hình ảnh đầy ghê tởm với đồng bào của tôi. Tôi bị ghét bỏ.

Ngay khi tôi trình diện bệnh viện Yokosuka, một nhân viên đưa tôi đến phòng của vị y sĩ trưởng. Tôi đã quên mất, hôm nay là chủ nhật. Ngoại trừ những trường hợp khẩn cấp, y sĩ trưởng không làm việc vào ngày hôm nay. Nhưng tôi đã ngạc nhiên khi thấy ông ta đích thân tiếp đón tôi.

Ông ta mỉm cười khi nhìn thấy vẻ ngạc nhiên của tôi. “Tôi có dặn thông báo cho tôi biết ngay khi anh đến,” ông ta giải thích. “Tôi vừa từ bên chỗ trú ngụ sang đây. Tôi có nhận một lá thư riêng của đại tá Saito, yêu cầu tôi cố gắng bằng mọi cách để chữa trị cho anh.”

Ông ta nhìn tôi một thoáng. “Đại tá Saito đã kể rành mạch cho tôi biết những gì mà anh đã làm ở Thái Bình Dương. Tôi biết anh là một phi công hạ nhiều phi cơ địch hơn tất cả những phi công khác của Nhật Bản.”

Tôi gật đầu.

“Bây giờ tôi có thể hiểu rõ nỗi lo lắng của đại tá của anh. Đến đây”, ông ta nắm lấy tay tôi, “chúng tôi sẽ bắt đầu khám anh ngay.”

Sau khi khám xong, ông ta đích thân đưa tôi xuống khu nhẵn khoa. “Tôi có nhờ một bác sĩ nhẵn khoa tài nhứt của Nhật Bản chữa trị cho anh,” ông ta giải thích. “Bác sĩ Sakano được nhập ngũ và hiện phục vụ trong hải quân với cấp bậc thiếu tá. Xứ sở của chúng ta chưa có y sĩ nhẵn khoa nào tài giỏi hơn ông ta. Khi tôi được thơ của đại tá Saito, tôi đã báo cho bác sĩ Sakano chuẩn bị sẵn sàng để bắt tay vào việc chữa trị ngay khi anh đến.”

Do đó, tôi đang đối diện với giây phút định mạng. Tôi sẽ sớm biết tôi có thể nhìn thấy, tôi có thể bay trở lại được hay không.

Bác sĩ Sakano khám cho tôi. Nhiều phút sau, ông đứng thẳng dậy, mặt lộ vẻ nghiêm trọng và chậm rãi nói:

“Phải làm liền. Tôi phải điều trị cho anh tức khắc. Anh còn nhìn thấy được nữa hay không đều tùy thuộc những gì mà tôi sẽ làm trong một giờ kể đây.”

Ông ngừng lại. “Sakai, tôi không thể sử dụng thuốc mê. Nếu anh muốn nhìn thấy, nếu anh muốn cứu ít ra là một con mắt của anh, anh phải chuẩn bị để chịu đựng tất cả sự đau đớn trong khi vẫn tỉnh.”

Tôi hơi choáng váng. Tôi lặng lẽ gật đầu, sợ ngay cả tiếng nói của mình.

Họ đặt tôi lên một chiếc giường cao, rồi nhiều nhân viên giúp việc lấy đai da và vải buộc ghệt chặt tôi xuống. Tôi không thể nhúc nhích tay chân. Đầu tôi cũng bị buộc một sợi dây da để giữ chặt lại, và một cô nữ y tá đã vỗ vỗ tay vào đầu để trấn an. Vị bác sĩ biểu tôi nhìn thẳng vào một ánh đèn đỏ chói treo trên trần nhà.

“Nhìn đi, Sakai” ông dịu dàng nói. “Nhìn đi. Đừng rời mắt khỏi ánh đèn đó. Đừng nháy mắt, đừng đảo mắt sang nơi khác. Hãy để ý lời tôi dặn! Anh có thể đui mù cả đời nếu anh không làm đúng theo lời tôi dặn.”

Khủng khiếp! Hơn cả khủng khiếp nữa, đó là một nỗi đau đớn chưa từng gặp phải trong đời tôi. Tôi luôn luôn tự coi mình có một khả năng chịu đựng đau đớn vô song. Tâm niệm trong Bushido đã dạy tôi sự kiên nhẫn, chịu đựng, dưới mọi tình trạng khó khăn nhất.

Nhưng mà lần này! Tôi phải nhìn ngọn đèn trừng trừng. Nhìn cho đến khi tôi chỉ thấy màu đỏ chói tràn ngập mọi vật, cho đến khi bàn tay của vị bác sỹ chìa ra, mờ mờ ảo ảo, với dụng cụ bằng sắt nhọn và sáng loáng tiến gần hơn, gần hơn, gần hơn nữa.

Tôi thét lớn. Nhiều lần, tôi thét như một tên điên với nỗi hấp hối đầy khủng khiếp. Tôi cảm thấy không thể chịu đựng thêm một giây phút nào nữa. Ước muốn được bay lại, được thấy lại bây giờ trở thành đờ đẫn đối với tôi. Đau chết được! Một lần tôi thét lên: “Ngừng lại! Bỏ hết, miễn đừng đau thì thôi!” Tôi cố né tránh lưỡi dao. Tôi cố thoát khỏi mấy sợi dây. Chúng được buộc quá chặt. “Im đi!” Vị bác sỹ la tôi. “Anh phải cố chịu đựng chứ! Nếu không, anh sẽ đui mù! Đừng hét nữa!”

Sự hành hạ kéo dài hơn ba mươi phút. Nó dài bằng cả một triệu năm đối với tôi. Nó kéo dài vô tận. Khi công việc đã xong, tôi cử động một ngón tay cũng không nổi. Tôi nằm dài trên giường để thở, bất động. Vị y sỹ trưởng cúi xuống cố gắng để an ủi trong lúc ngực tôi nặng trĩu và tôi bật khóc nức nở.

Suốt một tháng tôi nằm miết trên giường bệnh. Tôi khổ sở. Đời sống vô nghĩa đối với tôi. Tôi cứ nằm mơ thấy lại chuyến bay dài dằng dặc từ Guadalcanal trở về Rabaul của tôi.

Bác sỹ Sakano thường tới thăm bệnh tôi. “Tôi đã cố gắng hết sức” ông nói với tôi, “nhưng mắt bên mặt của anh sẽ không bao giờ hồi phục, anh chỉ có thể nhìn thấy những vật cách anh một hai thước. Riêng mắt trái của anh sẽ phục hồi hoàn toàn.

Lời nói của ông giống như lời nói của tử thần. Một phi công chiến đấu độc nhãn. Tôi cười một cách cay đắng lúc vị bác sỹ bước ra.

Vết thương trên đầu tôi lành lặn mau chóng. Bác sỹ cho phép tôi dạo quanh bệnh viện. Mỗi tuần tôi đều thỉnh cầu được xuất viện và được gửi lại Rabaul. Và mỗi tuần lời thỉnh cầu của tôi đều bị bác bỏ.

Cuối cùng, vị y sỹ trưởng có phản ứng khi thấy tôi cứ lảm nhảm nói mãi. Hiển nhiên là ông ta nổi giận. “Tôi cho anh biết, Sakai, còn nhiều tháng nữa anh mới có thể nghĩ đến việc trở lại Rabaul. Lệnh dứt khoát của tôi. Anh phải dưỡng sức ít nhất sáu tháng trước khi anh được chỉ định vào bất kỳ nhiệm vụ nào, ở quê hương hay ở hải ngoại.”

Tôi cảm thấy giống như kẻ trốn chạy, một tên đào thoát khỏi chiến trường. Tôi nghĩ để các phi công khác, như là Nishizawa, Ota và Sasai, mỗi ngày họ đều lâm trận. Ngay cả những tin tức liên quan đến cuộc chiến loạn đi trên đài phát thanh, tôi cũng sợ nghe. Những tin tức nhắc nhở tôi nhớ đến Rabaul ấy.

Một hôm, tôi có thêm hai khách viếng (ngoài cô em họ Hatsuyo đến thăm tôi mỗi cuối tuần). Đó là Fujiko và ba của nàng, giáo sư Niori. Hatsuyo đã viết thư báo tin cho họ. Khi gặp tôi, cả hai đều lộ vẻ lưu tâm đến thương tích của tôi. Tôi chỉ cho họ xem bốn vết thương của tôi và, một cách buồn rầu, tôi chỉ con mắt bên mặt. “Con mắt này ... con mắt này không thấy được nữa, và các bác sỹ nói tôi sẽ duy trì tình trạng này suốt đời.”

Fujiko sửng sốt. Tôi nhấn mạnh: “Đó là sự thật. Tôi đã tàn tật. Mất một con mắt có nghĩa là chấm dứt cuộc đời phi công chiến đấu cơ của tôi.”

Giáo sư Niori chận hỏi: “Như vậy... Anh sẽ giải ngũ sao?”

“Dạ, thưa không, tôi không nghĩ như vậy,” tôi đáp. Nỗi cay đắng dâng lên trong tôi. “Ở quê hương, giáo sư không thể nào hiểu được sức hút nhân lực của cuộc chiến này ra sao. Tôi không nghĩ rằng tôi sẽ được buông tha. Hải quân sẽ tìm cách sử dụng tôi cho bằng được, làm huấn luyện viên hoặc một nhiệm vụ nào đó ở Bộ Chỉ Huy trên mặt đất chẳng hạn.”

Một thoáng im lặng. Nó cho đủ thời gian để nghĩ đến cuộc hành trình xa hơn 500 dặm của họ từ Tokushima đến đây để thăm tôi.

Fujiko muốn nói với tôi nhưng không thốt nên lời. Cuối cùng nàng quay mau về phía ba nàng và kêu lên: “Ba!”

Ông Niori gật đầu và hắng giọng. “Anh nghĩ khi nào được tái bổ nhiệm?” ông hỏi, mắt nhìn thẳng vào tôi. Tôi nghĩ rằng chúng ta nên xúc tiến việc hôn nhân... việc này dĩ nhiên, nếu anh bằng lòng, Saburo!”

“Giáo sư... muốn nói gì?” Tôi thản thốt. “Tôi không thể tin câu nói của giáo sư. Xúc tiến hôn nhân?” Đầu óc tôi quay cuồng!

“Saburo, anh hãy tha thứ cho tôi,” ông Niori nói: “Tôi biết đem việc này ra nói với anh thật là đường đột.”

Ông đứng thẳng lên và nói tiếp một cách nghiêm trang. “Saburo, anh có chấp nhận con gái của tôi, Fujiko, làm bạn đời của anh không?”

Những tiếng nói ấy giống như những tiếng chuông vang dội trong không gian. Fujiko nhìn tôi với đôi mắt mở tròn, rồi bẽn lễn cúi đầu nhìn xuống chân.

Tôi tránh nhìn nàng, tôi nhìn đăm đăm vào vách. Chính tấm vách đó, bao ngày tôi đã nhìn đăm đăm trong nỗi tuyệt vọng.

Cuối cùng, tôi ngần ngừ mất lượt rồi nói:

“Giáo sư Niori, tôi... Dạ thưa, tôi rất lấy làm vinh hạnh khi nghe những lời giáo sư vừa nói. Nhưng...” tôi xúc động và cố dằn nước mắt. “Tôi, tôi không thể... nhận lời đề nghị của giáo sư.”

Xong rồi! Tiếng nói của tôi đã thoát ra. Tôi đã nói được điều tôi muốn nói.

“Hả?” Giọng ông đầy nghi ngờ. “Anh... anh đã có ý trung nhân?”

“Không! Dạ thưa không! Ngay cả nghĩ đến một người khác cũng không. Tôi không nhận lời vì một lý do hoàn toàn khác hẳn. Giáo sư Niori, tôi không thể nào nói tiếng “bằng lòng”. Không thể được! Giáo sư hãy nhìn tôi! Tôi không xứng đáng với cô Fujiko. Giáo sư hãy nhìn con mắt của tôi.” Tôi kêu lên: “Tôi đã đui một bên rồi!”

Sự nhẹ nhõm toả khắp mặt ông. “Ồ! Saburo, anh không cần phải tự hạ mình như vậy! Đừng tự làm khổ thân anh thêm nữa! Những vết thương của anh là những vết thương vinh dự, chúng không làm anh hổ thẹn. Anh không biết cả tư thế của anh nữa hay sao? Khắp nước Nhật hoan hô anh, ca tụng anh. Anh không hiểu rằng trong tư cách một phi công tài ba nhứt, vĩ đại nhứt của xứ sở chúng ta, anh đã trở thành một anh hùng dân tộc hay sao?”

“Giáo sư Niori, giáo sư chưa hiểu hết! Tôi chỉ nói với giáo sư sự thật, một sự thật mà chính giáo sư không thể nhìn thấy,” tôi nhấn mạnh. “Không hề có sự khiêm tốn nào trong lời nói của tôi. Một vị anh hùng là cái gì không trường cửu. Người anh hùng như một đám mây trôi nổi. Và tôi

không phải là một vị anh hùng. Tôi chỉ là một phi công, một phi công không thể nào bay được nữa. Tôi là một phi công nửa mù nửa sáng. Có gì ở tôi đáng ca ngợi đâu! Tôi hết xài rồi! Anh hùng, quả thật ... giáo sư đã biết xử sở của chúng ta không có anh hùng cá nhân.”

Ông Niori lặng yên trong giây lát. “Có lẽ, tôi làm lẫn phần nào,” ông tiếp. “Nhưng anh phải biết những gì tôi vừa nói không phải là yếu tố đưa đến sự quyết định của tôi. Nhà tôi và tôi đã “chọn” anh ngay lần gặp đầu tiên. Tôi hiểu biết những cảm nghĩ của anh, nhưng anh cũng phải hiểu biết một sự việc trên hết: Nhà tôi và tôi, cũng như Fujiko, tin tưởng anh là người duy nhất có thể mang đến hạnh phúc cho nó. Chúng tôi cũng hy vọng, cũng tin tưởng rằng con gái chúng tôi sẽ mang đến hạnh phúc cho anh.”

Tôi cảm thấy tim tôi hầu như tan vỡ. Có thể người đàn ông tốt lành và tuyệt diệu này không hiểu hết những gì tôi muốn nói? “Làm sao giáo sư có thể xét đoán được một người chỉ qua một lần gặp gỡ?” Tôi nói. “Cả một đời của Fujiko, hạnh phúc của nàng, đâu có thể được đặt trên một lần gặp gỡ. Tôi không thể nào hiểu nổi lời đề nghị của giáo sư, cho dù tôi chưa từng gặp danh dự nào lớn hơn danh dự mà giáo sư đã mang đến cho tôi hôm nay.” Tôi lộ vẻ nóng nảy: “Có nhiều người khác xứng hợp với Fujiko hơn. Hàng ngàn thanh niên học cao, tương lai đầy hứa hẹn. Thưa giáo sư, còn tôi, tôi có thể cung hiến cho ái nữ của giáo sư những gì? Những gì tôi có thể mang đến cho nàng? Một lần nữa, tôi xin giáo sư hãy nhìn tôi đi! Nhìn tôi đi! Tôi như vậy thì còn nói đến chuyện tương lai gì nữa?”

Fujiko không thể giữ yên lặng hơn được. Nàng ngẩng đầu lên và nhìn tôi đăm đăm. Tôi muốn trốn chạy khỏi căn phòng. “Anh làm rồi, Saburo,” nàng dịu dàng nói. “Anh làm rồi! Anh quá lưu tâm đến con mắt của anh! Anh đui hay không đối với em không thành vấn đề. Nếu cần, Saburo, nếu cần em có thể giúp đỡ anh.”

“Cô làm rồi, Fujiko,” Tôi đáp. “Tôi biết cô can đảm, những gì cô thốt ra đều chân thật, nhưng hiện thời cô nói theo tình cảm. Cô không thể quyết định cả một đời dựa vào tình cảm đã qua rồi.”

“Không, không” nàng vừa nói vừa lắc đầu. “Anh không hiểu em. Đây không phải là tình cảm nhứt thời. Anh không biết rằng em đã nghĩ đến cuộc gặp mặt này từ nhiều tháng nay. Em đang nói những gì em ý thức rõ.”

Không tới đâu, nếu cứ tiếp tục nói qua nói lại như vậy. Tôi sợ một lúc nào đó tôi sẽ nhượng bộ. “Thưa giáo sư Niori và cô Fujiko,” tôi cố chứng tỏ sự cương quyết trong giọng nói, “tôi không có ý định làm giảm giá trị của giáo sư và cô. Câu chuyện này không phải là vấn đề mặc cả. Tôi xin lập lại, thưa giáo sư, những lời đề nghị của giáo sư hôm nay là một vinh dự lớn mà tôi chưa bao giờ nhận được. Nhưng tôi không thể nhận lời đề nghị phi thường này. Tôi không thể nào nhận lấy danh dự kết hôn với ái nữ của giáo sư, bởi lẽ tôi không xứng đáng. Đó là lý do tại sao tôi phải từ chối.”

Dù cho Niori nói cách nào tôi cũng vẫn một mực từ chối. Fujiko không thể nào chịu đựng được nữa, nàng ngã vào tay cha và bật khóc. Tôi muốn tự sát để trả lại những gì mà tôi đã làm, sự đau buồn mà tôi đã gây cho nàng. Nhưng tôi biết hàng động của tôi không thích đáng, tôi đã xử sự như vậy chẳng qua là vì hạnh phúc của nàng. Cuộc hôn nhân có thể mang đến hạnh phúc bình thường ở hiện tại, nhưng những năm sau này kẻ chịu đựng buồn phiền sẽ là Fujiko.

Gần một giờ sau họ rời khỏi phòng tôi. Tôi không biết tôi đã đăm đăm nhìn theo họ bước ra cửa bao lâu. Cuối cùng, tôi quay vô phòng, buông thân rã rời trên giường. Đó là giờ phút buồn thảm nhứt trong đời tôi. Nhưng mà tôi có thể làm gì khác hơn? Một ngàn lần vẫn là một câu đáp đến với tôi: “Không còn cách nào hơn”. Tôi đã gạt sang bên một vật tuyệt mỹ, chưa từng tiến đến tầm tay tôi bao giờ.

Hai ngày sau đó, Hatsuyo đến thăm tôi. Nàng không cười như thường lệ.

“Tại sao anh có thể làm như vậy, Saburo?” Nàng hỏi ngay khi gặp tôi. “Anh làm cho Fujiko đau khổ quá nhiều”. Hatsuyo cho tôi biết, từ bệnh viện trở về, Fujiko đã khóc nức nở khi ghé thăm nàng ở Đông Kinh. Giáo sư Niori đã yêu cầu chú tôi và Hatsuyo hãy tìm cách thuyết phục tôi.

Hatsuyo nhìn tôi một cách giận dữ. “Saburo, họ nói anh đã từ chối, có lẽ tại vì anh không hài lòng những lời lẽ của họ. Ba em và em biết rõ gia đình đó lắm. Họ đều tốt cả. Tại sao anh làm như vậy?”

“Hatsuyo, em hiểu giùm anh”. Tôi van nàng. “Em đã từng sống nhiều năm thơ ấu với anh, em và tất cả mọi người trong gia đình đều biết anh quá rõ. Anh không hối tiếc quyết định của anh, cho dù nó đã gây cho anh nhiều đau đớn. Anh thực sự tin rằng anh đã hàng động như vậy vì tương lai của Fujiko, và hạnh phúc của nàng.”

Hatsuyo không đồng ý. “Họ nói anh từ chối vì anh bị thương.”

“Đó chỉ là một phần lý do. Anh đã yêu Fujiko ngay từ khi gặp nàng lần đầu. Tình yêu của anh đối với nàng càng lúc càng sâu đậm. Suốt những tháng dài dằng dặc ở Lae và Rabaul, đối với anh, Fujiko đã trở thành người đàn bà vĩnh cửu trong đời. Chắc em khó thể hiểu nổi được anh đã từ chối vì anh yêu nàng!”

“Em không hiểu gì cả, Saburo!”

“Suốt thời gian anh ở hải ngoại, suốt những tháng năm đầy mệt nhọc ở Thái Bình Dương, Fujiko không bao giờ rời khỏi tâm trí của anh. Có lẽ việc này không mấy tốt khi đem bàn với em, nhưng anh phải nói sự thật. Rabaul là một căn cứ quân sự quan trọng, lúc nào cũng có hơn 10.000 binh sỹ Nhật đồn trú. Thêm vào đó, thỉnh thoảng có cả một sư đoàn bộ binh ghé tạt qua.”

“Em nghĩ thế nào khi những người đàn ông này xa nha, xa vợ của họ ? Có nhiều gái điếm ở Rabaul, giống như ở đây Yokosuka. Khi được nghỉ phép ở Rabaul không phải tất cả, nhưng đa số phi công đều biết qua bọn gái điếm này. Riêng anh, anh không bao giờ dính dáng đến. Niềm kiêu hãnh của anh không cho phép anh dây dưa với bọn họ. Anh muốn giữ mình trong sạch cho Fujiko, chờ ngày anh có thể ngỏ lời cầu hôn nàng.”

“Trước khi bị thương, anh đã nghĩ đến nàng trong tư cách một Sakai phi công tài ba, không hề biết sợ hãi, một người đàn ông kiêu hãnh của nàng. Nhưng mà hiện tại ? Không!” Tôi lớn tiếng. “Anh sẽ không cần đến lòng thương hại! Em nghĩ là anh có thể duy trì được lòng thương hại của Fujiko đối với anh không ? Không bao giờ! Bây giờ em hiểu anh rồi chứ ?”

Hatsuyo nhìn ngay mắt tôi. “Em hiểu anh, Saburo, em hiểu anh rất nhiều. Nhưng em không tránh khỏi buồn giùm cho Fujiko.”

“Nàng sẽ hạnh phúc hơn. Nàng sẽ...”

Nhưng Hatsuyo chặn lời tôi bằng cách choàng tay qua cổ tôi và kéo tôi đến gần. “Tội nghiệp Saburo! Phải hy vọng ... Anh phải tin tưởng. Anh sẽ bay trở lại. Em biết anh sẽ được bay trở lại!”

Chương XVII

Vào tháng chín, tôi được chuyển đến bệnh viện hải quân Sasebo. Sự thay đổi này đã làm tôi hân hoan, tôi sẽ được gần nhà hơn, và tôi có thể gặp lại gia đình.

Bấy giờ mùa hạ nóng bức đã trôi qua, và xe lửa lướt đi trong một bầu không khí ấm áp dễ chịu. Tôi mở rộng các cửa sổ, đắm mình trong ánh mặt trời và gió dịu nhẹ của mùa thu. Nước Nhật chưa bao giờ đẹp hơn trước mắt tôi, với cảnh sắc mùa thu trên núi, trên đồi, dáng vẻ êm đềm lạ lùng của vùng quê trôi qua. Màu cây xanh thẫm và màu hoa đỏ tía điểm tô dọc theo hai bên thiết lộ.

Ba giờ sau khi rời khỏi Yokosuka, Fujiyama đã ẩn hiện trong tầm mắt. Tôi nhìn ngắm một trong những hòn núi đẹp nhất của nước Nhật này không biết chán. Tuyết đã tan trên những con đường mòn chạy lượn cong trên đỉnh núi, thoát ẩn thoát hiện trong màu sương mù lấp lánh dưới ánh mặt trời, Phú Sĩ Sơn (Fuji). Nó nhắc tôi nhớ lại Fujiko. Người ấy, quả thật, đã lấy tên núi này làm tên lót, nhưng hiện thời đối với tôi đã xa cách ngàn trùng.

Xứ sở êm ả và thanh bình. Chiến tranh không có ở đây, không có trong vòng hàng trăm nông trại, ruộng lúa nằm ngay ngắn, khoáng đạt và thịnh vượng dọc theo hai bên đường sắt. Chiến tranh đâu? Tôi chỉ nhìn thấy những gì mà trước kia tôi đã từng thấy, và lại có phần đẹp đẽ hơn hồi tôi còn là một chàng thiếu niên.

Má tôi chờ đón tôi ở nhà ga Fukuoka. Nơi đây xe lửa chỉ dừng lại ngắn ngủi, và hành khách không được phép xuống xe. Tôi nghiêng thân hẳn ra ngoài cửa sổ để vẫy tay gọi má tôi. Thấy tôi, mặt má tôi rạng rỡ. Má tôi già hơn trước, ò già đến nỗi ấy. Bây giờ má tôi chỉ trơ trọi một thân, mấy người con trai của bà đã ra đi hết rồi.

“Con khỏe mạnh!” Tôi la lớn. “Con vẫn khỏe mạnh, má! Đừng lo cho con.”

Xe lửa chuyển bánh. Má tôi đứng trên sân ga, đôi mắt nhoà lệ.

Các bác sỹ ở Sasebo lại ra lệnh cho tôi nằm dưỡng bệnh một tháng nữa. Thời gian trôi qua chậm chạp, nhưng cuối tuần lễ đầu tiên, tôi đã hoan hỉ vì có má tôi đến thăm với bánh quà mà tôi thích ăn hồi còn nhỏ. Tôi ngần ngại khi nói cho bà biết tôi đã đui ở mắt bên phải. Trước sự kinh ngạc của tôi, bà bình thản nói: “Có sao đâu, con vẫn là một con người, con trai của má.”

Bà đến thăm tôi mỗi cuối tuần. Gặp má tôi thường thật là thích thú, nhưng tôi xin bà đừng đến nữa. Bà đã lớn tuổi, đường xa mệt nhọc, vả lại di chuyển bằng xe lửa càng ngày càng trở nên khó khăn. Các toa xe đều chở đầy ắp dụng cụ chiến tranh, chỗ dành cho hành khách bị hạn chế và rất tồi tệ.

Vào tháng 11 một biến cố xảy ra, mà nếu ở hoàn cảnh nào khác tôi sẽ coi đó là một trong những biến cố lớn nhất của đời tôi. Nhưng ở hoàn cảnh hiện thời biến cố ấy ít có ý nghĩa. Bệnh viện nhận được lệnh thăng cấp chuẩn úy cho tôi. Con đường dang dở khởi từ một tân binh thủy thủ, với kỷ luật tàn nhẫn và hình phạt liên miên, đã đến điểm cuối của nó. Từng bước một, tôi đã leo lên, và bây giờ phần thưởng đã đến tay. Đó là một chiến thắng hệt hăng, nhưng có sự đềm bù của nó. Với thân phận mới, tôi có thể hoàn tất thời gian dưỡng bệnh còn lại tại gia. Tôi chộp ngay lời đề nghị của vị bác sỹ và lập tức rời khỏi bệnh viện đến vùng ngoại ô Fukuoka, nơi má tôi đã đến chung sống với người chị và anh rể của tôi.

Tháng kể đó là một tháng đầy tuyệt thú. Lần đầu tiên sau 10 năm, tôi được sống gần má tôi trọn 30 ngày. Hầu như mỗi ngày bà đều hỏi tôi: “Con nghĩ bao giờ chiến tranh sẽ hết, Saburo

?” Tôi biết bà nghĩ đến hai anh trai hiện đang chiến đấu ở hải ngoại. Và mỗi lần bà hỏi, tôi chỉ biết nói sự thật: con không biết.

Rồi má tôi nhìn quanh, để chắc không có ai xung quanh, bà khẽ hỏi: “Saburo, nói cho má biết chúng ta có thắng thật không? Những điều họ nói có thật không?” Tôi chỉ có thể đáp: chúng ta phải thắng.

Vài tuần lễ sau khi tôi đến ở nhà người chị, một ông khách từ Đông Kinh đến viếng tôi. Một thông tin viên của nhật báo Yomiuri Shimbun, một trong những nhật báo lớn nhất ở Nhật Bản. Thông tin viên này cho biết tờ báo của ông ta muốn thực hiện một cuộc phỏng vấn độc quyền với phi công tài ba nhất Nhật Bản, vì cả nước đều muốn đọc những lời nói của chính tôi về cuộc chiến (Khi được gán cho danh hiệu phi công hạ nhiều phi cơ địch nhiều nhất nước, tôi tự hỏi Ota, Nishizawa hiện thời đã hạ được bao nhiêu chiếc. Tôi chắc họ đã qua mặt tôi.)

Tôi không biết tôi có quyền đáp cuộc phỏng vấn này hay không. Tôi có thể phạm kỹ luật nếu tôi nói ra sự thật. Tôi gọi điện cho Sĩ Quan Hành Chính ở Sasebo và trình bày vấn đề. Ông ta né tránh và nhấn mạnh rằng không có những qui định đặc biệt nào trong vấn đề này.

“Tôi không có quyền khuyến khích anh tiếp xúc với nhà báo,” ông ta kết luận. “Nhưng tôi phải nhắc anh nhớ rằng những lời nói của anh cần được cân nhắc cẩn thận, và anh phải chịu trách nhiệm những gì anh đã nói. Anh cũng phải luôn luôn nhớ rằng ở đây không tán thành mà cũng không ngăn chặn bất kì sỹ quan nào muốn trả lời một cuộc phỏng vấn của báo chí. Hãy cẩn trọng!”

Đó là một lời đáp chắc chắn có tính cách phủ định. Tôi quay vô phòng và nói cho viên ký giả biết Thượng Cấp của tôi không hài lòng cuộc phỏng vấn mà ông ta yêu cầu. Nhưng ông ta không chịu bỏ cuộc một cách dễ dàng.

“Tôi nghĩ việc này không có gì gây phiền phức cho ông”, hấn cãi. “Tôi vượt bảy trăm dặm đường từ Đông Kinh đến đây chỉ để tiếp xúc với ông! Xin ông cho tôi hỏi một vài câu thôi! Năm phút là cùng!”

Tôi sớm biết tôi ngu! Khả năng vặn hỏi và mưu mô sắp xếp mọi tìm của thằng cha này qua cuộc phỏng vấn thật kì dị. “Năm phút” của hấn trở thành ba ngày! Mỗi buổi sáng từ khách sạn trú ngụ, hấn lê thân đến nhà tôi ghi chép đủ thứ.

Hấn gọi tôi nói đủ chuyện. Những câu hỏi của hấn đều tránh đề cập đến chiến tranh, cho đến khi tôi khám phá ra rằng những câu chuyện liên quan đến chiến tranh. Hấn sớm nhận ngay niềm lạc quan đã mất hết trong tôi, và những phi công chúng tôi ở Rabaul, mặc dù đạt được nhiều thành quả, nhưng hiện thời đang tham dự vào một trận đánh gian nan ở Guadalcanal, và không nhận được một sự hợp tác nào của các chiến đấu cơ và oanh tạc cơ của Lục Quân Nhật Bản.

“Chúng tôi cần nhiều chiến đấu cơ và những phi công kinh nghiệm hơn”, tôi nói với hấn trong lúc nổi nóng nhất thời. “Mỗi chiến đấu cơ đều phải xem xét lại toàn diện sau 150 giờ bay. Ngay cả những phi cơ chưa bắn một phát súng nào và chưa bao giờ nhận một viên đạn nào của địch quân, cũng phải xem xét lại. Hiện thời chúng tôi không thể làm gì hơn được. Một chiếc Zero mang thương tích nhẹ, chúng tôi vẫn coi như còn trong tình trạng khả dụng và chỉ xem xét toàn thể sau 200 giờ bay.”

“Ông hiểu rõ hậu quả như thế nào khi một phi công lâm trận với một chiếc phi cơ mà những dụng cụ kiểm soát không đáp ứng mọi đòi hỏi? Chỉ những phi công tài ba nhất mới mong tồn tại sau khi lâm trận với loại phi cơ như vậy. Nếu những phi công chân ướt chân ráo, được gởi ra hải ngoại để thay thế, họ không có được các căn bản của những phi công mà tôi đã từng bay

chung, lúc đó có trời mới giúp được họ sống sót mà thôi. Những phi công hải quân Hoa Kỳ mà chúng tôi đã từng đụng độ ở Guadalcanal là những phi công tài ba, và chiến pháp của họ siêu đẳng chưa từng thấy. Phi cơ của họ thì khỏi nói rồi.”

Ông thông tin viên hài lòng hơn nữa. Hắn không thể nào che dấu sự phấn khởi, ngỏ lời cảm ơn rối rít và từ giã tôi. Tuy nhiên, sau đó tôi mới nhận thấy mình đã vấp phải một sai lầm quan trọng, khi đem nói hết mọi chuyện với hắn.

Một tuần sau đó, tôi trở lại bệnh viện Sasebo, và ghi tên xin tái khám tổng quát lần cuối cùng. Lần này sẽ quyết định việc bổ nhiệm trở lại của tôi. Lời xin được chấp nhận và tôi được sắp xếp một chiếc giường trong bệnh viện để ngủ cho đến khi cuộc khám bệnh nhiều ngày hoàn tất.

Sáng sớm hôm sau, tôi được gọi đến phòng hành chính của Bộ Tư Lệnh Sasebo. Gương mặt của vị đại tá đỏ gay vì giận dữ.

“Chuẩn úy Sakai,” ông hét lên “anh là một thằng ngốc! Tôi vừa nhận được một công điện của Tổng Hành Dinh hải quân ở Đông Kinh, cho biết họ đã cấm đăng toàn thể bài phỏng vấn anh của báo Yomuri Shimbun. Đi nói hết những chuyện mà anh đã làm, anh có điên không ?

“Đông Kinh đã khiển trách tôi nặng nề, với lý do thiếu kiểm soát thuộc cấp. Tôi sẽ không để cho chuyện ngu dại này xảy ra nữa. Bây giờ tôi nói cho anh biết, anh không hở một tiếng nào về nhiệm vụ chiến đấu của anh mà không hỏi ý trước với sỹ quan tâm lý chiến. Anh hiểu chớ ? Lập lại sự dại dột này, không chỉ một mình anh mà chính tôi cũng phải ra toà án quân sự!”

Tôi biết hoàn toàn! Tôi bị bịt miệng, nhưng tôi thông cảm cái thể của ông ta. Đơn giản hơn hết, Sakai, hãy ngậm miệng của mày lại.

Tôi quay về bệnh viện, gậm nhấm những lời trách mắng vừa nhận lãnh.

Có người gọi tên tôi. Một binh sĩ chạy việc đứng nghiêm ở cửa chào tôi. “Gì đó?” tôi vội hỏi.

“Dạ thưa, chuẩn úy có một ông khách. Một phi công hải quân lớn con, đang chờ chuẩn úy ở phòng khách. Hình như ông ta nói tên là Nishizawa.”

“Hả?” Tôi lớn tiếng “Nishizawa, có thật hắn ta không?”

Tôi quên câu chuyện vừa xảy ra và chạy như điên ra phòng khách, chạm vào tên lính chạy việc muốn té lăn cù. Tôi mở cửa phòng và nhìn vô.

Một người đàn ông gọn ghẽ, to lớn, bước lui bước tới trong phòng, miệng ngậm thuốc. Đây rồi! Hắn không thay đổi chút nào.

Hắn ngược nhìn tôi, cười rạng rỡ và hét lên “Sakai!” Tôi la tên hắn “Nishizawa!” Chúng tôi ôm chàng lấy nhau, sung sướng không nói nên lời.

Tôi vẫn nắm hắn và xô dăng ra xa “Để tôi nhìn anh coi!” Tôi nói. “Ngon lành lắm! Không bị thương à?” Tôi hỏi nhanh.

“Không, Saburo,” giọng đáp vui vẻ. “Tôi vừa rời Rabaul hồi tháng 11. Không một vết trầy nào hết. Hình như đạn sợ tôi.”

Tôi phấn khởi. “Ha! Ha! Chúng tôi đặt tên anh thật thích hợp!” Tôi nói. “Quả thật anh là vị thần hộ mệnh của chúng tôi, lướt xuyên qua cả Lae lẫn Rabaul mà không một vết thương nào. Nishizawa, được gặp lại anh thật là tuyệt thú.”

“Anh cho tôi biết những chuyện đã xảy ra sau khi tôi ra đi. Chắc hiện thời anh là phi công hàng

đầu của hải quân.Ồ! Tôi có thể tưởng tượng hình ảnh của anh trên không phận Guadalcanal.”

Hắn khoát tay phản đối. “Đưa tôi lên quá nhiều, Saburo,” hắn phàn nàn. “Tôi cũng không biết chắc số nạn nhân của tôi. Năm mươi hoặc có lẽ trên chút ít. Nhưng tôi vẫn còn thua anh xa.” Hắn mỉm cười. “Có lẽ anh không biết, nhưng anh vẫn còn là phi công số một.”

“Bạn điên rồi!” tôi nói. “Tôi hiểu bạn mà. Ngay từ trước đây tôi đã ngại bạn qua mặt tôi rồi. Nhưng, nói tôi biết anh làm gì ở Sasebo?”

“Họ gọi tôi về không đoàn Yokosuka” hắn đáp, mặt tiu nghỉu. “Một huấn luyện viên! Đó là những gì mà họ giao cho tôi, một huấn luyện viên! Saburo, anh có thể tưởng tượng cả ngày tôi chạy vòng quanh với một chiếc phi cơ hai tầng cánh vừa cổ lỗ vừa xộc xệch, hò hét mấy tên ngu như bò, dạy cho chúng biết quanh quẹo như thế nào, và làm sao giữ cho quần của chúng đừng ướt mẹp không? Tôi!”

Tôi cười ngất. Hắn nói đúng! Nishizawa mà làm huấn luyện viên sao được!
“Đó”, hắn tiếp, “sau một ít lâu ở đó, tôi cảm thấy muốn chết giặc. Vì vậy, tôi đã tình nguyện đi hải ngoại trở lại, họ vừa chịu buông tôi. Tôi nhận lệnh hồi sáng này, qua Philippine. Do đó mà tôi phải gặp anh hôm nay. Sáng mai chúng tôi cất cánh.”

“Sớm vậy?”

“Tôi muốn như vậy, Saburo,” hắn đáp. “Bay quanh Yokosuka chán quá rồi. Tôi muốn chiến đấu. Tôi phải chiến đấu trở lại. Ở đây, ở Nhật Bản, tôi đang bị giết lần mòn.”

Tôi hiểu hắn. Thật vậy, tôi hiểu rõ hắn. Nhưng... có nhiều câu chuyện cần phải nói, những người bạn khác của chúng tôi.

“Tôi ganh tị với anh, Nishizawa. Nhưng này, hãy nói cho tôi biết về Rabaul, nói cho tôi nghe về mấy người khác. Đại úy Sasai bây giờ ở đâu? Và Ota, hắn có bay với anh không? Hai phi công bên cánh của tôi, Yonekawa và Hatori? Hãy nói hết chuyện của họ cho tôi nghe đi.”

“Cái gì?” hắn nhìn tôi, đôi mắt trống rỗng. Đôi mắt đong đầy nỗi tuyệt vọng ấy. “Thì ra họ không nói với anh...”

“Anh nói gì vậy?” tôi hỏi.

Hắn khoát tay một cách yếu ớt.

“Anh sao vậy, Nishizawa? Mấy người kia được gọi về xứ với anh phải không?”

Hắn quay đi, lưng day về phía tôi. Tiếng nói của hắn đầy xúc động. “Saburo, họ...” hắn đặt một tay lên trán, rồi xoay mau lại “Chết hết rồi!”

Tôi không tin!... Chuyện đó khó thể xảy ra được!

“Anh nói gì?” Tôi hét lên.

“Họ chết hết rồi! Anh và tôi, Saburo, anh và tôi... chúng ta là hai người duy nhất còn sống sót.”

Không thể là sự thật! Hai đầu gối tôi khụy xuống. Tôi dựa vô cạnh bàn, trong lúc đầu óc tôi cố phân tích thăm kịch này.

Nishizawa bắt đầu kể. “Đại úy ra đi đầu tiên. Vào ngày 26 tháng 8, chúng tôi thực hiện một phi

vụ càn quét ở Guadalcanal. Không phải như trước kia đâu, Saburo. Tôi không thể biết bao nhiêu chiếc Wildcat ở đó, nhưng chúng ùa đến như một giòng suối bất tận. Chúng tôi không có một dịp may nào cả. Đội hình chúng tôi phải phân tán mau đến nỗi không ai nhìn thấy phi cơ của Sasai rơi xuống! Chúng tôi nghĩ rằng có lẽ phi cơ của ông ta hư hại và đã bay phía trước chúng tôi. Nhưng khi trở về Rabaul, ông ta mất tích... Ông ta không bao giờ trở về.”

Nishizawa lộ vẻ mệt mỏi. “Kể đó là Ota. Đúng một tuần sau đó. Cứ mỗi lần ra đi là mỗi lần chúng tôi mất thêm phi cơ. Guadalcanal hoàn toàn nằm dưới quyền kiểm soát của địch quân. Ota đã ra đi giống như Sasai. Không ai nhìn thấy phi cơ của hắn rơi. Hắn không trở về căn cứ. Rồi khoảng ba hoặc bốn ngày sau đó, Yonekawa và Hatori bị bắn rơi. Cả hai chết cùng ngày. Nhóm 80 phi công thực hiện phi xuất hôm đó, chỉ có tôi, đại tá Saito, trung tá Nakajima và 6 phi công khác trở về.”

Tôi chết đứng. Nishizawa lặng yên. Chuyện này hình như không thật. Làm sao mà họ có thể chết hết được ?

Bốn trong những người bạn tốt nhất của tôi. Tất cả đều bị giết trong lúc tôi nằm như chết trong bệnh viện Yokosuka. Tôi hiểu tại sao tôi không nhận được tin tức về sự mất mát này. Nakajima và Nishizawa đã giấu tôi, trong thời gian công việc chữa trị đôi mắt của tôi đang diễn tiến.

Khuôn mặt những người đã chết chập chờn trước mắt tôi. Tôi nhớ lại Ota, nụ cười của hắn từ trong phòng lái lúc chúng tôi lộn nhào trên không phận Moresby. Yonekawa và Hatori, hai người luôn luôn bám sát sau đuôi tôi trong các trận không chiến, luôn luôn chăm chăm bảo vệ tính mạng của tôi. Sasai, ông ta... Và bây giờ, họ đã... chết. Tôi khóc nức nở, không xấu hổ, giống như một đứa trẻ khóc. Tôi khóc mùi mẫn, thân thể rũ rượi.

Nishizawa nắm lấy tay tôi, khuyên lơn. “Saburo, đừng khóc nữa!”. Tôi ngược nhìn hắn.

“Tôi là một tên khốn nạn!” Hắn nói. “Tôi không thấy họ rơi xuống! Ngay cả khi họ mất tôi cũng không biết. Những bạn thân của chúng ta, Saburo, những bạn thân của chúng ta. Tôi không làm gì để giúp đỡ họ hết!”.

Hắn ngồi xuống. “Không, không, điều này cũng không đúng. Tôi không thể làm gì được. Phi cơ địch đông vô số, không đếm xuể.” Tiếng nói của hắn mồn mõi.

Chúng tôi ngồi lặng yên hồi lâu, nhìn lẫn nhau.

Còn gì để nói nữa đây?

Chương XVIII

Tôi rời khỏi bệnh viện hải quân Sasebo vào hạ tuần tháng giêng. Những tháng dài điều trị đã chấm dứt. Tôi trình diện đơn vị gốc, không đoàn Tainan thuộc không hạm đội II, hiện trú đóng ở Toyohasai, miền trung nước Nhật.

Tôi từng gia nhập không đoàn này vào tháng chín năm 1941 ở Tainan, trên đảo Formosa (tức Đài Loan). Tổng số 150 phi công rời khỏi Tainan trong cuộc thối lui vĩ đại của Nhật xuyên qua Thái Bình Dương, chỉ còn khoảng 20 người sống sót. Những người sống sót này thành lập một không đoàn mới, quân số phần nhiều là phi công mới ra khỏi các quân trường ở Tsuchiura và một số căn cứ không quân khác.

Khi tôi đến Toyohashi, trung tá Tadashi Nakajima đích thân tiếp đón tôi. Cả hai chúng tôi đều không ai nghĩ sẽ gặp lại nhau ở đây, thay vì Rabaul. Nhờ trời, Nakajima vẫn là thượng cấp của tôi. Ông không có vẻ nghi ngờ việc tôi có thể bay lại được hay không.

Ngay ngày hôm sau tôi quay về với tình yêu đầu của tôi, chiếc Zero. Tôi không thể nào diễn tả hết cảm nghĩ thích thú khi tôi trở lên không trung với chiếc chiến đấu cơ ngoan ngoãn. Nó giống như một giấc mơ. Tôi đã bay thử mọi cách, nhào lộn, lướt thẳng đứng, chúi xuống, rơi như cánh lá. Không gian đã khiến tôi ngây ngất.

Trong tư cách một sỹ quan, tôi bắt buộc phải biết qua viễn ảnh mới của toàn thể cuộc chiến. Lính trơn không được phép xem các báo cáo chiến đấu mật, và hải quân chỉ dành đặc ân cho sỹ quan mà thôi. Tôi đến Toyohashi nhiều ngày, nhưng Nakajima không nói một lời nào liên quan đến cuộc rút lui khỏi Guadalcanal của chúng tôi vào ngày 7 tháng giêng năm 1943, đúng sáu tháng sau ngày Hoa Kỳ đổ bộ. Đài phát thanh đã công bố đây là cuộc rút lui chiến lược, hoặc phải thu hẹp các tuyến phòng thủ của chúng tôi, nhưng các phúc trình mật cho thấy đó là một cuộc chiến bại choáng váng với những mất mát khủng khiếp.

Cả hai sư đoàn bộ binh đã bị địch quân đánh tan tành. Hải quân hầu như mất hết một hạm đội thời bình. Nằm phơi thân rỉ sét trong bùn ở Guadalcanal ít ra là hai thiết giáp hạm, một hàng không mẫu hạm, năm tuần dương hạm, mười hai khu trục hạm, tám tiềm thủy đình, hàng mấy trăm chiến đấu cơ và oanh tạc cơ, đó là không kể con số phi công chiến đấu cơ và phi hành đoàn oanh tạc cơ bị chôn vùi theo.

Chúng tôi đã làm gì? Chúng tôi đã tung ra những cú đâm trừng phạt xuyên qua Thái Bình Dương. Chúng tôi đã quét sạch chiến đấu cơ địch hết lượt này sang lượt khác. Các cơ quan tuyên truyền Nhật đã cho biết như vậy. Nhưng các phúc trình mật từ mặt trận cho biết đối phương có những loại phi cơ mới, còn tối tân hơn loại P.39 và P.40.

Và lần đầu tiên tôi biết được sự thật đã xảy ra ở Midway vào cuối tháng sáu vừa qua. Bốn hàng không mẫu hạm, và gần 300 phi cơ với hầu hết phi công đã mất. Những con số không thể tin được.

Tim tôi như chìm xuống khi tôi nhìn thấy những tân phi công vừa mới được bổ nhiệm đến không đoàn Tainan. Họ là những người nhiệt thành, thừa can đảm! Nhưng sự nhiệt thành và lòng can đảm không dính dáng gì đến tài ba của một phi công. Những người này thiếu hẳn sự khéo léo để đương đầu với phi công Hoa Kỳ càng lúc càng gia tăng số lượng đông đảo chưa từng thấy ở Thái Bình Dương.

Những người có khuôn mặt rạng ngời này có thể lấp đầy những khoảng trống bỏ lại bởi những người như Sasai và Ota không?

Công cuộc huấn luyện mà họ trải qua ở Toyohashi rất đáng đản. Từ bình minh cho đến hoàng hôn, các huấn luyện viên chạy theo họ không rời một bước. Những bài học trong lớp cũng như các chuyến bay thực tập liên tục và tất cả những trận đánh trong quá khứ được làm sống lại, nhét vô đầu óc những người mới này. Nhưng chúng tôi lại không có đủ thời giờ. Chúng tôi không thể xem xét những lỗi lầm của từng cá nhân một để sửa chữa. Không ngày nào trôi qua mà không có xe cứu thương rú còi inh ỏi chạy xuống phi đạo: một người chúi đầu xuống đất hoặc nhiều người văng ra khỏi những chiếc phi cơ vỡ tan khi cất cánh hoặc đáp xuống.

Không phải tất cả những phi công mới đều yếu kém. Nhiều người đã tỏ ra có triển vọng nổi bước những phi công đại tài thế hệ 1939 – 1940. Nhưng đáng buồn là họ không có được dịp bay nhiều, không thâm nhập kinh nghiệm chiến đấu nào, trước khi được tung ra đối đầu với phi công Hoa Kỳ.

Khoảng một tháng sau khi Guadalcanal thất thủ, chúng tôi được triệu tập tham dự một phiên họp gồm toàn sỹ quan để nghe tin tức liên quan đến một thảm họa khác. Tin tức này được duy trì độ mật trong suốt thời gian còn lại của cuộc chiến, và không bao giờ được tiết lộ ra ngoài công chúng. Phía sau các cánh cửa đóng kín, tôi đã đọc và biết rằng một đoàn công voa của Nhật bao gồm 12 quân vận hạm, 8 khu trục hạm và nhiều tàu hỗ trợ nhỏ hơn, mưu toan đổ quân lên Lae, căn cứ không quân cũ của tôi. Có ít nhất 100 chiến đấu cơ và oanh tạc cơ địch đã tấn công đoàn công voa đang lướt trên mặt biển bao la, đánh chìm tất cả quân vận hạm và khoảng 5 khu trục hạm.

Thảm họa này lớn hơn thảm họa Guadalcanal, vì nó có nghĩa rằng chúng tôi đã bắt lực không thể nào chặn đứng nổi các cuộc tấn công hiệu quả không thể tưởng của đối phương nhắm vào các lực lượng trên mặt biển của chúng tôi.

Vài ngày sau đó, không đoàn Tainan được lệnh di chuyển cấp tốc đến Rabaul. Trung tá Nakajima hỏi tôi có thể theo ông trở lại Tây Nam Thái Bình Dương được không? Tại sao ông có thể nghĩ là tôi muốn làm khác hơn? Nakajima nói với tôi rằng mặc dù tôi đui mắt bên mặt, ông vẫn xem tôi tài ba hơn bọn phi công mới. Đêm đó, Bộ Chỉ Huy đưa ra một danh sách các phi công được chuyển đến Rabaul, bao gồm tên tôi.

Nhưng chúng tôi đã thất bại trong việc đối đầu với y sỹ trưởng của bệnh viện Toyohashi. Ông ta nổi nóng khi thấy tên tôi trong bảng danh sách. Ông ta bước ào vô văn phòng của Nakajima và để cơn giận bốc lên trước mặt vị chỉ huy trưởng có vẻ khó chịu. “Anh mất trí rồi!”. Ông ta rống lên. “Có phải anh muốn giết người này không? Sao anh lại cho phép một tên phi công một mắt ra trận? Tôi không cho phép Sakai chuyển đến Rabaul!” Chúng tôi có thể nghe cuộc cãi vã của họ lờng lộng từ phía bên này sân bay.

Nakajima cãi lại rằng tôi còn tốt hơn bọn phi công mới, rằng hai mắt hoặc một mắt cũng vậy thôi, đâu có ảnh hưởng gì đến sự khéo léo phía sau những dụng cụ trong phòng lái của một chiếc Zero, mà cũng không thành vấn đề đối với kinh nghiệm chiến đấu lâu dài của tôi. Vị y sỹ trưởng không nhượng bộ. Bấy giờ Nakajima nổi nóng. Họ cãi qua cãi lại mấy tiếng đồng hồ, nhưng cuối cùng vị y sỹ trưởng bước ra khỏi phòng trong vẻ đắc thắng. Ông ta đã thuyết phục được Nakajima thay đổi ý kiến.

Tôi chạy ủa vô phòng của chỉ huy trưởng, van nài ông duy trì ý định. Ông nhìn tôi có vẻ nghi ngờ, ông cố nói, nhưng mặt ông càng lúc càng đỏ bừng. Cuối cùng, ông hét lớn, “Im đi!” và bước ra ngoài, miệng cầu nhàu rằng tất cả bọn phi công đều điên hết.

Do đó, tôi được chỉ định làm huấn luyện viên phi hành ở căn cứ không quân Omura, gần Sasebo.

Không đoàn Tainan đến Rabaul ngày 3 tháng tư, khoảng một tuần sau, tôi đọc báo cáo tiền tuyến, biết được không đoàn đã thực hiện nhiều phi vụ tấn công quan trọng ở Guadalcanal, vịnh Milne, hải cảng Darwin và nhiều mục tiêu khác. Trong bốn phi vụ, chiến đấu cơ và súng phòng không địch đã hạ 49 chiếc trong tổng số phi cơ của không đoàn.

Hết thảm họa này đến thảm họa khác. Vào ngày 19 tháng tư, một tin đồn khủng khiếp, được xác nhận không lâu sau đó, lan rộng giữa các sỹ quan. Vào ngày trước đó, đô đốc Isoroku Yamamoto, Tổng Tư Lệnh Hải Quân Hoàng Gia Nhật đáng kính mến của chúng tôi đã thiệt mạng. Tôi đọc đi đọc lại phúc trình của vụ này. Theo đó, đô đốc Yamamoto đáp một trong hai chiếc oanh tạc cơ, với một số chiến đấu cơ hộ tống, trên đường đi thanh sát mặt trận đã bị một số chiến đấu cơ P.38 của Hoa Kỳ lướt xuyên qua vòng đai chiến đấu cơ Zero, bắn rơi cả hai oanh tạc cơ.

Và tôi vẫn ngồi ở Omura, với nhiệm vụ huấn luyện bọn phi công mới. Tôi nhận thấy khó thể giữ sự tin tưởng khi nhìn bọn khóa sinh chạy chập choạng trên phi đạo và lướt lên không. Hải quân thiếu hụt phi công trầm trọng, và các khóa học mở ra hầu như hàng tháng, nhưng vẫn không đáp ứng được nhu cầu đòi hỏi. Trước khi bị quăng ra mặt trận, có nhiều người chưa rờ đến một chiếc chiến đấu cơ.

Mọi thứ đều cấp bách! Chúng tôi được chỉ thị dạy vội vàng, bỏ qua những điểm chi tiết. Đúng hơn là chỉ dạy họ bay và bắn. Nhiều tháng dằng dặc và buồn chán, tôi cố đào tạo những người được quăng đến tay chúng tôi ở Omura thành những phi công chiến đấu. Phương tiện chúng tôi quá kém cỏi, đòi hỏi quá lớn, sinh viên quá nhiều.

Tôi cảm thấy đang chết dần mòn. Xứ sở của chúng tôi lâm vào tình cảnh bối rối, không còn nghi ngờ gì nữa. Công chúng không biết sự thật này, cả sinh viên sỹ quan lẫn tân binh cũng không biết. Nhưng các sỹ quan đã nhìn tận mắt các báo cáo, ý thức tầm mức nghiêm trọng của tình thế.

Vào tháng chín năm 1943, tôi đã xúc động khi hay tin một người bạn thân của tôi, một trong những phi công vĩ đại nhất của Nhật Bản, trung sỹ Kenji Okabe, đã bị bắn rơi và thiệt mạng ở Bougainville. Hắn là bạn đồng khóa với tôi ở Tenchiura, một "Ace" đã lập được thành tích vô song: bắn hạ bảy phi cơ địch trong một ngày chiến đấu trên không phận Rabaul. Sau thành tích phi thường này, đô đốc Ninichi Kusaka, Tư Lệnh Không Hạm Đội II, có yêu cầu Bộ Tư Lệnh Hải Quân ở Đông Kinh ân thưởng một huy chương cho Okabe. Không có gì thay đổi. Đông Kinh đã từ chối dựa trên căn bản "không có tiền lệ" giống như lời từ chối được đưa ra cho đại tá Saito một năm trước đây. Tuy nhiên, đô đốc Kusaka không chịu gạt vấn đề một cách dễ dàng như vậy. Bất cần quyết định của từ Bộ Tư Lệnh ở Đông Kinh, đô đốc đã ban tặng thanh kiếm chỉ huy của ông cho Okabe, trong một buổi lễ danh dự đặc biệt.

Ba ngày sau, Okabe đã bị chết cháy trong chiếc Zero rơi xuống như cây đuốc của hắn.

Vào tháng tư năm 1944, sau nhiều tháng huấn luyện dài dằng dặc đầy mệt mỏi ở Omura, tôi được chuyển đến không đoàn Yokosuka. Trước chiến tranh, việc được bổ nhiệm về không đoàn Yokosuka là một sự mơ ước, vì đây là đơn vị không quân phòng vệ Hoàng Gia, có nhiệm vụ bảo vệ không phận Đông Kinh. Hiện thời, không đoàn này đã đổi khác. Thời gian của những sự bổ nhiệm gọi là mơ ước đã trôi qua hẳn rồi.

Qua những phúc trình mật, tôi đã lượng định cuộc chiến đúng sự thật của nó. Các phúc trình mật là một tiếng hét lớn hơn tiếng hét của đài phát thanh hướng đến đám quần chúng cả tin. Khắp nơi ở Thái Bình Dương, các lực lượng của chúng tôi thối lui liên hồi. Những lực lượng đặc nhiệm mạnh mẽ, những hạm đội đồ sộ không thể tưởng của Hoa Kỳ mặc tình ngao du trên Thái Bình Dương.

Tôi đọc hết phúc trình này đến phúc trình khác, và tất cả đều nói đến sự hủy diệt khủng khiếp

do các hạm đội đánh mạnh đánh mau này gây ra.

Không lực của địch quân càng ngày càng nắm quyền bá chủ trên không. Cả mấy trăm chiếc P.38 xuất hiện cùng lúc, tràn ngập chiến đấu cơ của chúng tôi. Chiến đấu cơ và oanh tạc cơ loại mới của đối phương hầu như ra mặt hàng ngày, và những câu chuyện của Nhật liên quan đến khả năng của phi công địch báo điềm đen tối cho tương lai. Chúng tôi vẫn còn giữ vững Rabaul, nhưng pháo đài có lẽ được coi là kiên cố này, không còn mấy may đe dọa nào đối với Moresby và các căn cứ khác của đối phương. Người Mỹ đang sử dụng pháo đài này để thực tập đội bom.

Ngay sau khi đến Yokosuka, tôi xin nghỉ phép và đáp xe lửa đến Đông Kinh, chỉ mất chín mươi phút. Gia đình chỉ tôi đã mừng đón tôi như một đứa con xa nhà trở về.

Đêm đó, sau bữa ăn, Hatsuyo bắt đầu trách cứ về việc chậm lập gia đình của tôi. Giọng nàng nghiêm trang một cách đáng buồn cười. Tôi trả đũa ngay. “Tại sao em vẫn một mình, em của anh? Chưa có anh chàng nào đủ điều kiện phải không?”

Chú thím tôi ngừng nói chuyện, quay lại cười chúng tôi. “Anh em bây ờn ào quá!”. Chú tôi chế nhạo.

Tôi cười: “Con không hiểu tại sao Hatsuyo không kiếm ra một ông chồng. Coi cô ta kìa. Đẹp như một minh tinh màn bạc, và có bao nhiêu cô tự phụ đánh đàn dương cầm giỏi hơn?” tôi vừa nói với chú thím vừa nhìn Hatsuyo. “Con tin rằng chú có thể lựa chọn cho cô ta một tấm chồng xứng đáng.”

Cả chú thím tôi đều cười, nhưng Hatsuyo xụ mặt. Nàng liếc tôi rồi nhìn đi nơi khác. Anh mắt của nàng xa xôi.

“Anh nói không phải sao, Hatsuyo?”

Nàng không lý gì đến tôi. Tôi giật mình, nàng giận rồi. Tôi chuyển vấn đề ngay.

“Hatsuyo, dạo dương cầm cho anh nghe đi! Từ khi nghe em dạo đàn đến giờ đã lâu lắm rồi.”

Nàng nhìn tôi đầy nghi vấn.

“Có nhớ lần phép đầu tiên của anh không? Em dạo nhạc của..., để anh nhớ coi... Phải rồi của Mozart. Em có thể dạo lại bản nhạc đó cho anh nghe không?”

Thay cho câu đáp, Hatsuyo bước đến chiếc dương cầm và ngồi xuống.

Tiếng nhạc dứt. Hatsuyo ngồi yên hồi lâu, rồi quay lại nhìn tôi với ánh mắt lạ lùng. Đôi mắt mở lớn và dò hỏi ấy. Nàng dịu dàng nói: “Saburo, em muốn dạo một khúc nhạc khác, đặt biệt cho anh. Hãy lắng nghe. Khúc nhạc ấy sẽ nói với anh những gì mà chính em không thể thốt nên lời.”

Nàng có vẻ lạ lùng làm sao! Mặt nàng phơn phớt một màu hồng e thẹn và lảng nhanh đôi mắt nhìn tôi chăm chăm.

Nàng dạo khúc nhạc một chập nữa. Tiếng nhạc trầm bổng. Tôi nhìn cô gái này. Chưa bao giờ tôi thấy nàng như vậy. Ý nghĩa gì khi nàng nói: “Khúc nhạc sẽ nói với anh những gì mà chính em không thể thốt nên lời.”

Bỗng nhiên tôi hiểu, tôi đang nhìn Hatsuyo, không nhìn như một cô gái nhỏ, không như một người em họ của tôi, nhưng tôi nhìn nàng như một thiếu nữ! Lần đầu tiên, tôi thật sự “nhìn thấy” nàng, chăm chú trên phím đàn, mười ngón tay nhả múa, khuôn mặt nghiêm trang, như

rót hết tâm hồn vào tiếng nhạc.

Hatsuyo ? Và tôi ? Chưa hẳn đúng. Nhưng, nàng không còn là một cô bé nữa. Hãy thức tỉnh, Sakai, anh thật ngu muội. Nàng là một thiếu nữ. Nàng đang nói với anh, trong giây phút này, rằng nàng yêu anh! Bây giờ tôi hiểu những gì mà nàng định nói. Trong lúc bùng bột, tôi muốn đáp trả. Không thể được, tôi nhủ thầm. Nhưng đó là sự thật. Tôi nhớ lại lúc còn trong bệnh viện, khi nàng choàng tay qua tôi và thốt thức nói rằng nàng tin chắc tôi sẽ được bay trở lại.

Nàng đã yêu tôi lâu hơn tôi tưởng. Vào lúc ấy, trong sâu thẳm của lòng tôi, tôi cũng yêu nàng. Nhưng tôi có thể làm gì được ? Tôi từ chối tình yêu của Fujiko bởi lẽ tôi đi mù một nửa, tôi có thể làm khác hơn với tình yêu thầm kín của Hatsuyo không ? Không.

Khi tiếng đàn chấm dứt tôi cố giữ bình tĩnh, không hề lộ vẻ gì cho nàng thấy tôi đã cảm thông nỗi lòng của nàng. Tôi ngồi lại một lúc cho phải phép rồi kiếu từ đi nghỉ. Nhưng trải qua nhiều giờ, tôi không sao chợp mắt được.

Suốt thời gian được bổ nhiệm đến Yokusuka, tôi thường viếng thăm Đông Kinh. Trong 18 tháng vắng mặt của tôi, thủ đô đã thay đổi. Màu sắc và sự vui tươi biến mất. Đường phố ưu sầu, mất hẳn sinh động. Dân chúng cúi đầu bước đi với vẻ trầm tư. Con cái, cha anh, chú bác, thân thuộc của những người này đã ra đi, và không bao giờ trở lại.

Những tiệm buôn đã cạn hàng hoá, bán theo khẩu phần hiện là một vấn đề bắt buộc. Dân chúng kiên nhẫn đứng nối đuôi trong gió lạnh, chờ đợi để nhận thức ăn. Tuy nhiên thủ đô vẫn nguyên vẹn, ngoại trừ một cuộc không tập duy nhất xảy ra vào năm 1942.

Nhưng chiến tranh lần bước đến Nhật Bản vào tháng sáu năm 1944, gây ảnh hưởng không tốt đối với công chúng. Vào ngày 15 tháng sáu, dân chúng Đông Kinh đã xúc động khi nghe tin 20 oanh tạc cơ địch đã bay một mạch từ Trung Hoa đến tấn công một thành phố phía Bắc Kyushu. Cuộc oanh tạc không gây hư hại bao nhiêu. Nhưng trong nhà và trong các cửa tiệm, trong những cơ xưởng và trên đường phố khắp nơi ở Nhật, ai ai cũng bàn tán đến vụ oanh tạc, nói về việc các chiến đấu cơ của chúng tôi đã thất bại không chặn đứng nổi các oanh tạc cơ địch. Tất cả đều có chung những câu hỏi: thành phố nào bị oanh tạc kể đó ? Khi nào ? Và bao nhiêu oanh tạc cơ ?

Đài phát thanh lại loan đi một tin tức gây lo âu khác. Người Mỹ đã đổ bộ lên Saipan. Chiến tranh đã đến gần quê hương bằng một lối khác nữa. Những tấm bản đồ được mở ra, và người dân Nhật nhìn thấy hòn đảo nhỏ li ti sát bờ biển Nhật Bản. Và họ nhìn lẫn nhau. Họ đã bắt đầu đặt những câu hỏi, thì thầm, về các tin tức chiến thắng loan đi thường xuyên trên đài phát thanh. Làm sao Nhật Bản có thể nghiền nát chiến hạm, tiêu diệt phi cơ, đánh tan lực lượng của đối phương một khi Saipan đã bị xâm phạm. Đó là một câu hỏi mà ai ai cũng đặt ra, nhưng chỉ một vài người dám đưa ra lời giải đáp.

Tiếp liền tin tức về Saipan, chúng tôi nhận được tin các lực lượng hùng hậu thuộc hạm đội của chúng tôi tiến đến quần đảo Mariana, tham dự vào trận đánh mà mọi người ở Yokosuka đều biết sẽ là một trong những trận đánh quyết định cuộc chiến. Chúng tôi không còn mưu định đổ bộ lên các hòn đảo bên ngoài, chúng tôi đang canh gác ở ngay những cổng bước vào quê hương chúng tôi.

Sáng hôm sau, không đoàn Yokosuka nhận được lệnh di chuyển đến đảo Iwo Jima. Bộ Tư Lệnh Tối Cao của chúng tôi e rằng một khi Saipan được củng cố, người Mỹ sẽ bước thêm bước nữa, bằng cách tấn công địa điểm chiến lược này. Với Iwo Jima trong tay đối phương, toàn thể nước Nhật sẽ bị uy hiếp.

Sự thật, Iwo Jima không bị xâm chiếm vào mùa hạ năm 1944 là một gây kinh ngạc cho chúng tôi. Phòng thủ trên đảo này lúc đó rất yếu kém. Chỉ cần một phần lực lượng đổ bộ lên Saipan,

địch quân có thể đặt chân lên các bãi biển Iwo Jima và tẩy sạch sức đối kháng của lực lượng phòng thủ trên đảo dễ dàng. Không hiểu vì lý do nào, cuộc đổ bộ bị trì hoãn nhiều tháng, cho phép Lục Quân và Hải Quân Nhật đổ người và vũ khí lên hòn đảo chiến lược nhỏ bé này.

Khi không đoàn Yokosuka nhận được lệnh thiết lập một mạng lưới bảo vệ không phận hòn đảo. Không đoàn Yokosuka chỉ có vỏn vẹn ba mươi chiến đấu cơ khả dụng. Ba mươi chiến đấu cơ Zero, giống như mấy chiếc Zero mà tôi đã từng bay ở Trung Hoa gần 5 năm trước đây. Chỉ có bao nhiêu đó! Tuy nhiên, cuộc đổ bộ chưa xảy ra. Chúng tôi coi biến cố này như một phép lạ.

Trung tá Nakajima đã trở về Yokosuka. Một tháng sau khi ông rời Toyohashi để đến Rabaul, Đông Kinh đã gọi ông về và chỉ định chức vụ chỉ huy trưởng không đoàn Yokosuka. Bây giờ, sau một năm trên đất liền, ông ta lại ra đi nữa. Lần này ông sẽ đối diện với một mặt trận bí ẩn hơn bất kì mặt trận nào khác trong đời chỉ huy của ông.

Tôi nhận được lệnh trình diện ông trong văn phòng. “Sakai, tại sao anh không đi với tôi lần này?” ông hỏi. “Anh biết là tôi nôn nóng muốn bay trở lại với anh đến mức nào không. Tôi bắt cần những gì mấy thằng bác sỹ cứ lải nhải. Hiện thời, đối với tôi, anh vẫn là một phi công xuất chúng. Anh đã chứng tỏ điều này mỗi khi tôi thấy anh bay.”

“Saburo, tôi cần anh đi với tôi. Gần lắm. Anh sẽ giống như một vị thần hộ mạng đối với những phi công mới này. Có anh bay với chúng tôi, tinh thần của họ sẽ lên cao. Họ sẽ theo anh bất cứ nơi nào.”

“Trung tá cần phải hỏi tôi nữa sao?” Tôi nói. “Trung tá yêu cầu tôi đi với trung tá phải không? Bao nhiêu lần tôi đã chạy chọt! Bao nhiêu lần tôi đều bị lắc đầu, anh không thể bay được đâu, Sakai, anh nửa đui nửa sáng mà còn bay với bóng gì nữa, Sakai. Dĩ nhiên, tôi muốn đi! Tôi muốn đi với Trung tá. Tôi muốn chiến đấu trở lại!”

Thời gian đã đổi thay. Không một viên y sỹ nào tỏ vẻ phản đối ý định của tôi. Những lời đầu môi để giữ một viên phi công độc nhãn đứng bên ngoài cuộc chiến không còn nữa. Nhật Bản không thể nào lo nghĩ đến những chi tiết nhỏ mọn như vậy nữa. Nhật Bản đang lâm nguy, và một phi công độc nhãn có đầy đủ kinh nghiệm chiến đấu như tôi vẫn phải gánh vác trách nhiệm.

Tôi lại ra đi. Xứ sở đang cần tôi.

Chúng tôi nhận được lệnh đến Iwo Jima tức khắc. Chúng tôi không có cả thì giờ liên lạc với gia đình. Không có những lời từ biệt.

Vào sáng ngày 16 tháng sáu, chúng tôi cất cánh từ Yokosuka và bay trong đội hình, với tôi dẫn đầu, trực chỉ hòn đảo xa xôi. Nhưng chúng tôi không đến được mục tiêu. Sau 100 dặm bay trong những đám mây dày đặc sà thấp và những cơn mưa như thác lũ, chúng tôi bắt buộc phải quay về Yokosuka. Mùa mưa của Nhật Bản đã bắt đầu. Nakajima và tôi, cũng như một số phi công kinh nghiệm khác có thể bay đến Iwo Jima dễ dàng, nhưng đa số ba mươi phi công thuộc không đoàn đều là tay mơ. Mưa bão sẽ đánh dạt họ ra khỏi đội hình không biết lúc nào, và điều đó có nghĩa là mạng sống của họ tiêu luôn.

Iwo Jima là một hòn đảo nhỏ cách phía nam Yokosuka 650 dặm. Bề ngang lớn nhất của hòn đảo chỉ khoảng hai dặm. Trên mặt bản đồ thế giới, Iwo Jima có vẻ như là một hòn đá cuối cùng của một loạt hòn đá trải dài từ Yokosuka đến Guam. Tuy nhiên, các bản đồ thường đưa đến những sai lầm tai hại, và trên đường bay bao la của Thái Bình Dương, khoảng cách giữa mỗi điểm nhỏ có thể được phóng định chênh lệch một cách khủng khiếp. Quả thật, không rada, ngay cả vô tuyến cũng không có, chúng tôi không dám liều lĩnh, vì như vậy hầu hết phi cơ của chúng tôi có thể đi đời.

Chúng tôi đã từng gạt hái kinh nghiệm bi thảm về vấn đề này. Đầu năm 1943, nhiều phi đoàn chiến đấu cơ Lục Quân, được lái bởi những phi công không có một chút kinh nghiệm nào trong các phi vụ vượt đại dương, cất cánh ở Nhật Bản để đến một căn cứ ở phía Nam. Trên đường đi họ chạm trán với tình trạng thời tiết tồi tệ, nhưng họ không chịu quay về. Kết quả hầu hết phi cơ đều biến mất trên khoảng không trình vô tận của Thái Bình Dương.

Chúng tôi cố lên đường một lần nữa vào sáng ngày 17 tháng sáu. Lần này chúng tôi rời khỏi Yokosuka chưa đầy 100 dặm thì bị các trận bão đẩy bật trở lại, mặc dù theo báo cáo thời tiết ở Iwo Jima và quần đảo Mariana rất tốt đẹp. Chúng tôi nằm lì trong doanh trại, nghe tin tức do đài phát thanh loan đi liên quan đến đoàn quân trú trên đảo Iwo Jima. Theo đó, đối phương đã tung các cuộc không tập trên hòn đảo này suốt ngày suốt đêm.

Bốn lần, chúng tôi cất cánh, và bốn lần chúng tôi đều bị các trận bão đẩy bật trở lại. Vào ngày 20 tháng sáu, khi chúng tôi cố gắng lên đường lần thứ năm, tình trạng thời tiết vẫn hoàn toàn không bảo đảm an toàn cho phi vụ. Tuy nhiên, Nakajima quyết định lướt qua. Chúng tôi để những phi công không kinh nghiệm bay ở cánh và đuôi, rồi tất cả xông vào mưa bão mù mịt.

Không ai trong chúng tôi biết được vào ngày này nhiều hạm đội quan trọng của chúng tôi đã chịu đựng một cú đâm thủng khốc do phi cơ và trọng pháo của lực lượng đặc nhiệm đối phương ở quanh quần đảo Mariana tung ra.

Cuối cùng, chúng tôi thoát ra khỏi trận mưa bão. Chúng tôi bay được 650 dặm, và nhiều phút sau đó, đỉnh của ngọn núi lửa trên đảo Iwo Jima hiện ra mờ mờ trên mặt nước, Nakajima bắt đầu đảo một vòng rộng lớn trên phi đạo thứ nhì, thiết lập trên ngọn núi Motoyama, nằm chính giữa hòn đảo. Tôi nhớ những phi đạo lấm bụi ở Lae là tồi tệ, nhưng phi đạo này còn tồi tệ hơn. Đáp xuống sân bay trên một hàng không mẫu hạm có lẽ còn đơn giản hơn đáp xuống phi đạo khủng khiếp ở dưới kia. Hai phía của phi đạo vách đá dựng đứng. Chỉ cần đáp trật một chút, chúng tôi sẽ biến thành trái cầu lửa ngay. Và một hòn đá cao chón chở chắn ngang cuối phi đạo chờ đợi những phi công không thận trọng.

Nakajima từ chối thử sức các phi công của ông trên phi đạo cấm kị này. Ông dẫn cả nhóm trở lại phi đạo thứ nhất, nằm ở mặt phía nam của hòn đảo. Phi đạo này rộng và dài. Lần lướt, các chiến đấu cơ hạ cánh.

Đã có hơn 90 phi cơ đậu dọc theo phi đạo, không còn chỗ trống nào dành cho các chiến đấu cơ của chúng tôi.

Nakajima đưa tay ra khỏi phòng lái và vẫy ra dấu cho chúng tôi đi theo ông. Một con đường dốc lộng gió dẫn từ phi đạo chánh đến phi đạo phụ dài hơn một dặm. Tôi cảm thấy buồn cười khi chạy cà xóc men theo con đường này. Đây là lần đầu tiên và cũng là lần cuối cùng, tôi mới biết leo lên sườn núi với một chiến đấu cơ và một dọc ba mươi chiến đấu cơ phía sau.

Một tiểu đoàn bộ binh đã kinh ngạc đến nỗi há hốc khi nhìn đoàn công voa nổi đuôi kêu vang rầm rừ và quây bụi mù mịt của chúng tôi. Nhiều người đưa tay chỉ chỗ, cười nghiêng ngửa. Riêng chúng tôi khó thể nào cười nổi. Lái một chiến đấu cơ lên dốc, với một chiếc ở phía trước và một chiếc khác quay cánh quạt vu vu ở phía sau trong khi phải cố gắng đối phó với mấy chỗ lượn cong, hốc búa còn hơn duy trì đội hình bay khít khao trong một đám sương mù dày đặc.

May mắn thay, chúng tôi đến Iwo Jima trong thời gian các trận đánh lắng dịu tạm thời. Chỉ vào ngày trước đó, hòn đảo đã náo động dưới hàng ngàn quả đại pháo của lực lượng đặc nhiệm đối phương chạy dọc theo bờ biển. Hiện thời đối phương đã quay hướng đến Saipan để dập các pháo đài trên hòn đảo này.

Trong ba ngày, chiến tranh bùng nổ Iwo Jima. Không một người đàn ông lành mạnh nào muốn ở đây. Nó vừa ảm đạm vừa bất an, không cảm thấy dễ chịu như ở Rabaul. Nhưng chúng tôi thích nghi với hoàn cảnh, lợi dụng thời gian yên tĩnh giả tạo để trầm mình trong các suối nước nóng chảy róc rách thường xuyên qua các kẽ đá từ bên này đến bên kia phi đạo.

Cuộc chiến chưa bao giờ kì dị hơn đối với chúng tôi. Chúng tôi biết được tin hạm đội của chúng tôi đã tan tác trong trận hải chiến ở quần đảo Mariana. Và tất cả các phi công của hàng không mẫu hạm đều chết rụi không còn một mống. Những lực lượng đổ bộ của địch quân có sức mạnh siêu việt là điều không thể nghi ngờ được. Với sự yểm trợ của hàng nghìn phi cơ, hàng nghìn đại pháo trên các chiến hạm, những lực lượng này chắc chắn sẽ diệt các đơn vị Nhật trên đảo Saipan đến người cuối cùng.

Các sỹ quan của chúng tôi đã đến hồi tuyệt vọng. Họ biết rõ Saipan cần được giúp đỡ. Nhưng chúng tôi có thể làm gì được? Một cuộc tấn công toàn lực bằng chiến đấu cơ của chúng tôi chỉ hiệu quả nhất thời, nếu không nói là vô nghĩa. Bởi lẽ Saipan nằm cách phía Nam Iwo Jima đến 600 dặm. Mặt khác, nếu chúng tôi rời Iwo Jima mà không để lại một số chiến đấu cơ khả dụng, lúc đó người Mỹ có thể thừa nước đục thả câu, đập tan hệ thống phòng thủ và quét sạch sức đề kháng yếu ớt trên hòn đảo.

Cuối cùng, quyết định được đưa ra: chiến đấu cơ ở lại, nhưng các oanh tạc cơ sẽ cất cánh tấn công các tàu chiến Hoa Kỳ trên đường chạy đến Saipan. Mỗi cuộc tấn công đều được thực hiện vào ban đêm, các oanh tạc cơ không hộ tống sẽ cất cánh từng nhóm tám hoặc chín chiếc. Khoảng thời gian giữa mỗi phi vụ oanh tạc cơ đi và về là một khoảng thời gian vô tận. Các phi công của chúng tôi đã thi hành nhiệm vụ mới với lòng dũng cảm tột cùng và đã đạt được một số hiệu quả. Nhưng mà những hiệu quả này có nghĩa lý gì? Đó chỉ là cái đập cánh của lũ thiêu thân.

Vào ngày 24 tháng sáu, sự yên tĩnh giả tạo của Iwo Jima biến mất. Vào khoảng 5 giờ sáng, còi báo động không tập rú lên đỉnh tai nhức óc. Ra đa sớm phát hiện nhiều nhóm phi cơ địch đông đảo còn cách phía Nam Iwo Jima 60 dặm và đang lướt đến nhanh chóng.

Tất cả chiến đấu cơ trên hòn đảo, hơn 80 chiếc Zero, chạy ra hai phi đạo và cất cánh. Các cơ khí viên mang những chiếc oanh tạc cơ Betty và Jill còn trên mặt đất vô hầm trú ẩn.

Thời gian chờ đợi bấy lâu đã được đền bù. Tôi lại được bay một chiếc Zero chiến đấu, và trong một giây lát đây tôi sẽ biết sự khéo léo của mình còn hay không.

Một đám mây treo lơ lửng 13.000 bộ trên bầu trời. Và các chiến đấu cơ chia làm hai nhóm, 40 chiếc vượt lên trên, và 40 chiếc nhóm của tôi duy trì phía dưới đám mây.

Ngay khi tôi vừa lấy thăng bằng sau khi vượt lên, một chiến đấu cơ địch hùng hổ chúi xuống xuyên qua các đám mây, kéo theo sau một vệt lửa và khói màu đen tạt dài. Tôi liếc mắt, nhận ra đó là loại chiến đấu cơ mới, với đôi cánh rộng và mũi bẹt, chiến đấu cơ Grumman F6F Hellcat mới mà tôi đã nghe nói đến nhiều lần. Tôi vung phi cơ ra một vòng thật rộng và nhìn lên... một chiếc Hellcat khác ló khỏi các đám mây, chúi thật thẳng xuống, với vệt khói tủa ra phía sau.

Phía sau tia khói của chiếc chiến đấu cơ này, hàng chục chiếc Hellcat khác cũng nối đuôi nhau chúi thẳng xuống. Tất cả 40 chiến đấu cơ đều xoay hướng và vượt lên để đối đầu trực tiếp với các phi cơ địch. Bọn phi công Mỹ không một chút lưỡng lự nào, lướt đến tấn công. Rồi phi cơ toả khắp bầu trời, xoay tít từ tầng mây trên cao cho đến mặt biển dưới thấp, khai diễn một trận không chiến kinh tâm động phách. Các đội hình bị cắt nát ra từng mảnh.

Như chớp, tôi xoay tròn ốc và lăn tròn đến sát đuôi một chiếc Hellcat, và ấn cò súng ngay khi chiếc phi cơ lọt vào tầm nhắm. Tôi lăn ra xa và nhận thấy những viên đạn của tôi đều bay trong

không khí. Tôi xoay nửa vòng hình tròn ốc, lướt đến thật sát, cổ tâm rót đạn vô bụng của đối thủ. Viên phi công địch mưu tranh tài xoay vòng tròn với tôi. Tôi chỉ chờ có vậy. Cảnh sườn của hắn nằm gọn trong tầm nhắm, và tôi quất ngay một loạt đại bác thứ hai, đạn chạm dọc theo thân phi cơ. Hai giây kể đó, những đám khói đen dày đặc tuông ra và chiếc phi cơ chúi như gió lốc xuống biển.

Khắp nơi, tôi nhìn thấy nhiều chiến đấu cơ kéo những vệt khói dài bốc cháy và nổ tung. Lúc tôi đang nhìn, nhiều vệt đạn rót từ phía dưới lên cánh tôi. Tôi cấp tốc gạt cần lái sang trái, lăn tròn một vòng, tôi đã ở sau đuôi đối thủ và ấn cò súng. Trật. Hắn chúi xuống, mau hơn loạt đạn thứ hai của tôi.

Tôi vừa nguyên rửa sự lơ đãng vừa chửi bới con mắt đui mù của mình. Bởi con mắt này đã khiến tôi hầu như không nhìn thấy một phía. Nhanh chóng, tôi tháo hết dây dù buộc quanh thân, do đó tôi có thể xoay trở dễ dàng trên ghế ngồi để nhìn mọi hướng.

Ít nhất cũng có nửa tá Hellcat đang ở sau đuôi tôi, sẵn sàng trong vị thế khai hoả. Các họng súng trên đôi cánh của một chiếc bắt đầu rục rủa, một chiếc khác vừa lăn tròn vừa bắn, nhưng tất cả đều không trúng. Sáu chiến đấu cơ địch lướt qua hai bên cánh tôi và vừa vượt lên vừa xoay về phía phải.

Lần này không dễ dàng như vậy được! Không! Tôi gia tăng tốc lực khẩn cấp và lộn ngược về bên phải, xoay theo sáu chiến đấu cơ. Tôi liếc nhìn sau lưng, không có bóng dáng chiếc phi cơ nào khác. Khoảng cách giữa tôi và chiếc phi cơ địch gần như tịt tịt một cách nhanh chóng. Còn cách 50 thước, tôi khai hoả, nhìn thấy những viên đại bác chạm vô thân phi cơ và biến mất trong phòng lái. Lửa sáng lòe và khói xuất hiện sau kính che gió, một giây kể đó, chiếc Hellcat bay lồng lộn, một bên cánh trề hẳn xuống và một bụng khói tuôn ra càng lúc càng cuộn cuộn.

Nhưng có thêm chiến đấu cơ địch sau đuôi tôi. Bỗng nhiên tôi không muốn dây dưa với chúng nữa. Nỗi mệt mỏi bao trùm lấy tôi, giống như một chiếc khăn choàng kín mít. Những ngày trước đây ở Lae, tôi sẽ không bỏ phí một giây phút nào để đảo chiếc Zero lại và mặt đấu mặt với đối phương. Nhưng hiện thời, tôi cảm thấy năng lực của tôi hầu như đã bị hút cạn. Tôi không muốn chiến đấu nữa.

Tôi chúi xuống, bay về phía Bắc với hết tốc lực. Mấy chiếc Hellcat quay lại. Bấy giờ, tôi bỗng cảm thấy hàng trăm trận không chiến mà tôi từng tham dự là một cái gì đáng chán ghét nhất.

Tôi liếc nhìn xuống bên phải và há hốc miệng. Một chiếc Hellcat lộn nhào dữ dội, cố để thoát khỏi một chiếc Zero đeo dính theo bên đuôi, khoảng cách không hơn 50 thước. Chiếc Zero vừa rượt vừa bắn. Ngay lúc ấy một chiếc Hellcat khác đuổi theo chiếc Zero. Lúc tôi còn đang nhìn diễn biến, một chiếc Zero nữa chúi từ trên cao và lộn vòng lại phía sau chiếc Hellcat thứ hai. Rồi hết chiếc này đến chiếc khác nhảy vào vòng đua, kéo thành hàng dài như một con trường xà. Hình như kể từ chiếc Zero thứ hai, chiếc nào chiếc nấy cứ nhắm mắt nhắm mũi rượt đuổi, không biết rằng phía sau mình còn có kẻ rượt theo nữa. Và phi cơ nào cũng khai hoả vào mục tiêu trước mặt. Hellcat, Zero, Hellcat, Zero, Hellcat, Zero. Thật lạ lùng, không một phi cơ nào, cả Nhật lẫn Mỹ, lưu ý đến việc bảo vệ yếu điểm phía sau của họ.

Chiến đấu cơ dẫn đầu, chiếc Hellcat, bỗng chúi nhủi dữ dội sau khi nhả ra khói đen, rồi đâm đầu xuống biển. Hầu như cùng lúc, chiếc Zero truy đuổi cũng nổ tung, biến thành trái cầu lửa. Chiếc Hellcat thứ nhì, bay ở hàng thứ ba, vừa tung cú ra đâm chết người, chỉ sống sót khoảng hai giây, đạn đại bác từ chiếc Zero thứ hai, bay ở hàng thứ tư, xé vút một bên cánh của nó. Khi cái cánh vừa lìa khỏi thân chiếc Hellcat, một bụng lửa tủa ra làm lòe cả mắt, đánh dấu sự nổ tung của chiếc Zero thứ hai. Và khi chiếc Hellcat lạng ra xa khỏi tiếng nổ do nó vừa tạo ra, những viên đạn đại bác của chiếc Zero thứ ba xé nát phòng lái của nó ra làm muôn mảnh.

Khi năm chiến đấu cơ đâm đầu xuống biển hết, chiếc Zero cuối cùng lộn nhào để xoay hướng và bay đi. Đó là kẻ sống sót duy nhất của cuộc hỗn chiến kinh tâm.

Tôi lượn chậm chậm, phía Bắc Iwo Jima, hít thở không khí. Cơ choáng váng tan biến, tôi quay lại khu vực chiến đấu. Trận chiến đã kết thúc. Vẫn còn nhiều chiếc Zero vừa Hellcat trên bầu trời, nhưng hai phía bay thành từng nhóm riêng rẽ và cách rời hẳn nhau.

Phía trước và bên phải, tôi thấy 15 chiến đấu cơ Zero thấp thoáng trong đội hình. Tôi bay đến để kết hợp. Từ phía dưới, tôi lướt lên...

Hellcat! Bây giờ tôi mới biết tại sao bác sĩ đã khẳng định phản đối việc tôi chiến đấu trở lại. Chỉ còn một mắt, tầm nhìn xa của tôi quả yếu kém, những chi tiết nhỏ trên thân phi cơ tôi không sao nhìn thấy. Cho đến khi những ngôi sao màu trắng nổi bật hai bên cánh của các chiếc phi cơ trở thành rõ rệt, tôi mới biết mình sai lầm. Tôi không phí một giây nào trong việc chặn đứng nỗi sợ hãi đang bao trùm lấy mình. Tôi lộn về phía trái, xoay thật ngặt và chúi thẳng xuống, hy vọng mấy chiếc không phát hiện tôi.

Đâu được may mắn như vậy. Đội hình Hellcat vỡ ra và cuộc truy đuổi khai diễn. Tôi có thể làm gì? Không còn một cơ hội nào nữa.

Không, vẫn còn một lối thoát, một cơ hội mong manh. Tôi hầu như bay ngay trên Iwo Jima. Nếu tôi cứ chạy quanh quẩn, một việc không dễ, chờ cho đến khi xăng của các chiến đấu cơ địch cạn dần và bắt buộc phải quay về căn cứ.

Bấy giờ tôi lượn định tốc lực của những chiến đấu cơ mới này. Chỉ trong mấy giây chúng đã tiến sát. Nhanh quá đổi! Không thể chạy được...

Tôi xoay ngược lại thật mau, và dọa các phi công địch bằng cách từ phía dưới vượt lên, xoay một vòng hình tròn ốc.

Tôi kinh ngạc, phi cơ địch không phân tán. Chiến đấu cơ dẫn đầu đáp trả bằng cách xoay hình tròn giống như tôi. Tôi lại xoay nữa, lần này thân hẹp đường bán kính hơn. Đối thủ không nhường tôi một bước nào.

Một chiếc Airacobra hoặc một chiếc P.40 sẽ thua cuộc nếu thi tài với tôi bằng lối này, ngay cả loại chiến đấu cơ Wildcat có thể giữ vòng xoay khá lâu cũng không thể chống lại một chiếc Zero. Nhưng những chiếc Hellcat này, một loại phi cơ nhanh nhẹn nhất của địch quân mà tôi mới thấy lần đầu. Và tôi đã lọt vô bẫy. Mười lăm chiến đấu cơ địch lần lượt điền vào vòng xoay.

Giây phút kể đó, tôi nhận thấy mình đang xoay chính giữa một sợi dây khổng lồ do mười chiếc Hellcat tạo thành. Bất cứ phía nào tôi cũng đều thấy những cái cánh rộng lớn với những ngôi sao màu trắng. Nếu có một viên phi công nào bị vây trên trời, viên phi công ấy chính là tôi.

Tôi có rất ít thì giờ để suy ngẫm về sự bất hạnh của mình. Bốn chiếc Hellcat phá vỡ vòng xoay đâm chúi vô tôi. Chúng quá nóng. Tôi lặn tròn và thoát dễ dàng.

Nhưng tôi đã phơ lửng cho nhiều chiến đấu cơ khác. Một nhóm bốn chiếc thứ nhì tách ra khỏi vòng vây, ngay phía sau tôi.

Tôi chạy! Gia tăng hết tốc lực để thoát ra khỏi tầm súng đối phương. Tôi hành động kịp lúc. Bốn chiến đấu cơ đầu tiên, sau khi chúi xuống vồ hụt tôi, đang vượt lên để tiếp tục vồ nữa.

Tôi ấn chân phải lên bàn đạp bẻ lái, đảo chiếc Zero sang trái. Kế đó là cần điều khiển, gạt sang bên trái, lặn tròn nhiều vòng. Những tia đạn loé sáng dưới cánh phải tôi, tiếp liền theo một

chiếc Hellcat bay vượt qua.

Tôi giải toả cú lộn nhào bằng cách xoay một vòng thật ngật. Một chiếc Hellcat khác ở cách phía sau tôi 700 thước, mọi họng súng hai bên cánh đều rục lửa. Một điều tôi chưa biết trước đó, bây giờ tôi đã biết. Những tên phi công địch còn tệ hơn mấy tên phi công thiếu kinh nghiệm của tôi... và điều này có thể là yếu tố cứu mạng sống của tôi.

Chiếc Hellcat cứ tiến sát mãi, vừa bay vừa rải đạn như mưa, nhưng cách phi cơ tôi quá xa. Tôi xoay hướng một lần nữa và vẫn chạy dài. Chiếc Hellcat tiến sát nhanh chóng. Khi chiếc phi cơ còn cách phía sau tôi 300 thước, tôi lặn về phía trái. Chiếc Hellcat vượt ngang phía dưới tôi, vẫn khai hoả trong không khí.

Tôi đã mất phong độ. Tại sao lại chạy dài trước một tên phi công vụng về như vậy. Không suy nghĩ, tôi lặn trở lại và ở sau đuôi hắn. Từ khoảng cách 50 thước, tôi rút vội một viên đại bác.

Phí đạn. Ngay lúc ấy một chiếc Hellcat khác đã đến sau đuôi tôi và đang khai hỏa. Một lần nữa, tôi lặn về phía trái, cách này thì tôi không bao giờ thất bại. Chiếc Hellcat vượt qua, tiếp theo đó là hai chiếc khác.

Một nhóm bốn chiếc nữa hầu như ở ngay trên đầu tôi sẵn sàng nhào xuống. Thỉnh thoảng, bạn cũng nên tấn công để tự vệ chứ! Tôi vượt thẳng đứng lên, ngay phía dưới bốn chiếc chiến đấu cơ. Mấy tên phi công lắc cánh qua lại cố tìm tôi. Tôi không có thì giờ để phá rầy họ. Ba chiếc Hellcat khác đâm thẳng vô tôi từ bên phải. Tôi né tránh những làn đạn thổi tới, bằng cách lặn về phải và chỉ thoát trong đường tơ kẽ tóc.

Mười lăm chiến đấu cơ lập vòng vây trở lại. Bất kì âm mưu thoát thân nào của tôi cũng đều đưa lưng cho nhiều chiếc Hellcat cắt ngang từ nhiều hướng khác nhau. Tôi xoay vòng chính giữa, suy nghĩ tìm lối thoát.

Đối phương không cho phép tôi suy nghĩ. Các chiến đấu cơ tách ra khỏi vòng vây, hết chiếc này đến chiếc khác, vừa lướt đến tôi vừa khai hoả.

Tôi không nhớ đã bị tấn công mấy lần mà cũng không nhớ mình đã lặn tròn bao nhiêu vòng. Mồ hôi đầm ướt thân tôi, thấm ướt cả áo lót. Mồ hôi cũng đọng thành hột trên trán tôi và bắt đầu lặn dài xuống mặt. Tôi chửi thề khi mắt trái tôi xót xa như muối xát. Tôi không có thì giờ để đưa tay lên dụi. Tôi mệt nhoài, không biết làm sao thoát khỏi vòng vây. Nhưng rõ ràng mấy tên phi công này không tốt hơn phi cơ của họ. Một tiếng nói vang lên trong đầu tôi, lập đi lập lại... tốc lực... gia tăng tốc lực... cứ lặn tròn... lặn tròn không ngừng nghỉ.

Cánh tay phải tôi bắt đầu tê cứng khi giữ cho chiếc phi cơ lặn liên hồi về phía trái để tránh những làn đạn địch. Nếu tôi gượng lại, không lặn nữa, mạng tôi đi đời tức khắc. Nhưng tôi có thể lặn như thế này bao lâu ?

Tôi phải lặn tròn! Bao lâu mà mấy chiếc Hellcat còn giữ nguyên vòng vây, chúng chỉ có thể nhảy xổ vô tôi từng chiếc một. Né tránh đạn của chỉ một chiếc thì tôi không sợ. Tầm gần, nhưng ít ra nó phải nhắm trúng tôi cái đã. Những viên đạn được bắn ra từ khoảng cách một trăm thước tôi có thể né tránh dễ dàng.

Tôi chỉ cần giữ khoảng cách với mấy chiến đấu cơ địch, lúc ấy đang lặn lướt từng chiếc một tách khỏi vòng vây, vừa chúi xuống vừa khai hoả vô tôi.
Tôi lặn tròn. Gia tăng hết tốc lực.

Gạt cần điều khiển qua trái. Lặn tròn liên tục. Mặt biển và chân trời xoay tít. Những tia đạn loé sáng, bùng nổ. Luôn luôn dưới cánh tôi. Gia tăng tốc lực. Lặn qua trái. Lặn nữa. Cánh tay của

tôi! Tôi không còn nghe một cảm giác nào cả.

Nếu có một viên phi công Hellcat nào chọn một hướng tấn công khác hoặc tập trung đường nhắm cẩn thận trên mục tiêu, chắc chắn tôi không còn ở trên không. Bọn họ chỉ giữ nguyên lối tấn công cũ, rượt theo vòng lẩn của tôi, tôi cũng lãnh đủ.

Bọn phi công kì lạ. Ngoại trừ một vài viên phi công đại tài, hầu như 99 phần trăm phi công địch giữ nguyên công thức mà họ đã được dạy trong trường. Họ được dạy như thế nào họ làm theo như thế đó, không bao giờ suy xét để thích ứng với tình thế cấp thời khi chiến đấu, nơi mà giữa sống và chết chỉ cách nhau trong đường tơ kẽ tóc.

Do đó, cuộc thử thách này là cuộc thử thách chịu đựng giữa cánh tay của tôi, và khả năng xăng nhót của chiến đấu cơ Hellcat. Những chiếc phi cơ này vẫn còn phải bay về các hàng không mẫu hạm.

Tôi liếc nhìn đồng hồ đo tốc độ. Gần 350 dặm một giờ. Đó là tốc độ mà một chiếc Zero có thể đạt được dễ dàng.

Cánh tôi cần chịu đựng thêm nữa. Chiến đấu cơ Zero cũng cần có giới hạn của nó. Tôi ngại đôi cánh. Chúng đang oằn xuống dưới các vòng lẩn tròn tránh né liên tục và dữ dội, có thể gãy rời ra khỏi chiếc phi cơ. Nhưng việc này nằm ngoài tầm tay đối phó của tôi. Tôi chỉ có thể tiếp tục bay. Tôi bắt buộc phải lẩn tròn để tránh né hoặc chết.

Lẩn tròn. Lẩn tròn. Tôi không nghe gì hết. Tiếng động cơ của chiếc Zero, tiếng gầm thét của mười lăm chiếc Hellcat, tiếng rít của đạn đại liên 50 ly, tất cả đều biến mất.

Mắt trái tôi đau nhức. Mồ hôi đổ như tắm. Tôi không thể đưa tay lên lau. “Bỏ hết”. Gạt cần điều khiển. Đá bàn đạp lái. Né đạn địch.

Máy tính độ cao xuống tận cùng. Đại dương ở ngay phía dưới phi cơ của tôi. Hiện thời tôi không thể nào dời đổi độ thấp hơn nữa. Các chiếc Hellcat không thể chúí xuống vì phía dưới là mặt biển. Nhưng chúng sẽ tìm ra một cách khác. Tôi chỉ có một vài giây. Tôi nắm chặt cần điều khiển với tay trái, gạt về phải thật mạnh. Đau đớn cùng khắp. Đau đớn đến tê liệt. Tôi đảo về trái.

Những vệt đạn rớt xuống. Những tia nước bắn lên từ mặt biển, trải ra và sủi bọt. Bao giờ đối thủ bỏ cuộc? Chiến đấu cơ Hellcat cũng phải hết xăng chứ! Nhưng tôi không thể nào lẩn tròn một cách hiệu quả mãi. Hai tay tôi dần dần tê liệt. Tôi đang mất cảm giác.

Phân nửa số phi cơ địch tạo thành một chướng ngại vật trên đầu tôi, trong khi những chiếc khác lướt đến, tập trung hoá lực vào tôi. Loại chiến đấu cơ Hellcat quá nhanh. Trong vòng một vài giây, phi cơ của tôi đã nằm trong tầm súng. Tôi lẩn tròn sang phải, chiếc Zero lay động dữ dội qua mỗi lần lẩn tròn, bỏ lại những tia nước sủi bọt trên mặt biển do đạn địch tạo ra.

Đối phương không chịu bỏ cuộc. Bây giờ các chiến đấu cơ địch đang chúí xuống chặn đầu tôi trong khi những chiếc còn lại khai hoả. Không có lối thoát. Nếu tôi cứ tiếp tục bay thấp thì cái chết chỉ còn là vấn đề của phút giây. Tại sao chờ chết trong sự trốn chạy như một tên hèn nhát?

Tôi kéo cần điều khiển ngược lại, hai tay hầu như sát vô bụng. Chiếc Zero giật nảy và vượt lên, phía trước tôi là một chiếc Hellcat, chỉ cách 100 thước với tên phi công kinh hoàng của nó. Chiếc phi cơ đảo thật mau để né tránh. Tôi ấn cò súng. Chiếc Hellcat lẩn tròn, vượt lên và bay mất.

Những chiếc Hellcat khác rối loạn. Tôi vượt lên và chạy nữa. Mấy tên phi công ngu ngốc rượt

theo và khai hoả từ khoảng cách 500 thước. Phí đạn vô ích, phí đạn vô ích, tôi thét lên. Nhưng, bọn này nhanh quá đỗi! Những tia đạn loé sáng bên cánh tôi, và tôi lại lặn tròn một cách tuyệt vọng.

Xuống thấp nữa, Iwo thành linh xuất hiện ở phía dưới. Tôi lắc đôi cánh, hy vọng các xạ thủ dưới mặt đất nhìn thấy những dấu hiệu màu đỏ kẻ trên cánh phi cơ. Đó là một sai lầm, hành động này khiến tôi chậm lại, và những chiếc Hellcat đã ở ngay phía trên tôi.

Súng cao xạ ở đâu ? Bắn đi, lũ ngu xuẩn, bắn đi!

Iwo nổi lửa. Những tia đạn chớp loé khắp hòn đảo. Mọi loại súng đều khai hỏa. Tiếng nổ làm rung chuyển chiếc Zero. Những búng khói do đạn cao xạ tạo ra xuất hiện trên không, giữa các chiếc Hellcat. Đối phương quay lại thật mau và chúi xuống để thoát khỏi tầm súng.

Tôi vẫn duy trì tốc độ tối đa. Tôi đang sợ hãi. Tôi cứ nhìn về phía sau sợ đối phương quay lại, sợ những tia đạn từ dưới đất rớt vô phòng lái, xuyên thủng thân phi cơ, ghim vô thân tôi.

Tôi lướt ngang qua Iwo, ấn mạnh ga, thúc giục chiếc phi cơ bay mau hơn. Mau hơn, mau hơn! Phía Nam Iwo xuất hiện ở chân trời... ở đó có một đám mây! Một đám mây dày đặc chồng chất nhiều lớp vĩ đại, bay là đà trên mặt nước. Tôi bắt cần lưu ý đến sự vận chuyển của không khí. Tôi chỉ muốn thoát thân. Với hết tốc lực, tôi chui vô đám mây.

Hình như có một bàn tay khổng lồ tóm lấy chiếc Zero và đu đưa nó qua lại một cách dữ dội. Tôi thấy gì khác hơn là những màu tím thẫm chớp loé chớp tắt. Tôi đã mất kiểm soát. Chiếc Zero chúi nhũn và giựt lại, liên tục. Thế rồi tôi qua khỏi đám mây, nhưng cơn bão bên trong đám mây quay chiếc Zero ra ngoài khiến nó đảo đảo dữ dội. Tôi ngã sấp về phía trước. Sau đó, tôi lấy lại cao độ khoảng 16.000 bộ. Xa về phía nam, tôi nhìn thấy thấp thoáng bóng dáng 15 chiếc Hellcat. Chúng đang bay về các hàng không mẫu hạm. Khó thể tin rằng mỗi hiểm nguy đã vượt qua, và tôi vẫn còn sống sót. Tôi muốn rời khỏi không trung lập tức. Tôi muốn được đứng trên mặt đất cứng rắn phía dưới.

Tôi đáp xuống phi đạo chánh của Iwo. Tôi ngồi trong phòng lái một vài phút, sức cùng lực kiệt, sau đó leo xuống chiếc phi cơ một cách mệt nhọc. Tất cả các chiến đấu cơ khác đã đáp xuống từ lâu. Một đám phi công và thợ máy chạy ủa ra phi cơ của tôi, la lên vui mừng. Nakajima cũng có mặt. Ông ôm choàng lấy tôi, la lớn với nỗi hân hoan. “Anh mới làm nổi việc đó, Sakai. Một chống mười lăm... anh quả thật phi thường!” Tôi chỉ có thể tựa vô chiếc phi cơ và miệng cầu nhàu nguyền rửa con mắt đui mù của mình. Mạng sống của tôi suýt đi đời vì nó.

Một cơ khí viên chạy đến tôi, chào và nói: “Thưa Chuẩn úy, phi cơ của chuẩn úy. Nó... nó không... tôi không thể tin nổi... nó không có một vết đạn nào cả!”

Tôi cũng không thể tin nổi. Tôi xem xét lại chiếc phi cơ từ đầu đến cuối. Tên cơ khí viên nói đúng. Không có một viên đạn nào trúng phi cơ của tôi.

Sau đó, tôi trở về doanh trại, tôi biết được nhóm chiến đấu cơ Zero đầu tiên, bay phía trên các đám mây, đã đánh nhau với đối phương một cách dễ dàng hơn nhóm của tôi. Nhóm Zero này đã có được ưu thế từ trên cao bổ nhào xuống, khiến bọn phi công Hoa Kỳ trở tay không kịp. Trung sỹ Kinsuke Muto, ngôi sao sáng của phi đoàn Yokosuka, đã hạ một lúc bốn chiếc Hellcat. Các phi công khác cũng ghi điểm chiến thắng. Nhưng đổi lại, gần 40 hầu như phân nửa tổng số chiến đấu cơ của chúng tôi bị bắn rơi.

Chương XIX

Ngày hôm sau, tôi bị bệnh tháo dạ trầm trọng. Tình trạng thể xác như vậy, tình trạng tinh thần của tôi cũng không hơn gì. Mất bốn mươi phi cơ và phi công chỉ trong một phi vụ khiến tôi choáng váng. Cuộc chiến đã xoay đủ một vòng của nó rồi.

Cơn bệnh tháo dạ đã tàn phá năng lực của tôi và đè bẹp tôi trên giường một tuần lễ. Sức khỏe của tôi phục hồi chậm chạp.

Buổi chiều ngày 2 tháng bảy, niềm phấn khởi lan tràn khắp doanh trại. Các liên lạc viên chạy lui chạy tới từ phòng truyền tin đến Bộ chỉ huy. Tôi chặn một người để hỏi và được biết các hiệu thính viên của chúng tôi vừa chặn bắt được một số công điện chuyển đi tới tấp của đối phương. Mặc dù đa số đều được mã hoá, không thể nào đoán giải nổi, nhưng chúng tôi cũng biết những công điện này đã được chuyển đi từ các đơn vị địch không xa hòn đảo mấy.

Một cuộc tấn công sắp xảy ra. Điều này rõ rệt, và sẽ xảy ra rất sớm. Tất cả phi công trình diện Bộ chỉ huy để nhận lệnh. Tôi không được phép bay. Vị chỉ huy trưởng cảm thấy tôi còn yếu sức, khó thể nắm vững chiếc chiến đấu cơ của mình.

Sáng hôm sau, tất cả phi công ra sân bay vào lúc bốn giờ. Nhiều trinh sát cơ cất cánh tức khắc để dò tìm tung tích địch quân trên đại dương. Không có việc gì xảy ra trong suốt giờ kể đó. Tôi trở về phòng để ngủ thêm. Vào lúc sáu giờ, tiếng tù và nổi lên, phá tan sự yên tĩnh của hòn đảo, cho biết một cuộc tấn công của địch quân sắp xảy ra. Binh sỹ chạy ngang qua sân bay để đến các ụ súng, và bốn mươi chiến đấu cơ lướt ra các phi đạo để cất cánh nghênh chiến. Tôi bước ra sân bên ngoài doanh trại để coi diễn tiến.

Xa về phía Nam, có ít nhất 50 phi cơ xuất hiện, hướng thẳng về phía chúng tôi. Hellcat. Bốn mươi chiến đấu cơ Nhật đang bay quần trên đầu, đã đổi hướng để mặt đầu mặt với các chiến đấu cơ địch.

Tôi chỉ nhìn trận không chiến dữ dội được một vài phút, tai tôi bỗng nghe một âm thanh khác... những chiếc phi cơ đang chúi xuống. Tôi quay đầu và nhìn thấy một phi đội oanh tạc cơ Avenger, chia làm bốn loạt, lướt xuống phi đạo chính. Cuộc tấn công của phi đội này thật đúng lúc, bốn mươi chiến đấu cơ của chúng tôi đã bị nhóm Hellcat lôi vào trận đánh nhùng nhai lại hòn đảo hoàn toàn trống trải cho các oanh tạc cơ.

Khi tôi quay đầu chạy vô doanh trại, bom rớt nổ làm rung chuyển mặt đất dưới chân tôi. Tôi ngã chúi xuống, vùi mặt vô tro than của núi lửa. Tôi cố gắng trườn đi nhằm tránh xa những mảnh bom rít vang trong không khí. Tiếng nổ liên tục cả mấy phút. Các oanh tạc cơ lướt về phía nam.

Tôi đứng dậy, nhìn những cột khói và bụi bốc mọc lên trên sân bay. Một cuộc oanh tạc khác. Một phi đội Avenger thứ nhì lướt xuyên qua các cột khói dày đặc, chúi thẳng xuống sân bay. Các oanh tạc cơ hầu như ở ngay trên đầu tôi. Tôi quay mình và chạy bán sống bán chết, phi thân vô phía sau một hồ chứa nước mưa vĩ đại, nằm đằng sau doanh trại. Cùng lúc đó, tôi nhìn thấy những trái bom rớt ra từ bụng oanh tạc cơ... Tôi nhìn trừng trừng như bị thôi miên... những trái bom lớn dần, phồng lên như chớp, chúi xuống mặt đất. Miệng tôi đầy bụi.

Những tiếng nổ vang dội đập vô đôi tai tôi. Tôi mở mắt, chỉ thấy đất cát và khói bốc cao khỏi mặt đất. Tôi không bị một thương tích nào, ngoại trừ mấy chỗ xây xát lúc ngã chúi xuống. Thính giác tôi phục hồi dần dần. Tôi nghe tiếng rầm rầm của dây doanh trại đang sụp đổ, và vừa thét lên vừa vội vã thoát thân khi hồ chứa nước nghiêng qua một bên.

Trận không chiến vẫn còn tiếp tục. Tôi lắng nghe tiếng động cơ máy bay, tiếng đại bác, tiếng đại liên vang rền. Tôi chạy đến Bộ chỉ huy, nhưng khựng lại và vọt vô một hầm trú ẩn khi nhìn thấy đợt oanh tạc cơ thứ ba đang lướt xuống. Lần này đối phương nhắm hơi yếu. Bom rớt hết phía bên kia phi đạo. Tôi chạy đến Bộ chỉ huy, một căn lều vải, vẫn còn nguyên vẹn. Gặp Nakajima, tôi nói với ông rằng tôi muốn bay. “Tất cả phi cơ khả dụng đều rời khỏi mặt đất hết rồi, Sakai”, ông đáp một cách rầu rĩ.

Tôi chỉ một chiếc Zero đang đậu ở cuối phi đạo. “Máy nó hư rồi!”. Vị chỉ huy nói. “Nhưng bây giờ có lẽ sử dụng được. Bọn thợ máy đã sửa chữa mấy giờ trước đây.” Ông nhìn lên. “Được, cứ đi!”

Tôi vội vã chào và chạy ra khỏi lều vải. “Sakai!” Nakajima gọi, tôi quay lại. “Hãy thận trọng, Sakai. Bây giờ không phải như ở Lae... hãy thận trọng!”

Nhưng, khi tôi cất cánh, trận chiến đã kết thúc. Những chiếc Hellcat rời khỏi nhóm chiến đấu Zero để hộ tống các phi đội oanh tạc cơ trở về. Tôi không thể làm gì hơn là quay về phi trường Iwo với những chiếc Zero còn lại.

Tổng số chiến đấu cơ Nhật cất cánh nghênh chiến với chiến đấu cơ Hoa Kỳ đã bị bắn rơi một nửa. Hai mươi chiếc. Trong hai trận đánh, đối phương đã hạ tất cả 60 chiếc trong tổng số 80 chiếc chiến đấu cơ Zero của chúng tôi. Một con số không thể tin nổi.

Người Mỹ chưa chán chúng tôi. Một lần nữa, tất cả chiến đấu cơ còn lại trên đảo cất cánh. Kết quả tồi tệ hơn dự tính của chúng tôi. Chỉ còn 9 chiếc Zero trở về để đáp xuống Iwo.

Lần này cuộc tấn công của đối phương cũng lập lại y như lần trước. Các cơ sở tan nát, phi đạo đầy dấu bom. Chỉ còn lại 8 oanh tạc cơ được hầm trú ẩn bao che. Hầu hết oanh tạc cơ và chiến đấu cơ khác đang được sửa chữa hoặc giấu trong hầm trú ẩn đều bị hủy diệt.

Sau khi đáp xuống, chúng tôi bước nặng nhọc đến Bộ chỉ huy. Không ai còn nghị lực và tinh thần để bàn tán. Chúng tôi lê thân trên mặt đất, mệt mỏi và tuyệt vọng, đưa mắt nhìn binh sỹ chạy tới chụm lui trên phi đạo cố gắng lấp những lỗ bom, dập tắt lửa đang còn hoành hoành trên mái ngôi nhà gần đó.

Mấy phút sau, trung tá Nakajima chậm rãi bước vô Bộ chỉ huy. Chúng tôi đứng nghiêm. Nakajima khoát tay, biểu chúng tôi ngồi xuống. Ông có vẻ khích động, giọng nói nhỏ và do dự. Ông nói với chúng tôi rằng các sỹ quan tham mưu đã thảo luận suốt đêm, và tất cả đều đồng ý với phương cách chống lại người Mỹ mà chúng tôi sẽ phải thực hiện trong tương lai. Một nhóm sỹ quan nhấn mạnh rằng nếu chúng tôi cứ tiếp tục ngăn chặn các cuộc tấn công của đối phương, một vài ngày nữa chúng tôi sẽ không còn một chiếc máy bay nào. Do đó, chỉ còn một hành động duy nhất mà chúng tôi phải làm là dốc toàn lực đánh trả đối phương. Một trong những trinh sát cơ của chúng tôi đã phát hiện một lực lượng đặc nhiệm Hoa Kỳ cách phía Đông Nam của hòn đảo 450 dặm, và chúng tôi có thể tấn công lực lượng này.

Nhóm sỹ quan tham mưu thứ nhì đồng ý kế hoạch tấn công trên nguyên tắc. “Nhưng” họ lý luận, “chỉ với 9 chiến đấu cơ và 8 oanh tạc cơ một máy, chúng ta có thể nào chống lại lực lượng đặc nhiệm của đối phương hay không? Các hàng không mẫu hạm Hoa Kỳ có thể tung hàng nhiều trăm phi cơ nghênh chiến cùng một lúc!” Nên biết lực lượng mà chúng tôi tấn công là lực lượng đã quét sạch tất cả các phi cơ thuộc các hàng không mẫu hạm Nhật ở quần đảo Mariana vào ngày 20 tháng Sáu.

Cuộc thảo luận, Nakajima nói, cuối cùng đã đưa ra kết luận khi chỉ huy căn cứ Iwo, đại tá Kanzo Miura, chấp nhận kế hoạch đánh trả hạm đội Hoa Kỳ. Miura định ngày phát xuất của chúng tôi là trưa ngày 4 tháng bảy, đúng ngày lễ kỷ niệm Độc Lập của Hoa Kỳ.

Chúng tôi không bao giờ thực hiện được kế hoạch dự trù. Các phi công Hoa Kỳ đã hung hăng trở lại Iwo vào sáng ngày 4 và xé nát các cơ sở của hòn đảo thành manh múm. Chúng tôi không sao cất cánh nổi. Các phi đạo đều tê liệt. Sau cuộc không kích chúng tôi ngồi quanh Bộ chỉ huy, trong khi các sỹ quan tham mưu thảo luận bên trong. Đại tá Miura (sau này chúng tôi biết được vẫn không thay đổi kế hoạch). “Chúng ta đang kiệt quệ dần,” ông nói với Bộ tham mưu của ông, “sự kết thúc đã nhìn thấy rõ rệt nếu chúng ta cứ tiếp tục nằm trong thế thủ. Chúng ta sẽ làm gì ? Ngồi đây để nhìn chiếc phi cơ cuối cùng bị bắn rơi trong khi hạm đội của đối phương vẫn còn nguyên vẹn ? Không! Chúng ta sẽ tấn công, ngay hôm nay! Ngay khi các phi đạo được sửa chữa, tôi muốn tất cả các phi cơ rời khỏi mặt đất.”

Trung tá Nakajima đã kể lại chi tiết của buổi họp cho chúng tôi nghe. Ông kết luận: “Tôi ý thức nhiệm vụ mà chúng ta sắp thực hiện. Không có cách nào khác hơn: các bạn sẽ bay để chết. Nhưng,” tới đây ông do dự, “quyết định đã được đưa ra. Các bạn sẽ phải đi.”

Ông nhìn đôi mắt của mỗi người. “Và có lẽ may mắn vẫn theo một bên các bạn.”

Vị trung tá rút ra một tờ giấy trong túi áo và đọc tên những phi công được chọn để thực hiện phi vụ này, một phi vụ không có lượt về, hình như vậy. Không hề có một sự phấn khởi nào được nhìn thấy giữa nhóm phi công. Mỗi người nghe đọc tên đã đứng dậy và đưa tay chào. Tên tôi đứng hàng thứ chín trong danh sách. Tôi sẽ cầm đầu nhóm phi cơ thứ nhất, gồm 9 chiến đấu cơ Zero. Muto, phi công ưu tú của không đoàn, cầm đầu nhóm thứ hai. Nakajima chỉ định một vị đại úy cầm đầu cả phi đội.

Nakajima bước đến tôi, “hiển nhiên là không mấy vui vẻ”. Ông đặt tay lên vai tôi. “Tôi rất buồn phải để anh đi hôm nay, người bạn thân lâu năm của tôi.” Ông ấp úng nói. “Nhưng, tôi không thể nào làm khác hơn, Sakai... Tôi... chúc anh gặp may mắn.” Tôi lặng thinh. Tôi đưa tay ra. Chúng tôi nắm lấy tay nhau trong lặng yên, rồi Nakajima quay lưng và bước đi.

Chúng tôi giải tán, không ai nói tiếng nào. Các phi công được chọn thực hiện nhiệm vụ bỏ lại hết các vật dụng tùy thân. Tôi nhìn một vài thứ mà tôi mang theo đến Iwo. Những vật dụng để lại này sẽ được gửi về cho gia đình. Mآ tôi sẽ phản ứng ra sao khi người ta trao cho bà những thứ này và kể cho bà nghe câu chuyện đã xảy ra ?

Thời giờ trôi qua quá mau. Thật mỉa mai, tôi nghĩ, chỉ một đôi ngày trước đây, tôi giành giật mạng sống với 15 chiếc Hellcat.

Muto bước vô căn lều của tôi và hỏi tôi có ý kiến gì về nhiệm vụ này không. Tôi nhìn hẩn hồi lâu. “Muto, tôi... tôi không biết. Ý kiến gì ? Có ý kiến nào đâu. Khi chúng ta bay đến chiến hạm địch vào trưa nay, chiến đấu cơ địch sẽ bu lấy chúng ta. Tất cả những gì mà tôi có thể nói là ... chúng ta đã nhận lệnh. Chúng ta sẽ đi. Chỉ có thế thôi.”

Tôi cảm thấy buồn cho viên phi công trẻ tuổi này. Cá nhân tôi không còn lợi ích mấy cho xứ sở nữa. Những khó khăn mà tôi đã trải qua trong việc né tránh bọn phi công Mỹ thiếu kinh nghiệm, cho tôi sự xác tín rằng đời sống nửa đui nửa sáng của tôi có kéo dài cũng chỉ kéo dài một ngày một bữa. Nhưng Muto... hẩn là sự phối hợp của Nishizawa, Ota và Sasai. Một phi công tài ba sáng chói. Hẩn không thuộc lớp người của chúng tôi. Quảng hẩn vô một nhiệm vụ vô vọng như thế này quả là ngu xuẩn. Hẩn có thể làm hơn nữa trong việc bảo vệ xứ sở. Và hiện thời... hoang phí biết bao.

Dĩ nhiên Muto không biết tôi đang suy nghĩ gì. Hẩn cười sau lời nói của tôi. “Đúng lắm, Sakai. Tôi biết. Nếu Thượng Đế vui vẻ...” hẩn nhún vai. “Nói cách khác, xin Thượng Đế hãy để cho chúng ta ít ra là được chết chung với nhau, như những người bạn.”

Một giờ sau, tất cả các phi công được chọn lựa thực hiện nhiệm vụ tấn công xếp hàng ngay ngắn trước Bộ chỉ huy. Phía sau căn lều, là một cây cột cao có treo một lá cờ đuôi nheo màu trắng rộng lớn. Trên nền trắng của lá cờ có kẻ một hàng chữ cổ: “Namu Ha****an Daibosatsu”. Có nghĩa là: “Chúng tôi tin tưởng vào vị thần Chiến Tranh quảng đại.”. Đây là lá cờ phông theo hiệu kỳ của một chiến tướng Nhật ở thế kỷ 16, trong thời kỳ xảy ra hàng loạt nội chiến liên tục khiến cho nước Nhật rối loạn cùng cực.

Khi còn ở Lae, chúng tôi không bao giờ chống đỡ tinh thần bằng những “cây nạng” tâm lý như thế này. Đối với tôi, sự phô trương có vẻ kinh tởm này là dấu hiệu của sự yếu đuối, không có ý nghĩa gì khác hơn. Nó chứng tỏ đầu óc thoái hoá của các sỹ quan chúng tôi, những kẻ cố làm nổi bật họ lên bằng ánh lửa và sự dũng mãnh của những thời xa xưa, thời mà hầu hết các cuộc chiến đều được quyết định bởi tài ba và lòng dũng cảm cá nhân.

Nhưng đó chỉ là thời xa xưa. Tôi không phải là một sỹ quan tham mưu, tôi không tham dự vào bất kì việc soạn thảo kế hoạch mặt trận nào, tôi cũng không phải là một chiến lược gia tập sự, nhưng tôi biết chắc chắn những gì mà các sỹ quan của tôi đang làm không còn phù hợp nữa. Các sỹ quan của chúng tôi đang làm công việc của một loại phù thủy mới. Họ khua chiêng đánh trống để cổ vũ lòng yêu nước, để cổ thuyết phục không chỉ riêng thuộc cấp mà còn chính họ nữa. Điều này giống như chúng tôi bù đắp những thiệt hại khủng khiếp bằng cách phô trương và đe dọa: “bạn Mỹ khốn nạn”.

Tại sao những người này lại từ chối công nhận sự thật ? Làm cách nào để họ ý thức rằng loại chiến đấu cơ Zero của chúng tôi, mà từ lâu họ đỉnh ninh là tốt nhất thế giới, bấy giờ lỗi thời về mọi phương diện so với loại chiến đấu cơ Hellcat, cũng như nhiều loại phi cơ mới khác của đối phương mà tôi chưa thấy qua.

Tôi nhìn lá cờ. Nó hiện diện ở đó biết bao ngày rồi, nhưng hôm nay, lần đầu tiên, tôi mới thực sự nhìn thấy nó. Có thể nào chúng tôi đặt niềm tin của mình vào một vật tượng trưng sức mạnh siêu phàm này ? Nó giúp chúng tôi gạt hái chiến thắng ? Nó sẽ chặn đứng những tia đạn do mấy chiếc Hellcat bắn ra ?

Là một phi công chiến đấu, tôi nhận thấy tốt hơn hết là tin vào sức mạnh và sự khéo léo của chính mình để thoát khỏi cái chết chỉ xảy ra trong đường tơ kẽ tóc. Tôi chỉ có thể tin vào các phi công bên cánh của tôi, và nhận sự hỗ trợ của các đồng đội khác. Nếu tôi lâm trận bằng cách chỉ la lớn những câu cổ lỗ ấy, tôi đã chết mục xương từ lâu rồi.

Nhưng tất cả đã biến đổi ở hiện tại. Sự khéo léo, tài ba đã từng cứu tôi nhiều lần trở thành vô nghĩa... Không một người nào trong số 17 phi công đang đứng nghiêm trước Bộ chỉ huy có được một mảy may hy vọng nào nhìn thấy lại bạn bè.

Tôi yêu xứ sở của tôi tha thiết, và tôi sẽ không bao giờ ngần ngại một phút giây nào khi phải đổi mạng sống để bảo vệ quê hương. Nhưng giữa việc bảo vệ quê hương đến hơi thở cuối cùng và việc hoang phí mạng sống khác nhau xa lắm.

“Namu Ami Dabutsu!”, “Nam Mô A Di Đà Phật”. Đó là lời thì thầm của những người hấp hối để tìm sự khuây khoả và yên ổn tâm hồn khi sắp ra đi. Tôi tin vào nước Nhật, tôi không tin cái gọi là vị thần chiến tranh khoan dung, quảng đại. Tôi muốn chết cho xứ sở của tôi nhưng chỉ chết với niềm tin của mình, truyền thống Samurai, như là một con người, như là một chiến sỹ.

Sự suy tư đã xoa dịu nỗi tức giận trong lòng tôi. Và vào lúc đại tá Miura bước ra khỏi căn lều, tôi hoàn toàn thoải mái. Vị đại tá leo lên một cái bục xếp bằng những thùng đựng bia. Chầm chậm, ông nhìn khắp lượt, có vẻ buồn bã, như nhìn mặt chúng tôi lần cuối cùng. “Các bạn sẽ đánh trả đối phương,” ông cất tiếng, “Những trận đánh tự vệ chấm dứt từ đây trở về sau. Các bạn là những phi công chọn lọc của phi đoàn Yokosuka, những phi công danh tiếng

nhút của Nhật Bản. Tôi tin rằng hành động của các bạn hôm nay sẽ gây thêm tên tuổi và truyền thống vẻ vang của không đoàn.”

Ông lưỡng lự một lúc. “Để cho danh dự vốn sẵn có của các bạn trở nên bất diệt, các bạn phải chấp nhận nhiệm vụ mà sĩ quan chỉ huy của các bạn đã giao phó cho các bạn. Các bạn không thể, tôi lặp lại, các bạn không thể hy vọng tồn tại. Trong đầu óc của các bạn chỉ có hai tiếng “tấn công”. Hôm nay, các bạn sẽ đấu mặt với một lực lượng địch được bảo vệ, dĩ nhiên hàng nhiều trăm chiến đấu cơ .

“Do đó, tấn công cá nhân phải được quên đi. Các bạn không thể tấn công vô các mục tiêu từng người một. Các bạn phải luôn luôn kết hợp thành một nhóm duy nhất. Các bạn phải đánh mở đường xuyên qua những phi cơ nghinh chiến của địch quân và...” Đại tá Miura đứng thật thẳng. “Các bạn phải chú ý xuống các hàng không mẫu hạm của địch quân cùng một lúc. Chú ý xuống, cùng với thủy lôi, đời sống và linh hồn của các bạn.”

Tại tôi lúng búng. Ông ta đang nói gì ? Tôi có nghe đúng không ? “... một cuộc tấn công thông thường sẽ là vô ích. Ngay nếu các bạn thành công trong việc thoát khỏi màn lưới chiến đấu cơ của Hoa Kỳ, các bạn cũng sẽ bị bắn rơi trên đường trở về hòn đảo này. Cái chết của các bạn không lợi ích gì cho xứ sở. Đời sống của các bạn sẽ bị hoang phí đi. Chúng ta không thể cho phép việc này xảy ra.”

Tiếng nói của ông là chúng tôi chấn động. “Khi tiến đến mục tiêu, các phi công chiến đấu cơ sẽ né tránh đánh nhau với phi cơ địch. Không có phi công oanh tạc phóng thủy lôi của họ từ trên không xuống. Những gì xảy ra không cần biết, các bạn cứ giữ phi cơ của các bạn chung nhóm. Cánh sát cánh! Không một trở ngại nào có thể chặn đứng các bạn thi hành nhiệm vụ. Các bạn phải làm sao bổ nhào xuống cùng lúc, để gạt hái sự hữu hiệu. Tôi biết những gì mà tôi nói với các bạn không phải dễ làm, nếu không nói là khó thể làm được. Nhưng tôi tin các bạn có thể làm được, và các bạn sẽ phải làm. Đó là, mọi người trong các bạn, cùng chú ý xuống một hàng không mẫu hạm địch và đánh chìm nó.”

Ông ta nhìn chúng tôi một lát rồi nói mau. “Các bạn đã nhận lệnh xong.”

Tôi đứng như trời trồng! Trước đây, chúng tôi đã từng được giao phó những nhiệm vụ ít có cơ may sống sót để trở về. Nhưng ít ra tôi có cơ hội tranh đấu cho sự sống còn của mình! Rõ ràng, đây là lần đầu tiên, một phi công Nhật nhận được lệnh tạo ra một cuộc tấn công tự sát.

Trong hải quân của chúng tôi đã có một qui luật bất thành văn. Theo đó, viên phi công có thể bổ nhào xuống một chiến hạm địch một khi chiếc phi cơ của hắn què quặt trên biển cả bao la, không thể nào trở về căn cứ được. Không chỉ có phi công Nhật, nhưng phi công Hoa Kỳ, Anh, Đức... cũng làm như vậy... và sẽ luôn luôn làm như vậy bao lâu mà con người còn bay và còn chiến đấu. Nhưng chưa từng có một vị Chỉ Huy Trưởng không quân Nhật nào nói với các phi công của ông ta: “Hãy ra đi và chết!”.

(Bốn tháng sau đó, Phi Đội Tấn Công Đặc Biệt Thần Phong lừng danh được tổ chức bởi Phó Đô Đốc Onishi ở Philippine. Trước khi tung ra các phi cơ tự sát, Onishi đã hội ý với các phi công dưới quyền để nhận một sự đảm bảo hoàn toàn rằng họ sẽ hy sinh mạng sống để bảo vệ xứ sở. Các cuộc tấn công Kamikaze trước khi được tung ra phải trải qua nhiều sự sắp xếp phức tạp, nhút là những phi cơ thi hành nhiệm vụ này đều còn trong tình trạng khả dụng và chất đầy bom cũng như được các chiến đấu cơ hộ tống đến mục tiêu. Các phi công chiến đấu cơ hộ tống nhận chỉ thị đặc biệt quay về căn cứ để báo cáo những kết quả cuộc tấn công do chính mắt họ nhìn thấy. Ở Iwo, việc này hoàn toàn khác hẳn. Ngay cả những chiếc Zero không mang bom khi thi hành nhiệm vụ hầu như đã đến kỳ phế thải. Đại tá Miura, người ban tử lệnh cho chúng tôi, đã chết vì nhiệm vụ, trong khi Phó Đô Đốc Onishi cam tâm mổ bụng sau cuộc đầu hàng của Nhật Bản.)

Những lời nói của Miura đã gây sự xúc động dữ dội cho các phi công đứng tập hợp. Trường hợp những người hy sinh đời sống của họ với sự cân nhắc, thì lời nói, dáng vẻ, sự dũng cảm phi thường cũng như kinh nghiệm chiến đấu của đại tá Miura sẽ gây phấn khởi tinh thần cho họ. Nhưng hiện tại lại khác hẳn. Hiện tại, họ biết rằng họ sẽ ra đi không bao giờ trở lại, những người lên không trung lần cuối.

Tư tưởng tôi hỗn độn. Tôi không phần nộ mà cũng không tuyệt vọng. Tim tôi, trí óc tôi có thể nói là đã đông lạnh. Tôi nhớ lại câu: “Một Samurai đã sống một đời sống như vậy, hẳn phải luôn luôn chuẩn bị để chết.”

Tuy nhiên, giáo điều Samurai không bao giờ đòi hỏi một người chuẩn bị liên tục để tự hủy. Có sự khác biệt rất xa giữa sự tự hủy và việc bước vào cuộc chiến đấu với một ý chí chấp nhận tất cả mọi thách thức và gian nan.

Trường hợp sau này, cái chết được chấp nhận và, có thể, không hối tiếc. Con người sống với chiếc đầu ngẩng cao, hẳn có thể chết với dáng vẻ ấy. Hẳn không chôn vùi danh dự của chính mình cũng như xứ sở, và hẳn mãi nguyện khi trao cho xứ sở tất cả những gì tốt đẹp nhất mà hẳn có. Bất chấp dầu sôi lửa bỏng, bất chấp kẻ thù vượt trội, hẳn vẫn chiến đấu khi cần thiết, hẳn tấn công khi bị áp lực. Tất cả những điều này đã hình thành đời sống của một chiến sĩ.

Nhưng làm sao một người có thể giữ được trầm tĩnh và khách quan để ra đi tự hủy trong vòng một đôi giờ ?

Tuy nhiên, lệnh vừa ban ra nhắc nhở chúng tôi biết rằng chúng tôi vẫn còn ở trong hải quân, nơi mà lệnh vẫn là lệnh.

Một sự yên lặng trùm lấp khi đại tá Miura dứt lời. Chúng tôi đưa tay chào. Ông ta quay lưng, và các phi công tụ tập thành nhiều nhóm nhỏ.

Tôi nói với hai phi công bên cánh của tôi: “Các bạn đã thấu hiểu lệnh của đại tá ?” Họ gật đầu. “Tôi tin các bạn đã sẵn sàng chuẩn bị cho những gì mà chúng ta phải làm. Đây là những chỉ thị của tôi: phải sát cánh với phi cơ của tôi cho đến khi chúng ta đến mục tiêu. Không bao giờ được phá vỡ đội hình. Những gì xảy ra không cần biết, cứ đeo dính phi cơ của tôi.”

Muto và hai phi công bên cánh đến nhập bọn với chúng tôi. Muto nhe răng cười và nói đùa: “Này, còn một vài giờ nữa chúng ta đi chết, chúng ta phải nhìn mặt nha cái đã. Tôi muốn nhớ mấy khuôn mặt quen thuộc một cách chắc chắn.” Hẳn đã phá vỡ sự căng thẳng, chúng tôi cười và ngồi bẹp trên mặt đất. Muto không ngớt cười đùa. Tuy nhiên, một vài phút sau, tiếng cười và những lời nói đùa trở nên gượng gạo.

Nhiều phi công không có tên trong danh sách thi hành nhiệm vụ đến gặp chúng tôi. Họ mang cho chúng tôi thuốc hút, kẹo và nước ngọt. Dĩ nhiên, họ muốn làm cho chúng tôi vui vẻ, họ nói rằng họ rất tiếc đã không được chọn để ra đi với chúng tôi. Nhưng đôi mắt mở rộng và buồn bã ấy đã nói thêm những lời mà họ không thể nói được. Muto thôi đùa giỡn. Hẳn ngồi lặng lẽ, suy tư. Nổi căng thẳng vừa vỡ lại hiện ra.

Đã đến giờ cất cánh lần cuối cùng.

Ba phi công khác bước ra khỏi căn lều, và tất cả chúng tôi đi ra các chiến đấu cơ. Đứng bên cạnh phi cơ, tôi nhìn túi dù của mình. Thế rồi, khi một người quăng túi dù của hẳn xuống đất, chín phi công khác đều làm theo.

Phi cơ của tôi máy móc không được tốt vì đã bay chiến đấu ròn rã hai ngày, và năng lực thiết yếu đòi hỏi của các trận không chiến làm cho động cơ của nó gần cháy. Thông thường tôi không

bao giờ gượng gạo cất cánh với một chiếc phi cơ trong tình trạng này. Nhưng hiện thời ? Tôi lấ làm khó nghĩ. Tôi nhìn các chiến đấu cơ khác. Cơ khí viên đang sửa chữa ít nhất 4 trong số 8 chiếc phi cơ sắp sửa thực hiện nhiệm vụ. Không phải một mình tôi gặp khó khăn.

Nhưng ai lại đi đòi hỏi một chiếc phi cơ hoàn hảo trong nhiệm vụ này ? hãy nhớ, Sakai, đây là phi xuất một chiều. Anh chỉ cần nó lết được 450 dặm, không phải 900 dặm. Anh không trở về từ nhiệm vụ này đâu.

Tám oanh tạc cơ chạy ra phi đạo. Chiếc Zero đầu tiên nằm trong vị thế cất cánh. Tôi chạy chậm chậm theo sau, tiếp đó là hai phi công bên cánh của tôi.

Đọc theo hai bên phi đạo, các cơ khí viên và phi công khác đứng nghiêm chỉnh đầu trần, vẫy khăn khi chúng tôi lướt trên phi đạo và cất cánh. Chúng tôi bay dọc theo đội hình chữ V, và xoay hướng trực chỉ về phía hạm đội của địch quân.

Tôi quay đầu, Iwo là một chấm nhỏ ở chân trời, càng lúc càng nhỏ hơn, cho đến khi nó chỉ còn là một mũi kim trên mặt đại dương bao la.

Tôi nhìn lại một lần nữa, khó thể thấy Iwo ở đâu. Chân trời lờ mờ và gợn sóng trước mắt tôi. Tôi cảm thấy váng vất.

Khuôn mặt của má tôi thấp thoáng khắp nơi trên bầu trời. Một ảo ảnh, nhưng rõ rệt quá đỗi. Bà mỉm cười với tôi. Bà không biết rằng tôi sắp chết bằng cách tự giết mình. Tôi nhìn mặt má tôi trùng trùng. Ảo ảnh tan dần và biến mất.

Một nỗi cô đơn vây phủ lấy tôi. Tôi như tan biến hẳn trong biển cả vô tận. Khắp nơi chỉ là trời nước mênh mông.

Tôi nhìn những chiến đấu cơ bay phía trước tôi, các oanh tạc cơ bay phía trước nữa và thấp hơn một chút. Chúng hình như không chuyển động, đứng một chỗ giữa không gian, lung lay nhẹ, lên xuống rập rình trên một tấm đệm không khí căng phồng. Mọi thứ có thật không ?

Tôi lắc đầu để xua đuổi sự mù mịt trước mắt. Nhạc! Hãy lắng nghe! Tiếng dương cầm. “Khúc nhạc dưới trăng”... Hatsuyo một lần đã đàn cho tôi nghe. Hatsuyo! Khuôn mặt nàng hiện ra... một ảo ảnh ? Tiếng nhạc lúc đầu phảng phất, rồi dần dần lớn hơn, phá vỡ hai lỗ tai tôi.

Tôi chưa bao giờ nói với nàng. “Hatsuyo, anh yêu em”. Tôi hét lớn. Không ai hết. Chỉ một mình tôi. Tôi nghĩ về nàng... tôi xoay lại nhìn Iwo Jima. Tôi chỉ thấy biển cả vô tận.

Tiếng nhạc biến mất. Bầu trời trong sáng trở lại. Động cơ máy bay đập mạnh vào tai tôi. Mấy chiếc Zero giữ vững đội hình hoàn hảo, chuẩn xác, cùng nhau lướt về phía định mạng của máu và lửa.

Niềm cô đơn cũng tan hẳn. Anh quá bi ai, Sakai. Anh là một phi công. Một Samurai. Nhiệm vụ... hãy làm những gì mà anh phải làm!

Tôi cố gắng sắp xếp kế hoạch cho những phút giây cuối cùng trong không gian, phương pháp nào để chúi xuống một hàng không mẫu hạm hữu hiệu nhất. Chỗ nào yếu nhất trên chiếc tàu ? Ống khói! Chúi xuống ống khói. Ba chiến đấu cơ hè nhau đâm vô vỏ mỏng ở ngay mực nước ? Hy vọng trên sàn tàu có nhiều dây phi cơ, bình của chúng chứa đầy xăng, bên trong chứa đầy bom. Chúi xuống những chiếc phi cơ, bom sẽ nổ, xăng sẽ cháy, biến chiếc tàu thành một địa ngục với hàng ngàn người đắm trong máu, vang dậy tiếng la hét và ngập tràn sự kinh khiếp.

Đại dương trôi lướt phía dưới tôi. Chớp mắt, nhiều phút trôi qua và tôi nhìn thấy, xa về bên

phải, một cột khói lả theo chiều gió, trôi chậm chậm trên mặt nước. Đó là hòn đảo Pagan, nổi trên mặt biển khoảng 90 thước, với một nhóm núi lửa ngầm, toả hơi nghi ngút qua sức nóng lan rộng và luồn sâu dưới nước. Nó nhắc tôi, nhớ lại những hình ảnh trong kinh Phật mà tôi từng coi qua lúc còn nhỏ. Mĩa mai thay, mảnh đất cuối cùng mà tôi được nhìn thấy là một mảnh đất lờ mờ, sôi sục, bốc lửa và gớm ghê.

Bốn mươi phút sau, nhiều đám mây đen xuất hiện ở chân trời, phía trước chúng tôi, cách mặt nước hàng ngàn bộ. Những đám mây ấy đang trút cuồn phong và mưa lũ xuống mặt biển phía dưới. Tôi nhìn bản đồ. Lực lượng đặc nhiệm của địch quân, do trinh sát cơ chỉ điểm, nằm ở một nơi nào đó dưới cơn mưa bão dữ dội này.

Chúng tôi đã ở trong vòng bán kính tuần thám của phi cơ địch, và ra đa trên các chiến hạm chắc chắn đã phát hiện chúng tôi.

Tám oanh tạc cơ chúi mũi xuống, chiến đấu cơ chúng tôi theo sát phía sau. Ở 16.000 bộ, chúng tôi rớt vô một đám mây dày đặc, trở thành kẻ đui mù trong nhiều giây, rồi lướt xuyên qua và tiếp tục chúi xuống.

Ở cao độ 13.000 bộ, một vật gì nhá sáng trên bầu trời, xa về phía trước, và trên chúng tôi nhiều ngàn bộ. Hiện tượng này lập đi lập lại nhiều lần. Đó có thể là do cánh của một chiếc phi cơ phản chiếu ánh sáng mặt trời.

Tôi nhìn thấy chiến đấu cơ đầu tiên. Một chiếc Hellcat, với thân và đôi cánh rộng không thể làm lẫn được, lướt xuống, xuyên qua những đám mây. Một chiếc khác, và nhiều chiếc nữa. Bao nhiêu chiếc? Để coi! Vẫn lướt xuống xuyên qua những đám mây, chiếc này đến chiếc khác, một dọc dài các chiến đấu cơ hình như vô tận. Tôi bắn một loạt để báo cho các phi công khác. Phi đội trưởng và Muto lắc cánh đáp nhận. Ra đa của Hoa Kỳ đã chỉ điểm vị trí của chúng tôi một cách chính xác. Nhóm chiến đấu cơ địch chúi khỏi các đám mây cách phía trước chúng tôi không đầy một dặm, và cách phía trên chúng tôi chỉ nửa dặm.

Tôi bắt đầu đếm, và chỉ đếm con số mười bảy. Đối phương đã nhìn thấy chúng tôi! chiếc phi cơ thứ mười bảy, tức chiếc mà tôi có thể đếm, bất ngờ lặn tròn về phía trái và chúi xuống. Lập tức, những chiếc còn lại vung ra hai bên và lướt xuống chúng tôi.

Lời nói của Miura văng vẳng bên tai tôi: “Không chấp nhận chiến đấu... giữ vững các phi cơ bạn chung nhóm.”

Lời nói thật minh bạch. Nhưng làm sao đây? Hãy nhìn những chiến đấu cơ đang lướt đến. Bóng dáng của những chiếc Hellcat thấp thoáng khắp mọi nơi, nhiều chiếc đã lấy thăng bằng sau khi chúi xuống để từ phía dưới đánh ngược lên phi cơ của chúng tôi. Một nhóm hai mươi chiếc Hellcat thứ nhìn hung hăng vồ ba chiếc Zero của Muto. Còn nhóm khác nữa, hơn ba mươi chiếc, bổ nhào xuống rồi lấy thăng bằng và vượt lên nhanh chóng, tấn công các oanh tạc cơ đang bay phía dưới.

Tôi nín thở khi nhóm Hellcat chĩa mũi vô các oanh tạc cơ. Hai tiếng nổ làm mở cả không gian phát ra, chiếc oanh tạc cơ thứ nhứt và thứ nhì biến mất. Thủy lôi mang dưới bụng đã xé nát hai chiếc phi cơ làm muôn ngàn mảnh nhỏ li ti.

Bấy giờ những chiếc Hellcat đang nằm trong tầm hoả lực của ba chiếc Zero do Muto cầm đầu, nhưng cả ba đã tránh né bằng cách lộn nhào theo hình thắt nút dây. Tôi đấm tay vô cửa kiếng một cách bất lực. Muto đã có trong tay một tử điểm. Hắn có thể lặn về bên phải và đẩy hai chiến đấu cơ địch rời khỏi không trung mà không cần một cố gắng nào, nhưng hắn không làm.

Một nhóm Hellcat khác lướt đến ba chiếc Zero của tôi. Tôi kéo cần điều khiển lại phía sau, vọt

tới và xoay tròn ốc thật ngặt với hai phi công bên cánh đeo dím sau đuôi tôi. Chúng tôi lấy thẳng bằng để nhìn thấy nhiều chiếc Hellcat khác xông tới với các họng súng ở hai bên cánh rực lửa.

Tôi lăn tròn. Thật nhanh. Thêm nhiều chiến đấu cơ xông tới nữa. Lăn tròn nữa. Hai lần. Lăn tròn qua trái. Lấy thẳng bằng. Nhiều đối thủ lại xông tới, có tất cả bao nhiêu ?

“... Không chấp nhận chiến đấu...”

Bạn có thể y lệnh mãi được không ? Tôi không thể. Không, ngay bây giờ. Với bầu trời đầy đặc chiến đấu cơ địch, tôi tránh né như vậy đã đủ lắm rồi.

Tôi xoay như chớp, chĩa mũi vào một chiếc Hellcat đang chúi xuống. Những viên đạn của tôi đẩy bật nó ra lập tức. Chiếc phi cơ lão đảo dữ dội rồi chúi xuống biển, kéo theo một vệt khói càng lúc càng mau.

Không có thời giờ để nhìn theo nạn nhân, tôi nhấn bàn đạp bẻ lái, kéo cần điều khiển thật mạnh. Đúng lúc. Một chiếc Hellcat lướt vụt qua chiếc Zero của tôi, tiếp theo là những chiếc khác và nhiều chiếc khác nữa.

Tôi không có thời giờ để nhả bình xăng phụ dưới bụng. Thế rồi chiếc phi cơ địch cuối cùng lướt qua, chúi thẳng xuống biển, và bắt đầu lấy thẳng bằng để quày lại. Tôi nhả bình xăng phụ và đảo ngược. Các phi cơ bên cánh vẫn còn với tôi. Nhờ trời, họ ngoan ngoãn thi hành đúng các chỉ thị của tôi, bám sát một bên tôi, đưa tài xoay trở với tôi.

Mình mấy tôi ướt đầm. Tôi định đưa tay lau mặt. Không kịp. Cả 16 chiến đấu cơ địch lại lướt lên cùng một lúc nhảy xổ vào ba chiến đấu cơ của tôi.

Một lần nữa, tôi lại chúi, lộn, đảo và lăn. Cần điều khiển lên, xuống, giữa, phải, trái. Đá bàn đạp lái. Loé sáng, những lần đạn. Trật, và trật nữa. Bọn phi công Mỹ nhắm yếu.

Tôi liếc nhìn nhóm oanh tạc cơ. Đó là một lò sát sinh ? Uể oải, chậm chạp, với những trái thủy lôi trong bụng, trôi lơ dờ trong không khí, không được chiến đấu cơ bảo vệ vì mắc bẫy đánh trời chết với lũ Hellcat. Một trái cầu lửa biến mất trong một tia chớp hừng hực. Một oanh tạc cơ nữa nổ tung... Không đầy một phút, cả bảy oanh tạc cơ đều đi đời. Ngay cả một cái thân hoặc một cái cánh nguyên vẹn cũng không nhìn thấy.

Tình trạng của mấy chiếc Zero cũng không lấy gì làm tốt hơn. Tôi nhìn thấy hai chiếc bao trùm trong lửa đỏ, lăn lộn liên hồi. Không viên phi công nào cố nhảy ra khỏi phi cơ. Họ ở lại và chết cháy.

Tôi không nhìn thấy một chiếc Hellcat nào gặp rắc rối, ngoại trừ chiếc bị tôi bắn rơi. Chúng tôi hầu như không thể nào né tránh chiến đấu, bởi đối phương quá nhiều và cứ bu theo chúng tôi. Chiến đấu cơ Hellcat nhanh nhẹn hơn chiến đấu cơ của chúng tôi, tốc lực cũng mau hơn nhiều. Chỉ nhờ sự thiếu kinh nghiệm của bọn phi công địch đã cứu chúng tôi. Nếu họ có kinh nghiệm hơn chút nữa, mỗi chiếc Zero sẽ bị hạ không đầy một phút. Hiện thời chỉ nhóm của tôi còn hiện diện trên bầu trời. Những chiếc Hellcat đã quét sạch các phi cơ Nhật khác, bấy giờ bay đến kết hợp với 16 chiến đấu cơ đang tấn công nhóm của tôi.

Những chiếc cánh màu xanh và ngôi sao màu trắng chiếu lấp lánh với các họng súng đều rực lửa, ở trên và ở dưới, bên phải và bên trái chúng tôi. Đâu đâu cũng có bóng dáng Hellcat.

Những chiếc Hellcat này nhắc nhở tôi nhớ hồi ở Lae, lúc 12 chiến đấu cơ của chúng tôi cố hạ một oanh tạc cơ đơn độc. Chúng tôi đã xé nát đội hình để tấn công đối thủ một cách nôm nôm.

Hiện thời mấy chiếc Hellcat cũng làm giống như vậy. Chúng tôi trở nên hỗn loạn, cố tránh né hỏa lực và đụng chạm với đồng bọn hơn là với chúng tôi. Chúng tôi bay chính giữa một nhóm Hellcat đông đảo khủng khiếp, và mặc dù đối phương lâm vào tình cảnh hỗn loạn, chúng tôi cũng không thể nào tìm thấy lối thoát. Chúng tôi đã ở cách Iwo Jima 400 dặm, và vẫn còn cách các hàng không mẫu hạm của Hoa Kỳ đâu khoảng 50 dặm. Lực lượng này chúng tôi vẫn chưa nhìn thấy và không thể nào đảo mắt tìm kiếm. Cho dù chúng tôi có nhìn thấy đi nữa, làm sao chúng tôi lướt qua khỏi 60 chiếc Hellcat, chiếc nào cũng bay mau hơn chúng tôi?

Một cơ may nhỏ đã đến với chúng tôi. Cuộc không chiến di động về phía một đám mây dày đặc treo lơ lửng trên mặt biển.

Một chiếc Hellcat bỗng tách khỏi vòng vây, bỏ lại một khoảng trống. Tôi lặn tròn và đẩy cần điều khiển về phía trước, chú ý hết tốc lực vô đám mây. Tôi liếc lại phía sau. Hai phi cơ bên cánh vẫn đeo dính tôi. Trong nhiều phút, tôi không nhìn thấy gì hết. Thế rồi phi cơ chúng tôi lướt ra khỏi đám mây. Tôi nhìn hai chiếc Zero, xa phía dưới phi cơ của tôi, đang xoay tít dữ dội, nhưng trong một vài giây, chúng tôi lấy lại thăng bằng, và vượt lên.

Bầu trời không còn bóng dáng một chiếc Hellcat nào. Chúng tôi bay trong đội hình chữ V và xoay trở về hướng nam. Chúng tôi thở phào thoát nạn, nhưng tương lai đen tối đang chờ đợi.

Những đám mây dày đặc hơn khi chúng tôi tiến gần đến hạm đội địch. Mây trở nên dày đặc hơn nữa, bay là là cách mặt biển không đầy 700 bộ.

Một cơn mưa mù mịt đổ xuống, mạnh đến nỗi nhiều lần ba chiếc Zero lâm hiểm. Mưa quật vô cánh phi cơ như một dòng thác. Chúng tôi vẫn phải lướt tới. Mây càng lúc càng sà thấp xuống mặt biển. Chúng tôi chú ý xuống dần chỉ còn cách mặt nước 60 bộ, quét cánh trên đầu những cơn sóng dâng cao.

Bão nổi lên dữ dội hơn. Tiếng gió át cả tiếng động cơ máy bay. Mưa quật mạnh khủng khiếp trên cánh và trên thân.

Chúng tôi không thể bay thấp hơn. Hiện thời chúng tôi trở nên mù hắc. Tôi chỉ nhìn thấy mây mưa bao quanh. Không nhìn thấy mặt nước, nhưng chúng tôi biết rằng chỉ cần bước thêm bước nữa, tất cả chúng tôi sẽ biến mất trong biển cả. Ba mươi phút trôi qua. Bão vẫn không giảm. Theo bản đồ, tôi phỏng định phi cơ đang hướng thẳng đến lực lượng đặc nhiệm của đối phương. Ngay cả một hạm đội đồ sộ như vậy mà chúng tôi cũng không thể nào tìm thấy.

Bầu trời càng lúc càng u tối. Đã bảy giờ chiều có hơn. Tôi lo lắng. Cho dù chúng tôi lướt khỏi giông bão, trời đang tối nhanh chóng sẽ khiến chúng tôi không thể nhìn thấy hạm đội địch...

Tôi liếc nhìn hai chiến đấu cơ bám sát một bên đuôi. Hai phi công trẻ này sẽ ra sao? Họ ngoan ngoãn theo tôi, sẵn sàng chấp nhận bất cứ những gì mà tôi đã chọn. Nếu tôi chú ý xuống biển, họ cũng sẽ chú ý theo tôi.

Làm gì đây? Tôi soát lại la bàn và đảo một vòng thật rộng. Hai chiến đấu cơ vẫn theo sát phía sau tôi. Tôi không định chắc được vị trí của mình, bởi lẽ chúng tôi đã quần thảo với địch quân, chú ý vô mây, và sau đó bay thẳng xuyên qua mưa bão. Tôi có thể ở bất cứ một nơi nào đó trên mặt biển...

ngay cả một vòng 180 độ vừa rồi có thể đưa chúng tôi về hướng nam thay vì về Iwo Jima như dự định. Nhưng tôi phải trở về, tôi phải cố gắng!

Lời nói cương quyết của đại tá Miura lại vang đến bên tai tôi "... cả nhóm phải chú ý xuống các hàng không mẫu hạm địch!"

Tôi hầu như muốn quay phi cơ trở lại để tìm kiếm chiến hạm địch. Tôi vẫn là một sỹ quan hải

quân Hoàng Gia, nơi mà mệnh lệnh vẫn là cái gì tuyệt đối. Chưa từng nghe nói đến có người đặt câu hỏi, đúng hoặc sai, trước những mệnh lệnh được ban ra. Cho dù tôi trở về Iwo Jima được, làm sao tôi có thể đối diện với vị chỉ huy trưởng vừa giao nhiệm vụ cho tôi ?

Tất cả là một sự dằn co cùng cực trong tôi. Cho đến nhiều năm sau này tôi mới hiểu hành động của mình là một hành động có ý thức. Nhưng ngay lúc đó, qua nhiều năm chịu đựng thứ kỷ luật cứng rắn và tàn nhẫn, sự dằn co của tôi không thể nào tả xiết. Qua những giây phút khủng khiếp trong phòng lái của chiếc Zero này, tôi đã chiến đấu và đã thành công trong việc phá vỡ hệ thống chỉ huy và truyền thống của hải quân.

Cho dù cả ba chúng tôi tìm thấy chiến hạm, cho dù chúng tôi vượt khỏi chiến đấu cơ Hoa Kỳ, cho dù chúng tôi chú xuống chính xác, chúng tôi sẽ đạt được kết quả gì với ba chiếc phi cơ nhỏ nhoi, không mang bom, chỉ có một số đạn đại bác và đại liên ? Hai phi công trẻ tuổi bay theo tôi đã giao phó tính mạng của họ trong tay tôi, họ đã chứng tỏ tài ba tránh né phi thường của họ trong cuộc đụng độ vừa qua. Họ đã không lùi bước khi bay xuyên qua một cơn mưa bão. Mạng sống của họ phải dành một nơi tốt hơn là đâm đầu xuống biển. Họ thuộc về xứ sở, họ phải có dịp may để bay và chiến đấu cơ trở lại. Do đó mà quyết định của tôi đã được tạo ra.

Tôi quay về Iwo Jima. Đại dương đã biến mất trong màn đêm. Tôi tuyệt đối không nhìn thấy một vật gì phía dưới. Tôi chỉ nhìn thấy những vì sao chiếu lấp lánh trên bầu trời. Gần một giờ trôi qua, chúng tôi vẫn lướt tới. Giây phút của định mạng. Nếu tôi bay đúng hướng, bấy giờ Iwo Jima sẽ ở phía dưới tôi. Nếu không... tôi chưa bao giờ cảm thấy nỗi lạnh lẽo nào như nỗi lạnh lẽo của đại dương ôm choàng lấy khi chiếc Zero đâm đầu xuống.

Nhiều phút nữa trôi qua. Tôi hướng mắt về phía chân trời, hy vọng nhìn thấy một vật gì, một chấm màn đêm nổi bật lên bầu trời đầy sao. Vật gì đó đã thấy kia rồi. Nó đen và to lớn khác thường. Iwo Jima! Chúng tôi đã trở về!

Tôi chú mũi xuống, Shiga và Shirai tiếp theo sau. Iwo bao trùm trong bóng tối khi chúng tôi đảo phía trên. Thế rồi bốn ánh sáng leo lét xuất hiện. Nhưng đó là những ngọn lửa huyền diệu, kì bí đối với tôi. Những ngọn đèn hiệu dọc theo hai phi đạo chánh. Chúng chớp tắt, báo hiệu cho phi cơ đáp xuống. Những người trên đảo đã nhận ra tiếng động cơ của chúng tôi. Một cảm giác nhẹ nhóm tràn ngập trong tôi. Tôi hầu như mềm lả, sự căng thẳng trong suốt ba giờ bay trở về đã bắt thần chùng lại.

Bốn ngọn đèn không soi rõ phi đạo. Thường thường chúng tôi xử dụng 20 ngọn, nhưng 16 ngọn đã bị bom phá hủy. Bốn ngọn hay bốn mươi ngọn đèn, đối với tôi cũng vậy thôi. Sau những gì mà chúng tôi đã bỏ lại sau lưng, tôi cảm thấy có thể đáp xuống trong bóng tối. Thế rồi tôi đáp xuống, lướt trên sân bay với hai chiến đấu cơ liên tiếp theo sau. Đèn tắt.

Một đám đông phi công và cơ khí viên chạy ra phi cơ của chúng tôi. Khi họ tới, tôi nhìn họ một thoáng. Tôi cảm thấy không được tự nhiên khi đối diện với họ. Tôi nhảy xuống đất và bước đến Bộ Chỉ Huy. Đám đông không ai cố giữ tôi lại. Mọi người đều biết cảm nghĩ của tôi, họ tránh sang một bên khi tôi bước ngang qua phi trường với hai phi công bên cánh theo sau.

Trong bóng tối, tôi đụng phải một người. Tôi thụt lùi. “Ai đó?” Tôi hỏi lớn. Không có tiếng trả lời. Tôi bước lại người tôi vừa đụng, hấn ngời bệt trên mặt đất. Tôi có thể nhận ra bộ đồng phục phi công. Tôi cúi xuống nhìn mặt hắn. “Muto!”

Viên phi công ngời cú rủ, đầu gục trên đôi tay.

“Muto, anh bị thương hả ?”

Muto ngược nhìn tôi. “Không,” hắn thần thờ đáp. “Tôi không bị thương.”

Hắn đứng dậy và nhìn Shiga và Shirai một cách lạ lùng. “Anh... anh cũng mang về cả hai phi công bên cánh của anh!” Hắn thở hổn hển.

Hắn nhìn xuống đất, bật khóc. “Sakai... bạn hãy chửi rửa vào mặt tôi đi. Hãy phỉ nhổ tôi đi!”

Nước mắt hắn đầm đìa trên mặt hắn. “Tôi bắt buộc phải quay về,” hắn hét lên trong sự đau lòng. “Một mình!”

Tôi nắm vai hắn. “Tôi biết cảm nghĩ của anh, Muto. Nhưng bây giờ không thể làm gì hơn nữa. Quá muộn. Tất cả đã trôi qua. Đó là quá khứ.”

Tôi lay vai hắn nhẹ nhàng, và chỉ Bộ chỉ huy: “Muto, chúng ta cùng vô trong đó.”

Hắn gật đầu. Chúng tôi không nhìn nhau. Và rồi có một gì chận lấy tim tôi. Cơ thịnh nộ trước những gì xảy ra trong cái ngày khủng khiếp này đã nguội lạnh trong tôi bỗng nhiên nổi dậy. Tôi nghĩ những giọt nước mắt của viên phi công trẻ tuổi đầy hứa hẹn này là những giọt nước mắt lo sợ. Lo sợ sẽ là một tên hèn nhát trước một nhiệm vụ ngu xuẩn.

Tôi thề rằng, bất kể vấn đề gì xảy ra, nếu một tên sỹ quan nào trút giận lên mình viên phi công trẻ này, tôi sẽ hạ gục hắn. Tôi sẽ nhồi hắn thành bột.

Đại tá Miura ngồi trơ sau bàn làm việc. Ông lắng nghe chăm chú khi tôi trình bày những gì xảy ra.

Ông nhìn tôi chăm chú rồi bình thản nói: “Cảm ơn anh, Sakai!”. Chỉ mấy tiếng vậy thôi.

Tới phiên Muto trình bày. Dĩ nhiên, những gì hắn trình bày đều xác nhận những lời tôi vừa nói, cũng chỉ có bốn tiếng. “Cảm ơn anh, Muto!”

Chúng tôi chào cáo từ. Đại tá Miura vẫn ngồi bất động, gương mặt u tối, đôi mắt bi thiết.

Tôi cảm thấy buồn cho ông ta, người đã ra lệnh cho thuộc cấp thi hành một nhiệm vụ thất bại trước khi bắt đầu. Nhưng phải ra lệnh, bởi vì ông ta không còn cách nào khác để chọn, bởi vì đó là cách tốt nhất cho xứ sở của ông.

Khi chúng tôi bước ra khỏi bộ chỉ huy, một người chạy theo chúng tôi. Đó là trung tá Nakajima. Ông đưa tay nắm lấy vai tôi, khuôn mặt rạng rỡ. “Sakai!” ông kêu lên. “Tôi hết mong anh trở về!”

Tôi muốn nói, nhưng Nakajima chận lời:

“Anh không cần biện hộ. Tôi đã biết anh quá nhiều, ông bạn của tôi? Ai ở trên hòn đảo này cũng biết những gì đã xảy ra hôm nay, do đó, việc duy nhất của anh là trở về. Đừng nhân nhượng! chúng ta sẽ còn nhiều cơ hội, chúng ta vẫn còn có thể đánh nữa mà! Anh về được đây là hay lắm rồi!”

Những lời của Nakajima làm tan băng giá trong tim tôi. Tôi không còn cô độc. Nhưng những lời tử tế của ông cũng không thể nào đẩy lui hoàn toàn cơn phẫn nộ trong lòng tôi.

Các phi công khác chạy đến với chúng tôi, tay mang lều mền thuốc hút, kẹo bánh và những thức ăn khác. Chúng tôi chỉ nói cảm ơn và từ chối. Tôi không sao nuốt nổi một miếng nào vô họng.

Một giờ sau, một liên lạc viên chạy vô phòng tôi: “Một công điện vừa nhận được từ phía Nam

Iwo,” hắn la lớn. “Một trong những oanh tạc cơ vừa đáp xuống đó. Phi hành đoàn an toàn!”

Viên phi công tuông hết thủy lôi và quay phi cơ chạy về. Hắn biết rằng dẫu hắn có cố gắng một ngàn năm đi nữa hắn cũng không thể nào chui lọt bức tường lửa do những chiếc Hellcat tạo ra.

Tin tức hầu như xoá hết sự căng thẳng. Nó cho thấy rằng không phải chỉ có tôi và Muto đã chặt đứt “sợi dây xích rắn chắc” của truyền thống và mệnh lệnh.

Chương XX

Lực lượng đặc nhiệm của Hoa Kỳ không cho chúng tôi nghiền ngẫm vận xấu của mình. Từ nhiệm vụ không may trở về vào ngày hôm trước, ngay hôm sau chúng tôi được 16 chiến hạm địch tiến sát vô hòn đảo nổi đại pháo chào mừng.

Tách khỏi thành phần chính của hạm đội, tám tuần dương hạm và tám khu trục hạm nhàn nhã hướng đến hòn đảo. Sau một vài quả đạn thăm dò, mười sáu chiến hạm di chuyển vào tầm trực xạ.

Suốt hai ngày, chúng tôi sống chui rút như chuột, cố vùi mình xuống bụi cát của núi lửa Iwo Jima càng sâu càng tốt. Suốt 48 tiếng đồng hồ, mười sáu chiến hạm chậm rãi chạy lui chạy tới, hai bên hông tím thẫm ánh lửa loà sáng, tuôn ra những khối sắt thép gào, làm rung chuyển từ đầu đến cuối hòn đảo.

Chưa bao giờ tôi cảm thấy mình bất lực và nhỏ nhoi như tôi đã cảm thấy trong hai ngày này. Chúng tôi bó tay, không biết cách nào để chống trả.

Mọi thứ trên hòn đảo đều bị xé nát thành manh múm. Không một ngôi nhà nào còn đứng vững. Không một căn lều nào thoát khỏi. Cả bốn chiến đấu cơ trở về từ phi xuất cuối cùng cũng bị đạn đại bác nghiền nát.

Nhiều trăm binh sỹ bộ binh và hải quân thiệt mạng. Con số bị thương gấp đôi. Iwo nằm bất tỉnh. Mọi người đều ù tai nhức óc dưới hàng nghìn quả đạn đại pháo rớt không ngưng nghỉ lên hòn đảo nhỏ bé.

Binh sỹ thuộc tiểu đoàn phòng thủ trở nên đần độn, ngù ngờ bởi cuộc pháo kích khủng khiếp mà họ đã chịu đựng. Đầu óc họ rối loạn, họ ăn nói không đầu vô đầu.

Nhưng nhóm phi công nhỏ nhoi còn tồn tại đã gây sự sốt không kém gì trận mưa pháo. Nhỏ nhoi, nhưng nhóm phi công không có phi cơ chúng tôi quyết tâm bảo vệ hòn đảo, chống lại cuộc đổ bộ mà mọi người đều tin tưởng sẽ xảy ra không chóng thì chày. Chúng tôi tổ chức thành "Đại đội Thủy quân Iwo Jima" thề nguyện đấu lưng với những binh sỹ bộ binh còn sống sót chiến đấu cho đến người cuối cùng. Chúng tôi nhận vũ khí và đạn dược. Chắc chắn chúng tôi sẽ bị tiêu diệt cấp kỳ. Nếu người Mỹ chiếm Saipan (việc này hình như đã xảy ra rồi), nếu họ nắm ưu thế tuyệt đối trên không, nếu các tàu chiến của họ khinh thường hạm đội của chúng tôi, chạy qua chạy lại sát Iwo Jima một cách ngạo mạn, thử hỏi họ không thể nào nuốt trôi hệ thống phòng thủ le que của chúng tôi hay không?

Truyền tin Iwo Jima kêu gọi Yokosuka gửi viện binh liên hồi. Chúng tôi xin thêm chiến đấu cơ. Chúng tôi xin bất cứ thứ gì mà chúng tôi có thể bay được! Yokosuka không có gì cả. Ba mươi chiến đấu cơ Zero theo chúng tôi đến Iwo Jima là những chiến đấu cơ khả dụng cuối cùng. Không có hơn nữa! Rối loạn đang ngự trị tại Bộ Tư Lệnh Tối Cao ở Đông Kinh.

Tiếng la hân hoan, tiếng thét vui mừng đánh thức chúng tôi vào một buổi sáng, không lâu sau cuộc oanh kích tàn khốc. Hải quân không quên chúng tôi. Nhiều quân vận hạm xuất hiện ở chân trời, hướng về hòn đảo. Chúng tôi chạy xuống bờ biển vừa cười vừa la vừa nhìn các quân vận hạm phụt lên những tia lửa và nước, chìm ngay trước mắt chúng tôi. Tiềm thủy đỉnh Mỹ đã tiên đoán một cuộc di chuyển như vậy và chờ đợi để ra tay.

Thảm họa cuối cùng này là thảm họa quyết định. Nó trở thành hiển nhiên rằng chúng tôi đang hoi hóp, rằng trong vòng một hoặc hai giờ sau cuộc đổ bộ, người Mỹ sẽ kiểm soát Iwo. Chúng

tôi cảm thấy chỉ còn sống sót một đôi ngày.

Người Mỹ không đến. Hết giờ này sang giờ khác, các quan sát viên trên những vọng canh từ đầu đảo đến cuối đảo chăm chăm nhìn ra biển, tìm kiếm hạm đội đổ bộ. Hết lần này đến lần khác, một quan sát viên vì quá căng thẳng tưởng như nhìn thấy một vật gì đó trên mặt biển nên vội vã báo động. Chuông, tù và, trống hay bất cứ thứ gì có thể gây ra tiếng động, đã phá tan sự yên tĩnh của hòn đảo với một âm thanh khiếp hãi. Chúng tôi lăn khỏi giường, mặt mày đanh lại, ghìm võ khí, sẵn sàng chiến đấu. Nhưng không có gì xảy ra.

Dĩ nhiên, chúng tôi không biết người Mỹ đã quay hướng sang Philippine, và cho mãi đến tám tháng sau họ mới quay lại Iwo Jima. Trong suốt tám tháng này, đại tướng Tadamachi Kuribayashi đã đặt chân lên hòn đảo, mang theo 17.500 binh sĩ bộ binh và gần 6.000 binh sĩ hải quân. Ông biến Iwo Jima thành một pháo đài kiên cố, với những công sự nổi và hệ thống phòng thủ ngầm mạnh mẽ. Ông đổ binh sĩ cho đến khi hòn đảo không còn chỗ để chứa.

(Sau này, nhiều nhân vật lãnh đạo quân sự Nhật Bản cho rằng cuộc chiến sẽ kết thúc sớm hơn nếu người Mỹ tấn công Iwo Jima vào tháng bảy năm 1944, thay vì chần chừ cho đến tám tháng sau. Theo những nhân vật này, cuộc đổ bộ ở Philippine là một cuộc đổ bộ vĩ đại và đắt giá, rất thành công đối với người Mỹ, nhưng lại là một mặt trận vô nghĩa, gây trì trệ sự chiến bại đã nhìn thấy trước mắt của Nhật Bản.)

Cuối cùng, cuộc đổ bộ được phỏng đoán từ lâu đã đến vào ngày 19 tháng hai năm 1945, qui tụ một sức mạnh quân sự vĩ đại. Theo hải quân Hoa Kỳ, lực lượng của cuộc đổ bộ gồm 495 chiến hạm, trong đó có 17 hàng không mẫu hạm. Tin tức chính thức của chính phủ Hoa Kỳ cho biết thêm về con số phi cơ không thể tưởng tượng đã yểm trợ cho cuộc đổ quân lên Iwo Jima: 1170 chiến đấu cơ và oanh tạc cơ.

(Tổng số 75.144 binh sĩ chiến đấu Hoa Kỳ đã tham dự vào mặt trận gay go nhất của toàn thể cuộc chiến này. Khi các trận đánh trên hòn đảo chấm dứt, 5.324 binh sĩ Hoa Kỳ thiệt mạng và 16.000 bị thương. Cho mãi đến ngày 16 tháng ba, Hoa Kỳ mới công bố đã kiểm soát được hòn đảo hoàn toàn, khi tên quân phòng thủ cuối cùng của Nhật Bản bị giết.)

Sau nhiều lần báo động đổ bộ hụt, một công điện từ Yokosuka đã gây kinh ngạc cho chúng tôi. Bộ Tư Lệnh Yokosuka thông báo cho chúng tôi biết tất cả sĩ quan tham mưu và phi công được rút về Nhật bằng phi cơ đưa tin. Những phi cơ này đang trên đường đến Iwo Jima.

Việc bất ngờ này đã gây hưng phấn cho bọn phi công chúng tôi. Chúng tôi đã chuẩn bị chiến đấu đến hơi thở cuối cùng trên mặt đất... và bây giờ mạng sống của chúng tôi được phục hồi. Chúng tôi buông súng và chạy ủa ra phi trường chính tiếp tay với các cơ khí viên và bộ binh để lấp hàng nhiều trăm lỗ thủng do đạn đại pháo địch gây ra.

Chúng tôi không bao giờ hy vọng một phép lạ xảy ra do đó không ai nghĩ đến việc sửa chữa phi đạo sau cuộc pháo kích ngày 4 tháng bảy. Tôi nằm trong số những phi công biến thành cu li, làm việc sốt sắng và hăng say. Dĩ nhiên, không phải tất cả mọi người đều vui vẻ. Còn những người phải ở lại. Chẳng hạn như các nhân viên bảo trì cũng như đơn vị bộ binh phòng ngự. Những người này, không ai thốt một lời phản kháng quyết định bỏ họ ở lại, nhưng có thể nhìn thấy sự đố kỵ và phẫn uất trên nét mặt của họ.

Quá trưa ngày hôm đó, những chiếc phi cơ đưa tin đầu tiên đáp xuống. Đó là những oanh tạc cơ phế thải, lần lượt sà sát mặt nước để tránh ra đa trên các chiến hạm địch quanh quần trong khu vực, khám phá. Thật may cho chúng tôi, trong suốt thời gian phi cơ đáp xuống và cất cánh, không có một chiến đấu cơ nào của Hoa Kỳ xuất hiện. Có tất cả 7 oanh tạc cơ hai máy đến chở những người được chọn để trở về Nhật.

Ngày cả hệ thống quân giai chặt chẽ đã từng áp dụng cũng trở thành vô hiệu trong tình cảnh tuyệt vọng của chúng tôi ở đây. Mỗi người được di tản lần lượt lên phi cơ theo thứ tự xếp hàng.

Nhóm của tôi gồm 11 hạ sĩ quan và binh sĩ phải ở lại vì không đủ chỗ. Chúng tôi nhìn đăm đăm theo chiếc phi cơ cuối cùng lướt trên không trung trực chỉ về Nhật.

Ngày hôm sau, một phi cơ duy nhất quay lại hòn đảo để đón chúng tôi. Tôi mất tin tưởng khi nhìn thấy chiếc phi cơ lão đảo trên phi đạo. Không chỉ là một chiếc phi cơ phế thải, nhưng còn tồi tệ đến nỗi khó thể tưởng nó có thể bay được. Với 11 người chúng tôi chất lên, chiếc phi cơ xiên xẹo chạy ra phi đạo. Nó không thể nào đạt đủ tốc lực để cất cánh, và một động cơ bốc khói từng cuộn. Viên phi công phải quay lại, và các cơ khí viên bắt tay sửa chữa ròn rã hai tiếng đồng hồ. Hai giờ bằng hai tuần đối với chúng tôi. Chúng tôi cứ dõi mắt lên trời, lo ngại chiến đấu cơ Hellcat xuất hiện rớt đạn vô chiếc oanh tạc cơ già nua. Chỉ cần một chiếc Hellcat cũng đủ chôn chân chúng tôi trên hòn đảo.

Cuối cùng công việc sửa chữa hoàn tất. Khi chúng tôi bước lên phi cơ, nhân viên dưới mặt đất nhìn theo với đầy tuyệt vọng cho đến nỗi tôi phải quay lại nói với họ: “Chúng tôi sẽ sớm trở lại. Và sẽ trở lại sớm, với những chiến đấu cơ mới!”

Không ai trong số những người ở lại dám mơ tưởng rằng Iwo Jima sẽ được địch quân bỏ quên gần tám tháng ròn rã.

Khi chúng tôi bay được mười phút, chiếc phi cơ lắc lư mạnh mẽ. Tôi nhìn ra cửa sổ. Động cơ bên phải của chiếc phi cơ càng lúc càng lung lay dữ dội. Đóng sắt vụn này làm sao nuốt trôi 650 dặm để đưa chúng tôi về Nhật ?

Phi công phụ, một thanh niên khoảng hai mươi tuổi, bước vô phòng lái, “ Chuẩn úy Sakai ? Thưa chuẩn úy, chuẩn úy có thể bước vô phòng lái để giúp chúng tôi không ?” Mặt hấn tái xanh và run còn hơn chiếc phi cơ.

Đoán biết hấn muốn gì, tôi đáp trước khi hấn dứt lời. “Quàzy lại! Với động cơ như vậy chúng ta không thể về tới Nhật đâu. Các anh phải quay phi cơ lại để sửa chữa nữa.”

Phi hành đoàn vâng lời lập tức. Trở lại Iwo, lui cui sửa chữa, và phi cơ lại cất cánh. Một giờ sau, chúng tôi chui vô một trận mưa bão cuồng nộ. Mưa đập liên hồi và mạnh mẽ trên thân chiếc phi cơ. Phi cơ dột nát, nước chảy xuống giống như một cái rây. Viên phi công phụ lại quay ra và yêu cầu tôi bước vô phòng lái.

Viên phi công trưởng khoảng hai mươi hai tuổi, hỏi tôi:

“Thưa chuẩn úy, chúng ta nên bay phía trên hay phía dưới lớp mây ?”

“ Phía dưới!” Tôi ra lệnh.

Mưa bão vẫn tiếp tục, mù mịt đến nỗi nhiều lần mắt chúng tôi như bị bịt kín. Cơn bão này dữ dội hơn cơn bão mà tôi đã gặp mấy ngày trước đây, lúc tôi còn cố tìm kiếm lực lượng đặc nhiệm Hoa Kỳ ở gần Saipan. Chiếc oanh tạc cơ trời lên hụp xuống, và rơi thấp dần cho đến khi bay hớt trên đầu ngọn sóng. Trong cơn tuyệt vọng, hấn quay khuôn mặt xanh xám sang tôi và hỏi một câu thật bi ai. “Bây giờ, chúng ta ở đâu, thưa chuẩn úy.”

Đó là một câu hỏi đần độn nhất mà tôi được nghe từ miệng một viên phi công. Tôi sửng sốt mất một vài giây, không thốt nên lời. “Xuống đi! Tôi lái cho!”. Tôi hét. Hấn không phí thời giờ, rời khỏi ghế ngồi trao tay lái cho tôi.

Gần chín mươi phút tôi bay như kẻ đui mù, cố đưa chiếc phi cơ què quặt ra khỏi cơn mưa bão. Cuối cùng, bán đảo quen thuộc phía nam vịnh Đông Kinh hiện ra trong tầm mắt.

Tiếng kêu mừng rỡ của phi hành đoàn và hành khách làm rung chuyển chiếc oanh tạc cơ.

Chúng tôi đáp xuống căn cứ oanh tạc cơ Kisarazu, nằm phía bên kia vịnh, đối diện Yokosuka. Tôi đảo mắt quanh phi trường rộng lớn. Nhật Bản! Tôi lại đặt chân lên quê hương! Đã bao lần tôi tưởng không bao giờ nhìn thấy lại xứ sở. Chỉ một đôi giờ bay mà giữa đây và Iwo Jima khác biệt biết bao!

Đối với tôi, và mười người khác vừa rời bỏ đống tro than của núi Hades trên đảo Iwo lại sau lưng, nước ngọt ngào và trong lành ở Nhật Bản là vật quý nhất trên thế gian này. Nước ở đây không có mùi tro than đắng như nước mưa hứng ở Iwo Jima. Tất cả chúng tôi chạy băng qua sân bay để đến một tháp chứa nước. Chúng tôi mở vòi cho nước mát lạnh bắn tung lên. Tôi uống lấy uống để, thưởng thức cảm giác và mùi vị cùng tận của nước ngọt chảy xuống cổ họng mình.

Nhưng Iwo Jima quá gần phía sau tôi. Muto và tôi đã cùng chung ý nghĩ, nên bỗng nhiên chúng tôi không thể nào uống thêm được nữa. Cả hai cùng nghĩ đến những đồng đội, những người đã chết chỉ một đôi ngày trước đây do thương tích của đạn pháo gây ra, kêu gào trong cơn hấp hối: "Nước! Nước". Họ xin nước chúng tôi, nhưng không ai còn một giọt nào cả.

Một tháng sau khi tôi trở về Yokosuka, tôi được thăng cấp Thiếu úy. Sau mười một năm, tôi tiến lên địa vị của một sỹ quan chính thức. Đó là một thành tích vượt bậc trong binh chủng hải quân.

Có nhiều quân nhân tham dự trận tấn công tiềm thủy đình vô Trân Châu Cảng đã được thăng đến hai cấp, và trong số đó có người bước ngay lên hàng ngũ sỹ quan, mười năm sau khi họ nhập ngũ. Tuy nhiên, việc thăng thưởng của họ giữ đúng truyền thống của hải quân: thăng cấp sau khi qua đời. Tôi là binh sỹ đầu tiên bước lên cấp bậc sỹ quan chính thức trong vòng 11 năm mà vẫn còn sống sót.

Muto và tôi được tái bổ nhiệm phục vụ ở Liên Không Đoàn Yokosuka. Chúng tôi không bị gọi trở lại Iwo Jima. Bộ Tư Lệnh Tối Cao bắt buộc phải bỏ trống không phận hòn đảo trong nhiều tháng sắp tới vì lý do thiếu phi công và phi cơ.

Hiện thời cuộc đổ bộ của địch quân ở Philippine đã nhìn thấy rõ rệt, do đó bao nhiêu phi công và phi cơ đều đổ sang để bao che cho lực lượng Nhật trên quần đảo này. Chúng tôi có gặp trung tá Nakajima khi ông lên đường nhận nhiệm vụ mới ở Cebu (Philippine).

Nhiệm vụ mới của tôi là một sự thay đổi đáng phấn khởi so với những cú đâm bi thảm mà chúng tôi chịu đựng ở Iwo Jima. Nhiệm vụ này bao gồm công việc huấn luyện tân phi công và thí nghiệm phi cơ.

Bộ Tư Lệnh Tối Cao ra lệnh sản xuất hàng loạt chiến đấu cơ mới để thay thế loại chiến đấu cơ Zero. Ngay cả những sỹ quan cố chấp nhất cũng không thể nào phủ nhận loại chiến đấu cơ Zero, có lần được xem làm mạnh mẽ, hiện thời đã mất khả năng của chúng. Họ cũng phải công nhận các loại chiến đấu cơ mới của đối phương trên chân các loại chiến đấu cơ cũ của chúng tôi nhiều. Ở quần đảo Mariana và ở các cuộc đụng độ hải không khác, chiến đấu cơ Grumman F6F Hellcat đã chứng tỏ ưu thế đáng nể về mọi mặt.

Nhiều báo cáo từ Nam Thái Bình Dương cho biết loại chiến đấu cơ mới Lockheed P.38 Lightning có những cải tiến lớn, vượt hẳn loại chiến đấu cơ cùng loại đã lâm trận hồi cuối năm 1942. Loại

P.38 mới này có tốc lực nhanh, bay cao hơn chiến đấu cơ Zero rất xa, nhứt là khả năng chúi xuống và vượt lên cũng mau lẹ hơn. Phi công P.38 bay ở cao độ như vậy có thể chọn lựa thời gian và không gian để đánh... với kết quả đầy bi thảm cho phi công của chúng tôi.

Cũng không thể hồ nghi khả năng loại chiến đấu cơ Chance Vought F4U Corsair của Thủy Quân Lục Chiến và Hải Quân Hoa Kỳ, hầu hết đều hoạt động từ các căn cứ trên đất liền. Nhanh nhẹn không bằng loại Hellcat, tuy nhiên loại Corsair có tốc lực nhanh hơn loại Zero nhiều, và có tốc độ bổ nhào khủng khiếp.

Các phi công Lục quân của chúng tôi ở Miến Điện đã báo cáo đụng độ với nhiều loại phi cơ mới của địch quân, như loại North American P.51 Mustang, vượt trội chiến đấu cơ Zero về tầm hoạt động xa. P.51 Mustang ra mắt lần đầu tiên khi hộ tống các oanh tạc cơ B.24 Liberator bốn máy đội bom lãnh thổ Nhật hồi tháng 11 năm 1943.

Và điều hiển nhiên Nhật Bản hoàn toàn không chuẩn bị để ứng phó với siêu pháo đài bay B.29 lần đầu tiên xuất phát từ các phi trường ở Trung Hoa bay đến thành phố Kyushu. Những chiến đấu cơ Hayabusa của Lục quân đã bó tay trước loại oanh tạc cơ bay mau, trang bị hùng hậu và bọc thiết giáp này. Nếu loại oanh tạc cơ B.17 đã từng là một đối thủ phi thường thì loại oanh tạc cơ B.29 này là một đối thủ không thể nào thắng nổi.

Những ý niệm phòng thủ thích nghi của Bộ Tư Lệnh Tối Cao Nhật được đưa ra quá muộn, và cũng quá khiếm khuyết. Đa số chiến đấu cơ của chúng tôi là loại Zero, tỏ ra hữu hiệu trong thế công vào những ngày đầu của cuộc chiến, nhưng tỏ ra vô dụng khi chống lại loại oanh tạc cơ B.29. Hầu hết phi công oanh tạc cơ Nhật vẫn còn bay loại Mitsubishi Betty, hiện thời quá cũ kỹ, quá chậm chạp, và chỉ còn lại đặc điểm duy nhứt là biến thành ngọn đuốc trước hoả lực của đối phương.

Sự thất thủ của Saipan đã thúc đẩy việc phá vỡ bất ngờ những mạng nhện nằm trong kế hoạch của Nhật Bản, Bộ Tư Lệnh Tối Cao kêu gào chiến đấu cơ mới, vượt trội hơn loại chiến đấu cơ Zero.

Vào tháng mười một, tôi bắt đầu bay thử hai loại chiến đấu cơ mới. Đầu tiên là loại Shiden (Tia chớp), người Mỹ gọi là George, nặng nề và tầm hoạt động kém hơn loại Zero, nhưng tốc lực mau hơn và được trang bị đến bốn khẩu đại bác 20 ly. Shiden kiến trúc vững chắc, vỏ bọc sắt an toàn cho phi công. Tôi đã phải kinh ngạc về sự nhanh nhẹn trong thân thể nặng nề của loại phi cơ này.

Không may, đặc tính của chiến đấu cơ Shiden là hay dờ chừng đòi hỏi phải có một phi công đầy đủ kinh nghiệm. Nhiều người đã có dịp bay thử với Shiden, nhưng không có dịp sống sót để lâm trận với nó.

Loại chiến đấu cơ mới thứ hai là Raiden (Sấm sét), người Mỹ gọi là Jack, trù tính chống lại oanh tạc cơ hạng nặng như B.29 chẳng hạn. Vì mục đích này, Raiden được chế tạo rất hoàn hảo, và nhiều phi công Nhật so sánh nó với loại chiến đấu cơ to lớn Focke Wulf Fw 190 của Đức. Bốn đại bác 20 ly đem tới cho Raiden một quả đấm hiệu quả trong việc chống lại các oanh tạc cơ, và với tốc lực hơn 400 dặm một giờ, được coi là phi thường lúc đó, nó vượt xa loại Zero. Ngay với trang bị và thân bọc thép dày của Raiden, loại chiến đấu cơ Zero đã không bì kịp rồi.

Raiden rất thích hợp để tấn công oanh tạc cơ, nhưng giống như loại Shiden, nó đòi hỏi tài ba của người lái. Bởi lẽ chỉ chú trọng đến tốc lực và trang bị, nên sự xoay trở linh lợi của Raiden rất yếu, so với loại Zero trên phương diện này, Raiden giống như một chiếc xe hơi. Chúng tôi chịu đựng sự mất mát đáng sợ trong khi huấn luyện. Sau này, khi những chiếc Hellcat và Mustang gầm thét trên không phận Nhật Bản, những phi công lái Raiden đụng độ với đối phương mới nhận thấy sự xoay trở yếu kém của nó, nhưng tất cả đều quá muộn.

Nhiệm vụ thí nghiệm phi cơ đã cho tôi cơ hội thăm viếng gia đình người chú họ một lần nữa. Tôi rời Yokosuka vào một sáng sớm chủ nhật để đến nhà chú tôi, lộ trình đi ngang qua Đông Kinh.

Trong thời gian tôi vắng mặt, thủ đô sa sút hơn. Mặc dù từ năm 1942 không có trận oanh tạc nào xảy ra, nhưng phố xá có vẻ buồn tẻ và mất sinh khí. Hầu hết các tiệm buôn đều đóng cửa. Việc này có ý nghĩa rõ rệt. Không có hàng để bán và các chủ nhân vắng mặt, họ vô làm việc trong các cơ xưởng chiến tranh. Một vài tiệm buôn gạo mở cửa, nhưng không còn sắc thái rộn rịp như tôi đã từng thấy trước đây, chỉ lèo tèo vài món hàng meo móc. Sự phong toả của Đồng Minh đã làm cho cái bụng của Nhật Bản thắt lại.

Tôi không ngớt đi qua những đám đông công nhân đang phá hủy nhà cửa dọc theo hai bên đường. Hàng mấy trăm người làm công việc này, nhằm dọn những khoảng trống để lửa không bắt qua, phòng ngừa trước các cuộc oanh tạc. Nhiều gia đình bắt buộc ra khỏi nhà, đứng thành từng nhóm nhỏ trên đường, đưa mắt buồn bã nhìn người ta xé nát căn nhà của mình ra mảnh vụn.

Tôi đã từng chứng kiến các trận oanh tạc. Đối với tôi công tác phá hủy này là một cố gắng đáng thương hại, một nỗ lực hoang phí, ít có hiệu quả trong việc chống lại loại bom cháy.

Hầu hết dân chúng đi trên đường đều mặc đồng phục làm việc, hoặc loại quần áo căn bản của thời chiến, na ná như quân phục. Tôi không nhìn thấy một người đàn bà nào mặc y phục “Ngày chủ Nhật”, những chiếc Kimono màu sắc sỡ thời tiền chiến. Thay vào đó, họ mặc áo “Monpe” màu nâu sậm, và quần vải trơn rộng thùng thình.

Mỗi góc phố đều có đàn bà và trẻ con nối đuôi dài ngoằn, kiên nhẫn chờ đợi mua thức ăn. Mặt mày họ gầy tóp và lạnh lùng, chứng minh hùng hồn tình trạng thiếu thực phẩm đang đè nặng trên đời sống dân chúng.

Không phải mọi thứ đều đổi thay. Mấy chiếc loa phóng thanh đặt ở mỗi góc phố vẫn còn xỉa xói vô tai những lời hò hét, ca ngợi các chiến thắng tưởng tượng. Bích chương tràn ngập thành phố, kêu gọi dân chúng sản xuất mạnh mẽ hơn, chịu đựng thiếu thốn nhiều hơn, cho đến khi Nhật Bản hạ gục đối phương.

Tôi cảm thấy bệnh hoạn. Chưa bao giờ tôi tưởng tượng mình sẽ được nhìn thấy nỗi khổ tận cùng hằn sâu trên gương mặt của dân chúng Nhật đến mức ấy.

Tôi chờ nhiều phút trước cửa nhà chú tôi. Có người đang dạo dương cầm... người đó là Hatsuyo chứ không ai khác. Tôi lắng nghe trong giây lát, khúc nhạc đầu tiên của nhiều tháng trước đây.

Tiếng nhạc ngưng lại khi tôi gõ cửa. Tôi nghe tiếng chân của Hatsuyo chạy.

Nụ cười của nàng rạng rỡ như một tia nắng ban mai. “Saburo!Ồ, gặp lại anh thật tuyệt diệu!” Nàng kêu lên. Nàng nhìn tôi chăm chú hồi lâu. “Tất cả gia đình đều cầu nguyện cho anh trở về, Saburo,” giọng nàng êm ái. “Mọi người hầu như đều gặp mau mắn. Anh trở về rồi đây, và đã trở thành một sỹ quan.”

Ngôi nhà quen thuộc không có gì đổi khác. Đối với tôi, vẫn là ngôi nhà đẹp hơn bất kỳ ngôi nhà nào khác, bởi ngôi nhà này là của Hatsuyo. “Em càng ngày càng đẹp,” tôi nói “một vật mỹ lệ nhứt mà anh được thấy trong nhiều tháng nay. Nhưng tại sao em ăn mặc như vậy? Em là anh chói cả mắt,” tôi tỏ vẻ lạ lùng. Nàng mặc một chiếc áo Kimono trang nhã, thẳng nếp và gọn ghẽ trên thân hình mảnh khảnh của nàng.

Nàng cười dòn tan. “Saburo, thỉnh thoảng anh giống như một gã ngủ gật! Anh không biết đây

là một trường hợp đặc biệt hay sao ? Em mặc áo này là mặc cho anh. Em kiên nhẫn chờ đợi để được mặc nó khi tiếp đón một tân sĩ quan!” Nàng cười. “Đây, hãy nhìn hai cái tay áo này ?” Hai tay áo bị cắt cụt phân nửa!

“Chính phủ ra lệnh cho chúng em cắt ngắn tay áo,” nàng cười thích thú, xoay vòng quanh, hai bàn tay đưa về phía trước. “Anh không biết hả,” nàng thì thầm với dáng vẻ nghiêm trọng, “tay áo dài không thích hợp với tình trạng nguy cấp hiện thời.”

Tôi mỉm cười. “Hatsuyo, mọi người đi đâu hết rồi ?” tôi hỏi. “Chú thím không có ở nhà hả ?”

Nàng lắc đầu. “Chỉ một mình em ở nhà để đón anh, Saburo. Ba em không có ngày nghỉ. Ông tình nguyện tham gia vào công việc bảo vệ quê hương. Ông gia nhập vào Quân Đoàn Trù Bị Lục Quân và hiện đang tập tành ở một ngôi trường trung học gần đây. Đêm nay Michio sẽ làm việc phụ trội trong cơ xưởng.”

Mặt nàng trở nên u ám. “Má em cũng đi khỏi, Saburo. Bà định mua một cái gì đặc biệt để tiếp đãi anh ở... ở chợ đen.”

Tôi nhìn Hatsuyo. Nếu thím tôi làm như vậy, bà sẽ gặp rắc rối với cảnh sát. “Tại sao thím lại làm như vậy ? Tôi lo nghĩ. “Thím không biết việc gì có thể xảy ra cho thím hay sao ?”

“Em biết, em biết, Saburo”. Nhưng bà cứ muốn được tiếp đón anh một cách vui vẻ.

Tôi lắc đầu. “Hy vọng mọi việc đều êm xuôi. Khi gọi điện nói cho thím, anh có cho thím biết hiện thời không một quân nhân nào đến thăm một gia đình dân sự lại không mang theo phần ăn của mình bao giờ”. Tôi chỉ cho Hatsuyo thấy cái hộp thức ăn tôi mang theo, cũng như nhiều tặng phẩm khác mà tôi đã mua trong hợp tác xã quân đội Yokosuka.

Hatsuyo bối rối. “Cám ơn anh, Saburo, và em... cảm ơn anh.”

Nàng nói lảng sang vấn đề khác. “Hãy đến ngôi đây, Saburo. Rồi, bây giờ anh kể cho em nghe mọi chuyện từ ngày anh ra đi. Những gì đã xảy ra ở Iwo Jima ? Gia đình không nghe đài phát thanh đề cập đến, chỉ toàn là tin tức về cuộc chiến đấu khủng khiếp ở Saipan.”

Tôi bối rối. Chúng tôi có nhận được nghiêm lệnh không được tiết lộ những gì đã xảy ra ở Iwo Jima. Thảm họa mà lực lượng chúng tôi chịu đựng ở đó được xếp vào hàng tối mật, và không ai bên ngoài quân đội được biết đến sự thật xảy ra.

Tôi xoay vấn đề, kể về chuyện những chiến đấu cơ mới mà tôi đã bay thử. “Nếu chúng ta có đủ những chiến đấu cơ mới này, chúng ta có thể lật ngược tình thế,” tôi nói “Với tốc độ phi thường, vũ trang hùng hậu, loại phi cơ mới đủ sức tiêu diệt bất kì loại phi cơ nào của địch quân.” Tôi nói dối, tôi ý thức được điều này. Nếu cuộc huấn luyện cứ giữ một mực, với các khoá sinh đâm đầu xuống đất hàng ngày, chúng tôi chỉ có một vài phi cơ may mắn lên được trên không cho tới lúc chiến đấu.

Sau nửa giờ nói chuyện quanh quẩn mọi vấn đề, có một vấn đề cần thiết nhứt mà tôi chưa nói. Tôi liếc nhìn dáng ngồi nghiêng của nàng, nhìn điệu bộ khi nàng nói, đôi mắt ngời sáng khi nàng thích thú, đôi má lúm đồng tiền khi nàng cười.

Tôi muốn nói với Hatsuyo, nói một mạch không cần suy nghĩ. Tôi yêu nàng. Tôi muốn nàng biết tất cả mọi suy nghĩ của tôi. Hai tháng qua, nhưng đối với tôi hình như chỉ một đôi phút đây thôi, khi tôi quay đầu lại và nhìn thấy Iwo Jima tan biến dần ở chân trời thì hình ảnh của nàng hiện đến. Lúc ấy tôi nguyện với lòng rằng, nếu có một phép lạ nào đó mà tôi còn sống sót, tôi sẽ kể cho nàng nghe tất cả những cảm nghĩ của mình.

Bây giờ... tôi không thể nói! Không có gì thay đổi cả! Tôi vẫn là một phi công, cho dù tôi đã bước lên hàng ngũ sĩ quan. Tôi biết, tôi sẽ bay chiến đấu trở lại, và những chiếc Zero bùng cháy mà tôi đã nhìn thấy rơi xuống trước họng súng của những chiến đấu cơ Hellcat vẫn còn in đậm trong tâm trí của tôi. Tôi biết, chúng tôi phải đương đầu với những đối thủ vượt trội. Nếu chiến đấu trở lại, tôi sẽ đâm đầu xuống đất và chết cháy. Không biết giây phút nào.

Bỗng nhiên Hatsuyo làm tôi bưng tĩn. “Saburo,” nàng dịu dàng nói, “Anh có biết Fujiko đã lấy chồng rồi không?”

Tôi không biết. “Sau khi mọi chuyện êm lảng,” nàng nói tiếp, “Fujiko kết hôn với một phi công. Một phi công. Giống như anh.” Nàng thêm, giọng châm chọc.

Tôi muốn nói, nhưng nàng tiếp. “Saburo, tại sao anh chưa chịu lập gia đình? Anh không còn trẻ nữa, anh biết rồi. Anh đã hai mươi bảy tuổi đầu. Anh đã nên người. Anh đã là một sĩ quan. Anh nên lo việc hôn nhân.”

“Nhưng anh đã nói với em, Hatsuyo, anh không quen biết một cô gái nào hợp với anh cả.”

“Anh không yêu Fujiko?”

Tôi không biết nói sao. Một nỗi im lặng nặng nề vây lấy chúng tôi. Hatsuyo bước đến vặn nút chiếc máy phát thanh, bắt giờ nhạc êm dịu buổi trưa. Âm nhạc phá tan không khí nặng nề.

Nàng quay lại và ngồi xuống bên tôi. “Được rồi,” nàng nói, “dĩ nhiên, Saburo, anh cần phải tìm một người vợ thích hợp với anh mọi mặt.”

Hatsuyo đang làm tôi bối rối. Nàng không chịu nhìn nơi khác, mắt của nàng cứ nhìn tôi đăm đăm. Tôi trở nên luống cuống, định nói nhưng miệng cứ ấp úng mãi.

Tôi đứng ngay dậy và bước đến cửa sổ, đưa mắt nhìn ra ngoài. Vườn hoa xinh xắn biến mất, thay vào đó là những gốc rau.

“Còn nhiều người đẹp hơn Fujiko nữa, Saburo,” Hatsuyo nói. Nàng đã đến bước đến phía sau tôi, và hiện tại hầu như thân thể nàng chạm vào tôi.

“Hatsuyo!” Tôi la lớn. “Anh không muốn nói đến chuyện này nữa!” Cơ thịnh nộ của tôi khiến nàng hoảng hốt. “Chúng ta đã nói đi nói lại bao nhiêu lần rồi. Nhưng thực tế không hề thay đổi. Không có gì thay đổi hết. Anh vẫn là một phi công, em biết chứ? Mỗi lần anh cất cánh là có thể anh không bao giờ trở về. Mỗi lần! Điều đó chắc chắn xảy ra, không chóng thì chày. Không chóng thì chày!”

Tôi bực bội và phiền não. Tại sao nàng cứ nói đi nói lại về chuyện hôn nhân? Tôi thấy tôi đáng ghét, do những lời lẽ mà tôi đã thốt ra. Tôi thấy tôi đáng ghét, vì không dám nói ra cảm nghĩ của mình cho nàng nghe.

“Hiện tại không có một phi công nào mà không chuẩn bị để chết, Hatsuyo,” tôi giải thích. “May mắn của chúng anh được đặt ra ngoài. Tài ba vô dụng. Việc này...”

“Anh nói giống như trẻ con. Saburo,” Đôi mắt nàng bưng lên nỗi giận dữ. Tiếng nàng trầm xuống đến nỗi tôi phải cố lắng nghe. “Anh cứ nói vòng quanh, và anh không biết những gì anh đang nói. Anh không biết trái tim của một cô gái.”

Nàng giơ tay lên trong một dáng điệu giận dữ. “Anh nói về chuyện bay bổng, về chuyện chết

chóc, Saburo. Anh không biết nói gì khác hơn. Anh không biết nói về sự sống còn.”

Nàng bước đến tắt chiếc máy khâu thanh với một cử động giận dữ. Không thèm để ý đến tôi, nàng ngồi trước chiếc dương cầm, mấy ngón tay uể oải trên phím đàn.

Tôi câm miệng. Nhiều phút trôi qua, tôi đứng chôn chân một chỗ, không nói một lời. Cuối cùng, tôi lên tiếng. “Hatsuyo, anh... anh không biết. Có lẽ, nếu... Đó là lỗi của anh. Anh có thể làm gì được một khi chúng ta đang ở vào thời chiến ?” Tôi nói lớn. “Tại sao em cứ nói mãi vấn đề này ?”.

“Gặp em trong ngôi nhà này, như vậy đã là quá đủ đối với anh rồi.” Tôi tiếp.
“Anh muốn ... ồ, anh không biết,” tôi ấp úng. “Tất cả những gì anh muốn biết, tất cả những gì mà anh ao ước là được thấy em vẫn còn sống sót và hạnh phúc.”

Nàng đập mạnh đôi tay lên phím đàn và quay lại. “Em không muốn sống nữa! sống để làm gì và... và...” Nàng đặt tay lên ngực: “trống rỗng ở đây ? Không một ai trong chúng ta, ngay cả một phi công, ngay cả những người trong ngôi nhà này có thể nhìn thấy trước sự sống còn. Anh không hiểu như vậy sao, Saburo ?”

Cơn giận của nàng khiến tôi giật mình. “Một người đàn bà chỉ hạnh phúc,” nàng nói thẳng, “một khi nàng được sống với người đàn ông mà nàng yêu thương. Cho dù, cho dù chỉ một đôi ngày cũng được.”

Nàng quay khuôn mặt bi thiết đi, dồn hết giận dữ lên chiếc dương cầm. Tôi đứng như trời trồng, không biết nói hoặc làm gì.

Chương XXI

Vào ngày 30 tháng mười, mười ngày sau các binh sĩ đầu tiên của Hoa Kỳ tràn lên bãi biển Philippine, Bộ Tư Lệnh Tối Cao Hoàng Gia đưa ra thông cáo lịch sử này:

“Đơn vị Shikishima, thuộc không đoàn Tấn Công Đặc Biệt, vào lúc 10 giờ 45 phút ngày 25 tháng mười năm 1944 đã thành công trong một cuộc tấn công bất ngờ chống lại lực lượng đặc nhiệm đối phương, trong đó có 4 hàng không mẫu hạm, cách đông bắc đảo Suluan, thuộc quần đảo Phi Luật Tân, ba mươi hải lý. Hai phi cơ tấn công đặc biệt đã đâm vào xuống một hàng không mẫu hạm địch, gây nhiều đám cháy và tiếng nổ lớn, và có lẽ chiếc tàu đã chìm. Một phi cơ thứ ba đã chúi xuống một hàng không mẫu hạm khác, gây một đám cháy khổng lồ. Một phi cơ thứ tư khác cũng chúi xuống một hàng không mẫu hạm, gây ra một tiếng nổ dữ dội và chiếc tàu đã chìm ngay sau đó.”

Tiếng sấm của của những ngọn Thần Phong đã bắt đầu. Nhiệm vụ tự sát đầu tiên do trung úy Yukio Seki thực hiện. Yukio cầm đầu 5 chiến đấu cơ Zero, mỗi chiếc mang một trái bom 550 cân Anh. Seki là một phi công oanh tạc cơ có khoảng 300 giờ bay, bốn phi công khác cũng không hơn hẳn mấy. Tuy nhiên, chỉ có một trong năm chiếc không chúi trúng mục tiêu.

Bốn chiếc Zero bay theo hộ tống năm chiến đấu cơ tự sát. Sau đó tôi biết được người cầm đầu nhóm hộ tống là người bạn Hiroyoshi Nishizawa của tôi, hiện thời là một chuẩn úy. Nishizawa đã khéo léo né tránh sự ngăn chặn của hơn hai mươi chiếc Hellcat, đưa năm phi cơ Thần Phong xuyên qua những trận cuồng phong để tiến đến hạm đội địch quân.

Sau khi năm phi cơ Thần Phong đã chúi xuống, Nishizawa trở về sân bay Mabalacat ở Cebu, và báo cáo kết quả phi thường của nhiệm vụ.

Trong binh chủng hải quân, nơi nào các phi công cũng bàn về cuộc tấn công chưa từng có trước đây. Và cuộc tấn công đã đạt đến một kết quả rực rỡ này, trái ngược hẳn những mất mát đầy bi thảm trong cuộc tấn công của chúng tôi ở Iwo Jima. Trong tư cách một phi công chiến đấu, tôi không tán thành nhiệm vụ tự sát, nhưng hiện tại không thể phủ nhận hiệu quả của cú đâm kinh khiếp đã giáng xuống hạm đội Hoa Kỳ ở Philippine. Thật ra, ở hiện tại, tôi ý thức rằng việc bỏ vào xuống để tự sát có vẻ là phương pháp duy nhất của chúng tôi để đánh trả lại tàu chiến Hoa Kỳ.

Từ ngày đó trở về sau, danh từ Kamikaze nằm trên đầu môi của chúng tôi. Chúng tôi biết mỗi lần Kamikaze cất cánh là mỗi lần đi vào cõi chết. Nhiều Kamikaze không thể nào tiến đến các mục tiêu, vì bị phi cơ nghinh chiến của đối phương bắn hạ hoặc bị những bức tường hỏa lực phòng không kiên cố do các chiến hạm địch tạo ra ngăn chặn.

Nhưng luôn có những Kamikaze vượt thoát để rồi vào xuống chiến hạm địch giống như những hồn ma phục thù, có nhiều chiếc tiến đến mục tiêu với đôi cánh rách te tua hoặc bao trùm trong lửa đỏ. Thỉnh thoảng từng chiếc một, hai chiếc, hoặc cả nhóm từ sáu đến mười sáu chiếc Kamikaze lướt lên không trung cho lần đi cuối cùng.

Thần Phong đã cho chúng tôi một sức mạnh mới đầy kinh khiếp. Hiệu quả được nhìn thấy qua một số chiến hạm và quân vận hạm địch, có lần là những mục tiêu khó xâm nhập vì được hỏa lực bao che mạnh mẽ, hỗn loạn trong cảnh xăng cháy, bom nổ và tiếng người la hét.

Những Kamikaze đã cào các hàng không mẫu hạm từ mũi đến lái, đánh chìm nhiều hơn bất kỳ loại vũ khí nào mà chúng tôi đã từng sử dụng để tấn công loại tàu này. Còn loại tuần dương hạm và khu trục hạm, mỗi lần Kamikaze chúi trúng thì đó như là một hồi chuông báo tử được

giống lên.

Đối với địch quân, họ coi sự tự sát của phi công Nhật là bị ép buộc. Dĩ nhiên người Mỹ hoặc bất kì người nào thuộc thế giới Tây Phương không thể hiểu biết đầy đủ vấn đề này. Họ cho rằng mạng sống của binh sĩ Nhật bị quẳng ra một cách rẻ rúng. Trái ngược hẳn, các phi công Kamikaze đã tình nguyện hàng loạt để thực hiện các nhiệm vụ một chiều của họ.

Nhiệm vụ này không thể gọi là tự sát! Những phi công, trẻ có già có, họ đã không chết một cách vô ích. Mỗi phi cơ chúí trúng mỗi chiến hạm địch là một cú đâm mà phi công đã dành cho quê hương của họ. Mỗi trái bom Kamikaze rơi trúng các bồn chứa xăng của một hàng không mẫu hạm khổng lồ, sẽ có nhiều kẻ thù bị giết, triệt hạ nhiều phi cơ bay đến thả bom và bắn phá trên mảnh đất quê hương của họ.

Những người này có niềm tin. Họ tin vào nước Nhật, họ đánh kẻ thù bằng chính mạng sống của họ, cho nước Nhật. Đó là một cái giá rẻ, một người đánh đổi lấy mạng sống của hàng mấy trăm người đôi khi cả hàng mấy ngàn người. Xứ sở của chúng tôi không thể nào dựa vào sức mạnh của những chiến thuật thông thường hiện tại.

Tuy nhiên, một lần nữa, Thần Phong là một trường hợp quá ít ỏi, quá muộn màng. Ngay cả những thành quả vĩ đại được gặt hái bởi các phi vụ Kamikaze cũng không thể nào chặn đứng cú đâm tập trung khủng khiếp của người Mỹ. Họ quá mạnh, quá nhiều, quá tiến bộ. Họ có quá nhiều chiến hạm, quá nhiều phi cơ, súng ống và nhân lực.

Dĩ nhiên, những phi công Nhật thực hiện phi vụ của họ đều ý thức được việc này. Chắc chắn có nhiều phi công Thần Phong ra đi với thừa nhận tình thế tuyệt vọng của Nhật Bản trong cuộc chiến. Nhưng họ không có đầu rứt cổ, không do dự. Họ bay và chết cho xứ sở của họ.

Có những điềm xấu báo trước cho dân tộc chúng tôi. Một trong những chiếc B.29 vĩ đại bay ù ù trên không phận Đông Kinh lần đầu tiên vào ngày 1 tháng 11 năm 1944, xuất phát từ các căn cứ mới trên đảo Saipan. Giờ phút hãi hùng của dân chúng ở kinh đô hầu như đã nằm trong tầm tay, vì điều hiển nhiên chiếc oanh tạc cơ đáng sợ đó chỉ là một phi cơ do thám lót đường cho những chiếc khác nổi bước trong tương lai gần. Chiếc siêu pháo đài bay đã lướt một cách nhớn nhợ, xa tít trên không phận Đông Kinh, và các chiến đấu cơ của Lục Quân cũng như Hải Quân cuống cuống nhảy lên để chặn bắt kẻ xâm nhập. Nhưng tất cả đều không thể nào tiến sát để bắn ra một phát đạn.

Vào ngày 5 tháng 11, và một lần nữa vào ngày 7, một chiếc B.29 đơn thân độc mã từ Saipan đến viếng thăm thủ đô Đông Kinh. Lần thứ hai và thứ ba này, các chiến đấu cơ Nhật đều ùa lên không, và cố đạt đến cao độ cho bằng phi cơ địch một cách vô ích. Bộ Tư Lệnh Tối Cao nổi nóng, chửi bới phi công vụng về và ngu xuẩn. "Chỉ có một chiếc phi cơ địch mà không làm nên trò trống gì cả." Họ thét.

Họ không hiểu sự khó khăn trong việc ngăn chặn các siêu pháo đài bay ở cao độ đó. Một việc nữa, chỉ trong vòng một vài phút giữa thời gian nhận báo động và cất cánh không thể cho phép chiến đấu cơ lên đến nơi thì oanh tạc cơ địch đã bay mất. Cho dù có tiến lên kịp đi nữa, phi công Nhật cũng không chắc có thể đuổi kịp tốc lực đáng kinh sợ của chiếc B.29.

Vào tháng mười hai, những cú đâm chờ đợi từ lâu đã đến. Đông Kinh, Osaka, Nagoya, Yokohama và nhiều thành phố lớn khác của xứ sở chúng tôi nằm khoanh dưới những đợt tấn công khủng khiếp của các oanh tạc cơ Hoa Kỳ. Chúng san bằng các cơ xưởng chế tạo máy bay, và hủy diệt lần lượt mọi cơ xưởng khác.

Những cuộc không tập khủng khiếp trên các thành phố lớn của Nhật Bản đã được lịch sử dành cho những chương vĩ đại nhất. Đó là một câu chuyện mà cả thế giới đều biết rõ.

Các siêu pháo đài bay đều xuất hiện trong đêm, và hầu hết phi công Nhật chỉ biết ngồi bó gối trên mặt đất, miệng không ngớt nguyền rủa sự yếu kém khả năng hoạt động đêm của chiến đấu cơ Nhật và sự khiếm khuyết huấn luyện dạ chiến của họ. Phi cơ địch chỉ bị hỏa lực phòng không phá rầy mà thôi.

Khắp nơi, chúng tôi đang thua. Mọi nơi, chúng tôi bị đối phương bắt buộc phải thối lui, phải triệt thoái. Các đơn vị không quân của chúng tôi bị cắt ra từng mảnh, phi cơ của chúng tôi rơi như lá rụng, phi công của chúng tôi không chết một người, hai người hoặc ba người lẻ tẻ, họ chết hàng mấy chục trở lên. Vào giữa tháng hai, năng lực phòng thủ Philippine của chúng tôi hấp hối. Mọi phi cơ Nhật trên quần đảo đều biến mất, nếu không bị chiến đấu cơ Mỹ đẩy rớt xuống đất, thì cũng bị các cuộc tấn công Kamikaze thiêu rụi hết. Các cuộc tấn công này cứ tiếp tục cho đến khi không còn chiếc phi cơ nào để tiếp tục.

Vào ngày 20 tháng giêng năm 1945, Hải quân Hoàng Gia thành lập một không đoàn chiến đấu cơ mới, không đoàn cuối cùng của cuộc chiến, ở Matsuyama, trên đảo Shikoku. Khi thuyền chuyển đến căn cứ không quân mới, tôi gặp trung tá Nakajima, ông được chỉ định vào chức vụ chỉ huy phó không đoàn. Ông rút khỏi Philippine với mười lăm phi công chiến đấu cơ khác để lập nền tảng cho không đoàn mới. Đây là không đoàn bao gồm những tay chiến đấu tài ba. Chỉ huy trưởng không đoàn là đại tá Minoru Genda, được xem như là một trong những chiến lược gia hải quân sáng chói nhất của Nhật Bản.

Nakajima là người duy nhất mà tôi quen biết nhiều. Một hôm có dịp tôi vô văn phòng của ông với ý định nhắc nhở lại những người đã từng chiến đấu với chúng tôi trong quá khứ. Tôi đã lặng người khi ông cho tôi biết tin tức về cái chết của Nishizawa.

“Hắn đã mất”, Nakajima nói, “trong một trường hợp đáng tiếc xảy ra vào ngày 26 tháng mười, ngay sau ngày cuộc tấn công Thần Phong đầu tiên.”

“Nishizawa đã tình nguyện tham dự phi vụ Thần Phong vào ngày kế đó, sau khi hộ tống năm chiến đấu cơ Zero chúi xuống chiến hạm địch trở về. Hắn nói với tôi rằng hắn sẽ chết sớm. Việc này thật lạ lùng,” Nakajima nghĩ ngợi, “nhưng Nishizawa nhấn mạnh rằng hắn có một linh cảm. Hắn cảm thấy đời sống của mình chỉ còn một đôi ngày nữa mà thôi.”

“Tôi không cho hắn đi. Một phi công tài ba như vậy, để hắn chiến đấu sẽ có ích cho xứ sở hơn là để hắn chúi xuống một hàng không mẫu hạm. Nhưng hắn cứ nằng nặc xin đi cho được.”

“Nhưng, vào ngày chiếc chiến đấu cơ của Nishizawa chuẩn bị sẵn sàng thì hắn được lệnh lái một chiếc vận tải cơ DC3 cũ kỹ và không vũ trang, trên đó có một số phi công khác, đến phi trường Clark để nhận một số chiến đấu cơ Zero. Chiếc vận tải cơ cất cánh vào sáng sớm ngày 26 tháng mười từ Mabalacat và mất tích luôn.

“Phi cơ của hắn có lẽ bị chiến đấu cơ Hellcat hoạt động trong khu vực đó bắn hạ. Hình như hắn rớt ở một nơi nào đó ở Cebu. Tôi vẫn không thể nào tin nổi, Saburo, một phi công vĩ đại như vậy lại chết như vậy, bất lực, không thể nào bắn được một phát súng tự vệ...” không còn gì để nói. Như vậy là Nishizawa cũng ra đi. Vị thần sát tinh của các phi cơ địch ở Lae và Rabaul đã đi chung đường với Sasai, Ota và những người khác.

“Ngay cả trong tình trạng chiến đấu ở Philippine gian nan hơn trước đây cũng không thể phá nổi những chiến thắng trên không của hắn.” Nakajima nói, và ông tin rằng Nishizawa đã hạ hơn 100 phi cơ địch trong các trận không chiến. Điều này không thể nghi ngờ, cả tôi lẫn Nakajima hay bất kỳ người nào đã từng biết và chiến đấu với Nishizawa đều phải công nhận hắn là một “Ace” vĩ đại nhất của Nhật Bản, một phi công có khả năng và tài ba vô tiền khoáng hậu. Vậy mà hắn đã thiệt mạng trong một vận tải cơ không vũ trang! Tin tức về cái chết của hắn đã gây cho

tôi một sự xúc động kì dị. Tôi trở về chỗ trú khu, lấy giấy và viết ra. Ít nhút, tôi nghĩ, trước khi chết tôi phải bày tỏ với Hatsuyo những gì mà tôi muốn nói, những gì mà tôi cảm thấy nàng cũng muốn biết.

“Anh đã được chỉ định vào nhiệm vụ chiến đấu trở lại,” tôi viết. “Từ đây trở về sau, Nhật Bản sẽ phải chống chọi lại với một kẻ thù vượt trội mọi mặt. Hôm nay, anh vừa nghe tin người bạn rất thân của anh, Hiroyoshi Nishizawa, đã bị thiệt mạng ở Philippine. Nishizawa là phi công vĩ đại nhất của xứ sở chúng ta. Anh cảm thấy nếu một người như vậy mà không thể sống sót được thì đối với anh, bất lợi về mất một mắt, chắc chắn anh sẽ nổi bước theo hấn không lâu.

“Có lẽ đây là bức thư cuối cùng anh viết cho em. Thật là ngại ngùng, Hatsuyo, nhưng mà anh không thể nào chờ đợi lâu hơn nữa để bày tỏ những gì mà anh muốn nói từ lâu.”

“Lần nói chuyện cuối cùng vừa rồi, em đã nói rằng anh không hiểu trái tim của một người đàn bà. Em đã sai lầm, Hatsuyo. Sai lầm quá đỗi.”

“Em có nhớ lại những ngày thơ ấu của chúng ta không ? Những ngày huyền diệu, tràn ngập tiếng cười đùa ấy ? Anh và em đã sống như tình ruột thịt, và ngay cả thời gian sau này chúng ta vẫn còn cảm thấy như vậy.”

“Những gì mà anh muốn nói với em từ lâu, Hatsuyo, là trong tim anh, em chính là người anh yêu mến nhất trên quả đất này. Bây giờ, anh biết, anh đã coi em như một người mà anh đặt tình yêu duy nhất vào đó. Có lẽ nói như vậy thật bậy, có lẽ điều này anh nói ra không phải lỗi nhưng anh tin rằng hình ảnh của em không lúc nào vắng bóng trong tim anh. Trước đây anh không biết, nhưng anh đã biết điều đó trong những tháng cuối cùng này.”

“Anh đã yêu em từ lâu, Hatsuyo, và yêu em sâu đậm. Lúc ấy anh đã chôn giấu tình cảm thật sự của anh. Anh yêu em! Anh đã chờ đợi để thốt ra những lời này từ lâu lắm rồi. Chiến tranh đã dựng lên một hàng rào vĩ đại ngăn cách chúng ta. Anh ý thức rằng tình cảm của anh không bao giờ bày tỏ được, rằng tình yêu này sẽ chôn kín mãi mãi trong lòng.”

“Hơn tất cả, chúng ta là anh em bà con. Có lẽ đó là điều tốt nhất để đặt cuộc hôn nhân nằm phía bên kia tầm tay của chúng ta. Nhưng bây giờ, anh đã nói ra những gì cần nói. Và bây giờ, tình yêu của anh, đó là vật duy nhất mà anh dành cho sự cầu nguyện. Mong em sống dài lâu, mong hạnh phúc sẽ thuộc về em mãi mãi.”

* * *

Sáng hôm sau công việc huấn luyện chiến đấu của chúng tôi bắt đầu phần khởi. Các phi công la hét ồn ào, khi họ nhìn thấy hàng mấy chục chiến đấu cơ loại mới bóng mượt đáp xuống phi trường. Shiden. Loại chiến đấu cơ mà tôi đã từng bay thử không lâu trước đây. Bọn phi công mừng quýnh khi đưa các chiến đấu cơ mới này rời khỏi mặt đất. Tốc lực cao! Bắn đại bác! Bọc sắt! Lướt lên dữ dội! Chúi xuống như chớp!

Tinh thần của mọi người lên cao trở lại. Đa số các phi công trong tân không đoàn đã từng tham dự nhiều trận đánh và nhiều người đã hạ trên mười phi cơ địch. Chúng tôi là thành phần ưu tú của toàn thể các đơn vị không quân thuộc hải quân Hoàng Gia, điều này đã giải thích tại sao chúng tôi được cung cấp những phi cơ mới. Mặc dù rất cần những người tình nguyện trong các đơn vị Thần Phong, các phi công của không đoàn mới này hợp lại được xem là vũ khí trên không mạnh mẽ nhất của Nhật Bản từ trước đến nay, và trung tá Nakajima đã bác bỏ tất cả những lời thỉnh cầu chuyển sang các đơn vị Thần Phong.

Hơn mười ngày trôi qua, bức thư tôi gửi cho Hatsuyo không thấy hồi âm. Tôi không hiểu tại sao nàng không trả lời tôi. Nhưng tôi không thể để cho tình cảm chi phối nhiệm vụ, nhất là ở hiện

tại. Vào ngày thứ mười hai sau khi tôi gửi bức thư, lúc tôi rời khỏi lớp học mà tôi vừa giảng dạy về các kỹ thuật không chiến, một liên lạc viên chạy đến báo cho tôi biết có hai người khách đang chờ đợi tôi. Tôi ra phòng khách ngay lập tức.

Tôi nhận thấy Hatsuyo và thím tôi đang chờ. Ngay khi tôi bước vô phòng, Hatsuyo đứng bật dậy. “Em đến đây, Saburo,” nàng dịu dàng nói. “Em đến đây để bàn về cuộc hôn nhân của chúng ta.”

Tôi đứng bất động, không nói nên lời. “Nếu anh chuẩn bị để chết, Saburo, em cũng sẽ chuẩn bị như anh. Nếu chúng ta chỉ được một đôi ngày hoặc một đôi tuần bên nhau, ít ra chúng ta cũng sẽ có khoảng thời gian ấy trong tay khi chết. Đó là ý muốn của Thượng Đế dành cho chúng ta.”

“Hatsuyo!” Tôi kêu lên. Chuyện này khó thể tin là sự thật. Tất cả hoàn toàn kỳ diệu đối với tôi.

Thím tôi cũng góp lời để tác hợp chúng tôi.

Tôi sung sướng đến phát điên lên. Nhưng trước khi chúng tôi bàn xa hơn về hôn lễ, tôi cần phải viết thư cho má tôi để yêu cầu người ủng hộ. Trong thư hồi đáp, má tôi cho biết bà rất tán thành nhưng không thể tham dự hôn lễ. Đường hỏa xa Kyushu hoàn toàn gián đoạn. Bà yêu cầu thím tôi lo liệu mọi chi tiết cần thiết.

Hatsuyo và tôi kết hôn vào buổi chiều ngày 11 tháng hai năm 1945, ngày Quốc Khánh của Nhật Bản. Hôn lễ cử hành đơn giản. Không một phi công nào tham dự, vì xế trưa hôm đó có báo động không tập.

Tuần trăng mật dĩ nhiên bị gạt ra ngoài vì hoàn cảnh hiện tại. Chủ Nhật kế đó, chúng tôi mời 50 phi công của không đoàn tham dự một bữa tiệc để đền bù sự vắng mặt của họ vào đêm hôn lễ của chúng tôi. Buổi tiệc kéo dài quá nửa đêm. Đó là những giờ phút sung sướng nhất mà tôi chưa từng biết trước đây. Tất cả những hạnh phúc của quá khứ như bị hạnh phúc của hiện tại che mờ hết.

Mắt tôi không lúc nào rời khỏi Hatsuyo. Nàng là một giấc mơ có thật, một nữ hoàng trong những câu chuyện thần tiên, xinh đẹp, rực rỡ. Nàng là vợ tôi.

Chương XXII

Vào tháng ba năm 1945, lần đầu tiên và cũng là lần duy nhất trong lịch sử của hải quân Nhật, hai phi công chiến đấu hải quân được tuyên dương công trạng đặc biệt. Bộ Tham Mưu của Hoàng Gia đã đưa ra hành động như vậy có lẽ do ảnh hưởng tình hình quân sự khủng hoảng. Tuyên dương công trạng cho tôi và trung sỹ Shoichi Sugita, cả hai đều thuộc không đoàn Matsuyama, với ý định thúc đẩy tinh thần suy nhược của đa số phi công lúc bấy giờ.

Sugita, hai mươi bốn tuổi, phi công sáng chói. Hầu hết các hoạt động chiến đấu của hắn đều ở Truk và Philippine, Sugita đã hạ tất cả 120 phi cơ địch.

Tuy nhiên, con số đó chủ có tính cách phỏng định. Riêng tôi, tôi tin tưởng tổng số phi cơ mà Sugita bắn hạ khoảng 80 chiếc. Sugita công nhận có nhiều chiến thắng đáng ngờ vực và không được xác định, bởi lẽ có những hoàn cảnh chiến đấu khó thể đưa ra sự kiểm soát đúng mức. Hầu hết các cuộc không chiến xảy ra gần đây, Sugita đều không có thời giờ để nhìn một chiếc phi cơ bốc cháy, tan vỡ hoặc phi công có nhảy dù ra ngoài hay không. Thật sự, chiến đấu cơ của chúng tôi không được trang bị máy chụp hình nên khó thể lấy đó làm căn cứ để xác nhận mục tiêu bị hủy diệt.

Khi một quốc gia đang thắng thế, mọi chiến công đều được soát lại một cách cẩn thận, như chúng tôi đã từng làm trong các cuộc không chiến dễ dàng của chúng tôi ở Moresby. Nhưng khi tình hình trở nên tồi tệ, qua một loạt chiến đấu trong thế thủ chống lại một đối phương vượt trội, sự chính xác không còn được lưu ý nữa. Tuy nhiên, không ai có thể hồ nghi tài ba trên không của Sugita. Sau khi quan sát lúc Sugita chiến đấu, tôi cảm thấy hắn không thua gì Nishizawa.

Sugita đã chứng tỏ tài ba siêu việt của hắn vào ngày 19 tháng ba khi không đoàn Matsuyama nghênh chiến những phi cơ phát xuất từ các hàng không mẫu hạm địch tấn công căn cứ hải quân Kure. Mọi người trên mặt đất đã la hét vang dội khi nhìn Sugita hạ hết chiếc Hellcat này đến chiếc Hellcat khác. Lúc ấy tôi đứng trên đài kiểm soát để theo dõi trận không chiến ngoạn mục này. Đó là lần đầu tiên chiến đấu cơ mới Shiden xuất trận. Hiển nhiên loại phi cơ này trên chân Hellcat về tốc độ vượt lên, cũng như về hỏa lực.

Một giờ sau Sugita đáp xuống. Hắn không ngớt lời ca ngợi chiếc phi cơ của hắn. Hắn ghi thêm bốn điểm được xác nhận bởi các phi công khác và có lẽ thêm ba điểm nữa, nhưng không được xác nhận. Sugita cho biết chỉ vì hết đạn nên phải quay về.

Cả ngày đó chỉ có Không Đoàn Matsuyama nhóm lên được một tia lửa hi vọng. Khắp nơi trên lãnh thổ Nhật Bản, các phi công của chúng tôi không đạt được một chiến thắng nào. Thật vậy, các chiếc Hellcat đã đập tắt tất cả những nơi chống đối khác, và chiến thắng của chúng tôi có vẻ như là sự thiệt hại duy nhất của đối phương. Sau này chúng tôi có nhận được các báo cáo không chiến của người Mỹ, trong đó cho thấy họ đã tỏ ra kinh ngạc về khả năng cao độ của chiến đấu cơ Shiden. Phi công Hoa Kỳ đã xao xuyến trước khả năng chịu đựng đạn đại liên của loại chiến đấu cơ mới này.

Tuy nhiên, trong vòng một tháng, thảm họa giáng xuống không đoàn của chúng tôi. Phi công vĩ đại nhất vẫn còn sống sót ở Nhật Bản, Soichi Sugita, bị thiệt mạng. Không đoàn Matsuyama được chuyển đến Kanoya, ở miền nam Kyushu, để chống lại phi công Hoa Kỳ không yếm cho cuộc đổ bộ Okinawa. Vào ngày 7 tháng tư, không có dấu hiệu nào báo trước, một khối lượng chiến đấu cơ đông đảo của địch quân ào xuống phi trường của chúng tôi. Chúng tôi chỉ liếc thấy phi cơ địch ở cao độ 12.000 bộ khi chúng gầm thét bổ nhào xuống. Chúng tôi bị chôn chân trên mặt đất. Nhóm phi cơ địch chắc chắn xuất phát từ các hàng không mẫu hạm hoạt động ở trong

hải phận Okinawa. Chúng tôi không có rada ở Kanoya, và khi còi báo động hạ thì chiến đấu cơ địch đã xuống tới nơi rồi.

Trên phi trường, lá cờ chỉ huy chiến đấu phất: “Đi và đánh”. Nhiều phi công chạy ra phi cơ của họ. Nhưng đại tá Genda thét chúng tôi dừng lại và chạy vô các hầm trú ẩn. Hiển nhiên là quá muộn, không thể nào cất cánh được nữa. Nhưng Sugita, Shoji Matsumara và một phi công khác không nghe tiếng Genda. Ba người này đã nhìn thấy chiến đấu cơ trước khi có còi báo động nên đã chạy ra phi cơ của họ rồi. Ngay lúc các chiếc Corsair và Hellcat sà thấp trên phi trường, Sugita và phi công bên cánh của hắn, với Matsumara phía sau, đang chạy đến vị trí cất cánh. Hai chiến đấu cơ địch chúi xuống từ bên phải và từ phía sau. Viên phi công bên cánh của Sugita cất cánh đầu tiên. Khi các bánh xe của chiếc chiến đấu cơ Saiten vừa rời khỏi mặt đất, một chiếc Corsair thổi ngay một loạt đạn. Dưới hoả lực của sáu khẩu đại liên, chiếc Shiden lao đảo dữ dội, lộn nhào liên hồi, và đâm đầu xuống đất với một tiếng nổ khủng khiếp.

Mấy phút sau, một phi công địch khác lướt xuống với các họng súng rục lửa. Tôi khủng khiếp nhìn những viên đạn tung bụi dọc phi đạo và rút vô chiếc chiến đấu cơ còn đang di chuyển của Sugita. Sugita không thể nào tránh né nổi vì phi cơ của hắn vẫn còn ở trên mặt đất.

Đạn trúng vào các bình chứa xăng của chiếc Shiden khiến nó phát nổ và biến thành một trái cầu lửa. Lửa và khói cuồn cuộn tuôn về phía sau chiếc phi cơ vẫn còn chạy trên phi đạo. Không có chuyển động nào bên trong phòng lái. Tôi không thể tin vào mắt của mình. Viên phi công vĩ đại nhất của Nhật Bản đã chết trước mắt tôi.

Sự hủy diệt chiếc phi cơ của Sugita đã cứu mạng sống của Matsumara. Những cuộn khói dày đặc của chiếc phi cơ bốc cháy đã bao che cho phi cơ của Matsumara, khiến chiến đấu cơ địch không nhìn thấy. (Sau chiến tranh Shoji Matsumara là một phi công phản lực cơ F.86 Sabre trong tân không lực Nhật Bản. Hắn chấm dứt các phi vụ thời chiến với việc bắn hạ 6 chiếc Hellcat và Corsair trong những ngày chiến đấu cuối cùng)

Đây là những ngày khủng khiếp. Các phi công đại tài nhất của Nhật Bản lần lượt ra đi dưới hoả lực của đối phương. Hai tháng sau cái chết của Sugita, Kinsuke Muto, người đã chiến đấu với tôi ở Iwo Jima, cũng đã thiệt mạng với hơn 35 điểm chiến thắng.

Chúng tôi không thể giữ sự xúc động trước cái chết của Muto lâu dài, khi xảy ra cái chết của một trong những “Ace” vĩ đại nhất của chúng tôi, một cái chết khiến tất cả các phi công sững sờ. Đại úy Naoshi Kanno, thuộc không đoàn Kanoya, đối diện định mạng gần Yaku Shima trong một chiến đấu cơ cuộn tròn lửa đỏ. Kanno nổi danh nhờ vào các thành quả chưa từng thấy trong việc chống lại loại oanh tạc cơ B.17 ở Nam Thái Bình Dương, với ít nhất 12 chiếc loại này bị bắn hạ trong tổng số 52 chiến thắng được xác nhận của ông. Ông là phi công đầu tiên tấn công trực diện bằng cách vừa lặn tròn vừa chúi xuống các pháo đài bay. Sau đó không lực Đức mới khám phá lối tấn công của ông và mang ra áp dụng.

Do đó, hiện thời bảng danh sách bao gồm các tên: Sasai, Ota, Nishizawa và những người khác được ghi thêm những tên tuổi lớn, Kanno, Muto và Sugita.

Bấy giờ tôi không được phép thực hiện các phi vụ chiến đấu trong thời gian ở Matsumara, là một “Ace” còn sống sót dẫn đầu tất cả các phi công khác. Những lời thỉnh cầu được lâm chiến với chiến đấu cơ Shiden của tôi luôn luôn bị đại tá Genda từ chối để rồi, cuối cùng ông ra lệnh cho tôi và Hatsuyo trở về Yokosuka. Vào tháng tư, với sự chán nản vì mệnh lệnh đặt tôi ra ngoài không trung, tôi trở về căn cứ mà tôi đã từng phục vụ trước đây.

Trở về Yokosuka, chúng tôi trải qua bốn mươi giờ mệt mỏi và mất ngủ trên xe lửa. Chúng tôi phải ngừng lại hơn hai mươi lần để đổi xe, bên ngoài các đô thị lúc ấy đang nhận sự trừng phạt nặng nề của oanh tạc cơ và chiến đấu cơ địch. Chúng tôi lướt qua những khung cảnh hoang

tàn, đổ nát, dọc theo thiết lộ.

Nhưng chúng tôi đã kinh ngạc khi nhìn thấy thành phố hải quân to lớn Yokosuka vẫn còn nguyên vẹn. Thật lạ lùng, người Mỹ đã tránh né Yokosuka, trong khi hơn 100 thành phố khác bị họ thiêu rụi và san bằng, nhiều nơi không có giá trị chiến lược nếu được so với thành phố được xem là pháo đài hải quân này. Có lẽ Yokosuka không còn một chiến hạm hoặc hàng không mẫu hạm nào để làm mục tiêu cho phi cơ địch dội bom. Tôi chỉ thấy loại ca nô nhỏ chạy ngang chạy dọc trong hải cảng vĩ đại để diễn tập. Đây là những chiếc ca nô giống như loại phi cơ Kamikaze. Mỗi chiếc đều chất đầy chất nổ với nhiệm vụ đâm đầu vô chiến hạm địch để cùng hủy diệt. Một lần nữa Nhật Bản phải trả một cái giá rất đắt. Nhưng có bao nhiêu người Nhật lái loại ca nô nhỏ bé này ?

Hải quân cấp cho chúng tôi một căn nhà ba phòng gần phi trường Oppama, ở phía bắc Yokosuka. Đời sống của chúng tôi thiếu thốn mọi bề. Hatsuyo đã xoay sở hết cách trên số thực phẩm yếu kém của chúng tôi. Thức ăn dành cho sĩ quan và binh sĩ không khác gì nhau. Tất cả hợp tác xã và các trung tâm trao đổi độc lập khác trống rỗng hàng hoá từ lâu. Hầu hết các tiệm buôn trong thành phố đều đóng cửa. Mặc dù thoát khỏi các cuộc không tập nghiền nát như đã xảy ra ở các thành phố khác, Yokosuka cũng ảm đạm và suy nhược. Nhiều người có vẻ đói ăn bước nặng nhọc trên đường phố.

Oanh tạc cơ B.29 vẫn tiếp tục đến xứ sở chúng tôi, số lượng đông đảo hơn, mang bom nhiều hơn.

Khắp nước Nhật rung động bởi các cuộc không tập Đông Kinh đã xảy ra vào đêm 10 tháng ba. Hơn 19 dặm vuông của thành phố bị san bằng. Theo tin tức, có hơn 130.000 người thiệt mạng.

Nguyên thủy, Lục Quân lãnh trách nhiệm ngăn chặn các oanh tạc cơ địch, nhưng không bao giờ hoàn tất nhiệm vụ. Hiện tại, trách nhiệm bảo vệ quê hương nằm hoàn toàn trong tay hải quân. Mỗi ngày chiến đấu cơ của chúng tôi đều đụng độ với oanh tạc cơ B.29, và mỗi ngày hiệu năng mỗi giảm đi. Phi công chúng tôi đã tận lực, nhưng tận lực chưa đủ để chống các siêu pháo đài bay. Từ Atsugi gần Yokosuka, các chiến đấu cơ Raiden cất cánh thực hiện nhiều phi vụ nghênh chiến pháo đài bay B.29 với vài kết quả khả quan trong một giai đoạn ngắn. Sau đó, địch quân tung chiến đấu cơ Mustang đông đảo trong các cuộc không kích vào ban ngày. Chiến đấu cơ Raiden bó tay trước những chiếc Mustang vượt trội nhiều mặt. Hầu như mỗi ngày đều có chiến đấu cơ mới của chúng tôi bị cháy, cánh đứt lìa, phi công thiệt mạng.

Trong cuộc tàn sát khủng khiếp này, một phi công sáng chói xuất hiện, một người có khả năng bay siêu việt. Trung úy Teimei Akamatsu, một phi công khác biệt hẳn với các đồng đội, khác biệt có thể nói như đêm với ngày. Một phi công chiến đấu không cần sách vở, một loại anh hùng rơm, ồn ào và luôn luôn vui vẻ. Akamatsu gia nhập hải quân trước tôi gần mười năm, nhưng thăng cấp chậm chạp nếu so với những phi công khác có cùng một thời gian phục vụ. Thật ra, hắn bị giáng cấp nhiều lần, và bị đe dọa cho giải ngũ vì lý do hạnh kiểm. Hắn ta vẫn không cải hoá, nhưng phải công nhận đó là một thiên tài trên không, và do đó, hải quân phải miễn cưỡng xử dụng hắn.

Hạnh kiểm của Akamatsu đã làm cho các sĩ quan thượng cấp của hắn muốn chết giặc. Trong các phi vụ, thay vì chờ đợi và nghe thuyết trình như những người khác, hắn nằm lì trong nhà điểm với một hệ thống thông báo riêng, và thường chạy như giông như gió ra sân bay trong một chiếc xe hơi cũ kỹ, một tay cầm lái, một tay cầm chai rượu. Trên không trung, hắn cũng làm loạn như ở dưới mặt đất, và đó là phi công duy nhất đạt chiến thắng khi đụng độ với cả hai loại chiến đấu cơ Mustang và Hellcat. Với chiến đấu cơ Raiden trong tay, Akamatsu đã bắn rơi có hơn 10 chiếc cả hai loại phi cơ địch được coi là tuyệt hảo này, một chiến công khác khó thể với tới.

Akamatsu chiến đấu liên tục hơn sáu năm ở Trung Hoa, rồi sau đó chiến đấu khắp nơi trong khu vực Thái Bình Dương, và thường thường trở về căn cứ với chiếc phi cơ bị bắn tả tơi, vừa cười vừa la hét vang dội.

Chính Akamatsu cũng không biết hắn đã bắn hạ được bao nhiêu phi cơ tất cả. Khi nhậu say, hắn dấm tay lên bàn và rống lớn rằng mình đã thổi bay xuống đất ít nhất 350 phi cơ Đồng Minh. Hắn không bao giờ khoe khoang như thế khi còn tỉnh táo. Nhiều phi công khác từng chiến đấu với hắn và còn sống sót sau cuộc chiến đã điều chỉnh con số này xuống khoảng 50.

Tôi thường thấy Akamatsu đáp xuống Oppama vì thiếu xăng, không bay về tới Atsugi. Mọi người trên mặt đất lấy làm phấn khởi khi nhìn thấy hắn bước xuống phi cơ, dí mũi của hắn vào mấylỗ đạn, và luôn luôn nhe răng cười. Thấy tôi hắn thét và chĩa nhiều ngón tay lên, cho biết con số phi cơ mà hắn đã hạ trong ngày hôm đó.

Đã hơn một lần Akamatsu cất cánh thực hiện một phi vụ gồm từ năm đến tám chiến đấu cơ, và hắn là phi công duy nhất còn sống sót sau các trận đánh. Các chiến đấu cơ Mustang là những con mồi mà hắn khoái nhất, và hắn tỏ ra kính nể chiến đấu cơ Hoa Kỳ thật lòng.

Akamatsu sống sót sau chiến tranh, hiện thời hắn làm chủ một nhà ăn nhỏ ở Kochi, thành phố sinh quán của hắn trên đảo Shikoku (lúc này là năm 1956, vài năm sau Akamatsu chết vì bệnh ung thư gan).

Căn cứ không quân Oppama là một phi trường thử phi cơ chính. Tôi không có cơ hội để chiến đấu trở lại, vì vị chỉ huy trưởng căn cứ cho rằng kinh nghiệm lâu năm của tôi có ích lợi trong việc thử nghiệm các loại phi cơ mới hơn. Tuy nhiên, tôi biết rằng chiến đấu nữa chỉ là vấn đề của thời gian. Bất kì ai có thể bay được, bất kì phi cơ nào cất cánh được đều sẽ quăng ra để chống lại hạm đội đổ bộ của địch quân.

Vào tháng sáu, tôi được lệnh trình diện căn cứ Nagoya để bay thử loại chiến đấu cơ mới. Đó là chiến đấu cơ Reppu, có tốc lực mau hơn bất kì loại phi cơ nào mà tôi đã từng bay thử trước đây. Với một động cơ cực mạnh và nhiều phương diện khác, có thể nói Reppu vượt xa mọi loại phi cơ của Nhật Bản lẫn Hoa Kỳ, và theo các kỹ sư chế tạo, nó sẽ chiến đấu hữu hiệu đầu ở cao độ 40.000 bộ.

Tuy nhiên, các cơ xưởng Mitsubishi, sản xuất chiến đấu cơ Reppu, biến thành đồng gạch vụn trước khi công việc sản xuất xúc tiến mạnh. Chỉ hoàn tất được 7 chiếc. Sau chiến tranh, phi công Hoa Kỳ có bay thử loại phi cơ này và họ đã tỏ vẻ kinh ngạc với sự nhanh nhẹn của nó.

Trước khi đi Nagoya, Hatsuyo khăng khăng bắt tôi phải hứa mua cho nàng một lưỡi dao găm nhỏ. Thành phố này nổi tiếng là nhờ có dao găm và kiếm tốt. Khi tôi trở về Hatsuyo lặng lẽ ngắm nghía lưỡi dao mà tôi vừa trao, rồi rầm bẻ lưỡi một cách cẩn thận. “Saburo, nó không bén.” Nàng nhìn tôi. “Ngày mai, anh có thể đem con dao đi Oppama mài cho bén hơn không?”

Thái độ trang nghiêm của nàng khiến tôi giật mình. Tôi hỏi: “Em muốn dùng con dao này để làm gì?”

Nàng nắm lấy tay tôi và nhìn thẳng vô mắt tôi. “Anh là đời sống của em, Saburo” nàng dịu dàng nói. “Đối với em, anh là mọi thứ trên quả đất này. Chỉ một việc duy nhất mà em sẽ làm một khi anh chết...”

Nàng không nói thêm nữa, và tôi đã hiểu nàng muốn nói gì. Ngày hôm sau tôi mài lưỡi dao trên một cục đá bùn cho đến khi nó sắc như một lưỡi dao cạo. Đêm đó, Hatsuyo thử lưỡi dao bằng cách cắt nhẹ nhẹ trên giấy lụa. “Tốt lắm rồi,” nàng phê bình, rồi nhét dưới giây lưng kimono của nàng. Chúng tôi không bao giờ bàn lại vấn đề này.

Khắp cả nước Nhật chịu đựng nỗi thống khổ còn hơn sự đau đớn và khủng khiếp của các trận oanh tạc. Quốc gia đã phân tán, các đô thị nằm suy nhược, hoỉ hóp như một bị một bàn chân khổng lồ dẫm lên. Ngày cuối cùng sắp xảy ra, không ai hồ nghi điều này, và cuộc chiến đấu sắp di chuyển đến đất nước của chúng tôi. Không thể nào có chuyện đầu hàng. Chúng tôi sẽ chiến đấu đến người cuối cùng.

Vào ngày 6 tháng tám, các tin tức về một trái bom vĩ đại và khủng khiếp được thả xuống Hiroshima, sau này mới được biết đó là một trái bom nguyên tử, đã khiến cho tất cả các phi công ở Oppama sững sờ.

Rồi đến quả đấm của Nga Sô qua cuộc đổ bộ ở Mãn Châu, hầu như liền tiếp ngay sau trái bom nguyên tử.

Kế nữa là trái bom nguyên tử thứ hai được thả xuống Nagasaki. Đầu óc của tôi mờ mịt trước sự tàn phá không tưởng do người Mỹ gây ra. Tất cả đã vượt quá giới hạn của niềm tin. Tất cả không thể là sự thật, nhưng đó là sự thật.

Lúc 3 giờ trưa ngày 13 tháng tám, tất cả sĩ quan ở căn cứ Oppama được triệu tập vội vã đến tham dự một buổi họp mật trong văn phòng của Chỉ Huy Trưởng. Vị sĩ quan chỉ huy trưởng của chúng tôi có vẻ xanh xao và xúc động. Ông hầu như không thể đứng được nên phải dựa vào bàn giấy. Ông cất tiếng một cách yếu ớt, giọng nói ngập ngừng.

“Những gì tôi muốn nói với các bạn có tầm mức quan trọng tột cùng,” ông bắt đầu, “và tuyệt đối giữ bí mật. Tôi tin cậy vào sự ngay thẳng của các bạn, với tư cách là những sĩ quan của Hải Quân Hoàng Gia, trong việc giữ kín tin tức này một cách nghiêm ngặt.”

“Nhật Bản,” tới đây giọng ông xúc động, “đã quyết định chấp nhận các điều kiện của kẻ thù. Chúng ta sẽ tuân theo tuyên ngôn Postdam.”

Ông nhìn chúng tôi với đôi mắt trống rỗng. “Lệnh đầu hàng có thể được công bố bất cứ lúc nào. Tôi muốn tất cả sĩ quan tận lực hợp tác với tôi. Trật tự phải được duy trì tại căn cứ này. Có thể, những người nóng tánh sẽ từ chối chấp nhận quyết định đầu hàng. Chúng ta không thể nào để cho binh sỹ của chúng ta vi phạm bất cứ tình trạng nào mà quốc gia chúng ta đã chấp nhận. Hãy nhớ, và không bao giờ được quên, rằng mệnh lệnh của Thiên Hoàng là tối thượng.”

Giống như một trái bom nổ giữa chúng tôi, và không một người nào động đậy. Chúng tôi đứng như trời trồng, không thể tin nổi. Chúng tôi biết ngày cuối cùng sẽ đến, nhưng chúng tôi không ngờ nó sẽ đến như thế này. Nhiều người bước chậm chạp trong căn phòng, sững sốt, nhiều người nhìn phía trước hoặc nhìn xuống sàn nhà, ngờ nghệch. Một số la hét, một số khác nguyên rủa.

Tôi không đủ sức suy nghĩ hoặc thốt nên lời. Tôi bước ra ngoài, trong sương mù, băng ngang qua sân bay, mắt nhìn thẳng. Tôi muốn được gần chiếc phi cơ của tôi, và tôi đứng dựa vô chiếc Zero một cách suy nhược.

Một người bạn thân của tôi, thiếu úy Jiro Kawachi, bước đến bên tôi. Trong nhiều phút, chúng tôi đứng lặng yên.

Đã vượt qua rồi.

Chúng tôi đã thua.

Nhật Bản sắp “đầu hàng”.

“Saburo”. Tôi nhìn lên. “Saburo, việc này... việc này đúng là kết thúc rồi,” Kawachi nói. “Chúng ta còn ít thời giờ. Chúng ta nên chiến đấu với nhau một lần nữa. Một cuộc chiến đấu cuối cùng.”

Hắn đưa chân đã phớt trên mặt đất. “Chúng ta không thể nào buông tay như vậy. Chúng ta phải gắng sức, một lần nữa.”

Tôi gật đầu. Hắn nói đúng. Chúng tôi ra lệnh cho nhân viên bảo trì chuyển hai chiếc Zero ra ngoài phi đạo, chuẩn bị cất cánh. Chúng tôi biết các pháo đài bay sẽ đến oanh tạc đêm nay. Thời tiết có vẻ đầy hứa hẹn.

Kawachi và tôi giữ kín kế hoạch, không nói cho phi công nào khác biết. Sau khi kiểm soát hai chiến đấu cơ, chúng tôi đi vô đài kiểm soát và ngồi chờ. Nhiều giờ trôi qua, chúng tôi không nói một tiếng nào. Chúng tôi đang nghĩ ngợi, hình ảnh những năm dài dằng dặc ở Trung Hoa lần lượt hiện đến.

Buổi chiều trôi qua, và chúng tôi vẫn ngồi chờ, hầu như xóa nhoà trong bóng tối. Gần nửa đêm, chiếc loa trên đài kiểm soát vang tiếng: “Báo động! Báo động! Một chiếc B.29 hiện đang bay về phía khu vực Yokosuka – Đông Kinh.”

Chúng tôi nhảy tưng lên, và chạy băng qua phi đạo đến phi cơ. Căn cứ bao trùm trong bóng đêm, không một ánh đèn. Những vì sao lấp lánh trên bầu trời đủ soi đường cho chúng tôi. Chúng tôi bước đến hai chiếc Zero, nhận thấy không phải chúng tôi là hai phi công duy nhất thực hiện phi vụ cuối cùng. Ít nhất cũng có tám chiến đấu cơ khác được xếp thành hàng bên cạnh phi đạo, xăng nhớt và vũ trang đầy đủ.

Ngại với một con mắt sẽ không nhìn rõ trong đêm, tôi yêu cầu Kawachi hướng dẫn tôi rời khỏi mặt đất. Chúng tôi cất cánh lập tức, không nói với nhau một tiếng nào nữa. Chúng tôi biết nếu chần chừ, vị chỉ huy trưởng có thể cản trở chúng tôi. Ngay khi đã lên không, tôi bay sát phi cơ của Kawachi. Tám chiến đấu cơ Zero khác cũng đã cất cánh, bay thành hai hàng phía sau chúng tôi. Chúng tôi vượt thẳng lên, rồi lượn vòng ở cao độ 10.000 bộ trên vịnh Đông Kinh.

Trong nhiều phút, chúng tôi không nhìn thấy phi cơ nào khác trên bầu trời. Bỗng nhiên, súng đại bác của Kawachi lên tiếng, và tôi nhìn ra chiếc oanh tạc cơ to lớn đang bay ở phía Bắc. Tôi vượt lên song song với Kawachi và khai hỏa. Mỗi chúng tôi hiện thời có bốn khẩu đại bác và chúng tôi cần tập trung để chống lại chiếc phi cơ kinh khiếp này. Tôi chưa từng thấy chiếc oanh tạc cơ nào khổng lồ như vậy. Khi vừa xoay vừa bắn đủ một vòng, tôi thấy tám chiến đấu cơ khác ồ ạt xông tới chiếc siêu pháo đài bay. Chúng tôi giống như mấy con muỗi bu quanh một con bò mộng. Làm sao chúng tôi có thể hy vọng hạ được một chiếc phi cơ có kích thước quá sức tưởng tượng như vậy?

Tôi lại lướt đến, và vừa vượt lên vừa rót đạn dưới hông của chiếc B.29. Hỏa lực đáp trả thật khủng khiếp. Những dòng đạn rót từ các pháo tháp to lớn trên chiếc B.29 và tôi cảm thấy chiếc chiến đấu cơ rung mình nhiều lần khi các xạ thủ địch nhắm trúng. Bỗng nhiên chiếc siêu pháo đài bay quay đầu bay về phía Nam. Hiển nhiên, chúng tôi đã gây thương tích cho đối thủ. Hai chúng tôi gia tăng tốc độ khẩn cấp, mở cuộc truy đuổi, bỏ hẳn tám chiến đấu cơ khác lại phía sau.

Kawachi hơi chúi xuống, cắt thẳng vào vòng xoay rộng lớn của chiếc B.29, với tôi bay phía sau. Lần này mục tiêu đã rõ rệt, cả tôi lẫn Kawachi đều ấn cò súng và nhìn theo những vệt đạn soi thủng vô cửa kính dọc theo mũi của chiếc oanh tạc cơ. Bỗng nhiên tốc độ của phi cơ địch khựng lại và chúi xuống. Chúng tôi xoay lại và rót đạn đại bác theo chiếc phi cơ què quặt.

Chiếc oanh tạc cơ khổng lồ chúi xuống thật ma mị nhưng không nhìn thấy khói và lửa bốc ra. Nó không có vẻ gì bị hư hạ, nhưng vẫn tiếp tục mất độ cao một cách nhanh chóng, mũi hướng xuống mặt biển. Tôi cứ bay chúi theo sau đối thủ. Đảo Oshima hình linh xuất hiện hình linh xuất hiện trong đêm tối. Chúng tôi đang ở cách phía nam Yokosuka 50 dặm.

Chúng tôi lấy thẳng bằng và vượt lên cao độ 1.500 bộ. Một ngọn núi lửa trên hòn đảo nổi khỏi mặt nước 1.000 bộ. Chúng tôi không dám liều lĩnh thêm vì ngại đụng chạm trong đêm tối, nhưng tôi có thể nhìn thấy chiếc oanh tạc cơ rơi xuống khá rõ ràng. Một cột nước trắng xóa nổi bật trên mặt biển, cách bờ biển phía nam Oshima nhiều dặm. Không đầy một phút, chiếc B.29 biến mất.

Trở về phi trường, chúng tôi đối diện với cơn thịnh nộ của vị chỉ huy trưởng, nhưng sau đó ông đã dần xuống. “Tôi không trách các anh được,” ông nói “nhưng chúng ta không thể để cho những gì xảy ra đêm nay tái diễn nữa. Từ bây giờ về sau, tất cả phi cơ đều phải ở trên mặt đất.”

Ông cho tôi biết ở phi trường Atsugi đang xảy ra những vụ bạo động dữ dội, gần như là một cuộc nổi loạn. Đó là căn cứ chiến đấu cơ Raiden, đơn vị của trung úy Akamatsu. Nhóm phi công ở đây không chấp nhận ý kiến đầu hàng, và họ định đưa tất cả phi cơ của họ lên không. Họ mất trí, bất chấp các sĩ quan, nhứt quyết không đầu hàng và sẽ chiến đấu cho đến hơi thở cuối cùng. Lực lượng tăng viện được đưa đến để dập tắt cuộc nổi loạn, và trật tự chỉ được vẫn hồi sau khi cuộc đầu hàng được công bố nhiều ngày.

Sự hủy diệt của chiếc oanh tạc cơ địch được giữ bí mật nhiều năm, và không có hồ sơ nào ghi lại chuyến bay đêm đó của chúng tôi. Và dĩ nhiên, không có phi công nào tự nhận đã hạ được chiếc B.29. Đây là tiết lộ đầu tiên của tôi liên quan đến trận không chiến cuối cùng này. Chúng tôi không mấy may cảm thấy vui mừng lúc hạ được chiếc oanh tạc cơ ghê gớm đó. Lúc ấy không có việc gì đáng lưu tâm ngoại trừ việc chúng tôi sắp sửa giao nộp xứ sở, dân chúng tôi cho kẻ thù.

Nhiều binh sĩ khác đã lộ vẻ sững sốt, nếu không nói là xúc động, khi buổi bình minh lịch sử của ngày 15 tháng tám năm 1945 hiện đến. Chiến tranh đã kết thúc. Trong mọi văn phòng, các sĩ quan cao cấp thiêu hủy hồ sơ và tài liệu. Binh sĩ đi vòng quanh, ngồi trên nền nhà hoặc trên mặt đất phía bên ngoài, như ngầy như dại.

Đúng trưa hôm đó, chúng tôi nghe Thiên Hoàng đích thân ban lệnh đầu hàng xuống các lực lượng võ trang Nhật Bản. Hai ngàn quân dân các cấp ở căn cứ Oppama đứng nghiêm chỉnh trên phi trường. Hầu hết chúng tôi chưa bao giờ được nghe tiếng nói của Thiên Hoàng. Nhiều người đã bật khóc.

Bỗng nhiên tôi nhớ đến Hatsuyo! Nàng sẽ nghĩ gì? Nếu nàng nghe được tiếng nói được truyền thanh của Thiên Hoàng, nàng sẽ nghĩ rằng tôi đã chết và...

Tôi không nghe thêm nữa, tôi chạy khỏi chỗ đứng. Không có một chiếc xe hơi nào. Tôi chụp ngay một chiếc xe đạp và đạp như giông như gió về ngôi nhà nhỏ bé của tôi. Chỉ trong một vài phút tôi về đến nơi. Tôi nhảy khỏi xe đạp ngay trước khi nó ngừng lại. Tôi tung cửa la gọi Hatsuyo. Nàng chạy ra khỏi phòng và nhào vô đôi tay tôi. Chúng tôi ghì chặt nhau trong nhiều phút, không thể thốt nên lời.

Cuối cùng, nàng ngước đầu lên. “Có phải đúng là anh không, Saburo?” Nàng thì thầm. Tôi gật đầu.

“Ô! Anh yêu,” nàng kêu lên. “Khi em nghe, em đã khóc như một đứa trẻ. Có thật chấm dứt rồi không? Đánh nhau... những trận bom, tất cả không còn nữa?”

Tôi gật đầu nhẹ nhàng.

“Em không cần biết cái gì đã xảy ra, Saburo. Em không chú ý! Anh yêu, anh đã thắng tất cả các trận đánh của anh, cho dù Nhật Bản đã thua”.

Một ánh sáng bừng lên trong đôi mắt của nàng khi nàng nhìn tôi. “Anh, anh sẽ không bao giờ chiến đấu lại nữa!” nàng thì thầm. “Hiện thời tất cả đã vượt qua hết rồi! Không bao giờ, không bao giờ!”

Bỗng nhiên nàng lùi lại và rút con dao găm dưới giầy lưng.

“Em sẽ không bao giờ cần tới thứ này nữa!” nàng vừa kêu lên vừa liệng con dao xuống nền nhà.

Con dao găm lặn long lốc ngang qua nền phòng và ngừng lại trong một góc.

Cuộc đời của viên phi công đại tài của Nhật Bản trong Thế Chiến Thứ II đã kết thúc một cách bình thản vào ngày 21 tháng Chín năm 2000, do một cơn đau tim trong một buổi trò chuyện với một sỹ quan cao cấp của Hải Quân Mỹ, ông thọ 84 tuổi. Đám tang của ông được cử hành long trọng ở căn cứ hải quân Atsugi.

HẾT

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>